

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ
VIỆN CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN

TRẦN QUYẾT CHIẾN

HIỆU QUẢ SỬ DỤNG ĐẤT NÔNG NGHIỆP
TỈNH PHÚ THỌ

LUẬN ÁN TIẾN SĨ KINH TẾ

HÀ NỘI- 2020

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ
VIỆN CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN

TRẦN QUYẾT CHIẾN

HIỆU QUẢ SỬ DỤNG ĐẤT NÔNG NGHIỆP
TỈNH PHÚ THỌ

Chuyên ngành : Kinh tế phát triển

Mã số : 9310105

LUẬN ÁN TIẾN SĨ KINH TẾ

NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC:

- 1. GS. TS. NGÔ THẮNG LỢI**
- 2. TS. CAO NGỌC LÂN**

HÀ NỘI-2020

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan rằng luận án là công trình nghiên cứu của cá nhân tôi.

Các nhận định và kết luận trong luận án này là của riêng tôi, chưa được công bố tại các công trình nghiên cứu khoa học khác.

Tác giả

Trần Quyết Chiến

LỜI CẢM ƠN

Trong quá trình nghiên cứu và hoàn thiện luận án, tác giả đã nhận được sự giúp đỡ tận tình của các tổ chức và cá nhân. Từ đáy lòng mình, tôi trân trọng biết ơn những giúp đỡ chân tình và quý báu của họ. Trước hết, tôi xin bày tỏ lòng biết ơn sâu sắc đến hai thầy hướng dẫn khoa học: GS.TS. Ngô Thắng Lợi và TS. Cao Ngọc Lân đã trực tiếp hướng dẫn và giúp đỡ tôi trong suốt quá trình nghiên cứu, hoàn thành luận án.

Tôi xin trân trọng cảm ơn lãnh đạo và các thầy cô của Viện Chiến lược phát triển, đã tận tình giúp đỡ tôi trong quá trình học tập, nghiên cứu và hoàn thiện luận án. Tôi xin gửi lời cảm ơn đến Bộ Giáo dục và Đào tạo đã hướng dẫn, tạo điều kiện cho các nghiên cứu sinh hoàn thành tốt luận án tiến sĩ.

Tôi xin trân trọng cảm ơn lãnh đạo và đồng nghiệp thuộc Sở Ngoại Vụ và các Sở ban ngành của tỉnh Phú Thọ đã ủng hộ, giúp đỡ, tạo điều kiện cho tôi học tập, nghiên cứu và hoàn thành luận án.

Tôi xin chân thành cảm ơn gia đình, người thân, bạn bè và đồng nghiệp ở trung ương và địa phương đã động viên, giúp đỡ, chia sẻ và tạo mọi điều kiện thuận lợi để tôi hoàn thành luận án của mình.

Do thời gian cũng như kiến thức có hạn, đề tài khó tránh khỏi những hạn chế và thiếu sót, vì vậy tôi rất mong được sự đóng góp của bạn đọc.

Tôi xin chân thành cảm ơn.

Tác giả

Trần Quyết Chiến

MỤC LỤC

LỜI CAM ĐOAN	i
LỜI CẢM ƠN	ii
DANH MỤC BIỂU	vi
DANH MỤC HÌNH.....	viii
DANH MỤC CHỮ VIẾT TẮT.....	ix
PHẦN MỞ ĐẦU	1
1. Lý do chọn đề tài.....	1
2. Mục tiêu và nhiệm vụ nghiên cứu	2
2.1. Mục tiêu nghiên cứu	2
2.2. Nhiệm vụ (hay nội dung) nghiên cứu chủ yếu	2
3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu	3
3.1. Đối tượng nghiên cứu.....	3
3.2. Phạm vi nghiên cứu	3
4. Khung nghiên cứu.....	4
5. Phương pháp tiếp cận và nghiên cứu.....	4
5.1. Phương pháp tiếp cận	4
5.2. Phương pháp nghiên cứu	5
6. Những đóng góp mới của luận án	6
7. Kết cấu của luận án	6
CHƯƠNG 1 TỔNG QUAN CÁC CÔNG TRÌNH KHOA HỌC CÓ LIÊN QUAN ĐẾN HIỆU QUẢ SỬ DỤNG ĐẤT NÔNG NGHIỆP	8
1. Tổng quan về nông nghiệp và hiệu quả phát triển nông nghiệp.....	8
1.1. Nông nghiệp	8
1.2. Hiệu quả phát triển nông nghiệp	12
2. Tổng quan về đất nông nghiệp và hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp	20
2.1. Về đất nông nghiệp	20
2.2. Về hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp	25
Tiểu kết Chương 1.....	35

CHƯƠNG 2 CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ HIỆU QUẢ SỬ DỤNG ĐẤT NÔNG NGHIỆP TRÊN ĐỊA BÀN CẤP TỈNH VÀ KINH NGHIỆM THỰC TIỄN	37
2.1. Cơ sở lý luận về hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp	37
2.1.1. Hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp	37
2.1.2. Yếu tố ảnh hưởng tới hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp	50
2.1.3. Đánh giá hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp	62
2.2. Kinh nghiệm thực tiễn	69
2.2.1. Kinh nghiệm sử dụng đất nông nghiệp theo hướng nâng cao hiệu quả ở Việt Nam.....	69
2.2.2. Kinh nghiệm sử dụng đất nông nghiệp ở một số quốc gia trên thế giới	70
2.2.3. Một số bài học rút ra cho việc nâng cao hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp của Phú Thọ.....	72
Tiểu kết Chương 2.....	72
CHƯƠNG 3 THỰC TRẠNG HIỆU QUẢ SỬ DỤNG ĐẤT NÔNG NGHIỆP TỈNH PHÚ THỌ TRONG GIAI ĐOẠN 2011 - 2018	74
3.1. Đánh giá khái quát các yếu tố ảnh hưởng đến hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp và phát triển nông nghiệp của tỉnh Phú Thọ trong thời gian vừa qua.....	74
3.1.1. Những yếu tố thuận lợi	74
3.1.2. Những khó khăn chủ yếu đối với sản xuất nông nghiệp của tỉnh Phú Thọ	77
3.2. Khái quát tình hình phát triển nông nghiệp giai đoạn 2011-2018	78
3.2.1. Tình hình phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Phú Thọ.....	78
3.2.2. Thực trạng phát triển nông nghiệp của tỉnh Phú Thọ	79
3.3. Thực trạng hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp của tỉnh Phú Thọ	87
3.3.1. Tình hình sử dụng đất nông nghiệp trong giai đoạn 2011-2018.....	87
3.3.2. Thực trạng hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp của tỉnh Phú Thọ giai đoạn 2011-2018.....	92
3.3.3. Nguyên nhân của những thành công, hạn chế trong việc sử dụng đất nông nghiệp có hiệu quả thấp ở tỉnh Phú Thọ	98
Tiểu kết Chương 3.....	110

CHƯƠNG 4 GIẢI PHÁP NÂNG CAO HIỆU QUẢ SỬ DỤNG ĐẤT NÔNG NGHIỆP TỈNH PHÚ THỌ ĐẾN NĂM 2030.....	112
4.1. Căn cứ để xác định giải pháp nâng cao hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp của tỉnh Phú Thọ đến năm 2030	112
4.1.1. Bối cảnh ảnh hưởng tới hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp của tỉnh Phú Thọ	112
4.1.2. Định hướng phát triển nông nghiệp đến 2030.....	114
4.1.3. Định hướng lựa chọn đối tác chiến lược để hợp tác phát triển nông nghiệp hàng hóa tỉnh Phú Thọ	126
4.2. Một số giải pháp nâng cao hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp tỉnh Phú Thọ....	127
4.2.1. Giải pháp số 1: Nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước đối với đất nông nghiệp và phát triển nông nghiệp.....	127
4.2.2. Giải pháp số 2: Đổi mới cơ cấu sử dụng đất nông nghiệp.....	132
4.2.3. Giải pháp số 3: Phát triển các hình thức tổ chức sản xuất nông nghiệp tiên tiến.....	137
4.2.4. Giải pháp số 4: Gia tăng quy mô và đổi mới cơ cấu đầu tư phát triển nông nghiệp.....	142
4.2.5. Giải pháp số 5: Nâng cao chất lượng nhân lực trong lĩnh vực sản xuất nông nghiệp.....	143
4.3. Đánh giá khả năng hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp của tỉnh Phú Thọ đến năm 2030.....	144
Tiểu kết Chương 4.....	144
KẾT LUẬN	147
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO.....	150
PHỤ LỤC.....	1

DANH MỤC BIỂU

Biểu 1.1: Đặc điểm của hệ sinh thái tự nhiên và của hệ sinh thái nông nghiệp	10
Biểu 1.2: Một số chỉ tiêu hiệu quả đối với sản xuất kinh doanh cây bưởi và cây chè của hộ nông dân ở tỉnh Yên Bái	13
Biểu 1.3: Hiệu quả phát triển một số mô hình nông lâm kết hợp ở huyện Võ Nhai tỉnh Thái Nguyên	17
Biểu 3.1: Dân số tỉnh Phú Thọ	74
Biểu 3.2: Cơ cấu kinh tế của Phú Thọ trong giai đoạn 2011 – 2018	79
Biểu 3.3: GRDP tỉnh Phú Thọ	79
Biểu 3.4: Cơ cấu nông nghiệp tỉnh Phú Thọ	81
Biểu 3.5: Đóng góp của các ngành vào tăng trưởng kinh tế của tỉnh Phú Thọ	82
Biểu 3.6: Năng suất trồng trọt	82
Biểu 3.7: Chăn nuôi của Phú Thọ	83
Biểu 3.8: Sản phẩm nông nghiệp chủ yếu của Phú Thọ	84
Biểu 3.9: Một số chỉ tiêu về phát triển nông nghiệp	86
Biểu 3.10: Một số chỉ tiêu bình quân nhân khẩu nông nghiệp	87
Biểu 3.11: Đất nông nghiệp của tỉnh Phú Thọ	88
Biểu 3.12: Đất cây hàng năm của tỉnh Phú Thọ	89
Biểu 3.13: Đất cây lâu năm của tỉnh Phú Thọ	90
Biểu 3.14: Đất cây ăn quả của tỉnh Phú Thọ	90
Biểu 3.15: Đất cây công nghiệp lâu năm của tỉnh Phú Thọ	91
Biểu 3.16: Hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp xét theo loại đất*	93
Biểu 3.17: Hiệu quả sử dụng đất xét theo loại cây trồng*	94
Biểu 3.18: So sánh một số chỉ tiêu về hiệu quả phát triển nông nghiệp của Phú Thọ với của cả nước, năm 2018*	95
Biểu 3.19: Một số chỉ tiêu hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp tỉnh Phú Thọ giai đoạn 2011-2018 (giá 2010)	96
Biểu 3.20: Biến động tỷ trọng các phân ngành trong sản xuất nông nghiệp của tỉnh Phú Thọ ở giai đoạn 2011-2018	105

Biểu 3.21: Một số chỉ tiêu về nông sản hàng hóa của Phú Thọ.....	106
Biểu 3.22: Đầu tư phát triển nông nghiệp tỉnh Phú Thọ.....	107
Biểu 3.23: Cơ cấu lao động và tỷ trọng lao động nông nghiệp qua đào tạo.....	109
Biểu 3.24: Chỉ tiêu về phát triển trang trại của Phú Thọ năm 2018.....	110
Biểu 4.1: Dự báo dân số tỉnh Phú Thọ.....	112
Biểu 4.2: Dự báo nhu cầu nông sản cho người dân tại địa phương	113
Biểu 4.3: Tổng hợp nhu cầu nông sản đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Phú Thọ.....	113
Biểu 4.4: Tổng hợp so sánh điểm mạnh, điểm hạn chế của Phú Thọ đối với một số địa phương trong lĩnh vực sản xuất nông nghiệp, năm 2018	116
Biểu 4.5: So sánh khả năng cạnh tranh tiêu thụ nông sản giữa Phú Thọ với các tỉnh ở thị trường Hà Nội.....	117
Biểu 4.6: Dự báo một số mục tiêu phát triển nông nghiệp đến 2030 của tỉnh Phú Thọ	117
Biểu 4.7: Phân loại đất theo mức độ thích hợp đối với phát triển cây trồng.....	118
Biểu 4.8: Dự báo cơ cấu GTGT nông nghiệp tỉnh Phú Thọ.....	120
Biểu 4.9: Dự báo sản phẩm nông nghiệp chủ yếu của Phú Thọ	121
Biểu 4.10: Dự kiến tiến trình đổi mới giống cây trồng, vật nuôi trên địa bàn tỉnh Phú Thọ.....	122
Biểu 4.11: Dự báo năng suất sinh học một số cây trồng chính trên địa bàn Phú Thọ	124
Biểu 4.12: Dự báo chăn nuôi của Phú Thọ	125
Biểu 4.13: Dự báo con vật nuôi hàng hóa chủ yếu ở tỉnh Phú Thọ	125
Biểu 4.14: Đóng góp của ngành nông nghiệp vào tăng trưởng kinh tế của tỉnh Phú Thọ	126
Biểu 4.17: Dự kiến đối tác đầu tư để phát triển nông nghiệp ở tỉnh Phú Thọ.....	127
Biểu 4.18: Dự báo cơ cấu sử dụng đất nông nghiệp của tỉnh Phú Thọ.....	133
Biểu 4.19: Dự báo đất cây hàng năm của tỉnh Phú Thọ	135
Biểu 4.20: Dự báo đất cây lâu năm của tỉnh Phú Thọ	135
Biểu 4.21: Dự báo đất cây ăn quả của tỉnh Phú Thọ	136
Biểu 4.22: Dự báo một số chỉ tiêu bình quân nhân khẩu nông nghiệp	137

Biểu 4.15: Các chủ thể tham gia chuỗi giá trị sản xuất nông nghiệp	138
Biểu 4.16: Dự báo một số vùng sản xuất tập trung gắn với công nghiệp chế biến	139
Biểu 4.23: Dự báo vốn đầu tư phát triển nông nghiệp	142
của tỉnh Phú Thọ giai đoạn 2018-2030.....	142
Biểu 4.24: Dự báo cơ cấu huy động vốn đầu tư để phát triển nông nghiệp	143
của tỉnh Phú Thọ giai đoạn 2019-2030.....	143
Biểu 4.25: Dự báo lao động nông nghiệp qua đào tạo của tỉnh Phú Thọ.....	144
Biểu 4.26: Dự báo một số chỉ tiêu hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp.....	145
tỉnh Phú Thọ ở giai đoạn 2019-2030 (giá 2010)	145
Biểu 4.27: Hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp xét theo loại đất trồng trọt.....	146

DANH MỤC HÌNH

Hình 1: Khung nghiên cứu của luận án	4
Hình 2.1: Sơ đồ lý thuyết đổi mới cơ cấu sử dụng đất nông nghiệp qua các giai đoạn	42
Hình 2.2: Sơ đồ hóa hàm ý hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp	48
Hình 2.3: Hiệu quả phát triển nông nghiệp và cấu thành của nó	50
Hình 3.1: Tỷ trọng GTGT nông nghiệp của Phú Thọ trong giai đoạn 2011 - 2018	80
Hình 3.2: Cơ cấu ngành nông nghiệp tỉnh Phú Thọ năm 2018.....	81
Hình 3.3: Năng suất các loại cây trồng chủ yếu của tỉnh Phú Thọ năm 2018.....	83
Hình 3.4: Cơ cấu lao động nông nghiệp của tỉnh Phú Thọ giai đoạn 2011 - 2018.....	108
Hình 4.1: Chuỗi giá trị sản xuất nông nghiệp ứng dụng ở tỉnh Phú Thọ	138

DANH MỤC CHỮ VIẾT TẮT

Từ viết tắt	Nghĩa tiếng Việt
CNH, HDH	Công nghiệp hóa, hiện đại hóa
CPSX	Chi phí sản xuất
CCN	Cụm công nghiệp
GO	Tổng giá trị sản xuất
GTGT	Giá trị gia tăng
GTXK	Giá trị xuất khẩu
GTSX	Giá trị sản xuất
GTSL	Giá trị sản lượng
GRDP	Tổng sản phẩm nội địa tính
GTHHNS	Giá trị hàng hóa nông sản
KCN	Khu công nghiệp
HTX	Hợp tác xã
HTXNN	Hợp tác xã nông nghiệp
NKNN	Nhân khẩu nông nghiệp
NN	Nông nghiệp
NS	Năng suất
FDI	Đầu tư trực tiếp nước ngoài
TT	Thị trường
TDMN	Trung du miền núi
TDMNBB	Trung du miền núi Bắc Bộ
Tp	Thành phố
PCI	Năng lực cạnh tranh cấp tỉnh
PAPI	Hiệu quả quản trị công và hành chính công
SWOT	Mô hình phân tích điểm mạnh, điểm yếu, cơ hội và thách thức
EU	Liên minh Châu Âu
VCCI	Phòng công nghiệp và thương mại Việt Nam

PHẦN MỞ ĐẦU

1. Lý do chọn đề tài

Hiện nay, còn nhiều vấn đề về lý luận xung quanh hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp cần được làm sáng tỏ. Nhiều vấn đề về đất nông nghiệp, đánh giá hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp ở Việt Nam còn chưa được thực sự rõ ràng. Tuy đã có sự thống nhất tương đối hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp là một trong những bộ phận hợp thành hiệu quả phát triển nông nghiệp nhưng cụ thể hiệu về vấn đề này ra sao, nội hàm như thế nào và đánh giá hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp bằng những chỉ tiêu gì... thì vẫn chưa được nghiên cứu thỏa đáng rõ ràng.

Trên phạm vi quốc gia, việc sử dụng đất nông nghiệp sao cho có hiệu quả và bền vững cũng đang gặp phải nhiều vấn đề vướng mắc. Ở đồng bằng sông Cửu Long đất nào dành cho trồng lúa và nên dành cho trồng lúa bao nhiêu là vừa, đất nào dành cho trồng cây ăn trái, đất nào dành cho trồng mía, đất nào dành cho nuôi tôm... mới đem lại hiệu quả hoặc như ở vùng Tây Nguyên, dành bao nhiêu diện tích để trồng cây cao su, cây cà phê là hợp lý.... Việc sử dụng hiệu quả khoảng hơn 10 triệu ha đất nông nghiệp đối với Việt Nam đang đặt ra nhiều vấn đề tổng thể cần giải quyết nhưng chưa có công trình khoa học, cũng như chưa có luận án tiến sĩ nào nghiên cứu một cách đầy đủ, hệ thống toàn diện về chủ đề này.

Thực tiễn ở Phú Thọ đang cần nghiên cứu hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp. GRDP/người đầu người của toàn tỉnh mới chỉ bằng khoảng 78% so mức trung bình của cả nước. Công nghiệp và dịch vụ chiếm khoảng 72-73% tổng GRDP của tỉnh (trong khi chỉ số này của cả nước vào khoảng 84%) nhưng chủ yếu tập trung ở khu vực ven đô và ven đường giao thông còn tại khu vực nông thôn chưa phát triển. GRDP/người của khu vực nông thôn chỉ bằng khoảng 55% mức trung bình của toàn tỉnh. Vậy làm thế nào để nâng cao GRDP/người của tỉnh trong quá trình thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa (CNH, HĐH) và đặc biệt là làm thế nào để gia tăng GRDP/người ở khu vực nông thôn, nông nghiệp đang là vấn đề rất được quan tâm đối với tỉnh Phú Thọ. Song cho tới nay, ở Phú Thọ vẫn chưa có lời giải đáp cho câu hỏi

đó. Trên địa bàn tỉnh Phú Thọ, dân số sống ở nông thôn chiếm tới khoảng 80% dân số của tỉnh, trong đó có tới khoảng 87-88% nhân khẩu nông nghiệp. Số dân nông nghiệp sống chủ yếu bằng sản xuất nông nghiệp (nhưng GRDP nông nghiệp chỉ chiếm khoảng 28-29% tổng GRDP toàn tỉnh) mà chủ yếu cũng nhờ trồng trọt (giá trị trồng trọt chiếm khoảng 75% sản lượng nông nghiệp). Đời sống của người nông dân cũng đang còn có nhiều khó khăn (còn khoảng 7% người nghèo, cận nghèo là một trong những tỉnh có tỷ lệ người nghèo khá cao trong cả nước). Một trong những nguyên nhân cơ bản của tình hình đó là việc sử dụng đất nông nghiệp hiện nay đạt hiệu quả thấp. Điều đó càng thôi thúc phải tìm cách sử dụng hiệu quả quỹ đất nông nghiệp của tỉnh, nhưng làm thế nào để nâng cao hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp của Phú Thọ lại là câu hỏi đang chưa được nghiên cứu làm sáng tỏ. Là người Phú Thọ, tác giả luận án rất quan tâm tới vấn đề này. Nếu nghiên cứu thành công vấn đề nâng cao hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp ở tỉnh Phú Thọ sẽ là tài liệu tham khảo hữu ích không chỉ cho tỉnh Phú Thọ mà còn cho các tỉnh miền núi ở phía Bắc và các tỉnh khác trong cả nước. Đồng thời, còn cung cấp tài liệu tham khảo cho các cơ quan nghiên cứu phát triển và cho các cơ sở đào tạo bậc đại học về lĩnh vực phát triển nông nghiệp ở Việt Nam.

Trước tình hình như vậy, tác giả chọn vấn đề **“Hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp tỉnh Phú Thọ”** làm đề tài luận án tiến sĩ chuyên ngành Kinh tế phát triển.

2. Mục tiêu và nhiệm vụ nghiên cứu

2.1. Mục tiêu nghiên cứu

Luận án hướng tới mục tiêu là đề xuất giải pháp nâng cao hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp ở tỉnh Phú Thọ một cách có căn cứ khoa học, góp phần làm rõ những vấn đề lý luận cơ bản về hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp trong bối cảnh Việt Nam.

2.2. Nhiệm vụ (hay nội dung) nghiên cứu chủ yếu

Để đạt được mục tiêu đề ra, luận án tập trung hoàn thành những nhiệm vụ nghiên cứu khoa học cơ bản dưới đây:

(1). Xây dựng cơ sở lý luận và đúc rút kinh nghiệm thực tiễn về hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp để vận dụng vào việc nghiên cứu vấn đề này ở Việt Nam.

Để hoàn thành nhiệm vụ đó tác giả luận án sẽ tiến hành tổng quan các công trình khoa học đã công bố và có liên quan đến yêu cầu xây dựng cơ sở lý luận và phân tích thực tiễn về hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp ở một tỉnh trong điều kiện tổng thể của Việt Nam.

(2). Đánh giá thực trạng hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp ở tỉnh Phú Thọ trong giai đoạn **2011 - 2018** để phát hiện mặt được, mặt chưa được và nguyên nhân của những hạn chế, yếu kém.

(3). Đề xuất giải pháp nâng cao hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp ở Phú Thọ tới năm 2030.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

3.1. Đối tượng nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu là hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp ở Phú Thọ, cụ thể là nghiên cứu đất nông nghiệp và hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp của tỉnh đặt trong mối quan hệ với hiệu quả phát triển nông nghiệp.

3.2. Phạm vi nghiên cứu

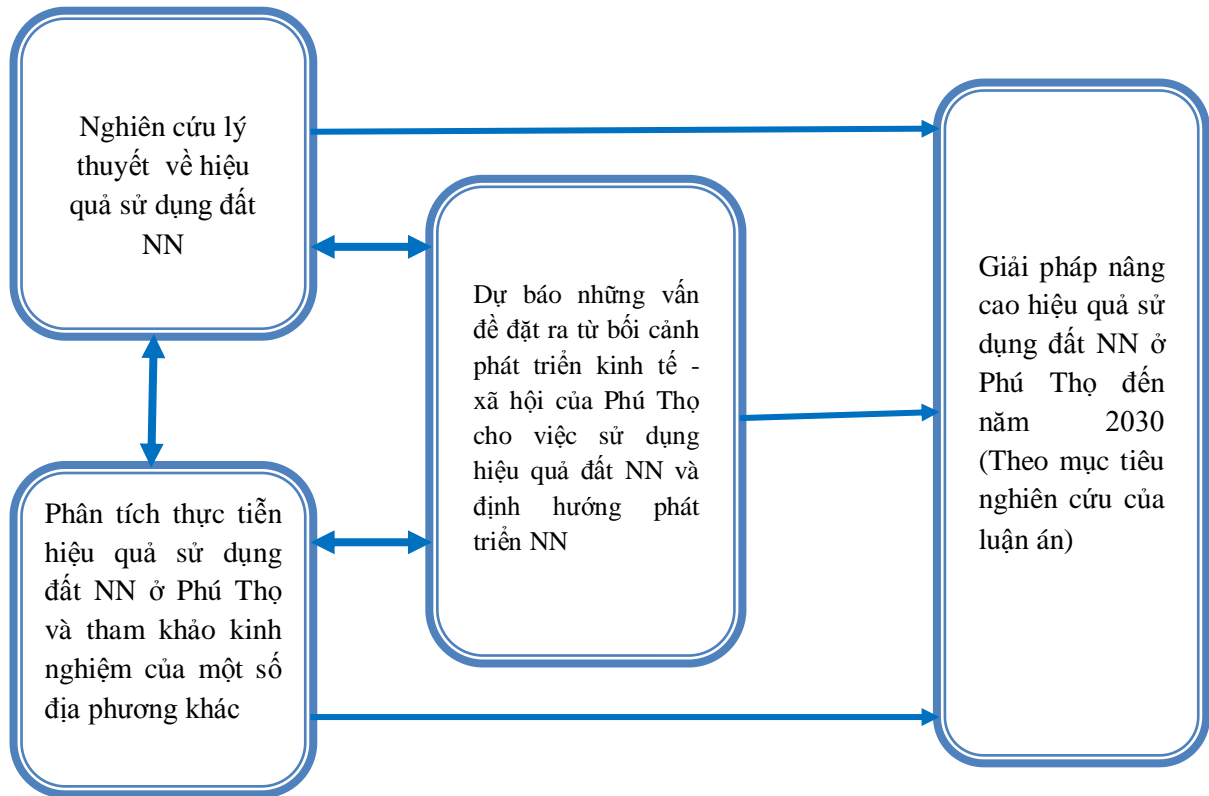
a). Về mặt khoa học: Nghiên cứu cả lý thuyết và thực tiễn, cả hiện trạng và tương lai hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp; làm rõ một số vấn đề lý luận như quan niệm, nội hàm của hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp, các yếu tố ảnh hưởng tới hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp và chỉ tiêu đánh giá hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp. Đồng thời, xác định rõ thực trạng, định hướng sử dụng đất nông nghiệp, hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp ở Phú Thọ; rồi từ đó kiến nghị giải pháp nâng cao hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp đến năm 2030 của tỉnh Phú Thọ.

b). Về mặt thời gian: Hiện trạng nghiên cứu từ năm 2010 đến năm 2018 và dự báo tới năm 2030. Việc dự báo cho giai đoạn 12 năm (2019 -2030) là cần thiết. Vì theo lý thuyết chu kỳ sinh học của các giống cây trồng có thời gian khoảng 7 - 8 năm. Sau 7 - 8 năm nếu không có biện pháp chăm sóc tốt thì các giống cây trồng có thể rơi vào tình trạng thoái hóa. Khi nhập giống tốt cũng phải mất 2-3 năm mới ổn định phát triển. Nếu phát huy tốt sau đó khoảng 5 - 7 năm thì thời gian cũng cần khoảng 10 - 12 năm để phát huy tốt nhất năng suất sinh học có thể đạt được.

c). *Về mặt không gian*: Địa bàn tỉnh Phú Thọ và vùng phát triển nông nghiệp (có thể đó là vùng chuyên môn hóa và vùng nguyên liệu tập trung).

4. Khung nghiên cứu

Khung nghiên cứu của luận án được tác giả thể hiện ở Hình 1. Bắt đầu từ nghiên cứu lý thuyết về hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp, xem xét kinh nghiệm nâng cao hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp ở một số nơi có điều kiện tương đồng, rồi tiến hành phân tích, đánh giá thực trạng hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp ở tỉnh Phú Thọ để có căn cứ đề xuất giải pháp nâng cao hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp ở tỉnh trong những năm tới. Đây cũng chính là quy trình nghiên cứu đối với luận án.



Hình 1: Khung nghiên cứu của luận án

Nguồn: Tác giả

5. Phương pháp tiếp cận và nghiên cứu

5.1. Phương pháp tiếp cận

Tư tưởng xuyên suốt là tiếp cận hệ thống đối với việc nghiên cứu hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp với những điểm cơ bản và cụ thể là:

+ Tiếp cận từ lý luận tới thực tiễn: Từ việc làm rõ những vấn đề lý luận cần thiết rồi căn cứ vào đó để phân tích, xác định rõ thực trạng hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp ở tỉnh Phú Thọ và đề xuất giải pháp nâng cao hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp ở một địa phương.

+ Tiếp cận liên ngành liên vùng: Đặt trong mối quan hệ liên ngành liên vùng để nghiên cứu hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp ở tỉnh Phú Thọ. Một cây trồng có liên quan tới các cây trồng khác, nuôi một con vật có liên quan đến con vật khác; đồng thời nó có thể phát triển ở nhiều xã hay nhiều huyện nên phải xem xét nó trong mối quan hệ liên ngành, liên vùng.

+ Tiếp cận vấn đề nghiên cứu theo nguyên lý nhân - quả. Mỗi kết quả có nguyên nhân xác định hay nguyên nhân nào có kết quả đó. Hiệu quả cao hay thấp cũng có nguyên nhân của nó. Hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp do cách thức sử dụng đất nông nghiệp (cơ cấu sử dụng đất nông nghiệp và cách thức khai thác đất nông nghiệp cũng như do đầu tư phát triển nông nghiệp trên diện tích đất nông nghiệp ấy).

5.2. Phương pháp nghiên cứu

Để hoàn thành luận án, tác giả sử dụng một số phương pháp sau:

+ Phương pháp phân tích hệ thống: Coi đất nông nghiệp cũng như sản xuất nông nghiệp là một hệ thống. Luận án xem đất nông nghiệp là một trong những tư liệu sản xuất nông nghiệp nhưng là tư liệu sản xuất chủ yếu không thể thay thế được. Hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp cũng là một hệ thống. Ảnh hưởng tới hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp cũng là một hệ thống phức tạp.

+ Phương pháp phân tích thống kê kết hợp việc sử dụng đồ thị, biểu đồ, bản đồ: Sử dụng để minh họa trong quá trình phân tích: Sử dụng phương pháp này để phân tích thực trạng: phát triển nông nghiệp, biến động đất nông nghiệp, hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp ở tỉnh Phú Thọ trong giai đoạn vừa qua để xây dựng số liệu phục vụ phân tích ngoại suy đến năm 2030.

+ Phương pháp so sánh: Sử dụng để so sánh hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp qua các năm và trong trường hợp cho phép tiến hành so sánh với tỉnh khác. Khi nghiên

cứu các yếu tố ảnh hưởng tới hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp cũng sẽ được so sánh để xác định thứ tự quan trọng của từng yếu tố.

+ Phương pháp chuyên gia: Sử dụng để thu thập thêm thông tin và có thêm ý kiến để thẩm định các kết quả nghiên cứu của tác giả.

+ Phương pháp phân tích chính sách: Sử dụng để phân tích tác động của chính sách đã và đang thực hiện cũng như để phân tích lợi hại khi đưa ra chính sách mới.

+ Phương pháp dự báo: sử dụng để dự báo các định hướng phát triển và khung giải pháp nâng cao hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp tới năm 2030.

+ Phương pháp phân tích theo mô hình SWOT: Sử dụng để xác định điểm mạnh, điểm yếu, cơ hội, thách thức đối với việc sử dụng đất nông nghiệp ở tỉnh Phú Thọ. Sử dụng phương pháp này tại Chương 4, tác giả đã tìm ra được những điểm mạnh, điểm yếu của Phú Thọ so sánh với một số địa phương khác như Thái Nguyên, Sơn La, Hòa Bình về phát triển sản xuất nông nghiệp và từ đó có thêm căn cứ để đưa ra các quan điểm, định hướng và giải pháp nâng cao hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp tỉnh Phú Thọ.

+ Phương pháp khảo sát thực địa: Sử dụng để khảo sát một số vùng chuyên canh, khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, mô hình nông lâm kết hợp trên đất dốc để bổ sung thông tin và thẩm định ý tưởng đổi mới cơ cấu và cách thức sử dụng đất nông nghiệp ở tỉnh Phú Thọ.

6. Những đóng góp mới của luận án

a). Về mặt lý luận và học thuật: Luận án đã chỉ ra rằng, hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp được phản ánh qua hiệu quả phát triển nông nghiệp; chỉ ra bản chất của hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp là giá trị gia tăng nông nghiệp và giá trị nông sản hàng hóa đem lại trên 1 ha đất nông nghiệp trong một năm hoặc trong một số năm. Hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp cấu thành bởi hiệu quả trồng trọt, hiệu quả chăn nuôi và hiệu quả dịch vụ nông nghiệp. Đồng thời, chỉ rõ 9 yếu tố ảnh hưởng tới hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp (trong đó nhấn mạnh vai trò của chính quyền các cấp ở tỉnh, cơ cấu sản xuất, cơ cấu sử dụng đất nông nghiệp, tổ chức sản xuất nông nghiệp) và xác định bộ chỉ tiêu để phân tích hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp cũng như để

phân tích nguyên nhân của tình trạng hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp trên địa bàn tỉnh trong điều kiện Việt Nam.

b). Những phát hiện, đề xuất mới rút ra được từ kết quả nghiên cứu, khảo sát của luận án: Luận án cung cấp căn cứ khoa học cho cơ quan quản lý nhà nước ở tỉnh Phú Thọ trong việc hoạch định chủ trương phát triển nông nghiệp, đổi mới cơ cấu sử dụng đất nông nghiệp của tỉnh Phú Thọ (thông qua việc chỉ rõ mặt được, mặt chưa được, nguyên nhân của những thành công và của hạn chế, yếu kém trong việc sử dụng đất nông nghiệp trong giai đoạn vừa qua) và kiến nghị 5 nhóm giải pháp nâng cao hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp ở tỉnh này trong thời gian tới. Trong đó, luận án đặc biệt nhấn mạnh giải pháp nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước của chính quyền các cấp, đổi mới cơ cấu sử dụng đất nông nghiệp, đổi mới cơ cấu sản xuất nông nghiệp gắn với hiện đại hóa và phải phát triển các hình thức tổ chức sản xuất nông nghiệp tiên tiến (nhất là phát triển các chuỗi giá trị nông sản, các tổ hợp nông – công nghiệp và phát triển các khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao...).

7. Kết cấu của luận án

Ngoài phần Mở đầu và Kết luận, danh mục tài liệu tham khảo, phụ lục, luận án chia thành 4 chương:

Chương 1: Tổng quan các công trình khoa học có liên quan đến hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp.

Chương 2: Cơ sở lý luận về hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp trên địa bàn cấp tỉnh và kinh nghiệm thực tiễn.

Chương 3: Thực trạng hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp ở tỉnh Phú Thọ giai đoạn 2011 - 2018.

Chương 4: Giải pháp nâng cao hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp tỉnh Phú Thọ đến năm 2030.

CHƯƠNG 1

TỔNG QUAN CÁC CÔNG TRÌNH KHOA HỌC CÓ LIÊN QUAN ĐẾN HIỆU QUẢ SỬ DỤNG ĐẤT NÔNG NGHIỆP

Trong chương này, tác giả tập trung làm rõ những vấn đề quan trọng về lý luận hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp, do đó cần phải hiểu biết rõ về đất nông nghiệp và hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp gắn với hiệu quả phát triển nông nghiệp. Cụ thể, với các vấn đề lớn cần nghiên cứu giải đáp rõ ràng đó là đất nông nghiệp được quan niệm thế nào? Nội hàm của hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp là gì? Hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp có quan hệ thế nào với hiệu quả phát triển nông nghiệp? Những yếu tố nào ảnh hưởng tới hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp? Đánh giá hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp bằng những chỉ tiêu gì?... Căn cứ vào yêu cầu đó, tác giả tiến hành tổng quan những nội dung đã được các học giả trong và ngoài nước thực hiện nghiên cứu. Những nội dung nào trong kết quả nghiên cứu của các học giả khác đã thực hiện mà tác giả luận án có thể kế thừa và kế thừa ở một số nội dung liên quan, phù hợp với đề tài. Sau đó xác định những vấn đề chính luận án cần đi sâu nghiên cứu. Trong quá trình thực hiện nghiên cứu, tác giả đã thu thập được 90 tài liệu trong và ngoài nước (trong đó có 11 tài liệu nước ngoài và 13 luận án tiến sĩ) có liên quan đến chủ đề nghiên cứu của luận án; đồng thời, tập trung tổng quan những vấn đề chính sau:

1. Tổng quan về nông nghiệp và hiệu quả phát triển nông nghiệp

1.1. Nông nghiệp

Đây là vấn đề phải làm rõ để có cơ sở khoa học cho việc nghiên cứu hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp. Vì thế, tác giả luận án đã tập trung tìm hiểu về vấn đề này, trong điều kiện thời gian nghiên cứu và tài liệu có được, tác giả đã thu thập được 9 tài liệu (trong đó có 7 tài liệu trong nước và 2 tài liệu nước ngoài) đề cập tới vấn đề này.

a). Tài liệu trong nước

Theo tác giả được biết thì ở Việt Nam hiểu về nông nghiệp hiện còn có ý kiến khác nhau. Do đó, tác giả đã tìm hiểu tài liệu để thấy rõ hơn về nhận định này phục vụ việc nghiên cứu của luận án.

Phần lớn các giáo trình về “Kinh tế nông nghiệp” đều đề cập tới khái niệm về “Nông nghiệp”. Theo học giả Vũ Đình Thắng [41], nông nghiệp là một trong những ngành kinh tế, mang nhiều yếu tố xã hội (liên quan tới nông dân, nông nghiệp, nông thôn); nó là một hệ thống mang đặc tính sinh học - kỹ thuật - kinh tế - xã hội. Theo học giả, hiểu theo nghĩa rộng thì nông nghiệp gồm cả nông nghiệp và lâm nghiệp; còn hiểu theo nghĩa hẹp thì chỉ có nông nghiệp mà không bao gồm lâm nghiệp. Nếu hiểu theo nghĩa hẹp, nông nghiệp gồm trồng trọt, chăn nuôi và dịch vụ nông nghiệp. Tác giả luận án thấy rằng, cách nói theo nghĩa rộng hay theo nghĩa hẹp đã có từ lâu, đến nay cần phải xem xét lại. Tác giả luận án thấy chưa có lý do cụ thể để đặt vấn đề nông nghiệp theo nghĩa rộng và nông nghiệp theo nghĩa hẹp. Sản xuất nông nghiệp và sản xuất lâm nghiệp khác hẳn nhau. “Lâm nghiệp” nếu hiểu theo đúng nghĩa của cụm từ này thì “nghiệp” là nghề còn “lâm” là rừng. Do vậy, có thể hiểu lâm nghiệp là nghề rừng và hoạt động lâm nghiệp chủ yếu chỉ diễn ra trên đất rừng. Do đó việc tính toán hiệu quả lâm nghiệp khác xa so với việc tính toán hiệu quả sản xuất nông nghiệp. Từ quan điểm như vậy, tác giả cho rằng, không thể tồn tại cách hiểu “nông nghiệp theo nghĩa rộng”. Học giả Vũ Đình Thắng cho rằng, nông nghiệp có vai trò to lớn đối với nền kinh tế quốc dân, nó cung cấp “đầu vào” cho công nghiệp (với tư cách là nguyên liệu), cung cấp lao động cho khu vực công nghiệp, dịch vụ và đô thị. Nông nghiệp gắn liền với nông thôn nên phát triển nông nghiệp không tách rời phát triển nông thôn, cũng như nông dân không tách rời nông thôn và nông nghiệp. Tác giả luận án tán đồng với quan điểm này. Khi nói khu vực sản xuất nông nghiệp là hàm ý nói tới các hoạt động sản xuất nông nghiệp gắn với người nông dân. Khi ấy nếu khu vực sản xuất nông nghiệp do cơ giới hóa mà có lao động dư ra và sẽ chuyển sang làm việc ở khu vực công nghiệp, dịch vụ và đô thị.

Học giả Nguyễn Minh Châu [6] coi nông nghiệp như là một hệ thống sản xuất chuyên ngành, bao gồm một số phân ngành cụ thể mà mỗi phân ngành lại là một hệ thống nhỏ trong đó như hệ thống trồng trọt và hệ thống chăn nuôi. Trong lĩnh vực trồng trọt học giả có đề cập đến hệ thống canh tác cây trồng.

Một người nghiên cứu nhiều tới hệ thống nông nghiệp là học giả Phạm Chí Thành [39], theo học giả này khi nói đến phát triển nông nghiệp là nói tới các hệ thống nông nghiệp. Đó là hệ thống có thứ bậc được lồng vào nhau của các hệ sinh thái nông nghiệp. Hệ thống nông nghiệp bao gồm các yếu tố sinh thái, kinh tế và con người, không gian, có quan hệ mật thiết với hệ sinh thái nông nghiệp.

Biểu 1.1: Đặc điểm của hệ sinh thái tự nhiên và của hệ sinh thái nông nghiệp

Hệ sinh thái tự nhiên	Hệ sinh thái nông nghiệp
<ul style="list-style-type: none"> - Mục đích chủ yếu là cân bằng sự sống - Hiện hữu của chu trình vật chất khép kín - Có thể bị tổn thương và có khả năng phục hồi - Đa dạng và phức tạp về cấu trúc thành phần - Ổn định lâu dài 	<ul style="list-style-type: none"> - Mục đích đáp ứng nhu cầu con người và do con người cải hóa tự nhiên - Chu trình vật chất mở - Cấu trúc đơn giản và ổn định theo chu kỳ - Kém ổn định hơn và cũng có thể bị tổn thương nếu canh tác tự phát và truyền thống

Nguồn: Phạm Chí Thành [39]

Luật bảo vệ môi trường của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam [36] đã chỉ rõ yêu cầu phát triển thân thiện với môi trường đối với sản xuất nông, lâm nghiệp. Luật này chỉ rõ, ở Việt Nam cần hướng tới nền nông nghiệp sạch (hạn chế việc sử dụng thuốc trừ sâu, phân bón hóa học để không gây tác động xấu đến môi trường sống). Vấn đề quan trọng theo tác giả luận án là điều kiện gì để nông dân nước ta thực hiện được phương châm phát triển sản xuất nông nghiệp sạch. Dân trí và lương tâm nghề nghiệp của người sản xuất quyết định lớn đến sản xuất thân thiện với môi trường và vì cộng đồng. Nếu chỉ vì lợi nhuận thì dễ dàng bỏ qua các yêu cầu sản xuất thân thiện với môi trường.

Biểu số 53 trong Niên giám thống kê của Cục thống kê tỉnh Phú Thọ [8] diễn đạt về giá trị sản lượng và giá trị tăng thêm của ngành nông nghiệp (bằng tổng giá trị sản lượng nông nghiệp trừ đi tổng chi phí trung gian) có ghi:

Tổng giá trị sản lượng ngành nông nghiệp, trong đó chia theo ngành sản phẩm:

+ Trồng trọt

+ Chăn nuôi

+ Dịch vụ nông nghiệp

Như vậy, theo Cục thống kê Phú Thọ ngành nông nghiệp là một trong những ngành kinh tế quốc dân. Nó bao gồm ba phân ngành là trồng trọt, chăn nuôi và dịch vụ nông nghiệp.

Như tổng quan ở trên thì đa phần các học giả cho rằng, nông nghiệp là một hệ thống kinh tế, là một trong những ngành chủ yếu của hệ thống kinh tế quốc dân (hay của nền kinh tế). Nông nghiệp là một hệ thống các hoạt động kinh tế gồm có trồng trọt, chăn nuôi và dịch vụ nông nghiệp. Cách hiểu như thế là phù hợp cả về mặt khoa học và cả về mặt thực tiễn. Những người làm nông nghiệp được gọi là nông dân, còn những người làm lâm nghiệp được gọi là cư dân lâm nghiệp.

Ai là người có vai trò làm cho nông nghiệp phát triển có hiệu quả? Học giả Ngô Doãn Vịnh [55], cho rằng, khi xem xét hiện đại hóa cần phân tích nền kinh tế theo hai nhóm ngành: nông nghiệp và phi nông nghiệp (công nghiệp và dịch vụ). Hai ngành này phải phát triển hài hòa, nhịp nhàng với nhau mới đảm bảo để nền kinh tế phát triển nhanh, bền vững. Học giả này cho biết, nông nghiệp trước hết là một ngành do người nông dân quyết định mà người nông dân thì thường gắn liền với sự “chậm chạp, tự do và tự phát, ngại liên kết và mở mang” nên muốn hiện đại hóa nông nghiệp và làm cho sản xuất nông nghiệp có khả năng tham gia toàn cầu hóa thì Nhà nước phải có biện pháp cụ thể, thiết thực để quốc gia có được đội ngũ nông dân công nghiệp và hành động với trí tuệ cao.

b). Tài liệu nước ngoài

Trong quá trình nghiên cứu, tác giả thấy có một số tài liệu đề cập vấn đề nông nghiệp.

Một số học giả Boris E. Bravo Ureta and Antnio E. Pinheiro [87] phân tích hiệu quả đất nông nghiệp ở các nước đang phát triển rất nhấn mạnh tới vấn đề phát triển nông nghiệp trong bối cảnh toàn cầu hóa. Theo họ người nông dân phải có hiểu biết về lợi ích đem lại từ toàn cầu hóa cũng như phải hiểu rõ những thách thức đặt ra từ toàn cầu hóa. Từ đó họ nhấn mạnh rằng, người nông dân phải được đào tạo một cách bài bản để có thể

tạo ra những nông sản có chất lượng cao, đáp ứng yêu cầu của người tiêu dùng ở những quốc gia có công nghiệp phát triển như Mỹ, EU, Nhật Bản, Hàn Quốc, Nga...

Các học giả Benin, Samuel Place, Frank Nkonya, Ephraim M.Pender, John L (2006) cùng nhau nghiên cứu thị trường đất đai nói chung và thị trường đất nông nghiệp và sử dụng đất nông nghiệp đã coi trọng vấn đề giá trị hóa tài nguyên đất [88]. Các học giả trên cho rằng đất sử dụng để tạo ra nông sản (sản phẩm chăn nuôi và sản phẩm trồng trọt) là đất nông nghiệp, cách hiểu này giống với nhiều học giả ở Việt Nam. Tuy nhiên vấn đề giá trị hóa đất nông nghiệp thì chưa phải là hiệu quả sử dụng đất. Bởi vì, giá trị hóa đất nông nghiệp chỉ là xác định giá trị đất nông nghiệp mà thôi, ví dụ như đất nông nghiệp ở vùng đồng bằng hay ở vùng miền núi có giá trị bao nhiêu một ha. Hay ngay ở vùng đồng bằng thì đất để trồng rau tại vùng ven các thành phố có trị giá bao nhiêu 1 ha hoặc giá đất trồng lúa ở các tỉnh vùng đồng bằng có giá trị bao nhiêu.... Khi nói hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp là mang hàm ý giá trị tạo ra trên diện tích đất nông nghiệp so chi phí bỏ ra để sản xuất trên diện tích đất nông nghiệp đó.

Wang X.B, Glauben T. [92], khi nghiên cứu về thị trường thuê đất và hiệu quả của các sản phẩm nông nghiệp ở vùng nông thôn Trung Quốc đã cho rằng, đất sử dụng để làm ra nông sản được coi là đất nông nghiệp. Hiệu quả sử dụng loại đất này chính là hiệu quả sản xuất kinh doanh các sản phẩm nông nghiệp được làm ra trên diện tích ấy. Họ đã đúng khi cho rằng, hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp cũng phụ thuộc vào giá trị mỗi loại đất cũng như giá trị cho thuê mỗi loại đất cụ thể. Thường giá trị đất nông nghiệp mà cao thì về nguyên tắc sẽ cho hiệu quả sử dụng cao hơn so với đất có giá trị thấp hơn (nếu có cùng chi phí hay các điều kiện sử dụng).

1.2. Hiệu quả phát triển nông nghiệp

Nhiều học giả cho rằng, nhìn từ góc độ lý thuyết, hiệu quả phát triển nông nghiệp thể hiện trực tiếp hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp. Do đó tìm hiểu rõ về hiệu quả phát triển nông nghiệp để đi đến làm rõ hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp là cách tiếp cận hợp lý và rất cần thiết.

Đã có 20 tài liệu (trong đó có 18 tài liệu trong nước và 2 tài liệu nước ngoài) đề cập tới vấn đề này.

a). Tài liệu trong nước

Học giả Bùi Nữ Hoàng Anh [1] là một trường hợp hiếm hoi nghiên cứu về hiệu quả kinh tế trong việc sử dụng đất nông nghiệp ở tỉnh Yên Bái. Tác giả luận án kỳ vọng rất nhiều vào công trình khoa học này nhưng tìm hiểu kỹ thì công trình chỉ đề cập khía cạnh hiệu quả kinh tế trong việc sử dụng đất nông nghiệp để trồng trọt và cũng chỉ xem xét ở khía cạnh kinh tế sử dụng đất nông nghiệp trong lĩnh vực trồng trọt đối với một số cây trồng và dừng lại ở việc phân tích năng suất cây trồng trên mỗi ha đất được sử dụng cũng như hiệu quả sản xuất kinh doanh những cây trồng đó (xem biểu 1.2). Khi phân tích các yếu tố ảnh hưởng tới hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp học giả này chỉ nhắc tới các yếu tố tự nhiên như thời tiết khí hậu, đất đai, nguồn nước mà chưa xem xét tới các yếu tố quan trọng khác như thị trường, công nghệ, ý thức, trí tuệ người sản xuất và vai trò của nhà nước. Đó là điều tác giả luận án rất tiếc và càng thôi thúc phải nghiên cứu đầy đủ hơn, đúng đắn hơn về vấn đề hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp ở Việt Nam.

**Biểu 1.2: Một số chỉ tiêu hiệu quả đối với sản xuất kinh doanh
cây bưởi và cây chè của hộ nông dân ở tỉnh Yên Bái**

Đơn vị tính: Triệu đồng

Năm	Cây bưởi		Cây chè	
	Doanh thu	Chi phí	Doanh thu	Chi phí
2005	29,0	8,2	52,9	14,7
2010	42,7	18,5	64,0	16,0
2014	47,2	20,7	67	19,5
So sánh 2014 với 2005, lần	1,6	2,5	1,3	1,3

Nguồn: Bùi Nữ Hoàng Anh [1]

Khi nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng tới hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp, học giả Bùi Nữ Hoàng Anh không nhắc tới vai trò của nhà nông và những người trực tiếp tham gia vào quá trình sản xuất nông nghiệp cũng như tuy có đề cập tới vấn đề sở hữu đất nông nghiệp và chính sách về đất nông nghiệp của Nhà nước nhưng cũng chưa làm nổi bật yếu tố Nhà nước và quản lý nhà nước. Đồng thời, chưa nhắc đến yếu tố công

nghiệp chế biến và phân phối tiêu thụ nông sản đối với hiệu quả phát triển nông nghiệp ở một địa phương của nước ta. Trong khi phân tích hiệu quả sản xuất kinh doanh hai cây bưởi và cây chè ở Yên Bái học giả Bùi Nữ Hoàng Anh chỉ ra rằng, đối với cây bưởi hiệu quả sản xuất kinh doanh giảm vì doanh thu từ 2005- 2014 chỉ tăng gấp 1,6 lần nhưng chi phí lại tăng gấp 2,5 lần (năm 2014 chi phí chiếm khoảng 44% doanh thu). Còn đối với cây chè doanh thu và chi phí trong thời gian từ 2005 - 2014 tăng gấp khoảng 1,3 lần và chi phí năm 2014 chiếm khoảng 29% doanh thu. Học giả này cho biết sản xuất kinh doanh chè ở Yên Bái tốt hơn so với cây bưởi. Tác giả luận án cho rằng, cách đặt vấn đề hiệu quả sản xuất kinh doanh để nói lên hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp như vậy là chưa phù hợp và chưa thỏa đáng. Vì đây là kết quả sản xuất kinh doanh theo hộ chứ chưa phải là theo diện tích trồng trọt.

Học giả Trần Thanh Bình [3] cho rằng, ở Việt Nam khi quyết định trồng cây gì phải trên cơ sở tính toán hiệu quả và phụ thuộc vào điều kiện từng vùng lãnh thổ. Nói cách khác, hiệu quả phát triển nông nghiệp dựa trên hiệu quả sử dụng tài nguyên đất nông nghiệp và rất nhiều yếu tố khác nữa. Tiết kiệm đất nông nghiệp cũng đồng nghĩa với phát triển nông nghiệp có hiệu quả, như thế mang nhiều tính nguyên tắc. Học giả này cũng không nói cụ thể quan niệm thế nào về hiệu quả phát triển nông nghiệp và cũng chưa nói tới hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp có nội hàm ra sao cũng như tính toán bằng chỉ tiêu nào?

Học giả Nguyễn Minh Châu [6] trong cuốn giáo trình “Kinh tế nông nghiệp đại cương” coi nông nghiệp như là một hệ thống sản xuất với nhiều hệ thống nông nghiệp chuyên ngành. Ví dụ hệ thống trồng trọt và hệ thống chăn nuôi. Trong lĩnh vực trồng trọt học giả này đề cập đến hệ thống canh tác lúa, mía đường, dưa, dứa và hệ thống chăn nuôi lợn, chăn nuôi vịt, nuôi cá tra... ở vùng Đồng bằng Sông Cửu Long. Chẳng hạn, ở Đồng bằng sông Cửu Long phát triển mạnh hệ thống canh tác: hai lúa - màu; lúa - cá; lúa - tôm nước ngọt; lúa - tôm sú... Theo học giả này, hiệu quả của những hệ thống sản xuất nông nghiệp mang lại nhiều lợi ích cho người sản xuất. Các hệ thống nông nghiệp sẽ đem lại hiệu quả kinh tế hơn so với sản xuất nông nghiệp riêng rẽ, phân tán.

Học giả Ngô Doãn Vịnh, khi bàn về chất lượng phát triển (trong tác phẩm Đầu tư phát triển [56] và Bàn về phát triển kinh tế [55]) đã đề cập hệ thống chỉ tiêu phân tích chất lượng phát triển (gồm các chỉ tiêu phản ánh hiệu quả và phát triển bền vững). Trong đó có: năng suất lao động, hiệu suất sử dụng vốn đầu tư, hiệu suất sử dụng tài nguyên (đối với nông nghiệp thì đó là hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp), tỷ lệ thất nghiệp và tỷ lệ người nghèo. Một điểm tác giả luận án rất tâm đắc là, quan điểm coi hiệu quả phát triển là điều quyết định sự phát triển bền vững. Tuy học giả này không trực tiếp nói đến hiệu quả phát triển nông nghiệp và hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp nhưng ông cho rằng, hiệu quả sử dụng tài nguyên, trong đó có tài nguyên đất là một trong những chỉ tiêu quan trọng phản ánh hiệu quả phát triển chung của nền kinh tế, tức là hiệu quả sử dụng tài nguyên là một trong những bộ phận phản ánh hiệu quả phát triển. Theo tác giả luận án, đây là quan điểm đúng mà tác giả luận án có thể kế thừa.

Học giả Bùi Tất Thắng [40], khi bàn về phát triển nhanh và bền vững đã đề cập quan hệ giữa vấn đề hiệu quả và vấn đề bền vững. Theo ông tất cả các ngành trước hết phải phát triển có hiệu quả thì nền kinh tế mới phát triển có hiệu quả. Theo đó ông bàn nhiều tới các khía cạnh kinh tế, xã hội, môi trường của hiệu quả phát triển. Học giả này tuy không trực tiếp đề cập vấn đề hiệu quả phát triển nông nghiệp hoặc hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp nhưng cũng đã nhắc tới hiệu quả sử dụng tài nguyên ở Việt Nam. Tác giả luận án tán đồng nhiều điểm của học giả này.

Trong cuốn “Giải thích thuật ngữ trong nghiên cứu phát triển” học giả Ngô Doãn Vịnh [57] đã cho biết, hiệu quả kinh tế là tương quan giữa kết quả và chi phí của hoạt động kinh tế; nó biểu hiện cả bằng số tuyệt đối và cả bằng số tương đối. Hiệu quả sử dụng các yếu tố đầu vào (như hiệu quả sử dụng vốn đầu tư, lao động, tài nguyên thiên nhiên...) là vấn đề vô cùng quan trọng trong quá trình phát triển của quốc gia hay của mỗi địa phương. Theo đó, khi có hiệu quả kinh tế, sẽ có tiền đề giải quyết các vấn đề xã hội và khắc phục ô nhiễm môi trường. Hiệu quả sử dụng các yếu tố đầu vào có ý nghĩa quyết định tới hiệu quả chung của sự phát triển kinh tế quốc dân. Đây là ý tưởng mà tác giả luận án tâm đắc và sẽ vận dụng vào việc nghiên cứu hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp ở Phú Thọ.

Trong Kỷ yếu khoa học của Viện Việt Nam học [50], có đề cập tới triết lý hiệu quả sử dụng tài nguyên quốc gia và nhấn mạnh rằng, trong xu thế gia tăng dự trữ tài nguyên thì việc tiết kiệm tài nguyên thiên nhiên trên cơ sở ứng dụng công nghệ cao là vấn đề quan trọng và nó phản ánh hiệu quả sử dụng tài nguyên thiên nhiên. Việt Nam là quốc gia không phong phú về tài nguyên thiên nhiên so với nhiều cường quốc giàu tài nguyên thiên nhiên như Nga, Trung Quốc... (nhất là tài nguyên đất) nên việc sử dụng tiết kiệm tài nguyên phản ánh hiệu quả sử dụng chúng. Tuy Viện này đề cập nhiều đến tiết kiệm và hiệu quả sử dụng tài nguyên thiên nhiên nhưng họ chưa trình bày một cách cụ thể về hiệu quả sử dụng tài nguyên thiên nhiên có nội hàm là gì, có bao nhiêu chỉ tiêu để phân tích hiệu quả sử dụng tài nguyên thiên nhiên.

Báo cáo chính trị Đại hội XII của Đảng cộng sản Việt Nam đã chỉ rõ “Phát triển nông nghiệp và kinh tế nông thôn gắn với xây dựng nông thôn mới. Xây dựng nền nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hoá lớn, ứng dụng công nghệ cao, nâng cao chất lượng sản phẩm, giá trị gia tăng, đẩy mạnh xuất khẩu. Đẩy nhanh cơ cấu lại ngành nông nghiệp, xây dựng nền nông nghiệp phát triển toàn diện cả về nông, lâm nghiệp và thủy sản theo hướng hiện đại, bền vững, trên cơ sở phát huy lợi thế so sánh và tổ chức lại sản xuất, thúc đẩy ứng dụng sâu rộng khoa học - công nghệ, nhất là công nghệ sinh học, công nghệ thông tin vào sản xuất, quản lý nông nghiệp và đẩy nhanh công nghiệp hoá nông nghiệp, hiện đại hoá nông thôn để tăng năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh, bảo đảm vững chắc an ninh lương thực quốc gia cả trước mắt và lâu dài; nâng cao thu nhập và đời sống của nông dân [3] nhưng chưa nhắc tới một cách cụ thể về hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp và chưa đề cập một cách rõ ràng về nội dung hiệu quả phát triển nông nghiệp.

Trong Kỷ yếu khoa học của Hội thảo toàn quốc về “Phát triển bền vững” của Bộ Kế hoạch và Đầu tư [4] đã chỉ ra rằng, muốn phát triển bền vững thì trước hết phải phát triển có hiệu quả. Ở hội thảo này, nhiều chuyên gia cho rằng, hiệu quả và bền vững là hai thành tố quan trọng của mục đích phát triển mà Việt Nam hướng tới. Tác giả luận án tán thành với quan điểm như vậy, tuy nhiên vì mới chỉ nêu vấn đề có tính nguyên lý nên chưa thể rút ra được những điểm cụ thể và cần thiết cho việc nghiên cứu hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp của luận án.

Viện Nghiên cứu phát triển kinh tế - xã hội Hà Nội [51] cho rằng, chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp theo hướng giá trị cao, bền vững và kinh tế xanh là hướng cần thiết đối với việc phát triển nông nghiệp ngoài thành trong bối cảnh toàn cầu hóa. Phát triển nông nghiệp ngoài thành Hà Nội lấy yếu tố thị trường và yếu tố công nghệ làm nền tảng để sử dụng hiệu quả quỹ đất nông nghiệp và để thịnh vượng kinh tế nông thôn, đây là tư tưởng tiến bộ và luận án rất coi trọng. Tiểu vùng trung du miền núi thuộc các huyện Ba Vì, Sơn Tây, Quốc Oai, Đông Anh... người dân đã phát triển mạnh chăn nuôi bò sữa, trồng hoa và trồng các loại rau cao cấp phục vụ đô thị và du khách tới Hà Nội du lịch. Chính việc chuyển hướng này đã đem lại hiệu quả kinh tế cao hơn nhiều so với sản xuất nông nghiệp truyền thống trước đây.

Học giả Đàm Văn Vinh [54], bàn về hiệu quả của một số hệ thống hay mô hình nông lâm kết hợp tại huyện Võ Nhai tỉnh Thái Nguyên đã sử dụng các chỉ tiêu giá trị sản xuất, chi phí sản xuất, giá trị sản xuất bình quân trên 1 ha và chỉ tiêu thu nhập thuần (Giá trị sản xuất trừ đi chi phí sản xuất) để xem xét hiệu quả sản xuất nông lâm nghiệp kết hợp. Tác giả luận án thấy rằng, trong tất cả các chỉ tiêu mà học giả này sử dụng, có chỉ tiêu “Thu nhập thuần” phản ánh đúng bản chất của hiệu quả phát triển nông nghiệp. Còn các chỉ tiêu khác đều không phản ánh hay chưa trực tiếp phản ánh hiệu quả phát triển nông nghiệp.

Biểu 1.3: Hiệu quả phát triển một số mô hình nông lâm kết hợp ở huyện Võ Nhai tỉnh Thái Nguyên

Chỉ tiêu hiệu quả	Mô hình 1	Mô hình 2	Mô hình 3	Mô hình 4	Mô hình 5
GTSX/ha, 1000 đ	14.920	12.819	11.564	16.569	18.393
GTSX/CPSX, lần	4,21	3,42	3,10	4,04	3,42
CPSX/ha, 1000 đ	3,544	3.748	3.730	4.100	5.385
Thu nhập thuần, 1000 đ	11,376	9.071	7.834	12.469	13.008

Nguồn: Đàm Văn Vinh [54]

Ghi chú ở biểu 1.3: Mô hình 1: Bạch đàn- dứa- cá- bò; Mô hình 2: Rừng tự nhiên- cây ăn quả - cá - gà vịt; Mô hình 3: Keo - vải - nhãn - cá - lợn; Mô hình 4: Mỡ - na- cá - dê; Mô hình 5: Chè - rừng

Các chuyên gia kinh tế ở Ninh Bình đưa ra mô hình tính toán hiệu quả kinh tế đối với sản xuất nông nghiệp và nhìn chung mô hình này vẫn dựa trên nguyên tắc tính toán chi phí và kết quả [67]. Tinh thần cơ bản của mô hình tính toán được thể hiện cụ thể tính toán hiệu quả theo hai bước:

***Bước 1: Tính toán chỉ tiêu kết quả và chi phí.** Bước này họ tính các chỉ tiêu: i). Tính toán tổng giá trị sản xuất thu được (GO); ii). Tính toán thu nhập thuần;

***Bước 2: Tính toán chỉ tiêu hiệu quả.** Bước này họ tính các chỉ tiêu: i). Tính toán giá trị gia tăng (VA); ii). Tính toán hiệu suất đồng vốn (HS) và iii). Tính toán lợi nhuận (Pr): $Pr = GO - TC$; sau đó tính toán chỉ tiêu phân tích hiệu quả kinh tế.

Cách tính của các chuyên gia kinh tế Ninh Bình chỉ phù hợp khi tính hiệu quả cho từng loại sản phẩm chứ khó sử dụng cho việc tính hiệu quả chung cho cả ngành nông nghiệp.

Học giả Phạm Thị Mỹ Dung [14], trong cuốn “Phân tích kinh tế nông nghiệp” và học giả Vũ Đình Thắng [40] trong cuốn giáo trình “Kinh tế nông nghiệp” đã sử dụng hàm sản xuất, với các yếu tố sản xuất để xác định hiệu quả sản xuất nông nghiệp. Hai học giả này cho rằng, sản lượng nông sản phụ thuộc vào chính các yếu tố đầu vào như vốn đầu tư, diện tích đất canh tác, lao động, phân bón, hạt giống... Cách đặt vấn đề này nhìn đại thể thì dễ chấp thuận nhưng xem xét kỹ thì yếu tố thị trường và công nghệ chưa được họ tính tới. Phải chăng đó là vấn đề cần đi sâu là các nhà khoa học của trường Đại học Thái Nguyên “Đánh giá hiệu quả kinh tế của các hộ nông dân sản xuất chè trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên trong điều kiện biến động giá đầu vào” đã sử dụng thuật toán phân tích kết quả - chi phí để đánh giá hiệu quả sản xuất chè ở tỉnh Thái Nguyên [78]. Thuật toán có nội dung cụ thể như sau:

*** Chỉ tiêu phản ánh kết quả:** GO - Tổng giá trị sản xuất; MI - Thu nhập hỗn hợp; IC - Chi phí trung gian; GM - Thu nhập biên hay còn gọi là lãi gộp. Đây được coi là mục tiêu quan trọng nhất của hộ và GV: Giá trị sản phẩm hàng hoá.

*** Chỉ tiêu phản ánh hiệu quả:** Tỷ suất hàng hóa; Năng suất lao động; Hiệu quả sử dụng đất; Hiệu quả sử dụng vốn; Chi phí trên đơn vị diện tích: chỉ tiêu này cho thấy mức độ đầu tư của hộ trên một đơn vị diện tích là bao nhiêu.

Tác giả luận án cho rằng, vẫn là cách tiếp cận từ kết quả và chi phí. Trong hệ thống chỉ tiêu các nhà khoa học của Trường Đại học Thái Nguyên đề xuất có một số chỉ tiêu có thể ứng dụng cho việc đánh giá hiệu quả phát triển nông nghiệp nói chung và hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp nói riêng như tỷ suất hàng hóa, năng suất lao động để phản ánh hiệu quả của mỗi ha. Cách tiếp cận như vậy phù hợp hơn cho một sản phẩm nông nghiệp và đối với một đơn vị sản xuất cụ thể. Đối với cả ngành nông nghiệp khó tính toán được thu nhập biên, chi phí thực tế trên mỗi ha.

Học giả Trần Văn Chủ [11] cho rằng, hiệu quả phát triển kinh tế là tiêu chí hàng đầu và cũng là mục đích hướng tới trong quá trình phát triển đất nước hay đối với phát triển của mỗi địa phương. Ông cho biết hiệu quả sử dụng các yếu tố đầu vào mà hàm sản xuất Domar – Harrod đã đề cập là quan trọng đặc biệt. Tiết kiệm các yếu tố đầu vào đã là nhân tố đóng góp cho hiệu quả phát triển rồi. Trong quan điểm của học giả này có vấn đề quan trọng là đất được coi là một trong những yếu tố đầu vào mang ý nghĩa quyết định, mọi hoạt động sản xuất đều diễn ra trên đất. Đây cũng là quan điểm khá hay, tác giả luận án cho rằng khi chuyển đất nông nghiệp sang mục đích sử dụng khác phải coi trọng yêu cầu tiết kiệm. Hiện nay ở nước ta hầu hết tại các khu công nghiệp người ta xây dựng nhà xưởng chỉ có một tầng (trong khi đối với nhiều lĩnh vực có thể xây dựng nhà xưởng cao tầng) dẫn tới tốn nhiều diện tích và chắc chắn việc sử dụng đất nông nghiệp như thế sẽ có hiệu quả không cao.

Học giả Phạm Sỹ Cường [13] cũng phân tích hiệu quả sử dụng đất trồng cam ở huyện Nghĩa Đàn tỉnh Nghệ An với kiểu hạch toán chi phí và kết quả. Tuy nhiên ông có đề cập tới tuổi đời của chu kỳ sống của nông sản và theo đó ông nói chu kỳ sống của sản phẩm nông sản càng lâu thì hiệu quả càng lớn. Cũng theo ông việc cải tạo giống hay duy trì chất lượng giống cam có ảnh hưởng nhiều tới hiệu quả trồng cam của người nông dân.

Khi bàn về tăng trưởng kinh tế bền vững học giả Đào Duy Huân [14] lại nhấn mạnh một điểm mà tác giả luận án đồng tình là đối với Việt Nam việc phát triển bền vững phải tính tới yêu cầu cải thiện đời sống của khoảng 70% dân số sống ở nông thôn mà cuộc sống của những người này phụ thuộc nhiều vào sản xuất nông nghiệp. Tuy ông

không trực tiếp nói đến hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp nhưng tác giả luận án hiểu ý học giả muốn nói tới vấn đề hiệu quả phát triển nông nghiệp mà đã nói đến hiệu quả phát triển nông nghiệp thì không thể không nói tới hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp.

b). Tài liệu ngoài nước

Trong khi đánh giá hiệu quả phát triển nông nghiệp theo hướng CNH, HĐH, học giả Mellor J.W.[91] lại lấy năng suất ruộng đất để phân tích hiệu quả trồng trọt. Ông khuyến cáo rằng, trong bối cảnh khan hiếm quỹ đất, các quốc gia phải nghĩ tới phát triển nông nghiệp theo chiều cao không gian thì mới hy vọng sử dụng đất nông nghiệp có được hiệu quả.

Học giả Serey Mardy [59] trong công trình luận án tiến sĩ nghiên cứu phát triển nông nghiệp ở tỉnh Svay Rieng, Campuchia đã sử dụng chỉ tiêu hiệu quả sử dụng đất đai để phân tích hiệu quả phát triển nông nghiệp. Học giả này đánh đồng hiệu quả sử dụng đất đai với hiệu quả phát triển nông nghiệp. Tác giả luận án cho rằng, chỉ nên hiểu hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp được phản ánh thông qua hiệu quả phát triển nông nghiệp.

2. Tổng quan về đất nông nghiệp và hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp

2.1. Về đất nông nghiệp

Thực tế chỉ ra rằng, cho đến nay ở Việt Nam còn có ý kiến khác nhau về đất nông nghiệp nên tác giả luận án muốn tìm hiểu sâu hơn về vấn đề này để lựa chọn nội dung có thể kế thừa trong luận án của mình.

Về vấn đề đất nông nghiệp, trong điều kiện nghiên cứu có thể tác giả tìm thấy có 13 tài liệu (trong đó có 10 tài liệu trong nước và 3 tài liệu nước ngoài) đã đề cập.

a). Công trình trong nước

Học giả Vũ Đình Thắng [41] cho rằng, đất nông nghiệp là một trong những tài nguyên thiên nhiên, là tiền đề đầu tiên của quá trình sản xuất nông nghiệp, nó có trước và tồn tại ngoài ý muốn con người. Đối với nông nghiệp, đất là tư liệu sản xuất của người nông dân. Quá trình con người tác động vào đất nông nghiệp để tạo ra nông sản thỏa mãn nhu cầu ăn uống của mình thì họ có thể bồi dưỡng độ màu mỡ cho đất hoặc bóc lột đất, làm cho đất thoái hóa, trở nên bạc màu hoặc trở thành sa mạc hóa. Đất

nông nghiệp đã được con người cải tạo, bồi dưỡng thành đất thuộc qua quá trình thời gian dài. Vì thế, bảo tồn đất nông nghiệp là vấn đề hết sức quan trọng và có thể xem như vấn đề sống còn của nông dân. Học giả còn nhấn mạnh các đặc điểm của đất nông nghiệp, đó là:

- Độ phì nhiêu không phải sẵn có mà con người phải cần tới rất nhiều năm mới đạt được. Vì thế, đất nông nghiệp khi được lấy để sử dụng cho các mục đích phi nông nghiệp phải tính hết cái lợi, cái hại nhiều mặt chứ không chỉ coi trọng mặt kinh tế.

- Đất nông nghiệp vừa là sản phẩm của tự nhiên vừa là sản phẩm của lao động, nếu xét theo mặt tự nhiên thì đất nông nghiệp là sản phẩm của tự nhiên. Nó tồn tại ngoài ý muốn con người. Do vậy độ phì nhiêu của đất ở mỗi địa phương có sự khác nhau. Đất nông nghiệp gần đô thị và gần đường giao thông có giá trị chênh lệch lớn so đất nông nghiệp ở những nơi xa xôi hẻo lánh, không có đường giao thông và cũng chẳng gần đô thị. Vì thế, khi giao thông phát triển sẽ góp phần gia tăng giá trị của đất nhờ giá trị địa tô tăng. Con người nghĩ ra nhiều phương pháp để gia tăng giá trị của đất nông nghiệp trên cơ sở sử dụng cách thức canh tác tiên tiến, công nghệ hiện đại để mong thu được nhiều sản phẩm và giá trị hơn trên mỗi ha đất nông nghiệp. Luận điểm này chính là đề cập tới việc sử dụng hiệu quả đất nông nghiệp.

- Tác giả cũng nhấn mạnh rằng đất nông nghiệp bị giới hạn về mặt không gian nhưng khả năng sinh lợi thì không bị giới hạn bởi yếu tố không gian địa lý, đây cũng là quan điểm hay phù hợp thực tiễn. Ngày nay trong bối cảnh toàn cầu hóa tác giả luận án rất tâm đắc với quan điểm này. Thực tế Việt Nam đã xuất khẩu nông sản sang nhiều quốc gia từ Châu Âu sang châu Á, châu Mỹ, châu Úc... Tức là khi xem xét giá trị của đất nông nghiệp phải tính tới yếu tố toàn cầu hóa. Phát huy yếu tố toàn cầu hóa để gia tăng giá trị của đất nông nghiệp là vấn đề quan trọng, có tính chìa khóa để phát triển nông nghiệp hàng hóa ở nước ta.

Học giả Ngô Doãn Vịnh [58] trong cuốn “Nguồn lực và động lực cho phát triển nhanh, bền vững ở Việt Nam đến 2020” đã cho rằng, tài nguyên đất là một nguồn lực phát triển quan trọng; nó gắn liền với con người, lịch sử phát triển, tập quán sản xuất và tiêu dùng của con người nên nó mang ý nghĩa xã hội sâu sắc. Ông nhấn mạnh ý

nghĩa xã hội song song với ý nghĩa kinh tế để đi đến một ý tưởng lý thú là khi quyết định sử dụng đất đai cho mục đích gì cũng phải đặc biệt chú ý tới yếu tố xã hội. Trong quá trình phát triển sở hữu đất nông nghiệp là vấn đề có tính kinh tế - chính trị - xã hội sâu sắc. Tác giả luận án đồng tình với quan điểm này và thấy rằng, hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp không chỉ đem lại lợi ích trực tiếp cho người sản xuất nông nghiệp mà còn cho cả xã hội. Khi quyết định sử dụng đất nông nghiệp cho mục đích khác phải chú ý hài hòa lợi ích cho số đông những người có liên quan. Ông cho biết, tài nguyên đất có tính nhạy cảm và dễ chuyển hóa nên chính sách sử dụng đất nông nghiệp phải hướng tới hài hòa lợi ích, trong đó lợi ích của người nông dân phải được đảm bảo. Việc chuyển đổi mục đích sử dụng đất nông nghiệp không thể chỉ được quyết định bởi các quyết định hành chính mà phải được sự ủng hộ của người dân.

Cả học giả Ngô Doãn Vịnh [58] và Vũ Đình Thắng [41] đồng quan điểm với Trung tâm thông tin tư liệu Khoa học quốc gia [46] cho rằng, đất nông nghiệp là tài nguyên hữu hạn nhưng liên quan tới cuộc sống của mọi người. Nhân loại luôn quan tâm tới an ninh, an toàn lương thực, thực phẩm. Nông sản sạch trở thành yêu cầu sống còn của nhân loại. Sử dụng đất nông nghiệp hiệu quả nhưng phải bền vững cũng là yêu cầu cấp bách.

Trong ba ấn phẩm “Bàn về phát triển kinh tế”, “Đầu tư phát triển” và “Giải thích thuật ngữ trong nghiên cứu phát triển”, học giả Ngô Doãn Vịnh [55], [56], [57] đã đề cập tới vấn đề hiệu quả kinh tế và sử dụng hiệu quả tài nguyên thiên nhiên. Ông nhấn mạnh rằng, muốn phát triển kinh tế có hiệu quả và bền vững thì việc đầu tiên cần làm là khai thác có hiệu quả các nguồn tài nguyên thiên nhiên với tư cách là loại nguồn lực phát triển quan trọng (khi chúng được khai thác, sử dụng). Bản thân việc sử dụng tài nguyên có hiệu quả đã là tiền đề để phát triển kinh tế có hiệu quả. Ông cho rằng, năng suất lao động và hiệu suất sử dụng tài nguyên là yếu tố quyết định phát triển kinh tế. Đối với Việt Nam là quốc gia đông dân, đất nông nghiệp không nhiều (năm 2018 bình quân đầu người chỉ có khoảng 1.100 m²) nên phải sử dụng tiết kiệm và có hiệu quả số đất nông nghiệp có được. Nên cân nhắc kỹ khi lấy đất nông nghiệp

sử dụng cho mục đích phi nông nghiệp. Tác giả luận án đồng tình với quan điểm của học giả Ngô Doãn Vịnh.

Học giả Lê Văn Khoa [20] nhấn mạnh ý nghĩa môi trường trong quá trình sử dụng tài nguyên đất nông nghiệp. Ông cho rằng nếu vì mục đích thu được hiệu quả kinh tế mà hy sinh lợi ích về môi trường thì cũng không đem lại hiệu quả đích thực. Việc bón phân hóa học hay việc lạm dụng thuốc trừ sâu, diệt cỏ gây ra tình trạng ô nhiễm đất và khi đã ô nhiễm đất thì dẫn tới ô nhiễm môi trường nước là không tránh khỏi, tác giả luận án tán đồng với quan điểm này.

Trong ấn phẩm “Sử dụng hợp lý và tái tạo tài nguyên thiên nhiên” học giả Nguyễn Đình Bồng [5] lại nhấn mạnh yêu cầu tái tạo tài nguyên thiên nhiên mà trong đó có tài nguyên đất. Ông cho rằng, đất nông nghiệp thuộc loại tài nguyên hữu hạn, cải tạo độ phì nhiêu của đất nông nghiệp và sử dụng tiết kiệm là yêu cầu quan trọng trong quá trình sử dụng đất nông nghiệp ở Việt Nam.

Hai học giả Đỗ Văn Toàn và Nguyễn Ngọc Châu [42] cho biết người nông dân A Lưới rất coi trọng đất nông nghiệp nhưng do nhiều nguyên nhân mà việc sử dụng đất ở đây chưa chú ý bồi dưỡng đất, họ quảng canh là chính và việc đó cũng đồng nghĩa với lãng phí tài nguyên đất ở huyện A Lưới. Đây là quan điểm hợp lý, rất có giá trị tham khảo.

b). Tài liệu nước ngoài

Tác giả luận án thu thập được một số tài liệu về vấn đề đất nông nghiệp. Tuy nhiên cũng có một số học giả đề cập tới vấn đề đất nông nghiệp và họ đưa ra những ý tưởng khá đặc biệt.

Tổ chức Nông lương của Liên Hiệp Quốc (FAO) [70] cho rằng, đất nông nghiệp được chia thành các loại sau đây:

+ Đất trồng cây hàng năm (hay còn gọi là đất canh tác), ví dụ như đất trồng ngũ cốc, bông, khoai tây, rau, dưa hấu... Thuộc loại hình này FAO cho rằng nó gồm cả đất sử dụng được trong nông nghiệp nhưng tạm thời bỏ hoang (đất hoang hóa, đất thoái hóa).

+ Đất trồng cây công nghiệp lâu năm

+ Đất trồng cây ăn quả.

+ Đất đồng cỏ chăn nuôi gia súc.

Đất nông nghiệp là một trong những bộ phận cấu thành lãnh thổ của bất kỳ quốc gia nào. Ngoài đất nông nghiệp còn có các diện tích đất đai không sử dụng cho sản xuất nông nghiệp, chẳng hạn như đất rừng, núi, và các vùng nước nội địa, đất sử dụng cho mục đích phi nông nghiệp. Hiện nay, đất nông nghiệp chiếm khoảng 38% diện tích đất của thế giới, trong đó diện tích đất trồng trọt chỉ chiếm khoảng hơn một phần ba diện tích đất nông nghiệp (tương đương 11% diện tích đất đai của toàn thế giới).

Các học giả Benin, Samuel Place, Frank Nkonya, Ephraim M.Pender, John L [88]; Dent, David & Anthony Young [89] và Wang X.B, Glauben T. [92] cho rằng, đất nông nghiệp là đất được con người sử dụng để sản xuất ra nông sản thực phẩm, nguyên liệu cho công nghiệp chế biến và được sở hữu trực tiếp bởi người nông dân. Người nông dân khi được nhà nước giao quyền sử dụng thì họ toàn quyền đối với mảnh đất của họ.

Đất nông nghiệp ở các nước Châu Phi có vai trò to lớn đối với phần lớn dân số sống ở đây đang có vấn đề mua bán đất nông nghiệp làm xuất hiện nhiều vấn đề xã hội [75]. Giới đầu cơ Mỹ, Châu Âu, thậm chí cả các quỹ hưu trí Mỹ đang ồ ạt mua hoặc thuê hàng triệu ha đất nông nghiệp tại các quốc gia Ethiopia, Mali, Mozambique, Sierra Leone, Sudan, Tanzania và Zambia. Thương vụ lớn nhất thuộc về một tập đoàn là Nile Trading & Development (ở Texas, Mỹ) thuê 400.000 ha ở tỉnh Equatoria (Mozambique) trong 49 năm với giá chỉ 25.000 USD và có quyền khai thác mọi tài nguyên trên diện tích đất này, kể cả dầu khí và gỗ.

Trung Quốc thuê đất nông nghiệp của Úc, Nga, Nam Mỹ, Châu Đại Dương và đã mua hàng triệu ha đất nông nghiệp của một số quốc gia châu Phi [76]. Ở các nước Phương Tây, người nông dân tự hợp tác với nhau để tổ chức sản xuất nông nghiệp, Các hộ nông dân hình thành nên các nông trang để sản xuất ra sản phẩm nông nghiệp chất lượng cao. Họ chú ý phát triển bền vững, tuy nhiên ngay như nông dân ở Pháp cũng gặp khó khi khủng hoảng tài chính toàn cầu hay khi các quốc gia xung đột về chính trị phá bỏ hợp đồng mua bán nông sản. Ở Mỹ do hạn hán mà hàng vạn ha đất nông nghiệp bị bỏ hoang, trong điều kiện biến đổi khí hậu giá trị của đất nông nghiệp

cũng có nhiều thay đổi. Như vậy đất nông nghiệp không chỉ gắn bó chặt chẽ với vị trí địa lý, tập quán sản xuất, tập quán tiêu dùng như một số học giả đề cập nhưng ngày nay nó còn chịu ảnh hưởng lớn từ biến đổi khí hậu.

2.2. Về hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp

Trong quá trình phát triển nông nghiệp nói chung và trong việc sử dụng đất nông nghiệp nói riêng ở Việt Nam đang còn có những vấn đề chưa rõ. Việc đánh giá hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp ở nước ta đang đối mặt với nhiều lúng túng. Do đó, tác giả luận án đã dành công sức để tìm hiểu về vấn đề này.

Đã có 22 tài liệu đề cập tới vấn đề này (trong đó 13 tài liệu trong nước và 9 tài liệu nước ngoài).

a). Tài liệu trong nước

Hai học giả Phạm Văn Đình, Quyền Đình Hà [18], qua công trình đánh giá kinh tế đất ở một số địa phương ở nước ta cho biết cần chú ý yếu tố địa tô và độ phì nhiêu của đất nông nghiệp. Hai học giả này nghiên cứu giá trị kinh tế của nhiều loại đất trên cơ sở thực tế trồng trọt ở các địa phương của nước ta. Họ cho biết, giá trị kinh tế của đất nông nghiệp phụ thuộc vào các yếu tố vị trí đất, độ màu mỡ của đất và sự phù hợp của đất nếu sử dụng cho trồng trọt để cung cấp sản phẩm nông sản đáp ứng cho nhu cầu thị trường. Đất sản xuất rau xanh bao giờ cũng đem lại nhiều giá trị và việc làm hơn là đất trồng lúa. Đất nông nghiệp gần thành phố, ven các con sông có nhiều phù sa thường được sử dụng để trồng rau thực phẩm. Những nơi nước mặn trồng cói đem lại hiệu quả cao hơn trồng lúa. Một số diện tích nước lợ người nông dân phát triển nuôi thủy sản nước lợ đem lại hiệu quả khá cao. Nói cách khác, đất nào thì phát triển sản phẩm đó mà không thể phát triển tùy tiện. Việc sử dụng đất nông nghiệp hợp lý sẽ có cơ hội mang lại hiệu quả hơn.

Học giả Đinh Duy Khánh, Đoàn Công Quỳ [19], Quyền Đình Hà, Vũ Thị Bình [21] nhấn mạnh vai trò quan trọng của việc đánh giá hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp đối với việc phát triển nông nghiệp. Họ cho rằng, việc đánh giá hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp là yêu cầu khách quan. Đối với các học giả này, việc đánh giá hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp được giới hạn trong lĩnh vực dùng đất nông nghiệp để phát triển

trồng trọt. Theo nguyên tắc chung, các học giả đều coi trọng hạch toán sản xuất. Tức là xem chi phí sản xuất một đơn vị nông sản là bao nhiêu và giá trị thu được nhờ chi phí bỏ ra đó như thế nào. Quan điểm này chưa bao quát hết hiệu quả của cả ngành sản xuất nông nghiệp nhưng tư tưởng của họ cũng đáng quan tâm.

Các học giả Trần Đình Đăng, Quyền Đình Hà, Vũ Thị Bình [17] trong công trình nghiên cứu đất canh tác ở huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình thì nhấn mạnh hiệu quả của mô hình canh tác đa ngành: vườn – ao – chuồng và mô hình kinh doanh trang trại chăn nuôi. Theo ý kiến của họ có thể thấy rằng, hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp phụ thuộc rất nhiều vào phương thức canh tác nông nghiệp, đó là tư tưởng hợp lý. Tuy nhiên các học giả này cũng chưa đề cập tới yếu tố thị trường và công nghệ sản xuất. Ở góc độ cơ cấu sử dụng đất nông nghiệp thì tư tưởng của các học giả này cũng thể hiện rất rõ, cụ thể là đi tìm câu trả lời cho vấn đề sử dụng đất thế nào.

Các học giả Nguyễn Thị Minh Hiền, Ngô Thị Thuận [25] cũng đánh giá hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp trên cơ sở xem xét các mô hình canh tác nhưng theo hệ thống nông nghiệp như: hai vụ lúa, một vụ lúa một vụ nuôi cá. Tức là họ xem xét hiệu quả của các hệ thống canh tác là chính, chứ chưa đề cập hiệu quả của sản xuất nông nghiệp nói chung. Về bản chất phát triển các mô hình canh tác cũng chính là vấn đề sử dụng đất nông nghiệp. Vì nó đều trả lời câu hỏi sử dụng đất nông nghiệp thế nào? Đây là quan điểm phù hợp với yêu cầu nghiên cứu của luận án.

Học giả Vi Văn Năng [29] lại nghiên cứu hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp thông qua tác động của cơ cấu sử dụng đất nông nghiệp tới phát triển nông nghiệp của một địa phương cụ thể. Mà cụ thể là tác động tới giải quyết việc làm, tạo ra giá trị kinh tế, nhất là tạo ra nông sản phẩm hàng hóa cho địa phương Đák Nông. Ông Năng lại rơi vào tình trạng coi số lao động/ha đất nông nghiệp là chỉ tiêu hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp.

Học giả Tần Viết Nguyên [31], khi nghiên cứu hiệu quả đầu tư phát triển nông nghiệp tỉnh Thừa Thiên Huế đề cao vai trò của cơ cấu nông nghiệp nói chung và cơ cấu sử dụng đất nông nghiệp nói riêng. Học giả cho rằng cơ cấu sử dụng đất nông nghiệp có ý nghĩa quan trọng đối với hiệu quả đầu tư phát triển nông nghiệp. Nếu cơ

cấu sử dụng đất nông nghiệp không hợp lý thì dù có đầu tư thế nào (ý nói đầu tư nhiều đến đâu) thì hiệu quả đầu tư phát triển nông nghiệp cũng sẽ thấp và khi đó chắc chắn hiệu quả phát triển nông nghiệp cũng sẽ thấp. Đầu tư phát triển nông nghiệp nhằm tới gia tăng năng suất nông nghiệp nhưng năng suất nông nghiệp phụ thuộc rất nhiều vào cơ cấu cây trồng và vật nuôi mà cơ cấu cây trồng vật nuôi thể hiện cơ cấu sử dụng đất nông nghiệp.

Chu Hữu Quý, Cao Liêm, Quyền Đình Hà [37], Đoàn Công Quý [38] đều nhấn mạnh hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp. Các học giả cho rằng, giá trị sản lượng tạo ra/ha đất nông nghiệp và số lao động/ha là những chỉ tiêu phân tích hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp. Tác giả luận án thấy rằng, về cơ bản các học giả này vẫn sử dụng hàm sản xuất để diễn tả hiệu quả nhưng công thức tính thế nào thì họ cũng chưa đưa ra. Mặt khác, họ cho rằng số việc làm trên mỗi ha đất nông nghiệp là chỉ tiêu đánh giá hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp thì trước đây có thể phù hợp nhưng ngày nay thì chỉ tiêu này không phù hợp nữa, Như mọi người đều biết khi ứng dụng công nghệ cao thì số lao động cần thiết sẽ giảm đi. Vì thế không nên sử dụng chỉ tiêu số việc làm để đánh giá hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp.

Học giả Đoàn Tranh [45], trong công trình nghiên cứu phát triển nông nghiệp tỉnh Quảng Nam cho biết đối với hiệu quả sản xuất nông nghiệp ngoài yếu tố chất lượng sản phẩm hàng hóa thì cơ cấu sử dụng đất nông nghiệp cũng giữ vai trò quan trọng. Vấn đề cơ bản theo ông là phát triển các sản phẩm chủ lực có chất lượng cao và có khối lượng hàng hóa lớn mới phát huy được những lợi thế so sánh của tỉnh và đảm bảo phát triển nông nghiệp có hiệu quả và bền vững. Đồng thời, học giả này cảnh báo việc phát triển nông nghiệp của tỉnh Quảng Nam bị ảnh hưởng lớn từ biến đổi khí hậu. Đúng là biến đổi khí hậu không còn là yếu tố ảnh hưởng tới sản xuất nông nghiệp không của riêng địa phương nào. Chính vì thế, khi phân tích hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp phải chú ý vấn đề thiên tai và nên “bóc” yếu tố thiên tai để thấy rõ bản chất của vấn đề.

Trong khi nghiên cứu hiệu quả sử dụng đất canh tác ở vùng sinh thái phù sa ngoại thành Hà Nội, học giả Đỗ Văn Viện [52] đã khẳng định yếu tố màu mỡ, vị trí địa

lý và điều kiện giao thông thuận lợi (hàm ý giá trị địa tô) đã đem lại hiệu quả cao hơn cho việc trồng rau xanh chất lượng phục vụ nhu cầu của người dân thành phố. Hàm ý của chuyên gia này là yếu tố địa tô chênh lệch đã mang đến lợi thế cho khu vực đất phù sa ngoại thành Hà Nội. Một số nơi sử dụng đất nông nghiệp để trồng đào cảnh, quất cảnh, hoa, cây cảnh đã đạt hiệu quả rất cao. Tuy nhiên họ cho biết vì thiếu quy hoạch sử dụng đất khoa học nên có năm đào cảnh, quất cảnh ế nhiều và hiệu quả bị giảm mạnh, người nông dân thu được lợi nhuận ít hơn. Tác giả luận án thấy rằng, điều này cũng giống tình trạng trồng thanh long không bán được ở tỉnh Bình Thuận hay trồng lúa chất lượng thấp không bán được ở Đồng bằng sông Cửu Long. Đó là lời cảnh báo phải có quy hoạch sử dụng đất ở các địa phương.

Viện Nghiên cứu phát triển kinh tế - xã hội Hà Nội [51], Viện Chiến lược phát triển của Bộ Kế hoạch và Đầu tư [49], Ngân hàng thế giới [30] cùng đưa ra quan điểm phát triển xanh và với giá trị gia tăng cao là con đường phát triển nói chung và phát triển nông nghiệp nói riêng ở nước ta. Theo họ, muốn phát triển xanh phải dựa trên công nghệ cao, thân thiện với môi trường. Khi đã có phát triển xanh thì sẽ có hiệu quả cao và khi đã có hiệu quả cao thì có sẽ có được sự phát triển bền vững. Đối với nông nghiệp, hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp cũng là biểu hiện quan trọng để phát triển bền vững nông nghiệp. Nông nghiệp hữu cơ, công nghệ cao là phương thức mang lại hiệu quả cao và phát triển bền vững. Điểm lý thú là hai Viện này đều đề cập tới ngưỡng phát triển để có được sự phát triển bền vững. Trong quá trình phát triển nông nghiệp không nên chọn cách phát triển nóng nhưng phát triển tới ngưỡng là thế nào thì họ cũng chưa nói tới một cách rõ ràng.

Người nông dân trồng chuối trái vụ đem lại hiệu quả cao [71]. Nông dân huyện Đoan Hùng tỉnh Phú Thọ trồng bưởi và chanh đem lại hiệu quả với doanh thu khoảng 60-70 triệu đồng/1 ha (GTSL/ha cao gấp khoảng 2 - 3 lần so kiểu vườn tạp). Như vậy, ở đây cũng đồng nhất hiệu quả phát triển trồng trọt với hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp. Tuy chưa đầy đủ, toàn diện nhưng cũng đã nói lên rằng nhiều người quan tâm đến vấn đề hiệu quả sản xuất nông nghiệp cũng như hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp. Khi đưa một loại cây mới vào canh tác mang ý nghĩa đổi mới, việc sử dụng đất nông

nghiệp đã có sự cân nhắc về hiệu quả. Nếu cả xã hội có tinh thần này thì chắc chắn việc sử dụng đất nông nghiệp ở nước ta sẽ đạt hiệu quả hơn.

Học giả Trương Văn Tuấn [44], trong công trình nghiên cứu hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp tại huyện Ea Kar tỉnh Đắk Lắk đã nhấn mạnh ý nghĩa quyết định của việc chuyển đổi cơ cấu sử dụng đất nông nghiệp từ trồng sắn và ngô là chủ yếu sang trồng cà phê, hạt tiêu đã đem lại nhiều giá trị kinh tế hơn. Như vậy có thể thấy rằng, học giả này coi trọng vai trò của cơ cấu sử dụng đất nông nghiệp. Để đánh giá hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp học giả này vẫn sử dụng chỉ tiêu giá trị tạo ra trên mỗi ha. Song thực tế cho thấy giá cà phê lên xuống thất thường và hạn hán ở Tây Nguyên đã làm cho nhiều hộ trồng cà phê lao đao. Tức là học giả này chưa đề cập tới yếu tố thị trường và sự phù hợp đối với việc lựa chọn đất để trồng cây cà phê. Nói cách khác, việc chuyển đổi mục đích sử dụng đất trồng trọt để trồng loại cây nào cũng cần tính tới các yếu tố đất, nước và khí hậu thời tiết chứ không chỉ vì thấy có thể có được giá trị kinh tế lớn hơn.

Học giả Phạm Văn Hùng, Trần Đình Thao [26] tuy không trực tiếp đề cập hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp nhưng quan điểm của các ông là nhấn mạnh việc định lượng khi phân tích kinh tế. Dù ở cấp độ nào hay ở lĩnh vực nào thì cũng phải lượng hóa kết quả và hiệu quả phát triển. Vấn đề quan trọng theo ông là phải sử dụng chỉ tiêu định lượng để phân tích các hiện tượng kinh tế mà trong đó có hiệu quả phát triển nông nghiệp cũng như hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp. Đối với luận án của tác giả luận án đây cũng là điểm hay mà luận án có thể tiếp thu để nghiên cứu hệ thống chỉ tiêu định lượng sử dụng phân tích hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp trong điều kiện Việt Nam. Hai học giả Nguyễn Văn Nam và Trần Thọ Đạt [28] trong công trình nghiên cứu về tốc độ và chất lượng tăng trưởng kinh tế ở Việt tuy không trực tiếp đề cập hiệu quả phát triển nông nghiệp và hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp nhưng có một điểm rất quan tâm là hai ông gắn kết hai khía cạnh “số lượng” và “chất lượng” của tăng trưởng kinh tế. Quan điểm này hữu ích cho việc nghiên cứu hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp, theo đó khi nghiên cứu hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp cần phải quan sát cả mặt số lượng và cả mặt chất lượng.

Theo học giả Trịnh Thế Truyền [47], hiệu quả phát triển nói chung và hiệu quả phát triển nông nghiệp nói riêng chịu sự ảnh hưởng lớn từ đầu tư phát triển. Theo học giả này, cơ cấu kinh tế và cơ cấu sản xuất của bất kỳ lĩnh vực (ngành) nào đều là hệ quả của đầu tư phát triển. Nếu đầu tư đúng thì tạo ra cơ cấu kinh tế đúng và tạo ra cơ cấu sản xuất nông nghiệp đúng. Khi đó hiệu quả sẽ đạt được ở mức tốt hơn và ngược lại.

Đã có khá nhiều học giả bàn về biện pháp nâng cao hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp. Các học giả Đỗ Văn Viện, Vũ Thị Phương Thụy; Hồ Khắc Minh [33], Phạm Văn Hùng [27], Phạm Văn Dur [16], Hồ Huy Cường, Bình Trần Thanh, Bùi Nữ Hoàng Anh đã nghiên cứu biện pháp để nâng cao hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp với mục đích làm cho nông nghiệp ở cấp quốc gia hay cấp tỉnh, huyện, xã phát triển có hiệu quả hơn và bền vững hơn. Các học giả cho rằng, giải pháp đầu tiên phải kể đến là thay đổi cơ cấu sử dụng đất nông nghiệp, phát triển các giống cây trồng vật nuôi có năng suất và chất lượng cao; đồng thời phải tổ chức sản xuất nông nghiệp cần ứng dụng kỹ thuật, công nghệ mới cũng như phải tận dụng mặt tích cực của toàn cầu hóa kinh tế. Tác giả luận án thấy các học giả này chưa đề cập tới vai trò của Nhà nước và của những người trực tiếp tham gia sản xuất nông nghiệp và chế biến nông sản cũng như chưa đề cập tới ảnh hưởng của yếu tố thị trường đến hiệu quả phát triển nông nghiệp nói chung và hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp nói riêng.

Nhóm học giả Nguyễn Việt Khoa, Võ Đại Hải, Nguyễn Đức Thanh [24] trong cuốn “Kỹ thuật canh tác trên đất dốc” cho rằng, đối với các tỉnh Trung du miền núi, để phát triển nông nghiệp có hiệu quả cần chú ý đúng mức đến việc phát triển nông nghiệp trên đất dốc. Phương thức canh tác trên đất dốc phải dựa trên sự kết hợp phát triển nông - lâm nghiệp với các mô hình tiêu biểu: rừng (keo, tẻch, lát xoan, trầu, luồng...) – cây lâu năm (vải, nhãn, hồng...) kết hợp trồng cây dược liệu (sa nhân) hoặc cây hàng năm, nhất là cây có khả năng cố định đạm..) và chăn nuôi mà trong đó có thể nuôi thủy sản ở những nơi có hồ.

b). Tài liệu nước ngoài

Học giả Serey Mardy là người Campuchia [59] trong luận án tiến sĩ về phát triển nông nghiệp bền vững ở tỉnh Svay Rieng của Campuchia đã khẳng định hiệu

quả sử dụng đất nông nghiệp có ý nghĩa quyết định tới hiệu quả phát triển nông nghiệp. Học giả này đồng nhất hiệu quả phát triển nông nghiệp với hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp. Ông dẫn chứng rằng trên một ha đất trồng cây nông nghiệp người Nhật Bản làm ra khoảng 20-30 nghìn USD và thậm chí có trường hợp tới 50 nghìn USD như trồng cà chua bi, trồng rau cao cấp, trồng cây ăn quả trong nhà kính... nhưng ở tỉnh Svay Rieng Campuchia người nông dân chỉ tạo ra khoảng 1,5 - 2 nghìn USD.

Boris E. Bravo Ureta và Antnio E. Pinheiro [87] đề cập tới vấn đề phân tích hiệu quả đất nông nghiệp ở các nước đang phát triển. Theo ông đối với các nước đang phát triển việc thỏa mãn nhu cầu ăn uống tối thiểu rất quan trọng nhưng vấn đề làm giàu cho người nông dân cũng không thể coi nhẹ. Việc duy trì các hệ thống nông nghiệp truyền thống tuy có ý nghĩa tốt để đáp ứng nhu cầu tại chỗ nhưng cần mở rộng xuất khẩu và tạo điều kiện cho người nông dân có điều kiện tham gia toàn cầu hóa. Chính việc đổi mới cơ cấu sản xuất sẽ tạo ra cơ hội tham gia toàn cầu hóa nhiều hơn. Học giả cho rằng, nếu cứ phát triển theo kiểu truyền thống thì dễ dẫn tới khép kín mà đã khép kín trong bối cảnh toàn cầu hóa thì tất dẫn tới thua thiệt. Việc thu hút các nhà đầu tư FDI để hiện đại hóa và sản xuất ra những nông sản chất lượng cao sẽ thu lại nhiều lợi nhuận hơn. Do đó có khả năng cải tạo nền nông nghiệp truyền thống thành nền nông nghiệp hiện đại.

Các học giả Lin Kuo Ching and Chiu Hao Ling [90] cho rằng rất cần đánh giá hiệu suất sử dụng đất nông nghiệp. Làm thế nào để mỗi ha không những đem lại nhiều giá trị kinh tế, nuôi sống được nhiều người nông dân và góp phần làm giàu cho đất nước như trường hợp của New Zealand, Israel và Hà Lan. Tuy ông không nói một cách cụ thể tới các chỉ tiêu hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp nhưng ông cũng đã gợi ra chỉ tiêu “nuôi sống được nhiều người” và “mức đóng góp” cho nền kinh tế quốc dân. Đây là tư tưởng mới so nhiều học giả mà tác giả luận án đã tổng quan ở trên.

Các học giả Qiangyi Yu, Huajun Tang, Youqi Chen, Wenbin Wu Peng Ang [93], khi nghiên cứu nông nghiệp ở các quốc gia APEC đã sử dụng phương pháp DEA (Development Economic Analysis) để phân tích quan hệ giữa giá trị đạt được trên mỗi ha đất nông nghiệp với chính sách nông nghiệp đã thực thi. Các học giả này coi chính

sách của nhà nước có ý nghĩa quan trọng đối với hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp. Theo họ nếu chính sách càng tiến bộ, càng công khai minh bạch, càng có lợi cho người sản xuất thì hiệu quả thu được trên mỗi ha đất nông nghiệp càng lớn và ngược lại. Cùng với quan điểm này còn có học giả Roger D. và Norton. Tác giả luận án tán đồng với quan điểm này và coi chính sách của Nhà nước là một trong các yếu tố ảnh hưởng lớn đến phát triển nông nghiệp nói chung và sử dụng đất nông nghiệp nói riêng. Ở Thái Lan, Malaysia có chính sách ưu tiên tín dụng và thuê cho phát triển các nông sản chủ lực và cho những cây trồng mới, tạo nông sản xuất khẩu cũng chính là thực thi tư tưởng chính sách nông nghiệp đóng góp cho hiệu quả sản xuất nông nghiệp.

Học giả Tamous [94] nghiên cứu lý thuyết về hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp và cho rằng, hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp phụ thuộc vào yếu tố thị trường và yếu tố tiêu dùng nông sản mà những yếu tố này đã mang tính toàn cầu. Ngày nay sản phẩm nông nghiệp được thế giới tiêu dùng đã có chung chất lượng và hầu như giống nhau về giá cả. Vậy cho nên việc đánh giá hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp phải chú ý đúng mức tới yếu tố thị trường và giá trị của mạng phân phối toàn cầu trong mối quan hệ so sánh quốc tế. Quốc tế hóa chất lượng và giá cả nông sản chi phối rất nhiều các quyết định phát triển nông nghiệp và sử dụng đất nông nghiệp như thế nào của các quốc gia. Việc sử dụng đất nông nghiệp và chính sách phát triển nông nghiệp của Chính phủ cần tính tới yếu tố này. Tác giả luận án tâm đắc với tư tưởng này và cho đó là gợi ý tốt đối với việc nghiên cứu của tác giả.

Asian Development Bank (ADB) rất coi trọng chuỗi giá trị sản xuất toàn cầu đối với phát triển nông nghiệp của mỗi quốc gia. Ngân hàng này cho rằng, việc sử dụng đất nông nghiệp của mỗi quốc gia phải hướng tới nhu cầu của thế giới [96] và Chính phủ mỗi nước cần tạo điều kiện để người nông dân tham gia toàn cầu hóa. Đồng thời Chính phủ của các nước cần đứng ra tổ chức để nông dân của họ tham gia các chuỗi giá trị sản xuất.

Học giả Mellor J.W [91] lại coi trọng giá trị của CNH và HĐH tác động tới hiệu quả phát triển nói chung và phát triển nông nghiệp nói riêng. Việc gắn kết công nghiệp chế biến và công nghiệp hỗ trợ với nông nghiệp sẽ làm gia tăng giá trị nông sản. Nếu

bán nông sản ở dạng nguyên liệu thô chắc chắn sẽ kém hơn bán nông sản đã qua chế biến. Học giả này tuy không nói tới vấn đề tổ hợp sản xuất nông – công nghiệp nhưng tư tưởng gắn kết các ngành nông nghiệp với công nghiệp đã là gợi ý hay cho luận án.

Các học giả Dalal S.R, Karale G.D, Kalkame C.H [97] nhấn mạnh quan hệ giữa hiệu quả nông nghiệp với trồng trọt, mùa màng và chất lượng nông sản. Theo họ máy móc hiện đại sẽ làm cho sản xuất nông nghiệp hiệu quả hơn, việc thực hiện đúng mùa vụ và cây trồng thích hợp sẽ cho các mùa màng bội thu. Vậy cho nên trong quá trình lựa chọn cây trồng, chất lượng cây trồng thì cũng phải chú ý sử dụng công nghệ cao trong các khâu canh tác, thu hoạch, bảo quản và chế biến. Tư tưởng chính của các học giả này là hiện đại hóa nông nghiệp. Nói cách khác, họ nhấn mạnh yếu tố giống và công nghệ nông nghiệp nói chung và kỹ thuật canh tác nói riêng.

Trên cơ sở tham khảo các trang thông tin điện tử [79], [80], [81], [82] tác giả luận án thấy nhiều quốc gia quan tâm đến vấn đề hiệu quả phát triển nông nghiệp. Các quốc gia phát triển hay quốc gia đang phát triển (Nhật Bản, Israel hay Thái Lan, Malaysia) thì họ cũng đều lấy hiệu quả làm tiêu chí để quyết sách phát triển nông nghiệp; lấy hiệu quả cao làm đích hướng tới trong lĩnh vực sản xuất nông nghiệp và giúp đỡ nông dân làm giàu. Chính phủ của những nước này có nhiều biện pháp để phát triển nông nghiệp công nghệ cao, trong đó có cả việc ban hành luật pháp, chính sách làm cơ sở pháp lý để chủ trương phát triển nông nghiệp công nghệ cao trở thành hiện thực nhằm hướng tới việc sử dụng đất nông nghiệp có hiệu quả, đủ khả năng cạnh tranh quốc tế. Họ coi trọng việc kết hợp cải tạo đất nông nghiệp với phát triển nông nghiệp công nghệ cao; tìm cách để sử dụng hiệu quả hơn mỗi ha đất nông nghiệp (trong đó quan tâm nhiều đến sử dụng không gian cao tầng và sử dụng kỹ thuật, công nghệ cải tạo đất rất hiện đại). Nước nào cũng triển khai đánh giá hiệu quả phát triển sản xuất nông nghiệp. Trong khi nghiên cứu đánh giá hiệu quả phát triển nông nghiệp họ sử dụng các chỉ tiêu: giá trị gia tăng tạo ra trên mỗi ha đất nông nghiệp, lợi nhuận trên mỗi ha đất nông nghiệp và tỷ suất nông sản hàng hóa. Đây là điều tác giả rất tâm đắc và sẽ nghiên cứu kế thừa trong luận án của mình.

Diễn đàn Kinh tế thế giới cho rằng, ngày nay khi bàn tới vấn đề phát triển và vai trò của các chính phủ đối với phát triển ở mỗi quốc gia không thể không đặt việc nghiên cứu trong bối cảnh toàn cầu hóa cũng như phải so sánh cấp toàn cầu. Năng lực quản trị quốc gia tác động tới tất cả các mặt đời sống kinh tế – xã hội của các nước mà cụ thể là ảnh hưởng mang tính quyết định đến hiệu quả phát triển kinh tế nói chung và hiệu quả phát triển các ngành, lĩnh vực nói riêng. Theo họ, năm 2014 năng lực cạnh tranh toàn cầu của Việt Nam tăng 12 bậc so năm trước đó nhưng đang còn nhiều vấn đề về thể chế và minh bạch phải có giải pháp cải cách nhanh hơn. Năm 2014 Việt Nam đứng thứ 68 trên 144 nước được xếp hạng và đứng thứ 6 trong cộng đồng ASEAN.

Cũng theo Diễn đàn kinh tế thế giới, hiệu quả phát triển kinh tế gắn liền với năng lực quản trị quốc gia. Tác giả luận án đồng tình với quan điểm này và cho rằng, đối với các địa phương thì năng lực cạnh tranh cấp tỉnh và hiệu quả quản trị, hành chính công có vai trò quyết định bao trùm tới hiệu quả phát triển nói chung và hiệu quả phát triển nông nghiệp cũng như hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp nói riêng.

Năng lực cạnh tranh toàn cầu, theo họ phải được xem như yếu tố sống còn đối với sự phát triển của các quốc gia. Một quốc gia không muốn bị nằm ngoài các cuộc chơi cũng như muốn chia sẻ lợi ích từ các cuộc chơi ấy thì không còn cách nào khác là tham gia toàn cầu hóa.

Theo Luật đất đai số 45/2013/QH13 của Quốc Hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam [35] thì nhóm đất nông nghiệp gồm cả đất nông nghiệp, đất lâm nghiệp (diện tích rừng đặc dụng, diện tích rừng phòng hộ và diện tích rừng sản xuất) và diện tích nuôi trồng thủy sản. Cách hiểu như vậy là theo yêu cầu “quản lý” hay do chi phối bởi yếu tố quản lý nhà nước. Ở Việt Nam, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chịu trách nhiệm thực thi chức năng quản lý nhà nước đối với cả sản xuất nông nghiệp, thủy sản và lâm nghiệp nhưng phân loại đất không nên theo hoạt động quản lý nhà nước. Từ trước tới nay, ở nước ta, nhiều người quan niệm “nông nghiệp theo nghĩa rộng hay theo nghĩa hẹp”. Theo họ khi nói nông nghiệp theo nghĩa rộng là bao gồm cả nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản.

Theo Niên giám thống kê quốc gia Việt Nam [43] thì sản xuất nông nghiệp gồm ba lĩnh vực: Trồng trọt, chăn nuôi (cả nuôi trồng thủy sản) và dịch vụ nông nghiệp chứ không bao gồm lâm nghiệp. Lâm nghiệp có biểu bảng thống kê riêng. Ngành thống kê Việt Nam quan niệm đất nông nghiệp là diện tích đất sử dụng để phát triển sản xuất nông nghiệp.

Tác giả luận án thấy cách hiểu của ngành thống kê nước ta như thế là phù hợp. Không nên gộp chung đất sản xuất nông nghiệp với đất lâm nghiệp. Thực tế trong nhiều năm qua, đất nông nghiệp được sử dụng để sản xuất ra nông sản; còn đất lâm nghiệp được sử dụng để sản xuất ra lâm sản (diện tích rừng sản xuất), ngoài ra đất lâm nghiệp còn sử dụng để phòng hộ (rừng phòng hộ) và để gìn giữ đa dạng sinh học (rừng đặc dụng).

Tiểu kết chương 1:

(1). *Những điểm luận án có thể kế thừa:* Qua việc tổng quan cho thấy, hiệu quả sử dụng đất đai nói chung liên quan chặt chẽ với hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp. Đất nông nghiệp là vấn đề quan trọng nên đã có nhiều học giả nghiên cứu. Nhìn chung các học giả tương đối thống nhất rằng, đất nông nghiệp là loại đất được sử dụng để phát triển sản xuất nông nghiệp (mà sản xuất nông nghiệp là một hệ thống kinh tế gồm có trồng trọt, chăn nuôi và dịch vụ nông nghiệp). Việc sử dụng hiệu quả đất nông nghiệp là yêu cầu bắt buộc đối với mỗi quốc gia. Nhiều học giả đồng nghĩa hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp với hiệu quả phát triển nông nghiệp. Đã có nhiều công trình nghiên cứu về hiệu quả phát triển nông nghiệp, họ đưa ra quan niệm khá rõ ràng rằng hiệu quả sản xuất nông nghiệp là quan hệ giữa kết quả và chi phí bỏ ra để phát triển nông nghiệp trong một khoảng thời gian xác định. Dù khá chung theo cách hiểu của hiệu quả một hoạt động cụ thể, nhưng đó là tư tưởng hay mà luận án này có thể kế thừa.

Luận án còn kế thừa các kết quả nghiên cứu đã công bố về một số chỉ tiêu đánh giá hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp như: chỉ tiêu GTSL; chỉ tiêu LD/1ha đất NN; với chỉ tiêu GTGT/1 ha đất NN tác giả thấy có Viện nghiên cứu phát triển kinh tế - xã hội Hà Nội đề cập đến nhưng đây là chỉ tiêu quan trọng mà luận án này có thể kế thừa một số nội dung phù hợp.

(2). Những vấn đề chưa được nghiên cứu hoặc mới được nghiên cứu sơ bộ mà luận án phải đi sâu nghiên cứu

Nhìn chung các học giả chưa nghiên cứu thỏa đáng về vấn đề hiệu quả phát triển nông nghiệp nói chung và hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp nói riêng trong điều kiện phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa mà Việt Nam đang theo đuổi. Một số học giả đề cập đến vấn đề hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp nhưng chỉ đề cập một cách khá chung, hoặc chỉ nói tới năng suất ruộng đất đối với từng loại cây trồng. Một số học giả tuy đã nghiên cứu về hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp nhưng hoặc là dừng lại ở việc trình bày những nguyên tắc, tư tưởng chung; hoặc là chỉ nói tới giá trị kinh tế tạo ra trên mỗi ha đất nông nghiệp. Việc phân tích hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp chủ yếu theo mô hình chi phí – kết quả đối với từng loại sản phẩm nông sản hoặc đối với từng đơn vị sản xuất kinh doanh nông nghiệp. Hiện chưa có học giả nào đề cập tới vấn đề khi nào thì hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp được coi là cao hay thấp; ở mức nào thì không chấp nhận được. Nhìn chung, các học giả chưa đề cập đến hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp một cách toàn diện và đầy đủ.

Trên cơ sở những nội dung trình bày ở trên, tác giả luận án sẽ phải đi sâu làm rõ những vấn đề cơ bản mang tính lý thuyết như: i) Với tư duy mới là dựa trên các yếu tố kinh tế kỹ thuật của hoạt động sản xuất nông nghiệp sẽ đưa ra quan niệm rõ ràng hơn về đất nông nghiệp; ii) Hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp và yếu tố ảnh hưởng tới hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp có nội dung ra sao; iii) Nội dung và bộ chỉ tiêu đánh giá hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp trong điều kiện Việt Nam để vận dụng vào việc nghiên cứu hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp ở tỉnh Phú Thọ là gì.

CHƯƠNG 2

CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ HIỆU QUẢ SỬ DỤNG ĐẤT NÔNG NGHIỆP TRÊN ĐỊA BÀN CẤP TỈNH VÀ KINH NGHIỆM THỰC TIỄN

Trên cơ sở kế thừa những kết quả đã tổng quan ở Chương 1 và quan sát thực tiễn phát triển nông nghiệp và sử dụng đất nông nghiệp ở Việt Nam nói chung và ở tỉnh Phú Thọ nói riêng, chương này tập trung làm rõ cơ sở lý luận về hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp và kinh nghiệm thực tiễn nâng cao hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp ở cấp tỉnh để tạo dựng cơ sở lý thuyết phục vụ việc nghiên cứu của luận án. Với phương châm đó, Chương 2 tập trung nghiên cứu những vấn đề cơ bản dưới đây:

2.1. Cơ sở lý luận về hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp

Với mục đích xây dựng cơ sở lý thuyết phục vụ việc nghiên cứu vấn đề hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp, phần này sẽ nghiên cứu làm rõ những vấn đề lý thuyết quan trọng và trực tiếp phản ánh mục đích của Chương 2. Liên quan tới luận án thì có nhiều vấn đề lý luận cần quan tâm nhưng ở phần “cơ sở lý luận”, tác giả sẽ tập trung nghiên cứu để làm rõ những nội dung (hay vấn đề) cơ bản dưới đây:

2.1.1. Hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp

Trước hết, tác giả cho rằng phải làm rõ vấn đề sử dụng đất nông nghiệp mà gắn liền với nó là vấn đề cơ cấu sử dụng đất nông nghiệp. Thực chất của việc xem xét cơ cấu sử dụng đất nông nghiệp là phân tích xem sử dụng đất nông nghiệp để làm gì hay sử dụng đất nông nghiệp như thế nào. Đất nông nghiệp được sử dụng để trồng trọt, chăn nuôi như ra sao, trong đất trồng trọt thì diện tích để trồng cây hàng năm và cây lâu năm bao nhiêu...

Tác giả cho rằng, khi xem xét hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp trong quá trình CNH, HĐH nông nghiệp, nông thôn cũng như trong điều kiện phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở nước ta cần chú ý một số điểm quan trọng sau:

+ Lợi ích của người sử dụng đất nông nghiệp không chỉ đảm bảo lợi ích của người sản xuất nông nghiệp mà còn phải phục vụ lợi ích của địa phương cũng như của cả nền kinh tế quốc gia. Người nông dân không thể chỉ vì lợi ích của bản thân mà bỏ

qua lợi ích của quốc gia hay của địa phương. Khi cần thiết người nông dân cần vì lợi ích quốc gia mà chuyển mục đích sử dụng cho lĩnh vực phi nông nghiệp, song những người sản xuất phi nông nghiệp cũng phải quan tâm đúng mức tới lợi ích của người nông dân.

+ Xã hội hóa sản xuất, gắn kết chặt chẽ nhà sản xuất nông nghiệp với các nhà khoa học, nhà công nghiệp chế biến, nhà phân phối trong mối quan hệ với quản lý nhà nước để cùng phát triển các chuỗi giá trị và các tổ hợp sản xuất lãnh thổ hiện đại. Xã hội hóa gắn liền với HĐH sản xuất trên cơ sở ứng dụng công nghệ cao để phát triển nông sản hàng hóa không chỉ được coi là phương thức phát triển nông nghiệp mà còn được xem là con đường làm giàu của người nông dân.

+ Phải tính đến yếu tố toàn cầu hóa (toàn cầu hóa công nghệ sản xuất và chất lượng sản xuất cùng giá cả nông sản cũng như tham gia các chuỗi giá trị sản xuất nông nghiệp) và hội nhập kinh tế quốc tế trở thành yếu tố ảnh hưởng lớn tới hiệu quả phát triển nông nghiệp nói chung và hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp nói riêng.

- Trong quá trình CNH, HĐH nói chung và CNH, HĐH nông nghiệp, nông thôn nói riêng ở nước ta thì vấn đề sản xuất hàng hóa lớn là một đòi hỏi khách quan và cần được xem là yêu cầu quan trọng đối với việc sử dụng đất nông nghiệp. Việc sản xuất phân tán, nhỏ lẻ không còn phù hợp. Trong quá trình CNH, HĐH đất nước việc dành một khoản diện tích đất nông nghiệp cho các mục đích phi nông nghiệp (để phát triển đô thị, công nghiệp và dịch vụ) là xu thế tất yếu. Vì thế, trong điều kiện diện tích đất nông nghiệp giảm đi nhưng nhu cầu về nông sản thực phẩm của con người lại tăng lên không ngừng. Do đó, HĐH nông nghiệp và gắn nông nghiệp với phát triển công nghiệp là không thể tránh khỏi và bắt buộc phải làm một cách tích cực và chủ động. Quan điểm sử dụng đất phải lấy hiệu quả làm tiêu chí tối thượng và tiết kiệm sử dụng đất phải là nguyên tắc chỉ đạo hàng đầu.

- Cho đến nay ở Việt Nam chưa có chuẩn chung để so sánh mức độ hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp trên phạm vi quốc gia cũng như trên phạm vi cấp tỉnh. Đây là vấn đề khó khăn đối với luận án. Nếu lấy mức giá trị gia tăng trên mỗi ha đạt được ở những nơi phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao làm chuẩn so sánh thì không thực tế

cho việc đánh giá hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp đối với một tỉnh. Sau những lần làm việc với các hộ trồng bưởi, trồng rau chất lượng cao và khảo sát thực tế ở những vùng trồng chè hay trồng hồng ở Phú Thọ, tác giả luận án thấy rằng, đối với sản xuất nông nghiệp ở Phú Thọ nếu lợi nhuận trên doanh thu được 4- 5% thì có thể xem là mức hiệu quả thấp; khoảng 6-10% được xem là mức hiệu quả trung bình; từ 10 - 20% được xem là mức hiệu quả khá và trên 21% sẽ có thể được xem là mức hiệu quả cao¹.

2.1.1.1 Đất nông nghiệp

Đây là vấn đề quan trọng mà luận án phải làm rõ. Từ xưa tới nay, người ta coi đất nông nghiệp là tư liệu sản xuất của người nông dân hoạt động trong lĩnh vực sản xuất nông nghiệp. Trong thời đại ngày nay, đất nông nghiệp càng không bất biến, nó thay đổi theo thời gian và bị chi phối rất lớn từ các quy luật của kinh tế thị trường và sự quản lý của nhà nước. Đất nông nghiệp có thể trở thành đất phi nông nghiệp chứ không có chiều ngược lại. Vì thế, việc gìn giữ đất nông nghiệp cần được chú ý đúng mức. Không thể vô thức để diện tích đất nông nghiệp là những diện tích đã được cải tạo thành đất thuộc qua hàng nghìn năm trở thành đất phi nông nghiệp chỉ trong thời gian tính bằng ngày. Mặt khác, trong những điều kiện có thể nên có giải pháp chuyển những diện tích chưa sử dụng thành diện tích đất nông nghiệp (người ta thường nói đó là việc khai hoang để phát triển nông nghiệp). Việc tăng hay giảm diện tích đất nông nghiệp không những phụ thuộc vào chính sách sử dụng đất đai của nhà nước mà còn phụ thuộc rất lớn vào lợi ích (lợi nhuận) có được nếu đất nông nghiệp được sử dụng. Nếu có lợi nhuận cao thì người ta sử dụng đất nông nghiệp tới mức tối đa nhưng nếu không có lợi nhuận thì người ta không những không nhất thiết phát triển sản xuất mà còn có thể bỏ hoang đất nông nghiệp để kiếm sống bằng nghề khác.

Từ nhận thức về sản xuất nông nghiệp, tác giả cho rằng, đất nông nghiệp là loại đất trực tiếp sử dụng để phát triển sản xuất nông nghiệp (mà nhiều nhà khoa học cho rằng, nó là yếu tố đầu vào để phát triển sản xuất nông nghiệp). Trên loại đất này diễn

¹Tỷ lệ lợi nhuận trên GTGTNN đối với cây chè đạt khoảng 13,7%; đối với cây bưởi Đoan Hùng khoảng 14,2%; đối với cây rau cải xanh khoảng 2,9%; đối với cây lúa -3,3%. Nguồn khảo sát và tính toán của tác giả tại huyện Đoan Hùng

ra các hoạt động sản xuất nông nghiệp; trong đó phải kể đến đất để trồng trọt, để phát triển chăn nuôi (kể cả để nuôi trồng thủy sản) nhằm tạo ra nông sản hàng hóa, đáp ứng nhu cầu của con người và làm nguyên liệu phục vụ phát triển công nghiệp chế biến. Đất nông nghiệp ở Việt Nam được sử dụng và quản lý theo Luật Đất đai 2013.

Tác giả tán đồng quan điểm với nhiều học giả rằng, đất nông nghiệp là phần diện tích đất tự nhiên đã được kết tinh bởi lao động nông nghiệp. Tức là đất tự nhiên được con người tác động vào nó với mục đích tạo ra những nông sản thiết yếu phục vụ như cầu của con người và nó trở thành đất nông nghiệp. Vì thế, đất nông nghiệp có thể trở nên tốt nếu con người tác động tích cực vào nó nhưng cũng có thể trở nên xấu nếu con người tác động tiêu cực vào nó. Chính vì lẽ ấy mà con người phải có thái độ đúng mức trong quá trình sử dụng đất nông nghiệp, giữ gìn độ màu mỡ và tái dưỡng tốt hơn cho đất nông nghiệp.

Nói đến đất nông nghiệp không thể tách biệt khỏi vấn đề sử dụng đất nông nghiệp. Mọi hoạt động sản xuất nông nghiệp đều diễn ra trên diện tích đất nông nghiệp và việc sử dụng đất nông nghiệp phụ thuộc vào rất nhiều yếu tố. Trước hết phải kể đến chủ trương, đường lối về đất đai, về phát triển nông nghiệp. Sau đó phải kể đến nhận thức, tư duy, hành động của người sử dụng nó (trong đó quan trọng là nhận thức, tư duy của người nông dân). Người dân phải biết quý trọng đất nông nghiệp và phải có ý thức tiết kiệm đất nông nghiệp cũng như có ý thức bồi dưỡng đất nông nghiệp và sử dụng đất nông nghiệp sao cho đạt được hiệu quả cao.

Thực tế chỉ ra rằng, sản xuất nông nghiệp rất khác sản xuất lâm nghiệp. Đất sử dụng để sản xuất nông nghiệp không giống đất sử dụng cho sản xuất lâm nghiệp (đất rừng sản xuất, đất rừng đặc dụng và đất rừng phòng hộ). Mục đích sử dụng và phương thức sử dụng hai loại đất này là khác nhau. Vì thế, luận án cho rằng, không nên gộp chung đất sử dụng cho sản xuất nông nghiệp (đất trồng trọt và chăn nuôi) với đất sử dụng cho sản xuất lâm nghiệp (đất rừng và kinh doanh lâm nghiệp). Tách bạch thành hai loại đất nông nghiệp và đất lâm nghiệp là hợp lý hơn cho việc nghiên cứu đất nông nghiệp.

Tác giả của luận án đồng tình với quan điểm của các giáo trình về kinh tế đất nông nghiệp và cho rằng, đất nông nghiệp được giới hạn ở loại đất được sử dụng để phát triển nông nghiệp, tạo ra nông sản (không bao gồm đất sử dụng để phát triển lâm nghiệp). Tức là đất nông nghiệp chỉ gồm các loại đất chính như sau:

- + Đất trồng cây hàng năm (gồm đất trồng lúa và đất trồng cây hàng năm khác);
- + Đất trồng cây lâu năm (đất trồng cây ăn quả và cây công nghiệp lâu năm);
- + Diện tích mặt nước nuôi trồng thủy sản (hiện nay ở Việt Nam không tính mặt nước sông nuôi cá bè, mặt nước biển nuôi hải sản bằng lồng hoặc nuôi ngọc trai);
- + Đất chăn nuôi tập trung (ví dụ trang trại chăn nuôi lợn, trang trại chăn nuôi bò, trang trại chăn nuôi gia cầm...);
- + Đất sản xuất muối;
- + Đất nông nghiệp khác (gồm đất sử dụng để xây dựng nhà kính và các loại nhà khác phục vụ mục đích trồng trọt, kể cả các hình thức trồng trọt không trực tiếp trên đất; xây dựng chuồng trại chăn nuôi gia súc, gia cầm và các loại động vật khác được pháp luật cho phép; đất trồng trọt, chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản cho mục đích học tập, nghiên cứu thí nghiệm; đất ươm tạo cây giống, con giống và đất trồng hoa, cây cảnh).

Luận án nghiên cứu đất nông nghiệp ở tỉnh Phú Thọ nên chỉ nghiên cứu theo 4 loại đất:

- Đất trồng cây hàng năm (đất trồng cây lương thực, rau màu, cây công nghiệp ngắn ngày).
- Đất trồng cây lâu năm gồm đất trồng cây ăn quả (đất trồng bưởi, cam, chanh, quýt, hồng...) và đất trồng cây công nghiệp lâu năm (như đất trồng cây chè, cao su, cà phê...).
- Đất nông nghiệp khác (gồm đất sử dụng để xây dựng chuồng trại chăn nuôi gia súc, gia cầm tập trung; diện tích nuôi trồng thủy sản tập trung và đất xây dựng các kho trữ và bảo quản nông sản. Diện tích sử dụng cho việc chăn nuôi trong đất thổ cư của các hộ gia đình không tính vào đất nông nghiệp).

Tỉnh Phú Thọ thuộc vùng Trung du miền núi nên không có đất làm muối. Vì thế luận án không nghiên cứu loại đất này.

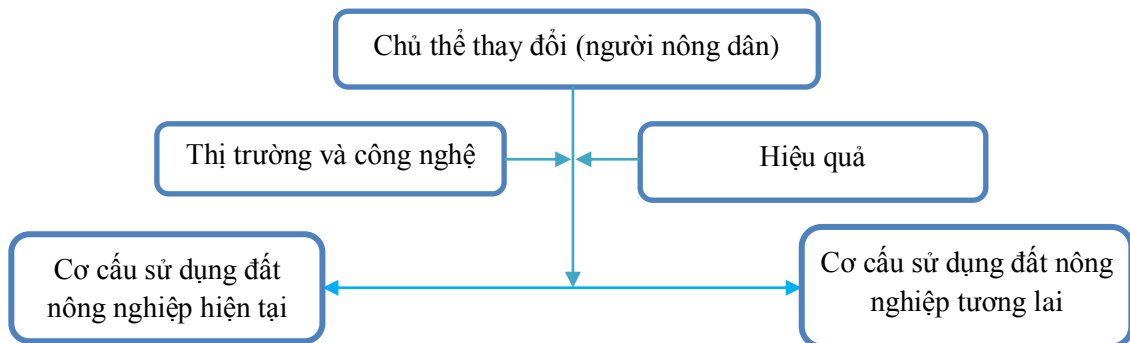
Đối với tỉnh Phú Thọ, phần nhiều là diện tích thuộc đất đồi núi nên đất nông nghiệp cũng trải theo địa hình. Đất nông nghiệp được phân chia theo độ dốc để xây dựng phương án sử dụng cho phù hợp. Cụ thể là:

- + Đất có độ dốc từ 25% trở lên (thường sử dụng kết hợp nông – lâm nghiệp).
- + Đất có độ dốc từ 5 đến dưới 25% (thường sử dụng chủ yếu để trồng cây ăn quả và cây công nghiệp lâu năm hoặc trồng cỏ chăn nuôi trâu bò).
- + Đất có độ dốc từ 3-5% (thường sử dụng chủ yếu để trồng cây công nghiệp và cây lương thực hàng năm).
- + Đất có độ dốc dưới 3% (thường sử dụng chủ yếu để trồng cây lương thực thực phẩm hàng năm).

Tuy đất sử dụng cho các nhà máy công nghiệp chế biến không tính vào đất nông nghiệp (mà tính vào đất phi nông nghiệp) nhưng khi nghiên cứu đất nông nghiệp ở một địa phương cụ thể nhất thiết phải tính tới diện tích đất dành cho việc bố trí các nhà máy công nghiệp chế biến. Các nhà máy này làm gia tăng nhiều giá trị kinh tế cho nông sản.

2.1.1.2. Sản xuất nông nghiệp

Để có cách nhìn hệ thống, luận án trình bày khái quát về nông nghiệp để có căn cứ lý giải đối với vấn đề sử dụng đất nông nghiệp.



Hình 2.1: Sơ đồ lý thuyết đổi mới cơ cấu sử dụng đất nông nghiệp qua các giai đoạn

Nguồn: Tác giả

Nông nghiệp là một trong những ngành kinh tế quốc dân (gồm nông nghiệp, công nghiệp và dịch vụ). Nó có vai trò quan trọng trong việc đảm bảo an ninh lương

thực thực phẩm; tạo việc làm, tăng thu nhập, nuôi sống nhiều người dân; đáp ứng nhu cầu nguyên liệu cho công nghiệp chế biến nông sản; góp phần đảm bảo an ninh nước và an ninh năng lượng. Nói một cách cụ thể hơn, sản xuất nông nghiệp là các hoạt động kinh tế nhằm đáp ứng nhu cầu của xã hội về nông sản; dựa trên việc sử dụng đất nông nghiệp (hoặc thậm chí trong thời đại ngày nay còn là không gian nông nghiệp: mặt đất cùng không gian trên và dưới mặt đất sử dụng để phát triển nông nghiệp) cũng như dựa trên việc sử dụng các tài nguyên nông nghiệp khác như: nước, khí hậu, lao động... Cũng như các ngành kinh tế khác, nông nghiệp vận động không ngừng theo các quy luật tự nhiên, kinh tế, xã hội và thay đổi theo thời gian và theo không gian. Ngày nay người ta sử dụng các phương thức canh tác nông nghiệp hiện đại phi truyền thống như thủy canh và khí canh. Tuy nhiên dù canh tác theo phương cách thủy canh hay khí canh vẫn phải sử dụng một mặt bằng diện tích nào đó để thực hiện việc canh tác. Ví dụ: người ta trồng nấm, trồng rau xanh trong một khu nhà hoặc người ta trồng hoa hay trồng rau xanh trên mái nhà cao tầng... Trong luận án này, tác giả chỉ nghiên cứu các hoạt động sản xuất trên diện tích đất nông nghiệp (theo đúng nghĩa của từ này trong hệ thống phân loại đất đai của quốc gia).

Ngày nay, phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao và sản xuất nông sản sạch, hữu cơ đã trở thành xu hướng chung. Bên cạnh việc xác định cơ cấu sử dụng đất nông nghiệp phải gắn liền với phát triển nông nghiệp hữu cơ, ứng dụng công nghệ cao thân thiện với môi trường. Vì thế hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp gắn liền với sự phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, thân thiện với môi trường. Đồng thời, phát triển nông nghiệp diễn ra không chỉ bởi người nông dân (với tư cách là chủ thể) sử dụng tư liệu sản xuất là đất nông nghiệp mà còn bởi các chủ thể khác có liên quan như nhà công nghiệp, nhà khoa học và nhà phân phối cũng như bởi cả người tiêu dùng nông sản. Vì vậy, nông nghiệp mang tính xã hội hóa rất cao.

Theo nhiều học giả đã được tác giả luận án tổng quan ở Chương 1 và theo hệ thống phân ngành kinh tế quốc dân của Tổng cục thống kê (áp dụng từ năm 2007) đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt thì nông nghiệp là một ngành kinh tế trong hệ thống các ngành kinh tế quốc dân (gồm: nông nghiệp, công nghiệp - xây dựng và dịch

vụ). Mỗi ngành lớn này lại tiếp tục chia thành các phân ngành; các phân ngành lại chia thành các tiểu phân ngành. Ví dụ: Nông nghiệp chia thành trồng trọt. Đến lượt mình trồng trọt lại chia thành trồng cây hàng năm, trồng cây lâu năm. Hay công nghiệp chia thành công nghiệp khai khoáng, công nghiệp chế biến chế tạo... Công nghiệp chế biến chế tạo lại chia thành công nghiệp điện tử, công nghiệp kim khí... Hoặc dịch vụ chia thành thương mại, du lịch, dịch vụ khoa học... Đến lượt mình thương mại lại chia thành thương mại nội địa và ngoại thương...

Nông nghiệp gắn kết chặt chẽ với các ngành kinh tế quốc dân khác (công nghiệp, xây dựng và dịch vụ) trong mối quan hệ tương tác, phụ thuộc lẫn nhau. Nếu sản xuất nông nghiệp phát triển, tạo ra nhiều nông sản nhưng không có đường giao thông, thiếu vận tải thì nông sản sẽ được vận chuyển thế nào, tiêu thụ ở đâu hoặc muốn nông nghiệp được hiện đại hóa thì công nghiệp và nghiên cứu khoa học công nghệ phải phát triển. Một khi công nghệ gen, sinh học, hóa học, thông tin... không phát triển và trong tình trạng thiếu vốn tài chính thì nông nghiệp khó phát triển. Mặt khác, ngày nay sản xuất nông nghiệp của bất kỳ quốc gia nào hay vùng lãnh thổ nào thì cần phải đặt nó trong bối cảnh toàn cầu hóa mà sự tác động mạnh mẽ của các chuỗi giá trị và các mạng phân phối toàn cầu.

Sản xuất nông nghiệp chịu ảnh hưởng nhiều từ điều kiện khí hậu thời tiết và chịu ảnh hưởng lớn từ toàn cầu hóa. Nông nghiệp là ngành chịu nhiều rủi ro từ biến đổi khí hậu. Vấn đề phát triển nông nghiệp tuy không còn quá lệ thuộc vào điều kiện tự nhiên nhưng các hiện tượng tự nhiên như bão lụt, thiên tai, hạn hán vẫn ảnh hưởng rất nhiều tới phát triển nông nghiệp. Vì thế việc phát triển nền nông nghiệp thích ứng với thời tiết khí hậu và thân thiện với môi trường là vấn đề có tính chiến lược đối với cả cấp quốc gia và cấp địa phương. Đồng thời, trong thời đại ngày nay sản xuất nông nghiệp, nhất là ở các nước đang phát triển chịu ảnh hưởng lớn từ toàn cầu hóa. Chu kỳ sản phẩm thu ngắn lại, yêu cầu đổi mới nông nghiệp, thay đổi chất lượng nông sản đặt ra cấp bách.

Quay trở lại với vấn đề nông nghiệp, tác giả thống nhất với nhiều ý kiến đã được tổng quan rằng, sản xuất nông nghiệp chia ra thành ba phân ngành: Trồng trọt,

chăn nuôi và dịch vụ nông nghiệp. Trong trồng trọt có trồng cây hàng năm, cây lâu năm, trồng cỏ chăn nuôi. Trong chăn nuôi có chăn nuôi gia súc, gia cầm và nuôi trồng thủy sản. Trong dịch vụ nông nghiệp có dịch vụ chuyên lĩnh vực vật tư nông nghiệp (chuyên doanh thuốc trừ sâu, chuyên doanh phân bón hoặc chuyên doanh máy móc nông nghiệp...) và các dịch vụ khác liên quan như thu mua, tiêu thụ nông sản, dịch vụ tưới tiêu... Hiện nay ở Việt Nam vẫn chưa hình thành lĩnh vực dịch vụ thông tin nông nghiệp riêng.

Nông nghiệp là một trong những ngành kinh tế quốc dân của Việt Nam. Nó không những đáp ứng nhu cầu cho xã hội về nông sản thực phẩm mà còn tạo ra việc làm cho người lao động, cung cấp nguyên liệu cho công nghiệp chế biến mà còn đóng góp quan trọng vào việc gia tăng quy mô kinh tế quốc gia hay của địa phương. Nông nghiệp góp phần quyết định vào việc đảm bảo an ninh lương thực, thực phẩm và các loại an ninh khác mà nông nghiệp có liên quan mà trước hết phải kể đến an ninh năng lượng, an ninh nước và an ninh môi trường.

Tác giả cho rằng, trong quá trình thực hiện chủ trương công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở nước ta, việc chuyển một phần diện tích đất nông nghiệp sang cho mục đích xây dựng kết cấu hạ tầng kỹ thuật, phát triển công nghiệp, phát triển dịch vụ và đô thị là tất yếu. Để phát triển đất nước nhất thiết phải phát triển các công trình giao thông (đường sá, sân bay, bến cảng, đầu mối giao thông...), công trình sản xuất và chuyển tải điện, công trình nước, xử lý chất thải... Trong quá trình phát triển đất nước các đô thị sẽ nhanh chóng hình thành và cũng cần đất. Hàng loạt khu, cụm, điểm công nghiệp và trung tâm dịch vụ sẽ được xây dựng. Để xây dựng những công trình như vậy phải có đất và phần lớn ở những khu vực thuận tiện giao thông, nói cách khác là phải lấy vào diện tích đất nông nghiệp. Theo Nghị quyết số 17/2011/QH13 (ngày 22/11/2011) về quy hoạch sử dụng đất quốc gia đến năm 2020 thì diện tích đất phi nông nghiệp tăng khoảng 1 triệu ha, diện tích này chủ yếu là đất nông nghiệp. Nếu tính đất nông nghiệp chiếm khoảng 70% số diện tích này thì đất nông nghiệp cũng sẽ chuyển cho mục đích phi nông nghiệp khoảng 70 vạn ha (bằng khoảng 7% diện tích đất nông nghiệp hiện có vào năm 2018). Diện tích đất nông nghiệp giảm đi do chuyển mục đích sử dụng là con

số lớn. Giảm thiểu mâu thuẫn giữa việc lấy đất nông nghiệp sang sử dụng cho mục đích khác thì khi tìm đất bố trí các công trình phi nông nghiệp chỉ nên lấy vào những nơi có diện tích đất nông nghiệp thuộc loại đất xấu, sản xuất nông nghiệp cho năng suất thấp, bấp bênh; đồng thời giải quyết thỏa đáng lợi ích cho người nông dân thông qua trả tiền đền bù hoặc cho người nông dân góp vốn bằng giá trị của đất nông nghiệp.

Theo thời gian, thị trường thay đổi, tiến bộ khoa học công nghệ thay đổi, sự phát triển của các ngành khác thay đổi và chính sách phát triển của nhà nước cũng thay đổi nên cơ cấu sử dụng đất nông nghiệp cũng thay đổi. Việc thay đổi cơ cấu sử dụng đất nông nghiệp do yếu tố hiệu quả quyết định. Khi hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp giảm sút hoặc không còn hiệu quả nữa thì phải tìm cách thay đổi cơ cấu sử dụng đất nông nghiệp. Việc đổi mới cơ cấu sử dụng đất nông nghiệp phải được luận chứng một cách khoa học trên cơ sở xác định được hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp mà người nông dân hướng tới trong tương lai. Trong khi tính toán hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp phải chú ý tới tất cả các yếu tố ảnh hưởng tới hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp và mức độ hiệu quả đạt được phải cao hơn hẳn so hiện tại cũng như phải đảm bảo có được sự phát triển nông nghiệp bền vững về lâu dài.

Việc lấy đất nông nghiệp cho các mục đích khác sẽ xảy ra “xung đột” với nông dân do họ mất đất là tư liệu sản xuất quan trọng đối với sinh kế. Vì thế không chỉ tiết kiệm đất mà còn phải sử dụng hiệu quả số đất nông nghiệp còn lại. Làm thế nào để sử dụng hiệu quả quỹ đất nông nghiệp còn lại là vấn đề lớn, có ý nghĩa chiến lược. Công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn là vấn đề then chốt để giải quyết vấn đề đất nông nghiệp bị sụt giảm ở Việt Nam. Bồi dưỡng đất, lựa chọn cơ cấu cây trồng vật nuôi và mô hình canh tác tiến tiến cùng với việc phát triển những hình thức tổ chức đất nông nghiệp theo hướng hiện đại là yêu cầu khách quan. Phát triển theo chuỗi giá trị và theo các tổ hợp nông - công nghiệp hoặc theo hình thức cụm liên kết đa ngành - vùng là hướng phát triển đúng đắn gắn kết chặt chẽ với hiện đại hóa. Hiện đại hóa mới là phương thức để thịnh vượng của mọi quốc gia dân tộc.

2.1.1.3. Hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp

Để hiểu rõ vấn đề này cần làm rõ một số điểm cơ bản sau đây:

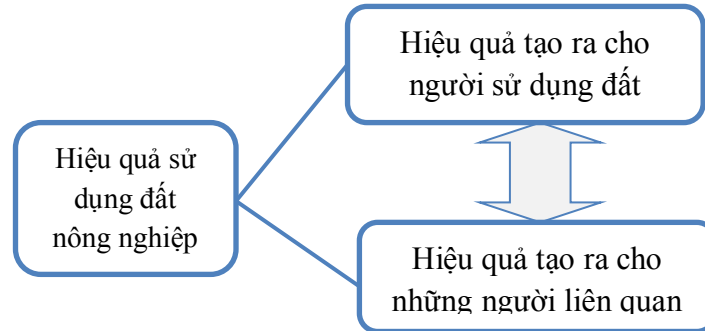
+ Hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp được phản ánh thông qua hiệu quả phát triển sản xuất nông nghiệp. Vì chỉ có thông qua hoạt động sản xuất nông nghiệp thì mới có được kết quả sản xuất, có được hiệu quả sản xuất nông nghiệp và từ đó mới có được hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp.

+ Quan niệm về hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp không thể xa rời nguyên tắc lý thuyết chung về hiệu quả phát triển mà tư tưởng chủ đạo của nó là xem hiệu quả phát triển như là chênh lệch giữa kết quả đạt được và chi phí bỏ ra (tính theo số tuyệt đối hoặc số tương đối). Xét ở phương diện khác, nó phản ánh giá trị gia tăng, tỷ suất hàng hóa của phát triển nông nghiệp tạo ra trên mỗi ha đất nông nghiệp. Hiệu quả phát triển nông nghiệp là một trong các bộ phận của hiệu quả phát triển kinh tế – xã hội. Hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp là một trong các bộ phận cấu thành hiệu quả phát triển nông nghiệp, nó phản ánh hiệu quả tạo ra trên mỗi ha đất nông nghiệp. Các chỉ tiêu hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp trực tiếp phản ánh hiệu quả phát triển nông nghiệp. Hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp của một địa phương cần được so sánh qua các năm. Mục đích quan trọng của việc đánh giá hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp của một địa phương chính là xem xét diễn biến (hay mức độ thay đổi) các trị số đo lường hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp qua các năm để thấy xu thế tốt hay xấu đối với chỉ tiêu hiệu quả. Việc so sánh hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp của địa phương này so với địa phương khác là vấn đề khó. Nếu các điều kiện về đất nông nghiệp giống nhau thì mới so sánh được và khi ấy so sánh mới đem lại ý nghĩa thực chất.

- Hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp phản ánh kết quả, lợi ích (hay giá trị) đem lại trên mỗi ha đất nông nghiệp trong một năm hay trong một giai đoạn xác định. Nó thể hiện thông qua hiệu quả phát triển nông nghiệp. Thực tế cho thấy, hiện đại hóa nông nghiệp (hiện đại hóa cơ cấu sản xuất và tổ chức sản xuất) quyết định hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp. Hiện đại hóa nông nghiệp không chỉ là HĐH công nghệ, kỹ năng canh tác, thu hoạch, bảo quản, vận chuyển, tiêu thụ nông sản mà còn là gắn kết chặt chẽ sản xuất nông sản với công nghiệp chế biến và các mạng cung ứng khác.

Hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp trong quá trình CNH, HĐH nông nghiệp, nông thôn cũng như trong điều kiện phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ

nghĩa là bộ phận quan trọng của hiệu quả phát triển nông nghiệp. Theo tinh thần đó, khi sử dụng đất nông nghiệp cần bám sát các nguyên tắc:



Hình 2.2: Sơ đồ hóa hàm ý hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp

Nguồn: Tác giả

Về mặt định lượng nó phản ánh tác động của hoạt động cụ thể tới sự phát triển kinh tế - xã hội - môi trường. Để làm rõ hơn vấn đề này, luận án trình bày thêm một số điểm quan trọng dưới đây:

+ Hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp không chỉ là mục tiêu của người nông dân mà còn phải mang đến lợi ích cho nhà sản xuất công nghiệp và cho nhà phân phối cũng như mang tới lợi ích cho người tiêu dùng. Nếu chỉ vì lợi ích của người nông dân mà không trông lúa thì liệu an ninh lương thực của nước ta có đảm bảo được không hoặc nếu chỉ vì lợi ích của người nông dân trực tiếp sản xuất nông nghiệp mà sử dụng thuốc tăng trọng để chăn nuôi, thuốc hóa học để tạo nạc trong chăn nuôi lợn hay sử dụng quá nhiều thuốc sâu, thuốc kích thích tăng trưởng để tăng năng suất cây trồng... thì lợi ích của người tiêu dùng nông sản sẽ ra sao?

+ Hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp được hiểu là hiệu quả hoạt động của con người để tạo ra sản phẩm nông nghiệp trên mỗi ha đất nông nghiệp; nhưng nó không chỉ đem lại lợi ích cho bản thân người sản xuất nông sản mà còn phải mang lại lợi ích cho những người liên quan như nhà khoa học, nhà công nghiệp chế biến, nhà phân phối và tiêu thụ nông sản... Nói như vậy có nghĩa là hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp mang tính tổng hợp rất rõ; đồng thời vừa mang tính kinh tế vừa mang tính xã hội. Do

đó, khi xem xét hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp phải phân tích cả khía cạnh kinh tế và khía cạnh xã hội của hiệu quả.

+ Hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp được xem xét trên các phương diện nhân tố tạo thành sản xuất nông nghiệp. Như ở trên đã nêu, sản xuất nông nghiệp cấu thành bởi ba bộ phận: trồng trọt, chăn nuôi và dịch vụ nông nghiệp nên hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp là tổng thể hiệu quả sử dụng các loại đất trực tiếp dành để phát triển sản xuất nông nghiệp trực tiếp và dịch vụ phát triển nông nghiệp. Cho nên về nguyên tắc hiệu quả phát triển nông nghiệp là một hệ thống cấu thành bởi: hiệu quả của trồng trọt; hiệu quả của chăn nuôi và hiệu quả của dịch vụ nông nghiệp.

* Hiệu quả sử dụng đất trồng trọt chính là hiệu quả của hoạt động trồng cây, tạo ra nông sản là lương thực, rau củ quả, trái cây, các sản phẩm cây công nghiệp ngắn và dài ngày trên mỗi ha trồng trọt. Thực tế người ta có thể tính được hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp cho các nhóm cây trồng. Vì thế, việc xem xét hiệu quả sử dụng đất đối với các loại cây trồng có ý nghĩa thiết thực.

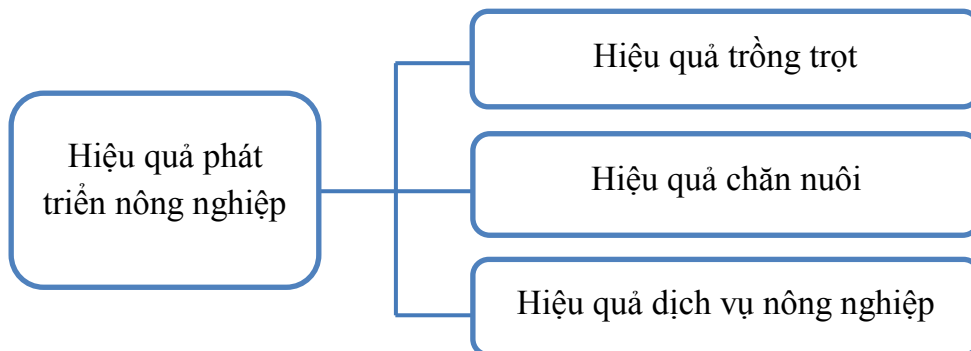
* Hiệu quả chăn nuôi là hiệu quả của các hoạt động chăn nuôi, tạo ra các sản phẩm thịt, sữa, trứng, các loại thủy sản.... trên mỗi ha sử dụng cho chăn nuôi. Các hoạt động chăn nuôi diễn ra trên đất nông nghiệp (phần đất nông nghiệp dành cho chăn nuôi tập trung, trồng thức ăn gia súc...).

* Hiệu quả các hoạt động dịch vụ nông nghiệp. Các hoạt động có thể phân bố trên đất nông nghiệp và cũng có thể diễn ra tại khu vực gắn với đất thổ cư và đất dành chung cho dịch vụ ở địa bàn nông thôn. Việc bóc tách kết quả dịch vụ nông nghiệp trên đất nông nghiệp và trên các phần đất thổ cư là rất khó khăn.

* Trong thực tế, chưa có công trình nghiên cứu nào về hiệu quả sử dụng đất cho trồng trọt, chăn nuôi và phát triển các công trình dịch vụ nông nghiệp mà thông thường tính toán chỉ tiêu hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp bằng cách lấy tổng giá trị gia tăng nông nghiệp chia cho tổng diện tích đất nông nghiệp thực tế sử dụng.

Trong quá trình phân tích hiệu quả phát triển nông nghiệp thường phải xem xét hiệu quả chung của ba bộ phận trồng trọt, chăn nuôi và dịch vụ nông nghiệp.

+ Hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp là một hiện tượng kinh tế không bất biến. Nó thay đổi theo thời gian và không gian. Thực tế chỉ ra rằng, khoa học công nghệ tiến bộ không ngừng, các mô hình canh tác hiện đại hóa không ngừng, công nghệ chế biến cũng như nhu cầu thị trường không ngừng thay đổi nên hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp cũng thay đổi không ngừng theo nguyện vọng của con người sử dụng nó. Vì vậy khi nghiên cứu hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp rất cần có quan điểm lịch sử. So sánh hiệu quả sử dụng nông nghiệp qua các thời kỳ phát triển nhớ phải dựa trên quan điểm lịch sử để có cái nhìn khách quan.



Hình 2.3: Hiệu quả phát triển nông nghiệp và cấu thành của nó

Hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp sẽ thay đổi theo thời gian, theo không gian, từ mức thấp tới mức cao và do con người quyết định.

+ Hàm ý chính sách: Hiệu quả là tiêu chí quan trọng đối với chính sách sử dụng đất nông nghiệp. Chính sách đất đai nói chung và đất nông nghiệp nói riêng phải nhằm tới mục tiêu sử dụng hiệu quả đất nông nghiệp và hướng tới việc đem lại lợi ích cho nhiều người liên quan và cho cả xã hội.

2.1.2. Yếu tố ảnh hưởng tới hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp

Hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp phụ thuộc vào nhiều yếu tố, trong đó có yếu tố quan trọng hơn và cũng có yếu tố ít quan trọng hơn và có thể thay đổi theo thời kỳ phát triển. Trong điều kiện kinh tế thị trường, toàn cầu hóa và xu hướng phát triển xanh sẽ thịnh hành, trên cơ sở tư duy mới và quan điểm mới tác giả luận án trình bày các yếu tố ảnh hưởng tới hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp theo thứ tự quan trọng như sau:

- (1). **Nhà nước và quản lý nhà nước về sử dụng đất nông nghiệp**

Trong luận án này, nhà nước mà tác giả đề cập bao gồm nhà nước trung ương và chính quyền tỉnh. Nhà nước là người quyết định đối với việc phát triển sản xuất nông nghiệp. Vai trò của nhà nước đối với hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp ở nước ta thể hiện ở những điểm chủ yếu dưới đây:

+ Nhà nước là người đề ra chủ trương, đường lối phát triển nông nghiệp. Nếu đường lối đúng thì tạo cơ sở để nền nông nghiệp phát triển có hiệu quả và ngược lại. Ví dụ, Việt Nam nên xuất khẩu 6-7 triệu tấn gạo hay dành một số diện tích đang trồng lúa sang trồng ngô, đậu tương, lúa mạch để làm thức ăn gia súc để nước ta không phải nhập khẩu ngô, khô đậu tương, lúa mạch để làm thức ăn gia súc (mà theo tác giả được biết thì gần đây mỗi mặt hàng nhập ước khoảng 1,2-1,5 triệu tấn mỗi năm). Hoặc Việt Nam có khoảng 10 triệu ha đất nông nghiệp mà trong đó có hàng vạn ha có thể trồng thức ăn nuôi bò thịt và bò sữa, thế nhưng hiện nay, hàng năm Việt Nam phải nhập khẩu tới khoảng 70% nhu cầu sữa. Vậy Nhà nước cần đưa ra chủ trương phát triển bò thịt, bò sữa như thế nào để các địa phương có cơ sở chủ động phát triển bò thịt, bò sữa một cách có hiệu quả.

+ Nhà nước là người tổ chức, hướng dẫn và kiểm tra, giám sát hoạt động nông nghiệp và sử dụng đất nông nghiệp. **Nhà nước phê duyệt quy hoạch sử dụng đất trên phạm vi cả nước, trong đó có cả quy hoạch sử dụng đất cấp tỉnh và cấp huyện. Do vậy, cần tăng cường kiểm tra, giám sát việc thực hiện sử dụng đất theo quy hoạch và việc thực hiện luật pháp về chính sách sử dụng đất nông nghiệp.** Trước hết Nhà nước là người đưa ra chủ trương đúng đắn, minh bạch về phát triển nông nghiệp; có biện pháp hỗ trợ người sản xuất; sau đó Nhà nước ban hành chính sách sử dụng đất nông nghiệp chính xác, hiệu lực và hiệu quả. Mọi việc làm của Nhà nước phải hướng tới đảm bảo khung khổ pháp lý để người dân tự giác sử dụng đất nông nghiệp một cách có hiệu quả hơn. Đồng thời, Nhà nước cần đứng ra hướng dẫn tổ chức sản xuất nông nghiệp theo hướng hiện đại, bền vững để người nông dân liên kết với nhau, để người nông dân liên kết với các nhà công nghiệp, nhà khoa học, nhà phân phối, nhà dịch vụ nông nghiệp... Đồng thời, cơ quan quản lý nhà nước còn có trách nhiệm hỗ trợ nông dân tiêu thụ nông sản.

+ Nhà nước ban hành và tổ chức thực hiện luật pháp, chính sách kinh tế vĩ mô cũng như chính sách ruộng đất. Luật pháp và hai loại chính sách này ảnh hưởng lớn tới hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp. Vì thế năng lực quản lý phát triển của nhà nước là rất quan trọng. Để đánh giá thực tế năng lực quản trị nhà nước người ta đã sử dụng nhiều chỉ số, **trong đó có năng lực cạnh tranh quốc gia**. Đối với cấp quốc gia Diễn đàn kinh tế thế giới hàng năm xếp hạng khả năng cạnh tranh toàn cầu. Ví dụ: năm 2014 Việt Nam đứng thứ 54 trong 143 nước được khảo sát và đứng thứ 6 trong các nước ASEAN [cụ thể là đứng sau Singapore (vị trí số 2), Malaysia (vị trí số 18), Thái Lan (vị trí số 32), Indonesia (vị trí số 37) và Philippines (vị trí số 47), chỉ đứng trên Lào, Campuchia và Mianma]. **Đối với cấp tỉnh ở Việt Nam, hàng năm, việc đánh giá năng lực quản lý và điều hành của Chính quyền cấp tỉnh thì hiện đang sử dụng hai chỉ số: năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) và hiệu quả quản trị và hành chính công (PAPI). Vai trò của Nhà nước thể hiện qua việc ban hành và tổ chức thực hiện thể chế cũng như thông qua quản lý và điều hành phát triển kinh tế.** Còn đối với địa phương, vai trò của chính quyền tỉnh đối với phát triển nói chung, trong đó có phát triển nông nghiệp cũng được phản ánh một phần thông qua hai chỉ số PCI và PAPI. Chính vì thế, để người dân và các nhà đầu tư ngoài tỉnh có được niềm tin thì chính quyền địa phương phải tìm cách nâng cao chỉ số PCI và PAPI. Khi bàn về vai trò của nhà nước đối với phát triển, tác giả luận án cho rằng, người đứng đầu cơ quan quản lý nhà nước các cấp có vai trò đặc biệt quan trọng. Vì thế họ phải tỏ rõ mình là người giỏi chuyên môn, có tâm, có bản lĩnh, có khả năng giải quyết các tình huống khó khăn và có tinh thần sáng tạo cũng như quyết tâm mạnh mẽ và có thiện chí phát triển cao. Hệ thống quyền lực cùng thể chế kinh tế quốc gia ảnh hưởng lớn tới hiệu quả phát triển nói chung và hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp nói riêng. Luật pháp về đất đai, chính sách quản lý đất nông nghiệp và các chính sách kinh tế vĩ mô tác động mạnh và trực tiếp tới hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp.

+ Nhà nước (mà cụ thể là Chính phủ) là người đứng ra ký các Hiệp định thương mại, đầu tư... tạo ra khung pháp lý cho người sản xuất bán hoặc mua nông sản, vật tư, máy móc nông nghiệp. Nhà nước tạo điều kiện để người sản xuất nông nghiệp tham

gia toàn cầu hóa cũng như tham gia các chuỗi giá trị sản xuất nông nghiệp một cách chủ động và an toàn.

+ Nhà nước ban hành và tổ chức thực hiện các quy chuẩn về môi trường đối với sản xuất nông nghiệp mà cụ thể là ban hành các quy định hạn mức về sử dụng các chất có nguy hại tới sức khỏe con người và tổn hại tới môi trường. Ví dụ, quy định dư lượng chất kháng sinh trong sản phẩm nông nghiệp hay quy định về việc cấm sử dụng chất có hại cho sức khỏe con người để tăng trọng và bảo vệ thực vật...

+ Nhà nước thực hiện chức năng quản lý đối với đất nông nghiệp và sản xuất nông nghiệp. Tác giả cho rằng, việc quản lý của nhà nước cần đáp ứng hai yêu cầu: “nắm chặt” và “để phát triển”. Nếu quản lý nhà nước mà chỉ coi trọng việc nắm chặt người sản xuất để thu thuế hay để gìn giữ quy chuẩn quốc gia thì không thể có nền nông nghiệp phát triển. Nhà nước các cấp cần cùng người nông dân tháo gỡ khó khăn và tạo ra “bà đỡ” cho nông dân làm ăn mới là vấn đề quan trọng.

+ **Quản lý nhà nước đối với đất nông nghiệp thực hiện theo luật đất đai (Luật đất đai số 45/2013/QH13 của Quốc Hội nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt nam). Đây chính là cơ sở phân cấp quản lý nhà nước đối với sử dụng đất nông nghiệp. Nếu cấp cho nhà đầu tư chuyển đổi từ 10ha đất trồng lúa trở lên thì do Thủ tướng quyết định, nếu cấp cho nhà đầu tư chuyển đổi dưới 10ha đất trồng lúa thì do HĐND tỉnh quyết định. Theo Luật đất đai, Quốc hội phê duyệt quy hoạch sử dụng đất đai quốc gia, Chính phủ (Thủ tướng Chính phủ) phê duyệt quy hoạch sử dụng đất đai của tỉnh, trên cơ sở đó UBND tỉnh phê duyệt quy hoạch sử dụng đất đai của cấp huyện.**

(2). Thị trường nông sản

Đây là yếu tố quan trọng tác động tới việc sử dụng đất nông nghiệp và phát triển nông nghiệp. Nhiều người có thể biết vai trò quan trọng của thị trường đối với phát triển nông nghiệp nói chung và sử dụng đất nông nghiệp nói chung, nhưng hiểu biết về thị trường để tận dụng tác động tích cực và giảm thiểu tác động tiêu cực để phát triển nông nghiệp có hiệu quả và bền vững thì rất khó. Mỗi quốc gia có tiêu chuẩn chất lượng nông sản cụ thể và những đòi hỏi rất khắt khe về hình thức và chất lượng sản phẩm. Thị trường nông sản ảnh hưởng trực tiếp đến giá cả nông sản và yêu cầu

chất lượng nông sản. Nhiều quốc gia “dựng” lên hàng rào “bảo hộ nông sản trong nước thông qua rất nhiều biện pháp, nào là chống bán phá giá, nào là vi phạm an toàn thực phẩm... Yếu tố thị trường càng ngày càng trở nên phức tạp.

Khi bàn về yếu tố thị trường phải chú ý vấn đề toàn cầu hóa. Ngày nay, nông sản cũng đã được toàn cầu hóa; không chỉ toàn cầu hóa về số lượng mà có cả toàn cầu hóa về chất lượng cũng như có toàn cầu hóa về công nghệ, vật tư nông nghiệp. Người dân của các quốc gia có thể và có quyền được sử dụng những nông sản có chất lượng cao giống nhau. Các Hiệp định thương mại song phương và đa phương đã ảnh hưởng to lớn đến toàn cầu hóa nông nghiệp trên phạm vi rộng lớn.

Tác giả cho rằng, khi nói tới thị trường là nói tới một yếu tố mà ý chí con người chi phối mạnh mẽ. Việc đầu cơ, lũng loạn, gian lận đã làm méo mó thị trường và làm cho vai trò thị trường không còn đúng với chính nó. Trong thực tế “mảng tối” của yếu tố thị trường bao giờ cũng khó nhận biết và luôn tiềm ẩn rủi ro.

Đối với sản xuất nông nghiệp, thị trường mà tác giả nói tới gồm thị trường tại chỗ và thị trường bên ngoài, đây cũng là điểm khó khi tính toán thị trường. Nhưng dù thế nào đi nữa thì ngày nay thị trường có ý nghĩa quyết định. Người nông dân sản xuất sản phẩm mà thị trường cần chứ không phải sản xuất hàng hóa mà họ có đã có lâu nay. Cạnh tranh về thời gian sản xuất và về chất lượng sản phẩm là yêu cầu quan trọng đối với sản xuất nông nghiệp. Người nông dân khó hoặc không thể tự tham gia các cuộc chơi lớn. Vì thế họ phải hình thành các Hiệp hội theo nghề nghiệp hoặc theo lĩnh vực nông sản. Chẳng hạn: Hiệp hội những người trồng chè, Hiệp hội những người chăn nuôi bò thịt.... Người sản xuất muốn hiểu biết đầy đủ về thị trường thì ngoài việc tổ chức dự báo thị trường còn phải sử dụng tư vấn về thị trường. Có như vậy mới giảm thiểu bất lợi, rủi ro từ thị trường.

Yếu tố thị trường thay đổi khó lường, nên cần có dự báo và kiểm soát rủi ro. Rủi ro từ thị trường là rất lớn. Vì sao vậy? Tác giả cho rằng, bên cạnh sự thay đổi khó lường của bản thân thị trường thì lại có sự tranh chấp trong “bóng tối” không bình đẳng của những người tham gia cuộc chơi.

+ Thị trường tại chỗ: trên cơ sở tính toán nhu cầu tiêu dùng tại chỗ và đáp ứng nhu cầu của khách vãng lai sẽ có được tổng nhu cầu nông sản của thị trường tại chỗ. Thị trường tại chỗ cũng phải cạnh tranh gay gắt với nông sản hàng hóa từ bên ngoài đưa tới. Vì thế có được thị phần thị trường tại chỗ cũng phải nghĩ tới việc nâng cao chất lượng sản phẩm và hạ giá thành sản phẩm nông nghiệp. Điều này rất rõ đối với gạo, trái cây, thịt bò, thịt gà của Việt Nam. Trên phạm vi cả nước, hàng năm Việt Nam nhập khẩu hàng chục vạn tấn thịt và nhiều chục vạn tấn trái cây tươi cũng như nhập khẩu tới khoảng 70% nhu cầu sữa bò. Tại sao vậy? Vì những sản phẩm nông nghiệp đó sản xuất trong nước có chất lượng kém hơn nhưng lại có giá thành cao hơn so với các nước mà nước ta nhập khẩu nông sản thực phẩm của họ.

+ Thị trường bên ngoài. Đối với địa phương nào đó thì thị trường bên ngoài là thị trường ngoài địa phương đó. Bao gồm thị trường trong nước và thị trường ngoài nước. Việc dự báo nhu cầu của loại thị trường này là tương đối khó. Thông thường căn cứ vào thực tế và khả năng tham gia thị trường trong tương lai mà tính toán khả năng cho những năm tới. Nói đến thị trường bên ngoài là nói tới cạnh tranh. Vấn đề quan trọng khi đưa nông sản ra thị trường bên ngoài là phải xác định được đối thủ cạnh tranh và đối tác liên kết có thể được. Từ những hiểu biết đó mới xác định sản xuất cái gì, với chất lượng ra sao và với khối lượng bao nhiêu? Đề đưa đi thị trường nào?

Ở nước ta, đất nông nghiệp chưa được luật pháp quy định về việc mua bán trên thị trường, người được nhà nước giao quyền sử dụng đất nông nghiệp không có quyền mua bán như đối với đất thổ cư hoặc thuê đất như đối với trường hợp các khu công nghiệp, cụm công nghiệp, vì thế vấn đề thị trường và quyền tài sản đối với đất nông nghiệp không thể luận bàn như đối với đất phi nông nghiệp.

(3). Các yếu tố đầu vào phục vụ phát triển nông nghiệp: được coi như điều kiện quan trọng để tiến hành sản xuất nông nghiệp. Nó gồm: vốn đầu tư, phân bón, thuốc trừ bệnh trên cây và đối với con vật nuôi; điện, nước, thông tin, công nghệ nông nghiệp...

Trong nhóm các yếu tố đầu vào đối với sản xuất nông nghiệp thì vốn đầu tư, kỹ thuật công nghệ và thông tin phục vụ nông nghiệp (gồm cả thông tin về thời tiết, khí

hậu) giữ vai trò quan trọng. Lâu nay, người ta nói nhiều tới vốn đầu tư đủ hay không đủ, kỹ thuật công nghệ tiên tiến hay lạc hậu còn rất ít nói tới thông tin (trừ thông tin về thời tiết, khí hậu) phục vụ nông nghiệp. Hiện nay, người nông dân rất thiếu thông tin về thị trường, tiến bộ công nghệ và quan tâm của các nhà đầu tư. Các mô hình sản xuất hiện đại (thủy canh, nhà lưới hay nhà kính, tưới nhỏ giọt, nông nghiệp hữu cơ, chuỗi giá trị sản xuất, tổ hợp nông – công nghiệp....) chưa đến được với nông dân. Trách nhiệm này trước hết là thuộc về Nhà nước.

(4). Công nghệ nông nghiệp và nhà khoa học

Công nghệ nông nghiệp: hàm ý công nghệ sử dụng trong sản xuất nông sản. Kỹ thuật và công nghệ nông nghiệp và công nghệ chế biến nông sản có ý nghĩa tiên quyết. Kỹ thuật và công nghệ nông nghiệp bao gồm: kỹ thuật và công nghệ tạo giống cây trồng, vật nuôi và công nghệ canh tác, bảo quản nông sản và công nghệ chế biến nông sản. Thông tin về kỹ thuật và công nghệ đối với người nông dân là rất quan trọng. Để tránh tình trạng thiếu thông tin, cơ quan nhà nước các cấp cần cung cấp đầy đủ, kịp thời thông tin cần thiết để phát triển nông nghiệp miễn phí trong thời gian đầu và có thu phí trong thời gian tiếp theo. Ở Việt Nam công nghệ phục vụ nông nghiệp đang còn yếu. Nước ta chưa có những viện khoa học công nghệ nông nghiệp mạnh như của Nhật Bản, Israel, Thái Lan. Nhìn chung chất lượng nông sản của Việt Nam đang thua kém so nhiều nước Đông Á. Nhờ tiến bộ khoa học công nghệ mà ở những nơi đáng ra không thể phát triển nông nghiệp thì đã trở thành nơi phát triển có hiệu quả cao. Ví dụ điển hình là nền nông nghiệp tiên tiến của Israel và của nhiều nước công nghiệp phát triển. Người ta đã sử dụng công nghệ tưới nhỏ giọt và công nghệ sinh học tạo ra những giống cây trồng chịu hạn, có năng suất cao ở Israel hay ở Mỹ. Tại Lâm Đồng và vùng ven thành phố Hồ Chí Minh đã sử dụng công nghệ cao để phát triển nông nghiệp thu được hiệu quả gấp nhiều lần so với trước đây.

Nhà khoa học: người tham gia chuỗi giá trị sản xuất và đứng ở vị trí nghiên cứu sáng tạo các tiến bộ khoa học công nghệ phục vụ phát triển nông nghiệp. Vấn đề quan trọng là khuyến khích họ, hỗ trợ họ sáng tạo tiến bộ khoa học công nghệ nông nghiệp. Thông thường họ là người nghiên cứu tạo ra những giống mới có năng suất, chất

lượng cao; đồng thời sáng tạo ra các quy trình canh tác hiện đại, các loại công nghệ phục vụ sản xuất nông nghiệp cũng như các loại công nghệ thu hoạch, bảo quản và chế biến nông sản. Ở các quốc gia có nền nông nghiệp phát triển mạnh đều có những cơ sở nghiên cứu khoa học công nghệ phục vụ phát triển nông nghiệp. Các viện nghiên cứu khoa học công nghệ về tạo giống mới, nghiên cứu công nghệ canh tác, thu hoạch, bảo quản, chế biến càng ngày càng gắn bó với sản xuất nông nghiệp. Hệ thống canh tác thông minh, phương pháp trừ sâu bằng giải pháp sinh học đang thịnh hành ở những nước có nông nghiệp phát triển chính là kết quả của các nhà nghiên cứu khoa học nông nghiệp.

(5). Những người trực tiếp khác tham gia sản xuất nông sản

Những người liên quan ở đây muốn nói đến các chủ thể trực tiếp liên quan đến việc tạo ra sản phẩm nông nghiệp thô hoặc đã qua chế biến. Đó là người nông dân; nhà chế biến nông sản phẩm; nhà phân phối, tiêu thụ nông sản; nhà bảo hiểm nông nghiệp, ngân hàng và những người khác (ví dụ nhà cung ứng vật tư, nhà vận tải, nhà cung cấp thông tin...). Họ gắn kết với nhau trên cơ sở lợi ích kinh tế (cụ thể là chia sẻ lợi ích kinh tế và rủi ro). Dưới đây tác giả trình bày cụ thể thêm về một số chủ thể:

+ *Nhà nông*: Người trực tiếp sản xuất ra nông sản trên diện tích đất nông nghiệp. Họ phải là những nông dân chuyên nghiệp được tổ chức trong thời đại toàn cầu hóa và hội nhập kinh tế quốc tế. Đồng thời, là những người không chỉ có hiểu biết về sản xuất hàng hóa bền vững (hay sản xuất xanh), có trình độ chuyên môn trong sản xuất nông nghiệp mà còn phải có tâm và đạo đức nghề nghiệp cũng như cần có trách nhiệm cao với cộng đồng, nhất là với người tiêu dùng nông sản. Người nông dân sản xuất nông nghiệp ngày nay biết thân thiện với môi trường và biết chia sẻ lợi ích với người tiêu dùng; vì họ biết đó là điều kiện tối cần thiết để phát triển nông nghiệp bền vững. Tinh thần cộng đồng và thói quen làm việc theo nhóm chi phối rất lớn tới liên kết trong sản xuất nông nghiệp và từ đó ảnh hưởng tới hiệu quả phát triển nông nghiệp cũng như hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp... Khả năng sáng tạo của người sản xuất trong việc sử dụng đất nông nghiệp cũng là yếu tố hết sức quan trọng ảnh hưởng tới hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp. Ngày nay người sản xuất không chỉ cần biết quản lý

sản xuất mà còn phải biết quản lý chiến lược; đồng thời không chỉ biết về kỹ thuật mà còn phải giỏi về kinh tế và giao thương... Ngày nay, nhà nông không chỉ là người nông dân trực tiếp sản xuất nông nghiệp như trước đây mà còn có thể là nhà công nghiệp (ví dụ Công ty mía đường Lam Sơn được Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa cấp để nghiên cứu khoa học và sản xuất thực nghiệm, hay người ở thành thị về nông thôn mua lại đất nông nghiệp của nông dân để trồng cây ăn quả hoặc để chăn nuôi gia cầm hay nuôi thủy sản...). Nói tới người nông dân là muốn nói tới doanh nghiệp nông nghiệp. Hiện nay ở Việt Nam trong lĩnh vực sản xuất nông nghiệp chưa có những nhà sản xuất lớn, mang tầm khu vực và toàn cầu. Nhìn chung, trừ một số công ty thủy sản có cỡ tương đối khá, còn trong lĩnh vực trồng trọt và chăn nuôi chủ yếu mới có doanh nghiệp vừa và nhỏ. Thậm chí nhiều lĩnh vực đang chỉ có sản xuất hộ gia đình mà cũng chưa được tổ chức nên nhiều nông sản khó cạnh tranh với sản phẩm của các nước ngay trong khu vực. Sản xuất nhỏ và phân tán đã làm cho nông nghiệp của nước ta phát triển có hiệu quả thấp. Vì thế, tác giả cho rằng, trong thời gian tới ở Việt Nam những người sản xuất nông nghiệp nhất thiết phải được tổ chức lại, trước hết Chính phủ và chính quyền địa phương phải sớm xây dựng được một số tập đoàn sản xuất nông nghiệp quy mô lớn, có năng lực tài chính mạnh. Đồng thời, Nhà nước phải có kế hoạch đào tạo cho người nông dân những kiến thức và kỹ năng phù hợp sản xuất phù hợp với yêu cầu mới.

+ *Nhà công nghiệp*: doanh nghiệp chế biến nông sản và nhà sản xuất máy móc, thiết bị phục vụ sản xuất nông nghiệp. Những doanh nghiệp chế biến cần liên kết chặt chẽ với nông dân, chịu trách nhiệm tổ chức sản xuất, hướng dẫn nông dân phát triển sản xuất và thu mua nông sản nguyên liệu. Nhà công nghiệp nên ký hợp đồng dài hạn với nông dân, quan tâm đầy đủ tới lợi ích của nông dân để họ yên tâm phát triển vùng nguyên liệu. Trong quá trình nghiên cứu, tác giả luận án đã tìm hiểu Công ty mía đường Lam Sơn ở tỉnh Thanh Hóa. Công ty này chuyên chế biến đường mía nhưng đã không chỉ có nhà máy chế biến đường, sản xuất rượu cồn, thức ăn gia súc mà còn xây dựng trung tâm nghiên cứu công nghệ cao để tạo giống mía, giống cây ăn quả có năng suất, chất lượng có thể cạnh tranh với các quốc gia trong khu vực. Công ty này còn liên kết chặt chẽ với khoảng 2 vạn hộ nông dân trồng mía. Họ cho kỹ sư xuống cơ sở

hướng dẫn bà con nông dân trồng mía theo quy trình canh tác hiện đại và với quy mô diện tích lớn để cơ giới hóa, thủy lợi hóa hiệu quả. Hiện nay Công ty mía đường Lam Sơn còn nghiên cứu thành công việc phát triển dưa ngọt giống Israel (trong nhà có lưới che) và phát triển cam giống Mỹ cho năng suất và chất lượng cao (ở mức vượt trội so các giống trong nước ta đang có). Công ty này dự định liên kết với khoảng 1 vạn hộ nông dân để trồng cam và dưa ngọt trên diện rộng khoảng 6-7 nghìn ha. Nói tới doanh nghiệp công nghiệp chế biến nhưng cũng không quên nói tới các nhà máy công nghiệp sản xuất máy móc, thiết bị, phân bón, thuốc trừ sâu bệnh... phục vụ sản xuất nông nghiệp. Đối với một quốc gia thì đây là vấn đề lớn nhưng đối với địa phương thay vì nói đến các nhà máy công nghiệp phục vụ nông nghiệp thì phải nói đến các nhà cung cấp vật tư nông nghiệp.

+ *Nhà phân phối và tiêu thụ nông sản.* Họ phải là người chia sẻ lợi ích với người nông dân một cách thỏa đáng. Nhà phân phối cần ký hợp đồng dài hạn với người nông dân trực tiếp làm ra nông sản hàng hóa cung cấp cho họ. Những thu mua nông sản cần có sự hiểu biết sâu sắc về sản xuất nông nghiệp, vừa có sự đồng cảm và chia sẻ khó khăn, lợi ích với người sản xuất nông nghiệp là điều kiện rất cần thiết đảm bảo nông nghiệp phát triển có hiệu quả. Hầu hết ở các địa phương của Việt Nam chưa có những nhà phân phối và tiêu thụ nông sản đích thực và mạnh mẽ. Muốn phát triển nông nghiệp có hiệu quả nhất thiết phải có những nhà phân phối và tiêu thụ nông sản tầm cỡ thế giới. Doanh nghiệp công nghiệp chế biến nông sản có thể tự giới thiệu và tiêu thụ nông sản đã qua chế biến; nhưng nông dân thì làm việc này rất khó. Họ phải liên kết với nhà phân phối, tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp.

+ *Các nhà cung ứng dịch vụ nông nghiệp* (cung cấp nước, phân bón, thuốc trừ sâu bệnh, cung cấp máy móc, vật tư nông nghiệp, vận tải, khoa học công nghệ, thông tin nông nghiệp, ngân hàng, bảo hiểm nông nghiệp...) ảnh hưởng lớn phát triển nông nghiệp và hiệu quả phát triển nông nghiệp. Họ cần liên kết chặt chẽ với nông dân, tham gia các chuỗi giá trị sản xuất nông nghiệp một cách tích cực. Ngày nay, các nhà bảo hiểm nông nghiệp cũng có vai trò quan trọng đối với phát triển nông nghiệp.

Như tác giả đã trình bày, không chỉ 4 nhà như nhiều người đã đề cập mà ảnh hưởng đến hiệu quả phát triển nông nghiệp phải kể tới sáu nhà. Ở Việt Nam thực tế đã chỉ ra rằng, nếu chỉ hô hào liên kết sáu nhà (nhà nông, nhà khoa học, nhà nước, nhà doanh nghiệp, nhà băng - ngân hàng và nhà bảo hiểm nông nghiệp) như những năm vừa qua mà không có mô hình liên kết cụ thể với những cơ chế hữu hiệu thì sẽ không đem lại kết quả và hiệu quả cần thiết. Trên cơ sở học tập kinh nghiệm của các nước có nền nông nghiệp tiên tiến và tổng kết thực tiễn Việt Nam tác giả cho rằng, Nhà nước cần đứng ra nghiên cứu mô hình liên kết và có chính sách hỗ trợ cụ thể để có căn cứ khoa học vững chắc khuyến khích liên kết “sáu nhà” sao cho có hiệu quả hơn. Tất cả các “nhà” vừa được tác giả trình bày ở trên chính là nhân tố nòng cốt hay hạt nhân của tổ chức sản xuất.

Khi xem xét các yếu tố ảnh hưởng tới hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp, Tác giả luận án không tiếp cận theo góc nhìn từ các yếu tố tự nhiên, như vị trí địa lý, độ dốc của đất, độ phì nhiêu, điều kiện cung cấp nước... nhưng khi xem xét bốn yếu tố ảnh hưởng tới hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp như ở Hình 2.3 thì phải phân tích thêm các vấn đề như vậy để làm rõ trình độ hiểu biết của người sản xuất nông nghiệp. Tức là người sản xuất nông nghiệp khi quyết định sử dụng đất nông nghiệp như thế nào cho tốt nhất thì họ đã phải biết các yếu tố về vị trí địa lý, độ dốc, độ phì nhiêu, điều kiện cung cấp nước... của mảnh đất mà họ được sử dụng. Mặt khác, họ phải tính tới vấn đề cải tạo đất hoặc sử dụng công nghệ hiện đại để khắc chế những yếu điểm của mảnh đất. Bốn nhóm yếu tố kể trên có vai trò quan trọng khác nhau nhưng cùng tồn tại trong mối quan hệ mật thiết với nhau. Mỗi yếu tố có ý nghĩa riêng nhưng cùng nhau tạo ra tiền đề thúc đẩy hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp của một quốc gia hay của mỗi địa phương. Trong bốn yếu tố đó thì yếu tố thị trường, khoa học công nghệ có ý nghĩa quyết định bao trùm. Yếu tố nhà nước có ý nghĩa quyết định trước hết.

(6). Tổ chức sản xuất nông nghiệp

Tác giả cho rằng, trực tiếp ảnh hưởng tới hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp còn phải kể đến vấn đề “Tổ chức sản xuất nông nghiệp”. Việc tổ chức sản xuất nông sản luôn luôn ảnh hưởng quan trọng đến hiệu quả phát triển nông nghiệp nói chung và

hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp nói riêng. Thực tế chỉ ra rằng, sản xuất tự phát, thiếu tổ chức đã dẫn tới nền sản xuất nhỏ bé, bị động, hiệu quả thấp. Vì thế tác giả luận án nhấn mạnh một số điểm có ý nghĩa rất quan trọng dưới đây:

- Chuỗi giá trị sản xuất nông nghiệp (hoặc nói một cách đầy đủ hơn thì đó là chuỗi giá trị khoa học - sản xuất (trồng trọt hoặc chăn nuôi và chế biến) - tiêu thụ nông sản.

- Phát triển các tổ hợp sản xuất nông - công nghiệp trên cơ sở gắn các vùng sản xuất nguyên liệu với cơ sở công nghiệp chế biến và các cơ sở dịch vụ. Hay nói cách khác là gắn kết người trồng nguyên liệu nông sản với người chế biến nông sản).

- Liên kết sản xuất giữa trang trại (cả gia trại và hộ gia đình) với mạng phân phối, tiêu thụ nông sản.

- Phát triển hệ thống hợp tác xã nông nghiệp đa chức năng (với quy mô hợp lý khoảng 1.000 xã viên và khoảng trên 1.500 ha/hợp tác xã). Để các hợp tác xã nông nghiệp hoạt động có hiệu quả trên phạm vi toàn tỉnh nên thành lập Liên đoàn hợp tác xã (có chức năng đầu mối, phối hợp các hợp tác xã dịch vụ và các hợp tác xã nông nghiệp).

(7). Vị trí địa lý

Vị trí địa lý là một trong những yếu tố ảnh hưởng tới hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp. Yếu tố này ảnh hưởng tới chi phí vận chuyển, tức là nếu các yếu tố khác không đổi thì nếu chi phí vận chuyển tăng thì hiệu quả sản xuất nông nghiệp giảm, tức là hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp giảm. Mặt khác, do đặc thù của ngành sản xuất nông nghiệp, nếu do vị trí địa lý xa dẫn đến thời gian vận chuyển lâu hơn, do đó ảnh hưởng tới làm giảm chất lượng sản phẩm, làm giảm giá bán sản phẩm. Như vậy, nếu các yếu tố khác không đổi thì có thể làm giảm giá bán sản phẩm, làm hiệu quả sản xuất nông nghiệp giảm, tức là hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp giảm.

(8). Biến đổi khí hậu

Biến đổi khí hậu ngày càng ảnh hưởng lớn đến sản xuất nông nghiệp và mức độ ảnh hưởng đó ở các vùng miền có sự khác nhau rõ rệt. Vì nghiên cứu hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp ở tỉnh Phú Thọ nên tác giả chú ý xem xét các hiện tượng thời tiết khí

hậu thường diễn ra ở khu vực miền núi phía Bắc Việt Nam mà trong đó có tỉnh Phú Thọ. Đối với tỉnh này biến đổi khí hậu ảnh hưởng tới sản xuất nông nghiệp nổi bật có thể kể ra như mưa, lũ quét, ngập lụt ở vùng trũng và sạt lở đất về mùa mưa bão, rét đậm, rét hại về mùa đông.

(9). Đầu tư ngoài nông nghiệp

Đầu tư ngoài nông nghiệp mang hàm ý rằng là những loại hình đầu tư không trực tiếp dành cho nông nghiệp nhưng lại ảnh hưởng tới phát triển nông nghiệp và hiệu quả phát triển nông nghiệp (trong đó có hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp). Ví dụ như đầu tư làm đường giao thông, xây dựng hệ thống phân phối điện, xây dựng hệ thống thông tin, liên lạc,... có ảnh hưởng tới hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp ở cấp tỉnh. Tuy nhiên, trong phạm vi luận án tiến sĩ này tác giả chỉ đề cập cho có tính hệ thống, không đi sâu về yếu tố này.

2.1.3. Đánh giá hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp

Việc đánh giá hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp phải có mục đích rõ ràng và bằng hệ thống chỉ tiêu định lượng (chứ không thể chỉ đánh giá định tính).

2.1.3.1. Quan niệm về đánh giá hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp

Nói một cách khái quát, đánh giá hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp là việc đánh giá “giá trị” sinh lợi tạo ra cho người sản xuất trên mỗi ha đất nông nghiệp (kết quả trừ đi chi phí) xem đạt mức nào, cao hay thấp, nguyên nhân của mức độ sinh lợi do đâu và làm thế nào để khắc phục những hạn chế, yếu kém đó. Phần trước đã chỉ ra rằng, hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp là một trong những bộ phận hợp thành hiệu quả phát triển nông nghiệp. Vì thế, đánh giá hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp phải thông qua đánh giá hiệu quả phát triển nông nghiệp. Đánh giá hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp là một trong các hành vi phân tích kinh tế nông nghiệp cho một vùng xác định (cho một quốc gia, một vùng kinh tế hoặc cho một đơn vị hành chính cụ thể).

2.1.3.2. Mục đích và yêu cầu đánh giá hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp

a). Mục đích của việc đánh giá hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp

Đánh giá hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp là việc sử dụng các chỉ tiêu định lượng để phân tích, đánh giá rồi từ kết quả phân tích tiến tới đánh giá mức độ đạt được

của hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp. Từ kết quả đánh giá đưa ra nhận định cần thiết và kiến nghị giải pháp nâng cao hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp. Đánh giá hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp không chỉ có mục đích làm rõ thực trạng hiệu quả mà còn cung cấp những cơ sở khoa học để thay đổi định hướng sử dụng đất nông nghiệp và kiến nghị những giải pháp tương ứng cho thời gian sắp tới. Nói như thế có nghĩa là đánh giá hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp không phải là việc làm tự thân mà do yêu cầu phát triển nông nghiệp có hiệu quả hơn, bền vững hơn đặt ra. Mục đích chủ yếu của việc đánh giá hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp là để nhận biết rõ thực trạng sử dụng đất nông nghiệp và mức độ hiệu quả đạt được, phát hiện nguyên nhân của những yếu kém. Đồng thời, từ đó tìm ra giải pháp nâng cao hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp trong thời gian tới.

b). Yêu cầu đối với việc đánh giá hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp

Việc đánh giá hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp phải hết sức khách quan, khoa học, có định lượng, tránh chủ quan, phiến diện cũng như không sử dụng số liệu thiếu độ tin cậy cần thiết. Đánh giá hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp phải gắn với đánh giá hiệu quả phát triển nông nghiệp và có quan điểm lịch sử đúng đắn.

Đánh giá hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp phải thông qua đánh giá hiệu quả phát triển nông nghiệp. Mà hiệu quả phát triển nông nghiệp thì phải được xem xét trên các phương diện:

i). Hiệu quả phát triển trồng trọt;

ii) Hiệu quả phát triển chăn nuôi;

iii) Hiệu quả phát triển dịch vụ nông nghiệp;

Trong những năm vừa qua ở Việt Nam, một trong những chỉ tiêu quan trọng khi phân tích HQSD đất nông nghiệp được tính bởi thương số GTGT nông nghiệp (hoặc GTSX nông nghiệp) chia cho tổng diện tích đất sử dụng cho nông nghiệp. Trong thực tế diện tích chăn nuôi có một số trường hợp lại nằm trong đất thổ cư của người nông dân, đất xây dựng chợ nông sản và đất xây dựng sàn nông sản tuy phục vụ trực tiếp cho phát triển nông nghiệp (trực tiếp tạo ra GTGT cho sản xuất nông nghiệp) nhưng chưa được tính gộp vào diện tích đất nông nghiệp. Đó là một những khó khăn khi phân

tích HQSD đất nhưng thực tế số diện tích cho chăn nuôi hộ gia đình và cho xây dựng sản nông sản ở Phú Thọ không nhiều.

Trong thực tế, không phải lúc nào cũng có số liệu để đánh giá hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp cho các đối tượng như nêu ở trên. Tùy theo số liệu có được mà tiến hành đánh giá hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp cho tất cả các đối tượng hay cho một số đối tượng cụ thể trên địa bàn.

2.1.3.3. Chỉ tiêu đánh giá hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp

Theo cách đặt vấn đề như trên và kế thừa những kết quả đã tổng quan cũng như xem xét thực tiễn phân tích hiệu quả phát triển nông nghiệp, tác giả luận án tiến hành xác định bộ chỉ tiêu hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp trong điều kiện Việt Nam. Mỗi chỉ tiêu phản ánh một khía cạnh hiệu quả nhưng chúng cùng nhau phản ánh đầy đủ, toàn diện về hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp. Khi phân tích các chỉ tiêu hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp của một địa phương phải so sánh qua các năm. Biểu đồ động thái hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp qua các năm sẽ cho thấy xu thế hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp nói riêng và hiệu quả phát triển nông nghiệp nói riêng.

Với phương châm lựa chọn những chỉ tiêu cơ bản, có tính khả thi cao, phù hợp với điều kiện Việt Nam và với số lượng không nhiều cũng như tính toán được, tác giả luận án đề xuất các chỉ tiêu để phân tích hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp được phân thành hai nhóm như dưới đây:

a). Nhóm chỉ tiêu phân tích hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp

Nhóm này có 4 chỉ tiêu chủ yếu:

(1). *Năng suất 1 ha đất nông nghiệp* (Giá trị gia tăng nông nghiệp tạo ra trên mỗi ha đất nông nghiệp) (H_1)

$$H_1 = (S : D) \quad (1)$$

Trong đó:

S: Tổng giá trị gia tăng nông nghiệp

D: Tổng diện tích đất nông nghiệp

Đối với chỉ tiêu này, có thể sử dụng hai dấu hiệu: Tổng giá trị gia tăng (lấy tổng giá trị sản lượng trừ đi chi phí sản xuất). Chỉ tiêu H_1 phản ánh điều quan trọng nhất là giá trị làm ra trên mỗi ha đất nông nghiệp, H_1 càng cao càng tốt và ngược lại. Khi tính

được chỉ tiêu này đem so sánh các năm với nhau sẽ thấy hiệu quả tăng hay giảm, hiệu quả cao hay thấp (đem so sánh với mức trung bình của vùng hay của cả nước).

Để tính tốc độ tăng trưởng của H_1 phải tính theo giá so sánh (tức là theo giá năm 2010 mà Tổng cục thống kê đã chỉ đạo).

(2). *Năng suất lao động nông nghiệp (H_2)*

$$H_2 = S : L \quad (2)$$

Trong đó:

S: Tổng giá trị gia tăng nông nghiệp

L: Tổng lao động nông nghiệp

Năng suất lao động nông nghiệp là một trong những chỉ tiêu kinh tế tổng hợp nhất. Khi có năng suất lao động cao thì sẽ có điều kiện nuôi sống được nhiều người, có điều kiện để giải quyết được các vấn đề về môi trường, về phúc lợi xã hội... Đối với chỉ tiêu này, vấn đề quan trọng là phải tính đúng số lao động làm việc thực sự cho hoạt động nông nghiệp. Năng suất lao động nông nghiệp càng cao thì càng tốt, khả năng cạnh tranh càng lớn và ngược lại.

(3). *Tỷ lệ sản phẩm hàng hóa nông sản (H_3)*

$$H_3 = (S_h : S) \times 100\% \quad (3)$$

Trong đó:

S: Tổng giá trị sản lượng nông nghiệp

S_h : Tổng giá trị sản phẩm hàng hóa nông sản

Đây là chỉ tiêu mà có một số chuyên gia khuyến cáo sử dụng như đã đề cập ở phần tổng quan. Tác giả luận án rất coi trọng chỉ tiêu này. Trong bối cảnh toàn cầu hóa, tình trạng sản xuất theo kiểu tự cung tự cấp đã qua và đời sống người dân tăng lên thì số lượng và chất lượng nông sản hàng hóa là vấn đề then chốt. Nông sản hàng hóa càng nhiều càng chứng tỏ chất lượng sản phẩm càng cao, năng lực cạnh tranh của nông sản càng lớn và ngược lại.

Vấn đề quan trọng là tổng hợp và tính toán được giá trị nông sản hàng hóa. Qua thực tiễn nghiên cứu tác giả luận án cho rằng có thể tính toán được chỉ tiêu này thông qua điều tra (tại các hộ nông dân hoặc tại các chợ nông sản) hoặc thông qua số thống

kê của Cục thuế ở tỉnh có thể tính được số nông sản hàng hóa và tổng giá trị của nông sản hàng hóa của địa phương.

(4). *Giá trị gia tăng nông nghiệp bình quân đầu người nông dân (S_{nd})*

$$S_{nd} = S : D_n \quad (4)$$

Trong đó:

S: Giá trị gia tăng nông nghiệp

D_n : Dân số nông nghiệp

Chỉ tiêu này liên quan trực tiếp tới tỷ lệ người nông dân nghèo. S_{nd} tỷ lệ nghịch với D_n . Nếu S_{nd} đạt cao thì chắc chắn tỷ lệ hộ nông dân nghèo sẽ ít và ngược lại S_{nd} đạt thấp thì tỷ lệ hộ nông dân nghèo sẽ lớn.

b). Nhóm chỉ tiêu sử dụng để phân tích nguyên nhân của tình trạng hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp

Nhóm này có 3 chỉ tiêu:

(1). *Cơ cấu sử dụng đất nông nghiệp (T_d)*

$$T_d = (D_i : S) \times 100\% \quad (5)$$

Trong đó:

S: Tổng diện tích đất nông nghiệp

D_i : Diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng cho một lĩnh vực nông nghiệp thứ i

Chỉ tiêu này phản ánh nguyên nhân của tình trạng hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp, giải thích cho tình trạng hiệu quả của việc sử dụng đất nông nghiệp. Nếu cơ cấu sử dụng đất nông nghiệp không hợp lý sẽ ảnh hưởng lớn đến hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp và ngược lại nếu cơ cấu sử dụng đất nông nghiệp hợp lý chắc chắn nó sẽ làm cho hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp cao hơn.

(2). *Đầu tư phát triển nông nghiệp*

Trong việc phân tích đầu tư phát triển với mong muốn làm rõ tác động của đầu tư phát triển nông nghiệp tới hiệu quả phát triển nông nghiệp nói chung và hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp nói riêng, tác giả cho rằng cần phân tích theo ba chỉ tiêu chủ yếu dưới đây:

- *Tỷ trọng đầu tư nông nghiệp trong tổng đầu tư xã hội (H_n)*

$$\mathbf{H}_n = (\mathbf{V}_n : \mathbf{V}) \times 100\% \quad (6)$$

Trong đó:

V: Tổng vốn đầu tư xã hội

\mathbf{V}_n : Tổng vốn đầu tư phát triển nông nghiệp

Về lý thuyết, \mathbf{H}_n càng lớn càng tốt nhưng lớn tới mức nào là vấn đề phải tính toán cụ thể. Trong thực tế, các chuyên gia kinh tế gọi đó là “ngưỡng” đầu tư. Nếu đầu tư cho phát triển nông nghiệp ít quá sẽ làm cho nông nghiệp không phát triển được hoặc phát triển không có hiệu quả nhưng nếu đầu tư nhiều quá mức thì cũng làm cho nông nghiệp phát triển ít hữu ích và cũng sẽ không có hiệu quả cao.

- *Cơ cấu đầu tư nông nghiệp (\mathbf{H}_i)*

Khi phân tích vốn đầu tư phát triển nông nghiệp cần xem xét cơ cấu đầu tư phát triển nông nghiệp.

Nếu ký hiệu tỷ trọng các lĩnh vực nông nghiệp được đầu tư là \mathbf{H}_i thì chỉ tiêu này được tính bằng biểu thức:

$$\mathbf{H}_i = (\mathbf{V}_i : \mathbf{V}_n) \times 100\% \quad (7)$$

Trong biểu thức này:

\mathbf{V}_i : Vốn đầu tư phát triển lĩnh vực thứ i của ngành nông nghiệp (ví dụ: đầu tư phát triển trồng trọt, đầu tư phát triển chăn nuôi hoặc đầu tư phát triển sản phẩm nông nghiệp có hàm lượng công nghệ cao...)

\mathbf{V}_n : Tổng vốn đầu tư phát triển nông nghiệp như đã chú giải ở biểu thức trên.

Theo nguyên tắc, nếu tỷ trọng đầu tư phát triển lĩnh vực sản xuất tạo ra những sản phẩm nông nghiệp có hàm lượng công nghệ cao hoặc đầu tư vào lĩnh vực nghiên cứu khoa học công nghệ nông nghiệp càng lớn thì càng có cơ hội đem lại hiệu quả cao cho đầu tư phát triển nông nghiệp. Nói cách khác, đầu tư phát triển nông nghiệp theo chiều sâu sẽ đem lại hiệu quả hơn so với đầu tư phát triển nông nghiệp theo chiều rộng.

- *Tốc độ tăng vốn đầu tư phát triển nông nghiệp (\mathbf{T}_d)*

$$\mathbf{T}_d = \sqrt[n]{\frac{\mathbf{V}_i}{\mathbf{V}_o}} \quad (8)$$

Trong đó:

- T_d : Tốc độ tăng vốn đầu tư phát triển nông nghiệp;

- V_i và V_o : Vốn đầu tư phát triển nông nghiệp của năm i và của năm gốc

Thông thường vốn đầu tư được thống kê theo giá thực tế (giá hiện hành) nên để tính được chỉ tiêu này thì cần đưa về cùng một mặt bằng giá. Hiện nay, đưa về giá 2010 để tính cho các năm, đây là cách làm thông thường mà các nhà phân tích kinh tế thường sử dụng.

Tốc độ tăng vốn đầu tư phát triển nông nghiệp cũng là chỉ tiêu khá quan trọng. Thông thường, theo tinh thần của lý thuyết phát triển dựa vào vốn đầu tư và tuân thủ nguyên tắc khi vốn đầu tư tăng thì sản xuất sẽ tăng nên tốc độ tăng vốn đầu tư có quan hệ chặt chẽ với tốc độ tăng sản lượng nông nghiệp.

(3). Tỷ lệ lao động nông nghiệp qua đào tạo (T_d)

$$T_d = (L_d : L) \times 100 \% \quad (9)$$

Trong đó:

L_d : Số lao động nông nghiệp qua đào tạo

L : Tổng lao động làm việc trong ngành nông nghiệp

Các chỉ tiêu của nhóm hỗ trợ tuy không phải là những chỉ tiêu phản ánh hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp nhưng chúng được sử dụng để phân tích nguyên nhân ảnh hưởng tới hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp. Cơ cấu sử dụng đất nông nghiệp quan trọng thế nào đối với hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp thì quy mô, cơ cấu đầu tư phát triển nông nghiệp cũng quan trọng không kém. Thực tiễn đã chỉ ra rằng, chính sách kinh tế vĩ mô (tỷ giá, thuế, phí...) cũng như chính sách ruộng đất bao giờ cũng có ảnh hưởng lớn tới hiệu quả phát triển nông nghiệp nói chung và hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp nói riêng. Vì thế, khi phân tích các yếu tố mang ý nghĩa như những nguyên nhân ảnh hưởng tới hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp còn cần phân tích xem các chính sách ảnh hưởng thế nào tới hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp. Tuy nhiên cho tới nay chưa có cách định lượng các chỉ số này. Trong giới hạn luận án này, tác giả chỉ đề cập cho có hệ thống, không đề cập sâu về vấn đề này.

2.2. Kinh nghiệm thực tiễn

Ở mục này luận án cần làm rõ: trong thực tiễn cần làm gì để sử dụng đất nông nghiệp có hiệu quả cũng như người ta đánh giá hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp ra sao? Để đạt được mục tiêu như vậy, tác giả luận án đã tìm hiểu một số trường hợp như sau:

2.2.1. Kinh nghiệm sử dụng đất nông nghiệp theo hướng nâng cao hiệu quả ở Việt Nam

Tại tỉnh Hà Nam đã phát triển nhiều mô hình khác nhau để phù hợp với điều kiện ruộng đất nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng đất [79]. Tiêu biểu là mô hình “2 vụ lúa + 1 vụ đông trồng cây bí xanh” cho giá trị thu hoạch khoảng 183 triệu đồng/ha; mô hình “2 vụ lúa + 1 vụ đông trồng cây ngô ngọt xuất khẩu” đạt giá trị khoảng 127 triệu đồng/ha; hoặc mô hình “2 vụ lúa + 1 vụ đông trồng cây ngô nếp thương phẩm” đạt giá trị khoảng 114 triệu đồng/ha (gấp khoảng 2,5-3 lần so với trường hợp trồng quảng canh).

Tại tỉnh Lâm Đồng đã lấy việc xây dựng mô hình ứng dụng tiến bộ khoa học vào sản xuất rau, hoa thương phẩm cho đồng bào dân tộc thiểu số ở Ka Đô đã giúp đồng bào tiếp cận, làm quen với phương thức sản xuất mới, mang lại hiệu quả kinh tế cao [80]. Hiện toàn xã có trên 1.500 ha sản xuất rau thương phẩm, thu nhập bình quân 150 triệu đồng/ha (gấp khoảng 4 lần so sản xuất kiểu truyền thống trước đây).

Tại ngoại thành Hà Nội, Viện Nghiên cứu phát triển kinh tế - xã hội Hà Nội [50] coi trọng mô hình nông nghiệp đô thị (hướng tới phục vụ nhu cầu người dân đô thị và đáp ứng nhu cầu cho du khách hay thực ra là để xuất khẩu tại chỗ) để nâng cao hiệu quả sử dụng mỗi ha đất nông nghiệp ở khu vực ngoại thành.

Tại Thái Nguyên, các nhà khoa học của Trường Đại học Thái Nguyên đã triển khai đề tài khoa học nghiên cứu hiệu quả sản xuất chè của các hộ nông dân ở tỉnh này [81]. Họ coi tổ chức sản xuất chè trên cơ sở liên kết giữa hợp tác xã và hộ gia đình là nhân tố quyết định đến năng suất chè búp trên một ha đất trồng chè.

Bùi Nữ Hoàng Anh đã tiến hành nghiên cứu hiệu quả kinh tế trong việc sử dụng đất nông nghiệp ở tỉnh Yên Bái. Dù giới hạn trong việc sử dụng đất trồng trọt nhưng học giả này cũng đã xác định được nguyên nhân làm cho hiệu quả kinh tế của việc sử dụng đất nông nghiệp ở tỉnh Yên Bái đang còn thấp là do cơ cấu cây trồng chưa được

đổi mới. Từ đó kiến nghị tỉnh Yên Bái phải nhanh chóng đổi mới cơ cấu cây trồng và áp dụng tiến bộ khoa học công nghệ nông nghiệp.

2.2.2. Kinh nghiệm sử dụng đất nông nghiệp ở một số quốc gia trên thế giới

Trong điều kiện tác giả chưa tìm thấy các tài liệu về sử dụng đất nông nghiệp ở cấp tỉnh của nước ngoài mà chỉ thấy một số nội dung nêu về sử dụng đất nông nghiệp ở cấp quốc gia ở một số nước.

a). Thái Lan

Người Thái Lan cho rằng, nếu sản xuất nông nghiệp không có hiệu quả (không có lợi nhuận) thì nền nông nghiệp của họ khó có thể phát triển bền vững trong bối cảnh cạnh tranh ngày càng khốc liệt [78]. Ở Thái Lan người ta coi trọng việc gắn sản xuất nông nghiệp với thay đổi cơ cấu kinh tế nông thôn để gia tăng hiệu quả sản xuất nông nghiệp. Trong cơ cấu kinh tế nông thôn phải đặc biệt coi trọng phát triển tiểu thủ công nghiệp và dịch vụ phát triển nông nghiệp (cung cấp máy móc, thiết bị, vật tư nông nghiệp và tiêu thụ nông sản). Thái Lan chú ý phát triển nông nghiệp theo ThaiGAP và GlobalGAP. Đồng thời, phải có chính sách sử dụng đất nông nghiệp và tiết kiệm sử dụng đất phi nông nghiệp ở khu vực nông thôn. Ngoài ra họ còn thực thi chính sách hỗ trợ để thúc đẩy sự phát triển của nông nghiệp, cụ thể là:

+ *Thực thi chính sách trợ giá nông sản.* Ở Thái Lan đang thực hiện trợ giá cho những nông dân chủ yếu như: gạo, cao su, trái cây... Chính phủ Thái Lan hỗ trợ nông dân mua phân bón với giá thấp, miễn cước vận chuyển phân bón, được cung cấp giống mới có năng suất cao, được vay vốn lãi suất thấp từ ngân hàng nông nghiệp... Ngoài ra, Thái Lan cũng có hỗ trợ về giá cho nông dân trồng 5 loại cây chủ lực là sầu riêng, nhãn, vải, măng cụt và chôm chôm.

+ *Thực thi chính sách công nghiệp nông thôn.* Ở Thái Lan, công nghiệp nông thôn được coi là nhân tố quan trọng giúp cho Thái Lan nâng cao chất lượng cuộc sống của nông dân. Để thực hiện nhiệm vụ này, chính phủ Thái Lan đã tập trung vào các công việc như: cơ cấu lại ngành nghề phục vụ phát triển công nghiệp nông thôn, tập trung phát triển các ngành chế biến nông, thủy hải sản phục vụ xuất khẩu và tiêu dùng trong nước.

b). Malaysia

Ở Malaysia Chính phủ nước này thực hiện chính sách phát triển nông nghiệp lấy mục tiêu hiệu quả và phát triển xanh làm trọng [79]. Vào năm 1984, Chính phủ đã ban hành chính sách đa dạng hoá nông nghiệp và nâng cao chất lượng sản phẩm nông nghiệp phục vụ xuất khẩu. Malaysia coi trọng phát huy lợi thế cạnh tranh và đổi mới cây trồng theo xu thế phát triển của nông nghiệp thế giới để nâng cao hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp. Họ giảm diện tích cây cọ dầu và tăng diện tích cây cải dầu và cây ăn trái.

c). Nhật Bản

Người Nhật Bản đánh giá hiệu quả sản xuất nông nghiệp bằng các chỉ tiêu chủ yếu như: giá trị gia tăng trên mỗi ha đất nông nghiệp, tỷ lệ lợi nhuận trên vốn đầu tư và năng suất lao động nông nghiệp [80]. Giá trị thực tế trên mỗi ha đất nông nghiệp đã đạt mức rất cao (nếu tính ra tiền Việt nam phổ biến đạt tới khoảng 600-800 triệu đồng/ha). Để đạt được mức giá trị cao như vậy người Nhật Bản đã sử dụng phương thức canh tác công nghệ cao, sử dụng không gian nhiều tầng để phát triển cây trồng. Đồng thời, sử dụng công nghệ cao để chế biến nông sản. Tự động hóa trong lĩnh vực nông nghiệp đã giúp giải quyết được vấn nạn thiếu lao động do già hóa dân số và gia tăng sản lượng đáp ứng nhu cầu nội địa và xuất khẩu. Chính phủ Nhật Bản dành khá nhiều tiền để hỗ trợ nghiên cứu phát triển và ứng dụng công nghệ nông nghiệp và tìm cách hỗ trợ người nông dân nhưng không vi phạm quy định của Tổ chức thương mại thế giới (WTO).

d). Israel

Người Israel tìm ra cách để gia tăng hiệu quả phát triển sản xuất nông nghiệp [81]. Israel là quốc gia có nhiều sa mạc và cực kỳ thiếu nước. Từ những năm 1950, người Israel không những chỉ tìm ra phương thức tuyệt vời để khắc phục nạn thiếu nước và phủ xanh những sa mạc. Đổi mới cơ cấu cây trồng, vật nuôi để nâng cao hiệu quả mỗi ha đất nông nghiệp đã được cải tạo. Có thể nêu một số thành tựu của người Israel mà Việt Nam có thể tham khảo:

+ Công nghệ tưới nhỏ giọt

- + Kiểm soát côn trùng theo phương pháp sinh học
- + Công nghệ chăn nuôi bò sữa theo phương thức công nghiệp
- + Tồn trữ lương thực hiệu quả cao
- + Tạo giống khoai tây ở những nơi khắc nghiệt
- + Sản xuất thực phẩm từ khí nhà kính (gọi là công nghệ seambiotic biến CO₂ thành thức ăn để nuôi tảo).

+ Bảo vệ thực vật thân thiện với môi trường (các nhà khoa học Israel chế tạo ra các loại thuốc đặc chủng chỉ tác động đến 1 hoặc một số loài sâu bệnh trong khi đó không có tác dụng đến các loài khác, đảm bảo đa dạng sinh học và môi trường)...

2.2.3. Một số bài học rút ra cho việc nâng cao hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp của Phú Thọ

Nghiên cứu các trường hợp trong nước và quốc tế cho phép rút ra một số bài học cho việc nâng cao hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp ở tỉnh Phú Thọ, cụ thể là:

- Muốn sử dụng đất nông nghiệp có hiệu quả cao phải phát triển nông nghiệp dựa trên nền tảng kỹ thuật và công nghệ cao, luôn đổi mới cơ cấu sản xuất nông nghiệp theo yêu cầu của thị trường. Nghiên cứu khoa học công nghệ nông nghiệp và tổ chức sản xuất nông nghiệp theo hướng hiện đại là giải pháp quan trọng để phát triển nông nghiệp có hiệu quả nói chung và để sử dụng đất nông nghiệp có hiệu quả nói riêng.

- Để sử dụng đất nông nghiệp có hiệu quả thì vai trò của nhà nước là rất quan trọng. Nhà sản xuất có quan trọng đến đâu mà không nhận được sự hỗ trợ thích đáng của nhà nước thì nông nghiệp cũng khó bứt phá.

- Trong việc đánh giá hiệu quả phát triển nông nghiệp và sử dụng đất nông nghiệp nhìn chung các nước đều coi trọng chỉ tiêu giá trị gia tăng trên mỗi ha đất nông nghiệp.

Tiểu kết Chương 2:

Luận án đã xây dựng được cơ sở lý thuyết phục vụ cho việc nghiên cứu của đề tài. Cụ thể là đã đề xuất quan niệm về hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp mà nội hàm của nó là trên cơ sở nguyên lý chung về hiệu quả phát triển xác định tương quan giữa

kết quả và chi phí bỏ ra để sử dụng đất nông nghiệp trong một khoảng thời gian nhất định. Nói cách khác đó là hiệu suất sử dụng đất nông nghiệp. Luận án chỉ rõ các yếu tố cơ bản ảnh hưởng tới hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp, trong đó Nhà nước giữ vai trò quyết định. Đồng thời, vấn đề quan trọng là luận án đã đề xuất hai nhóm chỉ tiêu định lượng chủ yếu sử dụng để đánh giá hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp đối với các địa phương cấp tỉnh trong điều kiện Việt Nam: a). Nhóm chỉ tiêu phân tích hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp, gồm 4 chỉ tiêu chủ yếu sử dụng để phân tích hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp có tính khả thi (đó là năng suất đất nông nghiệp, tỷ lệ sản phẩm nông sản hàng hóa, năng suất lao động nông nghiệp và GTGT nông nghiệp bình quân nhân khẩu nông nghiệp) và b). Nhóm chỉ tiêu sử dụng để phân tích nguyên nhân của tình trạng hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp gồm 3 chỉ tiêu (cơ cấu sử dụng đất, đầu tư phát triển nông nghiệp và tỷ lệ lao động nông nghiệp qua đào tạo) để vận dụng vào nghiên cứu hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp ở Việt Nam cũng như ở một tỉnh. Bên cạnh đó, tác giả còn nêu rõ cơ sở thực tiễn là nhiều nơi, nhiều học giả đã tiến hành việc nghiên cứu hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp ở các góc độ khác nhau nhưng họ nghiên cứu các khía cạnh riêng rẽ chứ chưa nghiên cứu một cách tổng hợp như đề tài luận án. Kết quả nghiên cứu ở Chương 2 đã cho thấy, việc nghiên cứu hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp ở Việt Nam có cơ sở khoa học và thực tiễn vững chắc.

Kết quả nghiên cứu của Chương 2 cung cấp cơ sở lý thuyết cho việc nghiên cứu các chương tiếp theo.

CHƯƠNG 3

THỰC TRẠNG HIỆU QUẢ SỬ DỤNG ĐẤT NÔNG NGHIỆP

TỈNH PHÚ THỌ TRONG GIAI ĐOẠN 2011 - 2018

Chương 3 sẽ tập trung đánh giá thực trạng hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp ở tỉnh Phú Thọ trong giai đoạn 2011 - 2018 và tập trung nghiên cứu những vấn đề chủ yếu dưới đây:

3.1. Đánh giá khái quát các yếu tố ảnh hưởng đến hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp và phát triển nông nghiệp của tỉnh Phú Thọ trong thời gian vừa qua

Diện tích tự nhiên của tỉnh Phú Thọ là 3.519,6 km² (chiếm 1,2% diện tích cả nước và chiếm 5,4% diện tích vùng miền núi phía Bắc). Dân số trung bình năm 2018 khoảng 1.404 nghìn người (chiếm 1,6% dân số cả nước và chiếm 14,3% dân số vùng TDMNBB). Áp dụng phương pháp mô hình SWOT, theo nội dung ở Chương 2, đến đây tác giả gom các yếu tố lại thành hai nhóm để dễ theo dõi và nhận diện về các yếu tố ảnh hưởng tới hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp ở Phú Thọ.

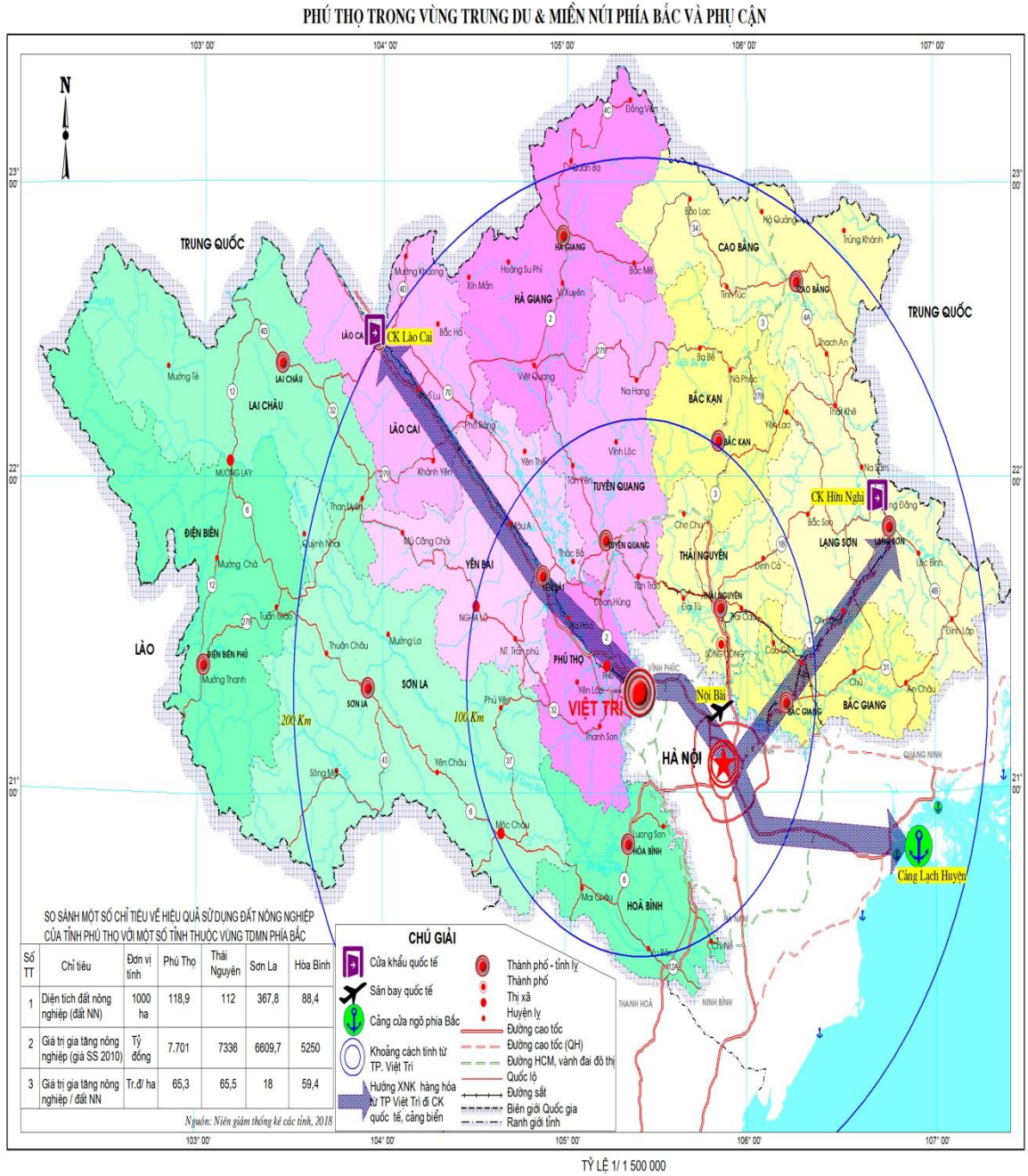
3.1.1. Những yếu tố thuận lợi

Phú Thọ là tỉnh nằm trong vùng Trung du miền núi Bắc Bộ, phía Bắc giáp tỉnh Tuyên Quang và Yên Bái, phía Đông giáp tỉnh Vĩnh Phúc, phía Đông Nam giáp thành phố Hà Nội, phía Tây giáp tỉnh Sơn La, phía Nam giáp tỉnh Hòa Bình; nằm ở vị trí tiếp giáp giữa Đồng bằng sông Hồng với vùng Tây Bắc và vùng giữa của Trung du miền núi Bắc Bộ (TDMNBB); cách sân bay Nội Bài khoảng 50 km và cách cảng Hải Phòng khoảng 180 km).

Biểu 3.1: Dân số tỉnh Phú Thọ

Chỉ tiêu	2010	2015	2018	Đơn vị: 1000 người	
				Tăng b/q 11-15	Tăng b/q 16-18
Dân số toàn tỉnh	1.322	1.369	1.404	0,7	0,71
Nhân khẩu thành thị	240	254	266	1,15	1,55
% so tổng dân số của tỉnh	18,2	18,6	18,9	-	-
Nhân khẩu nông thôn	1.082	1.115	1.138	0,6	0,7
Nhân khẩu nông nghiệp	941	970	990	0,75	0,85
% so nhân khẩu nông thôn	86,9	87,0	86,8	-	-

Nguồn: Thống kê tỉnh 2015 và 2017 [12]



Nguồn: Tác giả

Năm 2018, nhân khẩu thành thị chiếm khoảng 19,3% dân số chung của tỉnh Phú Thọ. Nhân khẩu nông nghiệp chiếm khoảng 86,8% dân số chung (nhiều hơn mức trung bình cả nước khoảng 62%). Mật độ dân số khoảng 398 người/km² và đất nông nghiệp bình quân đầu người khoảng 680 m² (con số này tương ứng của cả nước là khoảng 280 người/km² và khoảng 1.120 m²/người).

Lao động tương đối dồi dào, dự kiến năm 2030 tỉnh Phú Thọ có số dân khoảng 1,53 triệu người và khoảng 88 - 90 vạn lao động trong độ tuổi có khả năng làm việc. Trong đó số lao động ở khu vực nông thôn có thể dành cho lĩnh vực nông nghiệp là rất lớn (khoảng 42 - 43 vạn người). Nếu được đào tạo thì số lao động này có thể tạo ra một nền nông nghiệp hàng hóa lớn dựa trên nền tảng công nghệ cao.

Nhìn chung tiềm năng, thế mạnh để phát triển nông nghiệp hàng hóa của tỉnh Phú Thọ là tương đối lớn nhưng chưa được phát huy có hiệu quả.

a). Tỉnh Phú Thọ nằm ở vị trí "ngã ba sông" (sông Đà, sông Lô, sông Hồng), có các trục giao thông huyết mạch chạy qua như: đường cao tốc Nội Bài - Lào Cai, quốc lộ 2 chạy từ Hà Nội qua Việt Trì đi Tuyên Quang- Hà Giang- Lào Cai, Yên Bái sang Vân Nam - Trung Quốc (đây là tuyến giao thông nằm trong hành lang kinh tế Côn Minh - Lào Cai - Hà Nội- Hải Phòng - Quảng Ninh). Quốc lộ 70 kết nối với tỉnh Yên Bái, quốc lộ 32C, 32A kết nối thủ đô Hà Nội với các tỉnh Sơn La, Yên Bái. Các tuyến đường giao thông từ các tỉnh phía Tây Bắc và Đông Bắc đều quy tụ về Phú Thọ rồi mới đi Hà Nội, Hải Phòng. Đồng thời, Phú Thọ nằm trên trục hành lang kinh tế Hà Nội - Vân Nam của Trung Quốc (qua Việt Trì và Lào Cai) và chịu ảnh hưởng của tam giác kinh tế Hà Nội - Hải Phòng- Quảng Ninh. Đây là điều kiện rất thuận lợi để giao thương kinh tế (cung cấp nông sản chất lượng cao) cho Hà Nội và các tỉnh vùng Đồng bằng sông Hồng và tham gia phát triển hợp tác rất tốt trong tương lai.

b). Tỉnh Phú Thọ có Thành phố Việt Trì là đô thị lễ hội, nơi có khu di tích lịch sử quốc gia Đền Hùng kết nối với Đền Mẫu Âu Cơ nổi tiếng. Thành phố thủ phủ của tỉnh không chỉ là trong tâm đô thị, thương mại mà còn là trung tâm văn hóa, du lịch, thể thao, chữa bệnh của một khu vực rộng lớn thuộc Tây Bắc và một phần của Đông Bắc. Chính điều đó tạo nên sức hấp dẫn đối với các nhà đầu tư trong và ngoài tỉnh và có khả năng thu hút khách du lịch với quy mô lớn. Từ đó tạo ra tiền đề tốt để phát triển nông sản thực phẩm chất lượng cao phục vụ du khách. Năm 2017, du khách tới tỉnh Phú Thọ khoảng 82,6 vạn người. Con số này có thể đạt khoảng 3 triệu người vào năm 2030. Nếu tính bình quân khách lưu trú 2 ngày và chi tiêu bình quân khoảng 1,5 triệu đồng cho việc ăn nghỉ, vui chơi giải trí thì cũng đã mang lại cho tỉnh Phú Thọ khoảng 3.000 tỷ đồng và cần khối lượng nông sản thực phẩm chất lượng cao tương đối lớn

(vài nghìn tấn gạo, chục nghìn tấn thịt, vạn tấn rau thực phẩm chất lượng cao, vạn tấn quả tươi, khoảng 8-10 triệu quả trứng gia cầm...).

c). Tỉnh Phú Thọ hội tụ các điều kiện mang tính tiềm năng và thế mạnh để phát triển nông lâm nghiệp kết hợp. Phú Thọ có tiềm năng lớn về phát triển cây công nghiệp (tiêu biểu là cây chè), cây ăn trái (tiêu biểu là cây bưởi, cây chuối, hồng, cam quýt); phát triển nông sản thực phẩm (rau sạch, thịt, trứng). Điều kiện thời tiết khí hậu phù hợp để phát triển nhiều loại cây trồng và vật nuôi mà thị trường có nhu cầu ngày càng lớn như chè, cây ăn quả, rau xanh, lúa gạo chất lượng cao, chăn nuôi bò thịt và bò sữa, chăn nuôi lợn chất lượng cao, chăn nuôi gia cầm...

Nhìn chung, nguồn nước tương đối khá nhưng phân bố không đều theo thời gian và không gian. Hệ thống sông Hồng: chảy từ Trung Quốc vào Việt Nam qua các tỉnh tiểu vùng trung tâm là Lào Cai, Yên Bái, Phú Thọ đổ về đồng bằng sông Hồng và ra biển với diện tích lưu vực khoảng 70.700 km². Sông Hồng có 2 lưu vực quan trọng là sông Đà và sông Lô. Sông Đà chảy qua các tỉnh vùng Tây Bắc (Lai Châu, Sơn La, Hòa Bình) và gặp sông Hồng ở tỉnh trung du Phú Thọ. Sông Đà có lưu vực 26.800 km². Sông Lô gồm 2 nhánh: sông Lô và sông Gâm nhập vào sông Lô ở Yên Sơn (Tuyên Quang). Sông Chảy từ Hà Giang và Tuyên Quang nhập vào sông Hồng ở Việt Trì (Phú Thọ). Sông Lô có lưu vực 22.600 km². Những nơi núi đá vôi thường thiếu nước về mùa khô. Tổng diện tích nuôi thủy sản của Phú Thọ có khoảng 5,5-6 nghìn ha có thể sử dụng để nuôi thủy sản theo hướng thâm canh (một số đoạn của ba con sông lớn có thể nuôi thủy sản lồng bè, trên lãnh thổ Phú Thọ còn có 600 hồ với dung tích khoảng 1 triệu m³ nước có điều kiện nuôi thủy sản).

d). Hiện tại tỉnh Phú Thọ đã quy hoạch phát triển 7 khu công nghiệp (KCN) và 26 cụm công nghiệp (CCN), trong đó có 3 KCN: Thụy Vân có diện tích 450 ha, Trung Hà có diện tích 250 ha, Phú Hà 350 ha và có 3 CCN (Bạch Hạc, Đồng Lạng, Tử Đà) với tổng diện tích khoảng 200 ha đã đầu tư xong hạ tầng và đang đi vào hoạt động. Đây là điều kiện quan trọng để thu hút đầu tư phát triển công nghiệp chế biến nông sản.

3.1.2. Những khó khăn chủ yếu đối với sản xuất nông nghiệp của tỉnh Phú Thọ

Bên cạnh những tiềm năng, lợi thế đối với phát triển nông nghiệp thì ở tỉnh Phú Thọ cũng có những hạn chế và khó khăn nhất định, nổi bật là:

- Sức mua dành cho nông sản chưa thật lớn, nhất là đối với nông sản chất lượng cao và nông sản sạch.

- Diện tích đất nông nghiệp có hạn, nếu tính mức diện tích đất nông nghiệp bình quân đầu người thì chỉ bằng khoảng 63 - 64% mức trung bình của cả nước. Mặt khác diện tích đất thuộc loại xấu tương đối nhiều. Diện tích đất dốc chiếm tương đối lớn (khoảng 34 - 35%).

- Nền nông nghiệp truyền thống phổ biến trên toàn địa bàn với những cây trồng và vật nuôi có năng suất và chất lượng thấp, khó cạnh tranh ngay trong thị trường trong nước (ngoài cây chè).

- Hệ thống đường giao thông kết nối các vùng sản xuất tập trung tới các tuyến huyết mạch chưa tốt. Hệ thống kết cấu hạ tầng kỹ thuật nông nghiệp còn thiếu và kém chất lượng.

- Ở tỉnh Phú Thọ cũng có những bất lợi như của các tỉnh miền núi Bắc Bộ. Trước hết phải kể đến diện tích đất dốc và diện tích đất bạc màu do rửa trôi tương đối nhiều (đất dốc chiếm khoảng 34 - 35% và đất bạc màu chiếm khoảng 16 - 17% tổng diện tích đất nông nghiệp). Phần lớn diện tích cây dài ngày đã bước vào thời kỳ thoái hóa nên năng suất sụt giảm và chất lượng thấp. Đồng thời, hầu hết nông dân canh tác nông nghiệp theo kiểu truyền thống và theo kinh nghiệm là chủ yếu nên gặp khó khăn trong quá trình hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn.

3.2. Khái quát tình hình phát triển nông nghiệp giai đoạn 2011-2018

3.2.1. Tình hình phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Phú Thọ

Nền kinh tế của tỉnh Phú Thọ đã có bước phát triển khá (tốt hơn một số tỉnh ở Tây Bắc). Tốc độ tăng GRDP đạt khoảng 6,5%/năm trong giai đoạn 2011-2018. Tuy nhiên, trong 14 tỉnh ở vùng Trung du miền núi phía Bắc năm 2018, GRDP/người (đạt 50,7 triệu đồng) và năng suất lao động của tỉnh Phú Thọ (đạt 77 triệu đồng) đứng thứ tư, chỉ sau Thái Nguyên, Lào Cai, Bắc Giang, nhưng vẫn thấp hơn mức trung bình của cả nước (xấp xỉ bằng 76% GDP/người).

Tốc độ tăng trưởng GRDP luôn cao hơn mức trung bình của cả nước nhờ sự thay đổi tiến bộ về cơ cấu kinh tế. Tỷ trọng nông nghiệp trong GRDP giảm trung bình khoảng 1,1 điểm % mỗi năm (trong khi cả nước chỉ giảm được 0,46

điểm % mỗi năm). Tuy cơ cấu kinh tế có biểu hiện tiến bộ hơn các tỉnh Tây Bắc và nhiều tỉnh vùng TDMNBB nhưng nông nghiệp vẫn chiếm tỷ trọng nhiều hơn so với mức trung bình của cả nước (trong khi tỷ trọng nông nghiệp trong tổng GRDP của cả nước chỉ khoảng 12%). Đối với Phú Thọ tốc độ tăng trưởng công nghiệp và dịch vụ đều thấp (thấp hơn mức tăng của cả nước) và vì thế chưa tạo ra tiền đề để phát triển nông nghiệp.

Biểu 3.2: Cơ cấu kinh tế của Phú Thọ trong giai đoạn 2011 - 2018

Chỉ tiêu	2010	2015	2018	Tăng b/q 11-15	Tăng b/q 16-18
GRDP (giá 2010)	20.910	31.958	40.890	5,95	7,7
+ GTGT nông nghiệp	5.060	6.639	7.707	4,8	5,3
% so tổng GRDP	22,9	21,6	21,4	-	-
+ GTGT công nghiệp	7263	11.029	14.944	7,2	10,2
% so tổng GRDP	34,7	34,5	36,5	-	-
+ GTGT dịch vụ	8587	12.088	14.998	5,6	6,8
% so tổng GRDP	41,1	40,3	39,2	-	-

Nguồn: Thống kê tỉnh Phú Thọ 2015 và 2018 [8]

3.2.2. Thực trạng phát triển nông nghiệp của tỉnh Phú Thọ

a). Giá trị gia tăng và tốc độ tăng trưởng sản xuất nông nghiệp

Biểu 3.3: GRDP tỉnh Phú Thọ

Đơn vị: Tỷ đồng, giá 2010

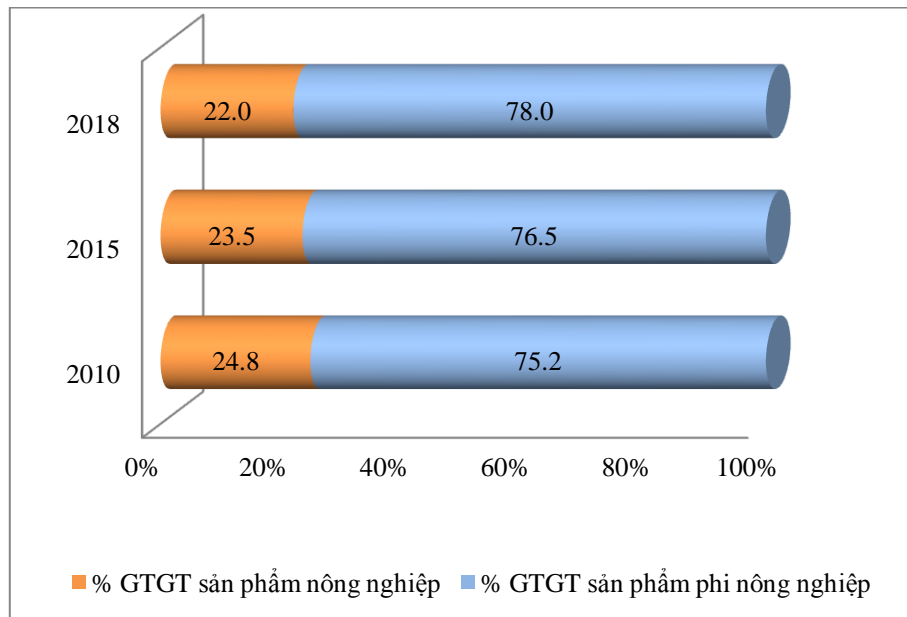
Chỉ tiêu	2010	2015	2018	Tăng b/q 11-15	Tăng b/q 16-18
1. GRDP (giá 2010)	20.910	31.958	40.890	5,95	7,7
+ GTGT nông nghiệp	5.060	6.639	7.707	4,9	5,3
* Trồng trọt	2.577	2.923	3.186	2,55	4,1
* Chăn nuôi	2.114	2.846	3.529	6,1	7,4
* Dịch vụ nông nghiệp	108	270	321	20,1	6,0
* Nuôi thủy sản	261,5	362,9	441	6,75	6,7
2. GTGT tăng thêm thông qua công nghiệp chế biến nông sản	115	157	192	6,4	6,9
% so GTGT nông nghiệp	2,4	2,6	2,7	-	-
3. Tổng giá trị gia tăng sản phẩm nông nghiệp (=1+2)	5.175	6.558	7.669	4,85	5,35
% so tổng GRDP toàn tỉnh	24,8	23,5	22,0	-	-

Nguồn: Thống kê tỉnh 2015 và 2018 [12]

Ghi chú: GRDP: Giá trị gia tăng nội địa trên địa bàn tỉnh; GTGT: Giá trị gia tăng

Trong giai đoạn **2011 - 2018**, tuy giá trị gia tăng (GTGT) nông nghiệp có mức tăng khoảng 4,5-5,2%/năm nhưng còn thấp xa so tiềm năng của tỉnh. Trong đó, trồng trọt tăng khoảng 3,4%, chăn nuôi tăng khoảng 6,5% (riêng thủy sản tăng khoảng 6,7%) và dịch vụ nông nghiệp tăng 9%/năm.

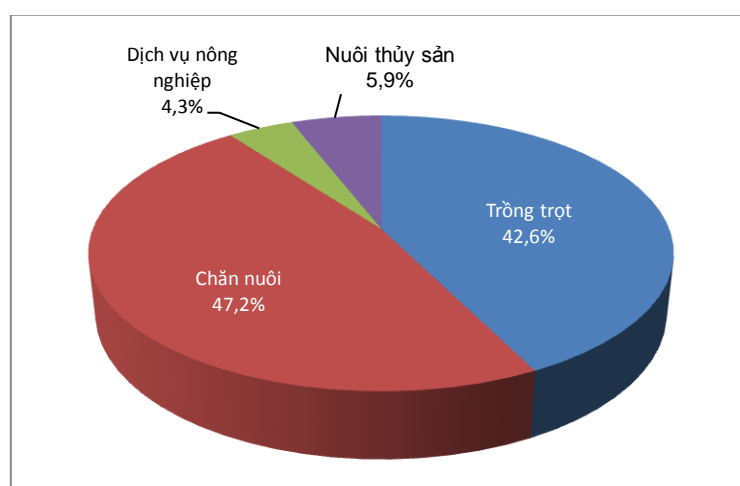
Giá trị nông sản qua chế biến mới đóng góp khoảng 2,6% tổng GTGT nông nghiệp, đó có thể xem là mức quá thấp so tiềm năng. Nếu cộng cả giá trị tăng thêm do qua chế biến thì nông nghiệp cũng chỉ chiếm khoảng 22% tổng GRDP của tỉnh (Hình 3.1).



Hình 3.1: Tỷ trọng GTGT nông nghiệp của Phú Thọ trong giai đoạn **2011 - 2018**

b). Chuyển dịch cơ cấu sản xuất nông nghiệp

Nhìn chung, sản xuất nông nghiệp của tỉnh Phú Thọ vẫn chủ yếu là sản xuất truyền thống với trồng trọt là chính. Cơ cấu sản xuất chuyển dịch chậm, nhất là việc chuyển từ nền nông nghiệp truyền thống sang nền nông nghiệp hiện đại, dựa trên nền tảng công nghệ càng chậm. Vào năm 2018, trong cơ cấu sản xuất nông nghiệp trồng trọt chiếm khoảng 42,6%, chăn nuôi chiếm khoảng 47,2%, thủy sản chiếm khoảng 5,9% và dịch vụ nông nghiệp chiếm khoảng 4,3%.



Hình 3.2: Cơ cấu ngành nông nghiệp tỉnh Phú Thọ năm 2018

Trong giai đoạn 2011 – 2018, tỷ trọng trồng trọt chỉ giảm được 8,3% (như vậy mỗi năm chỉ giảm được khoảng 1,3%). Đối với phân ngành chăn nuôi mỗi năm chỉ tăng được khoảng 0,68%; còn phân ngành dịch vụ nông nghiệp thì có tăng nhưng tăng rất chậm (chỉ khoảng 0,27%). Sự thay đổi của cơ cấu sản xuất nông nghiệp như thế là chậm. Chính vì cơ cấu sản xuất như vậy nên tốc độ tăng trưởng GTGT nông nghiệp và sản xuất nông sản hàng hóa chưa thể phát triển như mong muốn.

Biểu 3.4: Cơ cấu nông nghiệp tỉnh Phú Thọ

Đơn vị: %, giá 2010

Chỉ tiêu	2010	2015	2018	Tăng b/q 11-18 (%)
+ GTGT nông nghiệp	100	100	100	-
* Trồng trọt	50,9	45,7	42,6	-8,3
* Chăn nuôi	41,7	44,5	47,2	+5,5
* Dịch vụ nông nghiệp	2,1	4,2	4,3	+2,2
* Nuôi thủy sản	5,3	5,6	5,9	+0,6

Nguồn: Thống kê tỉnh 2015 và 2017 [12]

Với tình trạng phát triển như vậy nên mặc dù nông nghiệp có tiềm năng lớn nhưng chỉ đóng góp được khoảng 15% gia tăng quy mô kinh tế của tỉnh còn các ngành phi nông nghiệp đóng góp tới hơn 85% gia tăng quy mô kinh tế của tỉnh (trong khi công nghiệp trong giai đoạn vừa qua cũng chưa phát triển).

Nếu gia tăng mạnh mẽ các cây trồng có năng suất, chất lượng cao và phát triển chăn nuôi hàng hóa thì có thể bứt tốc sản xuất nông nghiệp mạnh hơn nhiều.

Biểu 3.5: Đóng góp của các ngành vào tăng trưởng kinh tế của tỉnh Phú Thọ

Chỉ tiêu	Đơn vị	2011-2015	2016-2018
Phần tăng của tổng GRDP của tỉnh	Tỷ đồng	7.012	6.980
Riêng: Nông nghiệp	Tỷ đồng	1.341,4	1.075,1
% so tổng phân GRDP tăng thêm	%	19,1	15,4
Phi nông nghiệp	Tỷ đồng	5.670,6	5.904,9
% so tổng phân GRDP tăng thêm	%	80,9	84,6

Nguồn: Thống kê tỉnh 2015 và 2017 [12]

3.2.2.1. Trồng trọt

Trồng trọt là thế mạnh của Phú Thọ nhưng trong giai đoạn vừa qua chủ yếu phát triển tự phát và theo truyền thống là chính nên hiệu quả thấp. Nhìn chung năng suất cây trồng chỉ ngang với mức trung bình của cả nước. Năng suất các cây chủ lực đều thấp thua so với các tỉnh có cùng nông sản hàng hóa như so với Thái Nguyên (chè), so với Sơn La (rau xanh, trái cây), so với Hòa Bình (trái cây).

Biểu 3.6: Năng suất trồng trọt

Đơn vị: Tấn/ha

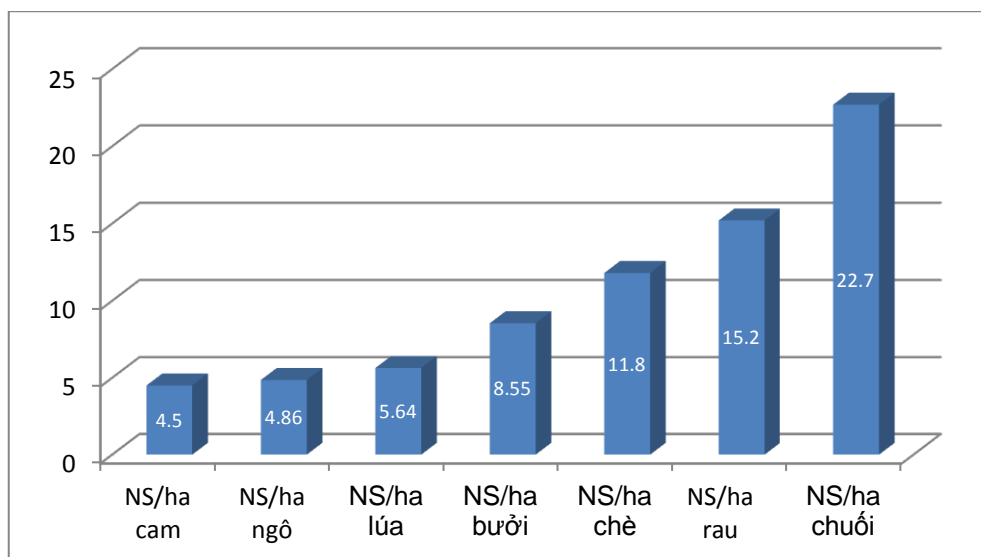
Chỉ tiêu	2010	2015	2018	Tăng b/q năm 2011-2015, %	Tăng b/q năm 2016-2018, %
<i>NS/ha lúa</i>	5,12	5,4	5,69	1,05	1,45
<i>NS/ha ngô</i>	4,37	4,6	4,86	1,05	1,85
<i>NS/ha chè</i>	8,1	10,3	11,8	4,9	4,6
<i>NS/ha cam</i>	4,2	4,4	4,5	0,95	0,75
<i>NS/ha bưởi</i>	7,9	8,4	8,55	1,25	0,6
<i>NS/ha chuối</i>	20,9	21,8	22,7	0,85	1,35
<i>NS/ha rau</i>	13,9	14,3	15,2	0,55	2,05

Ghi chú: NS: năng suất

Nguồn: Thống kê tỉnh 2015 và 2017 [12]

Nhìn chung trồng trọt ở Phú Thọ ngoài cây chè, cây sơn còn đều là cây truyền thống có năng suất và chất lượng thấp nên khó cạnh tranh. Mặt khác, do phát triển tự phát nên tỉnh Phú Thọ ít hoặc không có nông sản hàng hóa và khi có nông sản hàng hóa thì khối lượng không lớn và chất lượng không cao. Các nhà đầu tư ngoài tỉnh chưa quan tâm nhiều tới đầu tư phát triển cây trồng mang đặc sản của tỉnh. Cây bưởi Đoan Hùng hầu như bị chững lại, không mở rộng. Cây chè tuy có tăng diện tích nhưng vẫn chủ yếu là giống cũ của địa phương. Cây chuối Thanh Sơn bị mai một. Cây hồng hiem quý không được chú trọng khôi phục. Cây rau xanh có tiềm năng lớn nhưng vì chưa

tìm được nơi tiêu thụ nên cũng chưa phát triển. Các cây chanh, cam, quýt, vải, nhãn đang phát triển rải rác tại các vườn tạp. Năng suất cây trồng tăng rất chậm. Nhìn chung yếu tố công nghệ cao chưa được người nông dân chú ý.



Hình 3.3: Năng suất các loại cây trồng chủ yếu của tỉnh Phú Thọ năm 2018

3.2.2.2. Chăn nuôi

Nhìn chung chăn nuôi chưa phát triển đúng với tiềm năng. Tỉnh Phú Thọ có tiềm năng lớn về phát triển chăn nuôi bò thịt chất lượng cao, bò sữa và chăn nuôi lợn thịt siêu nạc nhưng những vật nuôi này đều chưa được phát triển. Trên địa bàn tỉnh chăn nuôi vẫn mang nặng tính truyền thống, tự phát trong các hộ gia đình và chưa có công nghiệp chế biến nên khó tạo ra nông sản hàng hóa. Nếu so 2018 với năm 2010, điều đáng chú ý là đàn bò và đàn trâu đều giảm; đàn lợn và đàn gia cầm gấp 1,3 lần. Nhìn chung, sản phẩm hàng hóa của ngành chăn nuôi chưa nhiều.

Biểu 3.7: Chăn nuôi của Phú Thọ

Chỉ tiêu	Đơn vị	2010	2015	2018	Tăng b/q năm 2011-2018 (%)
+ Đàn lợn	1.000 con	655	778	786,2	3,7
+ Đàn gia cầm	”	9.897	11.518	14.492	3,2
+ Đàn bò	”	122	98	116,4	-0,1
+ Đàn Trâu	”	88	71	62,9	-2,35
+ Đàn dê	”	7,7	9,1	17,5	4,3
+ Cá các loại	1.000 Tấn	1.7340	27.670	32.935	6,4

Nguồn: Thống kê tỉnh 2015 và 2018 [8]

3.2.2.3. Dịch vụ nông nghiệp

Trong giai đoạn 2011 - 2018, nhìn chung dịch vụ nông nghiệp đang trong tình trạng phát triển tự phát và chưa được tổ chức. Dịch vụ nông nghiệp mới chiếm khoảng 4% GTGT nông nghiệp. Người nông dân tự tìm đến các nhà cung cấp vật tư nông nghiệp riêng lẻ tại các trung tâm xã hoặc tại các trung tâm huyện lỵ để mua vật tư nông nghiệp. Họ không biết rõ chất lượng mỗi loại vật tư nên chịu nhiều rủi ro. Trên địa bàn tỉnh chưa hình thành hệ thống dịch vụ nông nghiệp chuyên sâu và họ cũng chưa được tổ chức. Hệ thống chợ nông sản và mạng lưới thu mua, phân phối nông sản chưa hình thành. Các chợ nông thôn chủ yếu là “tự cung tự cấp” tại địa phương. Nếu cứ phát triển kiểu này thì nông nghiệp không thể bứt tốc được.

Nhìn chung, chưa xuất hiện tên những nông sản sạch, chất lượng cao được sản xuất theo tiêu chuẩn VietGAP hay GlobalGAP. Về cơ bản sản xuất nông nghiệp đáp ứng phần lớn nhu cầu nông sản thực phẩm tươi sống tại chỗ. Ngoài chè, hầu như các nông sản khác chưa được chế biến và nếu có chế biến thì chỉ sơ chế để tiêu dùng tại chỗ như giết mổ động vật hay xay xát gạo.

Biểu 3.8: Sản phẩm nông nghiệp chủ yếu của Phú Thọ

Đơn vị: ha, %

Chỉ tiêu	Đơn vị	2010	2015	2018	Tăng b/q năm 2011-2018 (%)
Sản lượng ngũ cốc	Tấn	442.734	461.763	482.990	1,1
TĐ:-Lúa	Tấn	352.354	370.321	365.816	1,3
-Ngô	Tấn	90.380	89.542	80.526	-0,3
Chè búp tươi	1000Tấn	111,6	154,7	178,9	8,3
Thịt lợn lọc	Tấn	50.047	68.954	75.849	5,3
Thịt gia cầm lọc	Tấn	13.436	19.054	21.531	6,1
Thịt bò lọc	Tấn	3.604	2.736	2.970	-2,35
+ Trứng	Tr. quả	113,8	158,2	169,1	5,1
+ Sữa bò	1000 lít	-	6,8	8,2	6,3
+ Mật ong	1000 lít	262	159	153	-6,5
Rau	Tấn	140.165	182.169	211.009	4,0
Cá các loại	Tấn	17.341	27.650	32.936	6,1

Nguồn: Thống kê tỉnh 2015 và 2017 [12]

3.2.2.4. Hình thành và phát triển mô hình sản xuất hàng hóa

Người dân Phúc Khánh - Phú Thọ đã đưa giống bưởi Diễn (gốc ở Diễn thuộc Hà Nội) về trồng và cho kết quả tốt nhưng chưa được nhân rộng [69]. Công ty cổ phần Sữa quốc tế Ba Vì (IDP) đang dựa vào các nông hộ để phát triển đàn bò sữa với quy mô vùng nguyên liệu trên phạm vi 7 tỉnh phía bắc như: Hà Nội, Hòa Bình, Vĩnh Phúc, Phú Thọ, Thanh Hóa, Tuyên Quang, Quảng Ninh với hơn 4.000 hộ chăn nuôi, tổng đàn bò khoảng 16.000 con (riêng ở vùng nguyên liệu trọng điểm là Ba Vì Hà Nội, số bò sữa ước khoảng trên 8.000 con) [74]. Do vậy, tại Phú Thọ việc chăn nuôi bò sữa đang mới bắt đầu phát triển, kết quả và hiệu quả chưa được thể hiện được cụ thể nhiều.

Trên địa bàn tỉnh Phú Thọ đã xuất hiện mô hình trồng giống lúa Nhật Bản (J02) chất lượng cao đem lại hiệu quả khá tốt (lãi khoảng 30%; đây là mức không thể nào đạt được nếu trồng giống lúa cũ ở Việt Nam). Đi theo phương hướng này, chính quyền tỉnh Phú Thọ đang chọn những đơn vị làm điểm gồm các hợp tác xã nông nghiệp (HTX) đã dồn điền đổi thửa, có Ban quản lý đứng ra ký hợp đồng với doanh nghiệp để tỉnh, huyện hỗ trợ xây lò sấy, dựng kho tạm trữ. Cụ thể là đã chọn một HTX ở huyện Thanh Ba, một HTX ở huyện Tam Nông, một HTX ở huyện Lâm Thao đại diện cho ba khu vực miền núi, trung du và đồng bằng và đã được quy hoạch mỗi địa phương 150 - 200 ha đất liền khu, liền thửa. Mỗi HTX như thế sẽ xây dựng ba lò sấy công suất 12 tấn/mẻ/10 giờ cùng một kho tạm trữ, tổng trị giá đầu tư khoảng 1,5 tỉ đồng. Quy mô đó đủ để sấy mỗi vụ 1.000 tấn lúa (2 vụ: xuân sớm và mùa muộn) trong một năm sẽ đạt sản lượng lúa sấy khoảng 2.000 tấn/HTX). Cũng theo trang thông tin điện tử này, hiện nay đã có hơn 300 siêu thị mini, cửa hàng tiện ích ở Hà Nội đã thiết lập quan hệ với công ty ở Phú Thọ để nhập hàng gạo giống lúa Nhật Bản (ăn ngon hơn). Nhờ đó giống lúa J02 lan tỏa không chỉ ở Phú Thọ mà còn ở nhiều tỉnh thành như Hà Nội, Hưng Yên, Vĩnh Phúc, Thái Nguyên... Nếu hợp tác với các nhà đầu tư nông nghiệp công nghệ cao của Nhật Bản thì sẽ mở ra nhiều cơ hội mới để phát triển nông nghiệp công nghệ cao quy mô lớn ở Phú Thọ.

3.2.2.5. Giá trị gia tăng nông nghiệp và nông sản bình quân đầu người

Giá trị gia tăng nông nghiệp chiếm trong tổng GTSX nông nghiệp đang ở mức thấp, chỉ vào khoảng 35-36%.

Biểu 3.9: Một số chỉ tiêu về phát triển nông nghiệp

Chỉ tiêu	Đơn vị	2010	2015	2018	Tăng b/q năm, %
Giá trị sản xuất nông nghiệp (GTSXNN)*	Tỷ. đ	14.795	17.734	20.944	4,6
GTGTNN*	Tỷ. đ	5.060	6.402	7.701	4,9
% so tổng GTSXNN	%	34,2	36,1	35,7	-

Nguồn: Tác giả tính toán theo số liệu thống kê của tỉnh 2015 và 2018

*Ghi chú: * giá năm 2010; GTSXNN: Giá trị sản xuất nông nghiệp; GTGTNN: Giá trị gia tăng nông nghiệp*

Tỷ trọng giá trị gia tăng trong tổng GTSX trong 5 năm 2011-2015 có tăng nhưng 3 năm tiếp theo từ 2016 đến 2018 hầu như không tăng. Trong giai đoạn 2011 - 2018, tốc độ tăng của GTSX đạt khoảng 4,6%/năm và tốc độ tăng của GTGTNN đạt khoảng 4,9%/năm thì đó cũng là biểu hiện tốt nhưng khác biệt còn ít. Điều này cũng thể hiện rằng hiệu quả sản xuất nông nghiệp của tỉnh Phú Thọ **có phát triển nhưng vẫn** đang ở mức thấp.

Bình quân nhân khẩu nông nghiệp về sản xuất nông nghiệp của tỉnh Phú Thọ cũng còn ở mức khiêm tốn. Trong khi tốc độ tăng dân số nông nghiệp, nông thôn ở mức khoảng 0,8-1%/năm mà GTGTNN chỉ tăng khoảng 4,9%/năm nên đời sống của người nông dân chưa được cải thiện nhiều, thậm chí có thể nói là còn ít. Thực tế khi tác giả xuống khảo sát tại nhiều nơi ở vùng nông thôn của tỉnh thì thấy sự thay đổi ở khu vực nông thôn còn tương đối ít; đời sống của nông dân có thay đổi nhưng chưa bền vững.

Năm 2018, theo số liệu thống kê của tỉnh GTGTNN/nhân khẩu nông nghiệp chỉ bằng khoảng 18,6% mức trung bình GRDP/người của toàn tỉnh (con số này của năm 2010 chỉ khoảng 28%). Nếu tính cả GTGT công nghiệp và dịch vụ thì GRDP/người ở khu vực nông thôn cũng chỉ bằng khoảng 50 - 55% mức trung bình của toàn tỉnh, đó cũng là mức thấp. Nếu không có giải pháp cải thiện thì chênh lệch giữa đô thị, khu công nghiệp và nông thôn sẽ tiếp tục doãng ra. Vì khi ấy sẽ xuất hiện dòng người từ

nông thôn đổ về các thành phố, thị xã. Tình trạng này sẽ không đảm bảo sự ổn định cần thiết cho sự nghiệp phát triển chung của tỉnh.

Biểu 3.10: Một số chỉ tiêu bình quân nhân khẩu nông nghiệp

Chỉ tiêu	Đơn vị	2010	2015	2018	Tăng b/q năm, %
GTGTNN/NKNN	Tr. đ	5,4	6,6	7,6	4,35
% so GRDP/người của tỉnh*	%	41,1	44,3	46,8	-
GTHHNS/ NKNN	Tr.đ	0,55	0,72	0,86	5,7
GTXK nông sản/ NKNN	USD/ng	15,8	25,6	28,6	7,7
Lương thực (ngũ cốc)/ NKNN	Kg	334,8	337,3	344,1	0,35
Thịt lợn, gia cầm lọc/ NKNN	Kg	67,5	90,7	98,3	4,8
Trứng/ NKNN	Quả	86	116	120	4,3

Nguồn: Thống kê tỉnh 2015 và 2018

Ghi chú: GTGTNN: Giá trị gia tăng nông nghiệp; GTHHNS: Giá trị hàng hóa nông sản; GTXK: Giá trị xuất khẩu; NKNN: Nhân khẩu nông nghiệp

GRDP/người của tỉnh* lấy theo số liệu công bố ở luận án tiến sĩ của học giả Trịnh Thế Truyền

Ngoài thịt lợn, gia cầm có bình quân đầu người cao hơn nhu cầu còn các loại nông sản khác đều đạt mức thấp so nhu cầu. Thịt lợn, thịt gia cầm chủ yếu chỉ cung cấp cho người dân đô thị trong tỉnh (khoảng 27 vạn người vào năm 2018). Do chất lượng thấp và giá thành cao nên chưa trở thành hàng hóa cung cấp cho các thành phố lớn ở phía bắc.

3.3. Thực trạng hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp của tỉnh Phú Thọ

3.3.1. Tình hình sử dụng đất nông nghiệp trong giai đoạn 2011 - 2018

Giai đoạn 2011 - 2018, diện tích đất nông nghiệp tăng khoảng 3,77 nghìn ha/năm. Đất cây hàng năm tăng khoảng 466,5 ha/năm, đất cây lâu năm tăng khoảng 3,79 nghìn ha/năm. Cây trồng mới và con vật nuôi mới cũng như cây trồng vật nuôi tuy đã phát triển trong nhiều năm nhưng chưa có năng suất, chất lượng cao và cũng thay đổi ít. Tỷ trọng đất cây hàng năm giảm khoảng 14% và tỷ trọng đất cây lâu năm tăng khoảng 18%. Về hình thức thì đây có thể xem như sự thay đổi rõ nét nhưng về bản chất cơ cấu sử dụng đất nông nghiệp chưa có sự thay đổi theo chiều hướng tiến bộ rõ rệt. Tuy có thay đổi về diện tích nhưng cây trồng và vật nuôi vẫn chủ yếu như cũ

nên không tạo ra những thay đổi mang tính căn bản. Vấn đề đặt ra tại sao như vậy, qua phân tích tác giả thấy chủ yếu là do đường lối phát triển nông nghiệp của tỉnh chưa có nhiều đổi mới; chính sách sử dụng đất đai vẫn chưa tạo ra những tiền đề để thay đổi có tính cách mạng.

Trong quá trình phân tích cơ cấu sử dụng đất nông nghiệp, tác giả nhận thấy do nông nghiệp phát triển theo kiểu truyền thống là chính nên cơ cấu sử dụng đất nông nghiệp chưa thể hiện được tư tưởng phát huy tiềm năng, thế mạnh và lợi thế so sánh để phát triển nông nghiệp hàng hóa quy mô lớn. Trong khi tỉnh Phú Thọ có tiềm năng phát triển cây ăn trái, cây công nghiệp dài ngày (chè, sơn) và chăn nuôi hàng hóa quy mô lớn thì diện tích cây lương thực vẫn chiếm phần lớn và chủ yếu để trồng các cây năng suất thấp như lúa, ngô, sắn, đậu đỗ các loại. Đất dành cho trồng cỏ chăn nuôi bò, trồng cây ăn trái đặc sản và trồng cây công nghiệp dài ngày (chè, sơn) tăng ít. Đó là điểm không hợp lý và phải xem xét lại trên tinh thần đổi mới theo hướng tạo ra nhiều giá trị gia tăng và nhiều sản phẩm nông sản hàng hóa.

Biểu 3.11: Đất nông nghiệp của tỉnh Phú Thọ

Đơn vị: ha

Chỉ tiêu	2010	2015	2018	Tăng b/q năm 2011-2018
Diện tích đất nông nghiệp	88.024	118.398	118.187	+3.770,38
<i>% so diện tích tự nhiên</i>	24,9	33,5	33,4	-
a). Chia theo mục đích sử dụng				
+ Đất cây hàng năm	59.239	62.977	62.971	+466,5
<i>% so diện tích đất nông nghiệp</i>	67,2	53,2	53,3	-
+ Đất cây lâu năm	24.893	55.420	55.216	+3.790,38
<i>% so diện tích đất nông nghiệp</i>	28,3	46,8	46,7	-
+ Đất trồng cỏ	11	22	28	+2,13
<i>% so diện tích đất nông nghiệp</i>	0,01	0,02	0,03	-
+ Đất chăn nuôi tập trung	6	10	37	+ 3,88
<i>% so diện tích đất nông nghiệp</i>	0,006	0,01	0,04	-
+ Đất nuôi trồng thủy sản	3.875	4.900	5.255	+ 172,5
<i>% so diện tích đất nông nghiệp</i>	4,4	5,5	5,7	-
b). Diện tích trồng trọt ứng dụng công nghệ cao	8,4	338	516	+63,45
<i>% so diện tích trồng trọt*</i>	0,08	0,4	0,6	-

Nguồn: Thống kê tỉnh 2015 và 2018 [8]

*Ghi chú: * Diện tích trồng cây hàng năm và cây lâu năm*

Nhìn vào biểu 3.11 cho thấy, diện tích đất trồng trọt ứng dụng công nghệ cao của tỉnh Phú Thọ tuy có tăng qua các năm nhưng còn ở quy mô rất nhỏ. Diện tích đất trồng trọt ứng dụng công nghệ cao chỉ chiếm khoảng 0,01% diện tích đất trồng trọt vào năm 2010 và chiếm khoảng 0,6% vào năm 2018. Đây có thể nói là một trong những nguyên nhân quan trọng dẫn tới hiệu quả phát triển nông nghiệp thấp.

+ Đất cây hàng năm

Trong suốt giai đoạn **2011 - 2018** đất trồng lúa vẫn chiếm phần chủ yếu. Diện tích đất trồng rau tăng đáng kể nhưng chủ yếu là rau xanh phục vụ nhu cầu tại chỗ. Đất trồng lúa chiếm khoảng 72% trong khi không có hàng hóa và năng suất thấp là điều chưa hợp lý. Tác giả cho rằng, đây là vùng đất có thể tạo ra đột phá nếu dành đất trồng lúa chất lượng cao và những diện tích một vụ năng suất thấp được chuyển sang trồng các cây khác có hiệu quả hơn. Nhìn chung, các cây hàng năm đều có hiệu quả thấp. Gần đây một số nơi trong tỉnh đã phát triển lúa chất lượng cao (nhập giống từ Nhật Bản) đã đem lại kết quả bước đầu. Đồng thời, một số nơi đã trồng dưa chuột bao tử và cà chua bi cũng đạt kết quả tốt. Nếu có phương án thay đổi cơ cấu cây trồng theo hướng hiệu quả cao thì đó là khả năng rất thực tế.

Biểu 3.12: Đất cây hàng năm của tỉnh Phú Thọ

Đơn vị: ha, %

Chỉ tiêu	2010	2015	2018	Tăng trong giai đoạn 2011-2018
Đất cây hàng năm	59.239	62.977	62.971	- 6
* Đất trồng lúa	46.750	44.480	46.690	- 60
% so tổng số	78,9	81,2	64,3	-
* Đất trồng rau	10.444	12.528	14.200	+3.756
% so tổng số	17,6	22,9	24,8	-
* Đậu các loại	1.335	1.139	1.098	- 237
% so tổng số	2,3	2,1	1,9	-
* Đất cây khác	710	4830	983	+ 4452
% so tổng số	1,2	6,1	1,6	

Nguồn: Thống kê tỉnh 2015 và 2017 [12]

Thị trường rau thực phẩm, trái cây, thịt, trứng tăng mạnh nên cơ cấu sử dụng đất cũng biến động theo hướng đó. Tuy nhiên việc thay đổi cơ cấu sử dụng đất nông

nghiệp không đi kèm theo thay đổi cơ cấu và chất lượng cây trồng nên cũng không thay đổi nhiều hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp.

+ Đất cây lâu năm

Đất cây ăn quả có tăng đáng kể và đất cây công nghiệp lâu năm có giảm nhưng cơ cấu tăng giảm lại chưa thể hiện được chiều hướng để sản xuất có chất lượng cao.

Biểu 3.13: Đất cây lâu năm của tỉnh Phú Thọ

Đơn vị: ha, %

Chỉ tiêu	2010	2015	2018	Tăng trong giai đoạn 2011-2018
Đất cây lâu năm	24.893	55.420	55.216	+30.323
* Đất cây ăn quả	8.194	39.926	33.905	+25.711
% so tổng số	32,9	66,6	61,4	-
* Đất cây công nghiệp lâu năm	16.699	18.494	19.994	+3.295
% so tổng số	67,1	33,4	38,6	-

Nguồn: Thống kê tỉnh 2015 và 2018 [12]

* Đất cây ăn quả

Biểu 3.14: Đất cây ăn quả của tỉnh Phú Thọ

Đơn vị: ha

Chỉ tiêu	2010	2015	2018	Tăng trong giai đoạn 2011-2018 (%)
Đất cây ăn quả	8.194	39.926	33.905	+ 25.711
- Bưởi	1.822	2.187	2.258	+436
% so tổng số	22,2	20,5	16,2	-
- Cam quýt	716	614	616	-100
% so tổng số	8,7	5,7	4,4	-
- Nhãn, vải, hồng	2.430	2.098	2.102	-328
% so tổng số	29,7	19,6	15,1	-
- Chuối	2.546	3.195	3.322	+776
% so tổng số	31,0	29,9	23,9	-
- Dứa	455	327	319	-136
% so tổng số	5,6	3,1	2,3	-
- Táo	225	269	288	+63
% so tổng số	2,7	2,5	2,1	-

Nguồn: Thống kê tỉnh 2010 và 2017 [12]

Nhìn chung, cơ cấu cây ăn quả vẫn là truyền thống, tự phát và phát triển trong các vườn tạp là chính. Chưa hình thành tập đoàn cây trồng chủ lực. Bưởi là một trong số ít cây trồng có thể trở thành chủ lực và là cây đặc sản thì diện tích tuy có tăng ít

nhưng tỷ trọng lại giảm. Gần đây một số nơi đã du nhập giống bưởi Diễn (có nguồn gốc từ Hà Nội) nhưng hiệu quả chưa cao. Các loại cây ăn quả khác như chuối, hồng, cam, quýt, dứa... đều chưa có giống tốt, có năng suất thấp và chất lượng cũng thấp nên chủ yếu phục vụ tiêu dùng tại chỗ nên hiệu quả thấp. Đất trồng cây ăn quả tăng nhưng chủ yếu trồng ở nhưng vườn tạp với tập đoàn cây trồng có giá trị kinh tế và hiệu quả kinh tế không cao. Đất trồng cây công nghiệp dài ngày tăng ít và cũng vẫn là cây trồng truyền thống chưa được cải tạo nên hiệu quả cũng không cao.

*** Đất cây công nghiệp lâu năm**

Cây chè là cây chủ lực nhưng diện tích trồng chè tăng ít và giống chè vẫn như cũ nên năng suất và chất lượng chưa cao, không thể hiện được chủ công của nông sản hàng hóa của tỉnh. Nếu không đổi mới giống chè có năng suất, chất lượng cao thì cũng là sự lãng phí không nhỏ (vì diện tích chè tương đối lớn và chiếm khoảng 82% tổng diện tích cây công nghiệp lâu năm).

Biểu 3.15: Đất cây công nghiệp lâu năm của tỉnh Phú Thọ

Đơn vị: ha, %

Chỉ tiêu	2010	2015	2018	Tăng trong giai đoạn 2011-2018
Đất cây công nghiệp lâu năm	16.699	18.494	19.994	+3.295
- Riêng cây chè	15.625	16.309	16.500	+875
% so tổng số	93,6	88,2	82,5	-
- Riêng cây sơn	694	1.992	2.056	+1.362
% so tổng số	4,1	10,8	10,3	-

Nguồn: Thống kê tỉnh 2015 và 2017 [12]

Nhìn chung năng suất sử dụng đất trồng trọt của Phú Thọ còn thấp và chất lượng cũng thấp nên khó cạnh tranh với nông sản cùng loại của các tỉnh khác. Hầu như sau 8 năm năng suất cây trồng chỉ tăng khoảng 0,6-1%/năm. Nếu tình trạng này kéo dài thì hiệu quả phát triển nông nghiệp nói chung và hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp nói riêng sẽ vẫn thấp và không thể cải thiện như mong muốn.

3.3.2. Thực trạng hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp của tỉnh Phú Thọ giai đoạn 2011 - 2018

3.3.2.1. Nhận định chung

a). Thành tựu

- Trong giai đoạn 2011 - 2018 hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp có xu hướng tăng nhưng chậm và còn ở mức thấp. Do hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp thấp nên nhìn chung đời sống của người dân chưa được cải thiện nhiều. Trong khi đất nông nghiệp tăng 30 nghìn ha thì tốc độ tăng GTGTNN hàng năm chỉ tăng khoảng 0,5% (so giai đoạn 2016 - 2018 với giai đoạn 2011 - 2015). Điều đó cũng phản ánh công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp của tỉnh Phú Thọ chưa được cao và hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp cũng còn thấp.

- Tuy hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp ở Phú Thọ có tăng qua các năm nhưng chưa được như kỳ vọng. Nếu lấy năm 2018 so với năm 2010 thì trong 8 năm các chỉ tiêu hiệu quả cụ thể thay đổi như sau: (1). GTGTNN/ha đất nông nghiệp gấp khoảng 1,4 lần; (2). GTGTNN/lao động nông nghiệp gấp khoảng 1,6 lần; (3). GTGTNN/nhân khẩu nông nghiệp gấp khoảng 1,4 lần; (4). Giá trị hàng hóa nông nghiệp /ha đất nông nghiệp gấp khoảng 1,57 lần.

b). Hạn chế chủ yếu

Trên cơ sở những điều trình bày ở trên, tác giả rút ra một số nhận định tổng quát về hạn chế đối với hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp ở tỉnh Phú Thọ trong thời gian vừa qua, cụ thể là:

- Hạn chế lớn nhất của hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp ở tỉnh Phú Thọ là chưa tạo ra nhân tố để gia tăng mạnh. Diện tích dành cho phát triển nông sản ứng dụng công nghệ cao còn ít.

- Hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp không đều ở các địa phương. Mô hình sử dụng đất nông nghiệp có hiệu quả xuất hiện chủ yếu ở những nơi người nông dân mạnh dạn và sáng tạo đầu tư để phát triển kinh tế.

- Tuy đã xuất hiện một số mô hình sử dụng đất nông nghiệp có hiệu quả như ứng dụng công nghệ cao, sản xuất nông sản sạch, chất lượng cao nhưng chưa được chú

ý đúng mức và chưa được nhân rộng. Mặt khác, khả năng vốn trong dân để phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao còn rất hạn chế.

- Một số nơi sử dụng đất dốc có hiệu quả nhưng nhìn chung còn đang dừng lại ở quy mô nhỏ đối với trồng cây chè là chủ yếu.

3.3.2.2. Đánh giá theo các khía cạnh cụ thể

Nhìn chung, trên cơ sở tính toán các chỉ tiêu theo công thức đã trình bày ở Chương 2, tác giả tiến hành tính toán và đánh giá theo các chỉ tiêu hiệu quả. Trên cơ sở kết quả tính toán cho thấy việc sử dụng đất nông nghiệp ở Phú Thọ chưa có sự thay đổi tiến bộ như mong muốn.

a). Tại tỉnh Phú Thọ, hiệu quả sử dụng đất cây công nghiệp dài ngày đạt mức cao hơn cả (cây chè, cây sơn và cả hai cây này được ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ tốt hơn, được tổ chức sản xuất tốt hơn). GTGT tạo ra trên mỗi ha đối với các loại cây trồng khác nhau. Năm 2018, nếu giá trị sử dụng đất cây hàng năm lấy bằng 1 thì giá trị tạo ra trên ha của cây ăn quả bằng 1,64 lần và của cây công nghiệp dài ngày bằng 1,72 lần.

Biểu 3.16: Hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp xét theo loại đất*

Đơn vị: Triệu đồng, giá 2010

Loại đất	2010		2015		2018	
	Tr. đ	Lần	Tr. đ	Lần	Tr. đ	Lần
Đất trồng trọt	26,1		25,7		26,1	
Đất cây hàng năm	23,1	1	24,3	1	21,4	1
Đất cây lâu năm	32,4	1,4	33,8	1,39	33,8	1,59
* Đất cây ăn quả	34,1	1,47	34,9	1,44	35,8	1,65
*Đất cây công nghiệp dài ngày	34,2	1,48	35,5	1,46	37,1	1,72

Nguồn: Tính toán theo số liệu thống kê

*Ghi chú: Tính theo GTGT nông nghiệp

Nhìn vào biểu 3.16 cho thấy, hiệu quả sử dụng đất cây công nghiệp dài ngày ở tỉnh Phú Thọ đem lại hiệu quả cao nhất, sau đó tiếp đến hiệu quả sử dụng

đất trồng cây ăn quả. Nhìn chung các trang trại sử dụng đất nông nghiệp hiệu quả cao nhất, tiếp đến là hợp tác xã và cuối cùng là hộ gia đình².

Biểu 3.17: Hiệu quả sử dụng đất xét theo loại cây trồng*

Đơn vị: Triệu đồng, giá 2010

Loại đất	2010		2015		2018	
	Tr. đ	Lần	Tr. đ	Lần	Tr. đ	Lần
1. Đối với cây hàng năm						
- Đất trồng lúa gạo	22,8	1	23,9	1	22,2	1
-Đất trồng rau xanh	29,3	1,28	29,6	1,24	30,3	1,36
2. Đối với cây ăn quả						
- Đất trồng bưởi	64,8	1	76,7	1	81,2	1
- Đất trồng chuối	48,6	0,75	57,2	0,74	62,1	0,76

*Nguồn: Xử lý theo số liệu của tác giả**

Ghi chú: tính theo GTGT nông nghiệp

Từ phân tích trên cho thấy muốn nâng cao hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp nhất thiết phải đổi mới cơ cấu sử dụng đất nông nghiệp, đổi mới cơ cấu sử dụng đất trồng trọt.

b). Trong khi nhân khẩu nông nghiệp tăng khoảng 0,8% thì GTGT nông nghiệp tăng khoảng 5% nên tỷ lệ người nghèo giảm được khoảng 25% (từ 33-34% xuống còn khoảng 7,9%) nhưng mức sống thực sự của người nông dân còn thấp (theo ý kiến của nhiều chuyên gia kinh tế thì khi dân số tăng khoảng 1% và GRDP tăng khoảng 4% thì đời sống của người dân chưa được cải thiện). Mặt khác, với năng suất lao động nông nghiệp như đã nêu ở trên và nếu mỗi lao động nuôi được hai người (có mức sống trung bình của tỉnh) thì số người được nuôi sống nhờ sản xuất nông nghiệp chiếm khoảng 80-82% tổng nhân khẩu nông nghiệp và như thế có nghĩa là còn khoảng 18-20% nhân khẩu nông nghiệp phải sống nhờ vào các hoạt động phi nông nghiệp hoặc người dân phải bỏ đi làm ăn ở nơi khác. Ngoài ra, hiện nay, lao động nông nghiệp ở nông thôn còn khoảng 4 vạn người (chiếm 11,7% tổng lao động đang làm việc trong ngành nông nghiệp) bị thất nghiệp. Nếu cứ tiếp diễn tình trạng này thì đến năm 2030 ở Phú Thọ sẽ

²Khảo sát thực tế ở Huyện Đoan Hùng, Lâm Thao, Tam Nông thì đối với trang trại, trên mỗi ha thu được 32 triệu đồng GTGT; đối với hộ gia đình chỉ đạt khoảng 19,5 triệu đồng (tính theo giá 2010)

có khoảng 12-13 vạn người lao động thuộc nhân khẩu nông nghiệp sẽ thất nghiệp. Đó là điều cần phải có giải pháp giải quyết.

Nếu so với mức trung bình của cả nước thì một số chỉ tiêu hiệu quả phát triển nông nghiệp của tỉnh Phú Thọ còn thấp hơn (xem biểu 3.18).

Biểu 3.18: So sánh một số chỉ tiêu về hiệu quả phát triển nông nghiệp của Phú Thọ với của cả nước, năm 2018*

Chỉ tiêu	Phú Thọ	Cả nước	Hệ số so sánh, lần
1. Năng suất lao động nông nghiệp, Tr.đ*	21,2	24,5	0,87
2. GTGTNN/ha đất nông nghiệp, Tr.đ	57,9	46,9	1,2
3. GTGTNN/Nhân khẩu nông nghiệp, Tr.đ	7,9	10,1	0,79

Nguồn: Thống kê tỉnh và Niên giám thống kê cả nước 2018

** Tính theo GTGT, giá 2010*

Nhìn chung hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp của tỉnh Phú Thọ còn thấp. Trong các nguyên nhân của tình trạng phải kể và nhấn mạnh nguyên nhân chủ quan mà phần sau tác giả sẽ trình bày kỹ hơn.

c). Vào năm 2018 các chỉ tiêu hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp ở tỉnh Phú Thọ chủ yếu đạt được như sau:

+ Giá trị gia tăng nông nghiệp (GTGTNN) bình quân trên mỗi ha đất nông nghiệp chỉ đạt khoảng 57,9 triệu đồng, đạt mức tăng khoảng 1,6 lần sau 8 năm. Tỷ lệ lợi nhuận trên GTGTNN tính chung cho ngành nông nghiệp của tỉnh Phú Thọ chỉ đạt khoảng 4,1%.

+ GTGTNN bình quân trên một lao động nông nghiệp đạt khoảng 21,2 triệu đồng giá 2010 và có mức tăng khoảng 1,6 lần sau 8 năm.

+ GTHHNN bình quân trên mỗi ha đất nông nghiệp đạt khoảng 9 triệu đồng giá 2010 và có mức tăng khoảng 1,5 lần sau 8 năm.

+ Tỷ lệ giá trị hàng hóa nông sản đạt khoảng 12%.

Nhìn chung trong giai đoạn 2011 - 2018, các chỉ tiêu hiệu quả đều cho thấy hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp tuy thấp nhưng có xu hướng tăng lên (dù là mức tăng còn hạn chế).

**Biểu 3.19: Một số chỉ tiêu hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp
tỉnh Phú Thọ giai đoạn 2011 - 2018 (giá 2010)**

Chỉ tiêu	Đơn vị	2010	2015	2018	2018 so với 2010, lần	Tăng b/q 11-18,%
1.GTGTNN/ha đất NN	Tr. đ	39,9	51,2	57,9	1,5	4,5
2.GTGTNN/LĐ NN	Tr. đ	13,1	17,4	21,2	1,6	6,1
3.GTGTNN/NKNN	Tr. đ	5,4	6,6	7,9	1,4	5,2
4.GTHHNN/ha đất NN	Tr.đ	5,9	8,0	9,1	1,6	5,9
5.Tỷ lệ GTHH nông sản	%	10,8	11,5	12,5	1,1	1,5

Nguồn: Tác giả xử lý theo số liệu thống kê tỉnh 2010 và 2018

Ghi chú: NN: nông nghiệp; NKNN: Nhân khẩu nông nghiệp

Biểu 3.19 cho thấy, các chỉ tiêu hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp trong giai đoạn 2011-2018 có xu hướng tăng (sau 8 năm trung bình các chỉ tiêu hiệu quả tăng lên và gấp khoảng 1,6 lần so năm 2010) và với mức tăng khoảng 4,8-5,8%/năm (cũng ngang mức tăng của sản lượng nông nghiệp chung). Điều này cũng cho thấy, tỉnh Phú Thọ cần có giải pháp nâng cao hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp trong những năm tới.

3.3.2.3. Phân tích bổ sung một số trường hợp qua khảo sát

Tác giả đã khảo sát thực tế về hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao và hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp theo độ dốc³. Dưới đây tác giả xin trình bày có tính minh họa để làm rõ thêm nhận định về hiệu quả và có thêm căn cứ để định hướng đổi mới sử dụng đất nông nghiệp của tỉnh Phú Thọ trong tương lai:

+Hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp khi ứng dụng công nghệ cao, tác giả đã khảo sát thực tế một số mô hình, trong đó có:

* Mô hình Công ty H2, xã Đông Thành, huyện Thanh Ba; Sản phẩm hàng hóa chính: Bưởi giống mới nhập khẩu Đài Loan; Thị trường tiêu thụ chính: trong nước, xuất khẩu; diện tích 50ha đất đồi. Sản xuất ứng dụng công nghệ 4.0 bao gồm: trạm khí tượng tại vị trí trung tâm để đo nhiệt độ, độ ẩm, gió cùng với hệ thống cảm biến đất để tưới nước và dinh dưỡng thông qua hệ thống ống dẫn ngầm tới từng vị trí cây bưởi. Số

³ Xin xem cụ thể tại phần phụ lục

liệu tính toán cho thấy: doanh thu đạt 500 triệu/ha/năm, lợi nhuận đạt tới 200/ha/năm, cao hơn tới 50 lần so với trước đây (Diện tích đất này trước kia trồng cây keo, bạch đàn với doanh thu khoảng 10 triệu/ha/năm, cây keo sau khi trồng 7 năm mới có thể thu hoạch).

*Mô hình ứng dụng công nghệ cao thông qua việc xây dựng nhà lưới tự động điều chỉnh nhiệt độ, ánh sáng, độ ẩm để sản xuất rau, củ, quả theo tiêu chuẩn VietGAP của gia đình ông Nguyễn Hoàng Mạnh (khu 7, xã Hương Nộn, huyện Tam Nông). Theo chia sẻ của ông Mạnh: Sản xuất nông nghiệp công nghệ cao theo mô hình nhà màng đòi hỏi người nông dân phải đầu tư chi phí ban đầu cao hơn so với cách làm truyền thống, tuy nhiên sản phẩm lại đạt năng suất, chất lượng cao, đồng đều và đặc biệt là đảm bảo an toàn cho người sử dụng. Sản phẩm đầu ra xuất bán ra thị trường cho lợi nhuận cao hơn nhiều so với sản phẩm rau, củ, quả thông thường. Tác giả tính toán dựa trên các số liệu do ông Mạnh cung cấp thấy hiện tại sản xuất nông nghiệp công nghệ cao mang lại lợi nhuận cao hơn khoảng 3 lần so với sản xuất thông thường.

+Hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp theo độ dốc, tác giả đã khảo sát thực tế một số mô hình, trong đó có:

* Mô hình trồng chè xanh của chủ cơ sở Nguyễn Mạnh Tuấn, xã Địch Quả, huyện Thanh Sơn. Trồng giống chè xanh đã 30 năm tuổi theo phương thức truyền thống, trồng trên đất đồi dốc, chưa được áp dụng công nghệ tiên tiến. Quy mô 2,0 ha, giống cũ; tổng doanh thu 240 triệu đ/năm; Tổng lợi nhuận 60 triệu/ha.

* Mô hình HTX chăn nuôi gà An Phú, Xã Địch Quả - Thanh Sơn – Phú Thọ. trên diện tích đất dốc không trồng gì để có hiệu quả. HTX có 24 hộ thành viên, quy mô hiện tại: 150.000 con gà (tổng số 49 chuồng nuôi). HTX đạt chứng nhận tiêu chuẩn VietGAP; có 5,7 tỷ đồng vốn lưu động 1,96 tỷ đồng TSCĐ (49 chuồng x 40 trđ/chuồng). Tính toán theo các số liệu do HTX cung cấp thấy: Giá gà hiện tại 72.000đ/kg, tổng các loại chi phí bình quân (bao gồm khấu hao) là 60.000đ/kg, mỗi con gà trọng lượng 1,7kg (cả lông) thì mức lãi suất/con gà đạt 10.000đ/kg.

Từ kết quả khảo sát thực tế về hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao và theo độ dốc như trình bày ở trên, tác giả thấy rằng nếu tỉnh Phú Thọ

có cơ cấu sản xuất nông nghiệp, sử dụng đất hợp lý hơn theo hướng hiện đại thì hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp sẽ cao hơn so với hiện nay.

3.3.3. Nguyên nhân của những thành công, hạn chế trong việc sử dụng đất nông nghiệp có hiệu quả thấp ở tỉnh Phú Thọ

3.3.3.1. Nguyên nhân của thành công

a). Nguyên nhân khách quan

Điểm nổi bật là việc mở rộng hợp tác đầu tư và thương mại quốc tế thông qua việc ký kết các Hiệp định thương mại tự do với nhiều nước đã xuất hiện nhiều cơ hội thúc đẩy phát triển nông nghiệp hàng hóa. Cùng với đó thị trường lớn với nhu cầu nông sản cao như Hà Nội ngày càng mở rộng, cũng tạo ra sự thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu sản xuất nông nghiệp có lợi cho gia tăng hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp. Từ đó dẫn đến thay đổi cơ cấu sử dụng đất nông nghiệp theo hướng có hiệu quả hơn.

b). Nguyên nhân chủ quan

Chính quyền các cấp trực tiếp hướng dẫn, điều hành phát triển nông nghiệp hàng hóa tích cực hơn. Việc quản lý đất đai nói chung và quản lý đất nông nghiệp nói riêng ngày càng đi vào nề nếp có lợi cho việc gia tăng hiệu quả. Người nông dân đã ý thức được sự cần thiết phải đổi mới cơ cấu sử dụng đất nông nghiệp, phải bám sát thị trường. Họ tích cực cải tạo vườn tạp thành vườn sản xuất hàng hóa (bưởi, hồng, quýt, chuối... Đồng thời đổi mới canh tác chèn gối với phát triển du lịch, gia tăng tổ chức phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, đặc biệt người dân đã biết khai thác đất dốc một cách có hiệu quả. Khi tuyến đường cao tốc Hà Nội – Lào Cai hoàn thành và phát huy tác dụng đã thúc đẩy phát triển nông nghiệp hàng hóa ở nhiều huyện.

3.3.3.2. Nguyên nhân của những hạn chế

a). Nguyên nhân khách quan

+ Sự thay đổi khó lường từ phía thị trường và sự chậm chạp thay đổi chính sách tích tụ đất đai để phát triển tập trung quy mô lớn chưa đáp ứng yêu cầu của thực tế phát triển nông nghiệp hàng hóa. Dân số sống ở nông thôn nhiều nhưng dường như dân trí còn nhiều hạn chế nên việc đổi mới cơ cấu cây trồng, vật nuôi và cơ cấu sử dụng đất nông nghiệp chưa thể diễn ra nhanh. Đồng thời, do thiếu thông tin về phát

triển nông nghiệp hàng hóa cũng như về tiến bộ công nghệ nông nghiệp đã ảnh hưởng không nhỏ đến thay đổi cơ cấu sử dụng đất nông nghiệp.

+ Những năm gần đây, biến đổi khí hậu mà biểu hiện trực tiếp là điều kiện khí hậu thời tiết cực đoan diễn ra ngày càng mạnh và ảnh hưởng tiêu cực đến phát triển nông nghiệp cũng như ảnh hưởng tới sử dụng đất nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Phú Thọ (rõ nhất là bão gió và lũ lụt, rét hại...)

+ Chính sách phát triển nông nghiệp của nhà nước chưa thật rõ ràng và hợp lý. Nhiều khi nhà nước đưa ra chủ trương CNH, HĐH nông nghiệp nông thôn hay đưa ra chủ trương tái cơ cấu kinh tế mà trong đó có tái cơ cấu sản xuất nông nghiệp nhưng chưa định ra được nội dung cụ thể, phải bắt đầu tư đâu, Nhà nước có trách nhiệm như thế nào, hỗ trợ khâu nào và mức độ ra sao.... Nhìn chung chủ trương không được đảm bảo chắc chắn bởi các hành động cụ thể của cả nhà nước và của nhà sản xuất. Chính phủ và chính quyền địa phương chưa cung cấp thông tin đầy đủ về yêu cầu hàng hóa nông sản của các quốc gia đối với mỗi loại nông sản xuất khẩu của Việt Nam. Đồng thời, chưa có luật pháp cụ thể, kịp thời quy định về trách nhiệm của doanh nghiệp với người nông dân hay với hợp tác xã nông nghiệp khi họ tự phá vỡ hợp đồng sản xuất và tiêu thụ nông sản nên nhiều trường hợp sau khi ký hợp đồng phát triển sản xuất và tiêu thụ nông sản nhưng sau đó vì nhiều lý do họ đã không thực hiện và không có trách nhiệm gì đối với nông dân, gây khó khăn lớn cho phát triển sản xuất của nông dân.

+ Luật pháp và chính sách sử dụng đất nông nghiệp của Nhà nước còn nhiều bất cập. Việc tập trung ruộng đất để có quy mô đủ lớn để cơ giới hóa, thủy lợi hóa trong thực tiễn đã có nhu cầu nhưng chủ trương giải quyết thì chậm được ban hành. Chính sách hỗ trợ nông dân chưa phù hợp, nhất là chính sách tín dụng vay vốn đầu tư tuy có được nói lỏng nhưng lại rườm rà nên vốn cũng chưa đến được với người nông dân. Nhà nước chưa có hướng dẫn cụ thể về tác dụng và những việc cần thiết phải làm đối với nông dân để phát huy tác dụng của các hiệp định thương mại và đầu tư giữa nước ta với các nước trên thế giới. Người nông dân bị động và dường như chẳng biết xoay sở thế nào để tận dụng được cơ hội do các hiệp định thương mại đem lại.

* Quy hoạch sử dụng đất đai có tầm nhìn chưa đủ dài, việc xem xét các yếu tố ứng dụng công nghệ cao, toàn cầu hóa và chưa tính đến ảnh hưởng của biến đổi khí hậu một cách đủ mức. Theo <http://congbao.phutho.gov.vn/webpages> ngày 24 tháng 12 năm 2010 UBND tỉnh Phú Thọ ra Quyết định số 4401/2010/QĐ-UBND phê duyệt quy hoạch phát triển cây cao su đến 2020 trên địa bàn tỉnh (dự kiến trồng 13.450 ha cây cao su tập trung ở 5 huyện: Thanh Sơn, Tân Sơn, Cẩm Khê, Hạ Hòa, Yên Lập). Theo đó, trong 2 năm (2010-2011) đã trồng được khoảng 197 ha nhưng do đợt rét đậm, rét hại vào mùa đông 2011 đã làm chết gần hết số diện tích cây cao su đã trồng. Đến ngày 14/12/2015 Hội đồng nhân dân tỉnh Phú Thọ đã ra Nghị quyết số 13/NQ-HĐND giao cho UBND tỉnh ra quyết định hủy bỏ quy hoạch này để chuyển sang trồng cây khác có hiệu quả hơn. Đây là bài học lớn về quy hoạch sử dụng đất thiếu cơ sở khoa học. Hầu hết các đề án quy hoạch sử dụng đất chủ yếu vẫn dựa trên tinh thần kế hoạch hóa tập trung, ý chí chủ quan mà chưa được tính toán trên cơ sở có căn cứ khoa học, thiếu dự báo thị trường và khả năng ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ. Do đó các quy hoạch sử dụng đất nông nghiệp ít tác dụng.

* Quy định về việc chuyển đất nông nghiệp cho mục đích sử dụng khác chưa thật thỏa đáng, người nông dân không những luôn luôn bị động mà còn luôn luôn bị thiệt thòi. Khi thực hiện chuyển đất nông nghiệp sang cho mục đích phi nông nghiệp, chính quyền địa phương các cấp chủ yếu đứng về phía các nhà đầu tư chứ chưa đứng về phía người nông dân. Họ chưa lấy đầy đủ ý kiến từ người nông dân hoặc không thông báo trước khi lấy đất nông nghiệp cho các nhà đầu tư... Việc đền bù khi lấy đất nông nghiệp cũng chưa tính hết việc đã đầu tư cải tạo đất của người nông dân hoặc nếu nhà đầu tư bỏ hoang không xây dựng công trình thì họ phải chịu trách nhiệm thế nào?

* Điều quan trọng nhất mà luật pháp chưa quy định là trách nhiệm của người ra quyết định chuyển đất nông nghiệp cho mục đích phi nông nghiệp. Trong trường hợp “treo” làm lãng phí tài nguyên đất nông nghiệp thì sao? những người nông dân thất nghiệp do bị mất tư liệu sản xuất thì họ phải chịu trách nhiệm đến đâu?

* Luật đất đai gộp cả đất sản xuất nông nghiệp và đất sản xuất lâm nghiệp làm một nhóm gọi chung là đất nông nghiệp, rồi trong đó lại tách ra thành các loại đất mà

lâu nay vẫn chia nhóm như vậy. Cụ thể là nhóm đất nông nghiệp gồm: đất trồng cây hàng năm, đất trồng cây lâu năm, đất nuôi trồng thủy sản, đất làm muối, đất nông nghiệp khác và nhóm đất lâm nghiệp gồm đất rừng sản xuất, đất rừng đặc dụng, đất rừng phòng hộ. Cách phân chia như thế vừa không thể hiện được sự khác nhau giữa đất sử dụng cho sản xuất nông nghiệp và đất sử dụng cho sản xuất lâm nghiệp mà vốn hai loại sản xuất nông nghiệp và sản xuất lâm nghiệp rất khác nhau (khác nhau về mục đích, phương thức sử dụng) nên việc đánh giá hiệu quả sử dụng nhóm đất nông nghiệp không thể làm được. Đất rừng phòng hộ và đất rừng đặc dụng không được xâm phạm. Tức là không được khai thác sử dụng nhưng vai trò của hai loại đất rừng này lại rất quan trọng. Vì thế, cần tách riêng thành hai loại đất: Đất nông nghiệp và đất lâm nghiệp. Làm như thế vừa dễ quản lý vừa có thể tiến hành đánh giá hiệu quả sử dụng từng loại đất.

* Nhà nước chưa quy định bắt buộc phải đánh giá hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp và cũng chưa tổ chức việc đánh giá hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp cả ở cấp quốc gia lẫn ở cấp địa phương.

+ *Đối với yếu tố thị trường*: Kinh tế thế giới giảm sút và biến động mạnh do rất nhiều yếu tố mà trong đó suy thoái kinh tế và chiến tranh cục bộ ở nơi này hay ở nơi kia có ảnh hưởng lớn tới phát triển nông nghiệp nói chung và sử dụng đất nông nghiệp nói riêng ở tỉnh Phú Thọ cũng như ở nhiều tỉnh khác. Ví dụ, khi chiến tranh ở khu vực Trung Đông xảy ra liên tục thì giảm sút khả năng xuất khẩu nông sản của Việt Nam sang đó nhưng khi các hiệp định thương mại song phương hoặc đa phương giữa Việt Nam với các quốc gia trở thành hiện thực thì khả năng xuất khẩu nông sản của Việt Nam (trong đó có Phú Thọ) sang họ và của họ sang Việt Nam sẽ lớn. Lúc đó sức ép cạnh tranh càng lớn. Hệ thống các nhà phân phối và tiêu thụ nông sản chưa phát triển, chủ yếu đang hoạt động tự phát.

+ Tín dụng nông nghiệp đang là vấn đề bất cập đáng kể. Nông dân thiếu vốn để phát triển sản xuất, nhất là phát triển nông nghiệp công nghệ cao và để ứng dụng công nghệ hiện đại trong trồng trọt và chăn nuôi.

+ Việc bảo hiểm sản xuất nông nghiệp cũng là điểm hạn chế lớn đối với người nông dân. Trong thời gian qua việc bảo hiểm nông nghiệp rất yếu kém. Đồng thời, quỹ hỗ trợ sản xuất nông nghiệp chưa có; khi nông dân gặp thiên tai và khó tiêu thụ nông sản thì sẽ vô cùng khó khăn không chỉ trong việc trả nợ ngân hàng mà cả trong đời sống.

+ *Đối với các nhà công nghiệp:* Vì nhiều nguyên nhân mà các nhà công nghiệp chưa quan tâm nhiều tới chế biến nông sản của Phú Thọ.

+ *Đối với các nhà khoa học:* Ở miền núi phía Bắc tuy có Viện Khoa học kỹ thuật nông, lâm nghiệp nhưng do vướng mắc về cơ chế, thiếu vốn nghiên cứu phục vụ phát triển nông lâm nghiệp của các địa phương nên chưa phát huy được tác dụng trong việc phát triển nông, lâm nghiệp của các địa phương trong vùng. Các nhà khoa học chưa gắn kết với người sản xuất và chưa bám sát thị trường nên các nghiên cứu của họ thường không phát huy tốt để phát triển nông nghiệp của vùng.

+ *Mấy năm gần đây, tình hình thời tiết, khí hậu cực đoan xảy ra với cường độ mạnh hơn, tần suất nhiều hơn.* Rét đậm, rét hại là những diễn biến gây hại không nhỏ cho sản xuất nông nghiệp của tỉnh Phú Thọ. Số liệu thống kê tuy chưa cụ thể và đầy đủ nhưng qua làm việc với một số địa phương cho biết trên địa bàn tỉnh đã xảy ra hiện tượng thời tiết cực đoan như rét đậm, rét hại xảy ra trên diện tương đối rộng (ví dụ ở Thanh Sơn, Đoan Hùng, Thanh Thủy, Yên Lập vào hai năm 2015 và 2017 mỗi huyện có tới hàng chục hộ gia đình có trâu bò chết rét, có hàng chục ha rau màu bị rét hại làm mất mùa...). Hiện tượng sạt lở đất ở vùng đất dốc ở một số nơi tại các huyện miền núi (nơi kết hợp nông – lâm nghiệp) cũng gây thiệt hại nhưng không lớn.... Tuy tác động của thiên tai ở Phú Thọ không lớn như ở nhiều địa phương khác ở miền núi Bắc Bộ (Lai Châu, Lào Cai, Yên Bái, Sơn La...) nhưng cũng gây nhiều khó khăn cho sản xuất của nhiều hộ sản xuất nông nghiệp.

b). Nguyên nhân chủ quan

+ *Đối với chính quyền tỉnh Phú Thọ*

- Chính quyền tỉnh tuy đã có chủ trương phát triển nông nghiệp nhưng trong đó nhiều điểm bất cập và chưa hợp lý. Tư tưởng cơ bản của chủ trương chủ yếu dựa trên nền nông nghiệp truyền thống chứ chưa phát huy hết lợi thế của toàn cầu hóa, hội nhập

kinh tế quốc tế. Trong đó việc phát triển cây sắn, cây keo, bạch đàn, cao su, rau tạp, vườn tạp, con vật nuôi truyền thống với năng suất và chất lượng thấp; sản xuất nông nghiệp theo hộ gia đình vẫn là chính; công nghiệp chế biến nông sản thô sơ. Chưa có biện pháp để xuất hiện nông sản mới có năng suất, chất lượng cao cũng như chưa tạo ra vùng sản xuất tập trung để có nguyên liệu phát triển công nghiệp chế biến...

- Chính quyền tỉnh chưa tổ chức nhiều chương trình tìm hiểu, học tập kinh nghiệm phát triển của những địa phương làm tốt cũng như của những quốc gia thu được nhiều thành công rực rỡ về phát triển nông nghiệp. Trong những năm gần đây ở Phú Thọ rất ít ứng dụng khoa học công nghệ để sản phẩm nông nghiệp mới xuất hiện.

- Việc quản lý đối với đất nông nghiệp và sản xuất nông nghiệp vẫn chủ yếu là “nắm chặt” chứ chưa tạo điều kiện để cho phát triển. Chính quyền chưa đứng ra tổ chức sản xuất và hỗ trợ tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp. Cơ quan quản lý nhà nước chưa hướng dẫn định hướng và cách thức tổ chức sản xuất tiên tiến cho người dân. Chính quyền tỉnh, huyện chưa cung cấp thông tin đầy đủ, kịp thời cho người sản xuất và chưa có biện pháp nhanh chóng tháo gỡ khó khăn cho người sản xuất về định hướng sản xuất hàng hóa và tiêu thụ nông sản.

- Khi chính quyền lấy đất nông nghiệp chuyển cho mục đích sử dụng phi nông nghiệp thì chủ yếu sử dụng mệnh lệnh hành chính, biện pháp kinh tế chưa được sử dụng có hiệu quả.

- Chính quyền địa phương chưa có biện pháp để người dân thấu hiểu về các quy định của WTO cũng như của các hiệp định thương mại mà nước ta đã ký kết với các nước. Xúc tiến thương mại, nhất là xúc tiến thương mại nông sản chưa được làm tốt. Nhà nước chưa tổ chức và hỗ trợ nghiên cứu khoa học công nghệ phục vụ sản xuất nông nghiệp. Đồng thời, chưa tổ chức hệ thống phân phối và tiêu thụ nông sản có đủ năng lực thúc đẩy sự phát triển của sản xuất nông nghiệp.

- Chính quyền tỉnh chưa tổ chức lực lượng để triển khai việc đánh giá hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp trên phạm vi toàn tỉnh, từng huyện và từng xã. Nhiều năm qua chính quyền địa phương chưa tiến hành đánh giá hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp một cách bài bản, khoa học nên chưa rút ra được những bài học và tìm ra các giải pháp nâng cao hiệu quả phát triển nông nghiệp và hiệu quả sử dụng đất nông

ng nghiệp trên phạm vi toàn tỉnh để từ đó đổi mới định hướng phát triển nông nghiệp và đổi mới cơ cấu sử dụng đất nông nghiệp của tỉnh.

- Các cơ quan quản lý nhà nước thì làm việc kiểu hành chính, chưa xuất phát từ yêu cầu của nông dân để nghiên cứu đưa ra những giải pháp hữu ích đối với phát triển sản xuất nông nghiệp. Những người tham mưu hoạch định chính sách thiếu kiến thức cũng như thiếu tầm nhìn nên chưa tham mưu được những ý tưởng tốt, những giải pháp hay để chính quyền tỉnh quản lý tốt đối phát triển nông nghiệp trên địa bàn. Họ đưa ra những kiến nghị mang tính chủ quan, duy ý chí, thiếu căn cứ khoa học nên dường như các chủ trương do họ tham mưu đều không hoặc ít vào được cuộc sống.

- Chính quyền tỉnh Phú Thọ chưa đứng ra hướng dẫn tổ chức sản xuất cho người dân (giúp người nông dân, nhà công nghiệp, nhà cung cấp dịch vụ, nhà khoa học... cùng nhau liên kết phát triển) và chưa có kế hoạch cụ thể để nông dân có vốn đầu tư đẩy mạnh sản xuất.

+ *Đối với người nông dân:*

- Nhìn chung người nông dân chưa chủ động tiếp cận kinh tế thị trường, chưa tìm hiểu đủ mức yêu cầu của toàn cầu hóa, cũng như chưa tìm hiểu lợi ích và thách thức từ các hiệp định thương mại mà Nhà nước đã ký kết với các quốc gia khác trên thế giới. Người nông dân chưa chủ động tìm cách trang bị kiến thức và kỹ năng sản xuất nông nghiệp hàng hóa trong thời đại kinh tế tri thức và trong bối cảnh phát triển kinh tế thị trường. Đồng thời, người nông dân chưa tìm hiểu thỏa đáng về CNH, HĐH và ảnh hưởng của nó tới phát triển nông nghiệp nói chung và sử dụng đất nông nghiệp nói riêng. Nhìn chung, người nông dân quen làm ăn kiểu tự phát, nhỏ lẻ và chưa được tổ chức.

- Người nông dân ở Phú Thọ chưa quen với sản xuất hàng hóa và chưa liên kết với nhau cũng như chưa liên kết được với các nhà khoa học cũng như các nhà công nghiệp để tạo ra khối lượng nông sản hàng hóa lớn và có chất lượng nên chưa hấp dẫn các nhà đầu tư và các nhà phân phối nông sản. Người sản xuất nông nghiệp chưa chủ động liên kết với các nhà phân phối, các nhà cung cấp vật tư nông nghiệp cũng như chưa chủ động liên kết với các nhà khoa học để có giống mới và công nghệ mới phục vụ sản xuất nông nghiệp theo hướng hiện đại.

- Người nông dân chưa chủ động nâng cao kỹ năng nghề và khả năng tìm kiếm thị trường để tiêu thụ nông sản. Đồng thời, chưa biết liên kết với các nhà phân phối trong khâu tiêu thụ nên nhiều nông sản không tiêu thụ được.

- Người nông dân trên địa bàn tỉnh Phú Thọ rất thiếu thông tin, nhất là thông tin về thị trường nông sản, tiến bộ khoa học công nghệ và tổ chức sản xuất xuất.

+ *Đối với cơ cấu sản xuất nông nghiệp*: Cơ cấu sản xuất nông sản đang trong tình trạng tự phát, chưa phát huy được tiềm năng, thế mạnh về phát triển nông nghiệp của tỉnh. Tác giả xin nhấn mạnh ba điểm cơ bản dưới đây:

Biểu 3.20: Biến động tỷ trọng các phân ngành trong sản xuất nông nghiệp của tỉnh Phú Thọ ở giai đoạn 2011 - 2018

Phân ngành	2010 - 2018, %
+ Trồng trọt	-8,3
+ Chăn nuôi	+6,1
Riêng thủy sản	+0,6
+ Dịch vụ nông nghiệp	+2,2

Nguồn: Xử lý theo số liệu thống kê

- Nhìn chung việc chuyển dịch cơ cấu sử dụng đất nông nghiệp chủ yếu do chủ quan, tự phát và chưa được định hướng cũng như được tổ chức. Cơ cấu sản xuất nông nghiệp, dù đang trong tình trạng phát triển chủ yếu theo kiểu truyền thống và chưa có nhiều sự thay đổi nhưng vẫn có sự thay đổi theo chiều hướng tiến bộ hơn. Trong giai đoạn 2011-2018, tỷ trọng phân ngành trồng trọt giảm khoảng 8,3%, tỷ trọng phân ngành chăn nuôi tăng được 6,1% và tỷ trọng phân ngành dịch vụ nông nghiệp tăng được khoảng 2,2%. Cơ cấu này phản ánh có sự thay đổi nhưng phần nào lại nói lên tình trạng sản xuất vẫn chủ yếu nhắm vào giải quyết nhu cầu tại chỗ là chính.

- Theo số liệu tổng hợp chưa thật đầy đủ nhưng cũng cho thấy, nhìn chung hàng hóa nông sản của tỉnh Phú Thọ còn ít. Nông sản hàng hóa trong giai đoạn 2011-2018 chỉ đạt khoảng 11-12% tổng GTGT nông nghiệp. Tỷ suất nông sản hàng hóa còn đang thấp, không tương xứng với tiềm năng của tỉnh. Ngoài cây chè có tỷ suất hàng hóa lớn (khoảng 90%) còn các nông sản có hàng hóa khác cũng chỉ ở mức khoảng 10-15%.

Biểu 3.21: Một số chỉ tiêu về nông sản hàng hóa của Phú Thọ

Đơn vị: Tỷ đồng và %

Chỉ tiêu	2010	2015	2018
GTHH nông sản *	518	694	851
<i>% so GTGT NN</i>	<i>10,8</i>	<i>11,5</i>	<i>12,1</i>
+ Tỷ lệ nông sản hàng hóa*, %			
- Chè	96,1	94,8	92,1
- Ngũ cốc	7,3	8,2	10,2
- Trái cây tươi	14,9	18,2	21,5
- Thịt lợn lọc	8,1	9,8	11,2
- Trứng gia cầm	4,6	5,9	7,1

Nguồn: Thống kê tỉnh [8]

Ghi chú: GTHH: Giá trị hàng hóa; * Ngoài chè có tỷ lệ hàng hóa cao (khoảng 85%), thì nông sản hàng hóa của nông nghiệp Phú Thọ chủ yếu cung cấp cho nhân khẩu đô thị của tỉnh.

Ngoài chè búp qua chế biến có tỷ suất hàng hóa cao (trên 90%) còn lại trái cây, thịt lợn, trứng gia cầm và ngũ cốc chỉ có tỷ lệ khoảng 5-8%.

+ Đối với đầu tư phát triển nông nghiệp: Đầu tư chưa tạo ra tiền đề phát triển nông nghiệp có hiệu quả.

Do chưa có chủ trương phát triển nền nông nghiệp hàng hóa, hiện đại nên việc đầu tư phát triển nông nghiệp cũng chưa phát huy được tiềm năng, thế mạnh của tỉnh về sản xuất nông nghiệp.

Về cơ bản, đầu tư phát triển nông nghiệp còn quá thấp so với yêu cầu. Trong giai đoạn 2011-2018 trong khi nông nghiệp đóng góp khoảng 19-20% tổng GRDP của toàn tỉnh thì tổng vốn đầu tư cho nông nghiệp mới chiếm khoảng 3% vốn đầu tư toàn xã hội. Đây là mức rất thấp và càng thấp đối với một địa phương có tiềm năng lớn về phát triển nông nghiệp hàng hóa như Phú Thọ. Tại sao vậy? Phải chăng do nhận thức về vai trò của nông nghiệp chưa đúng, cũng như nhận thức về tiềm năng thế mạnh để phát triển nông nghiệp chưa rõ? Điều đáng nói nhất là đầu tư phát triển khoa học công nghệ nông nghiệp tuy chưa tổng hợp đầy đủ nhưng cũng chỉ chiếm tỷ trọng rất thấp (chỉ khoảng 1,6% tổng vốn đầu tư phát triển nông nghiệp). Vì chưa phát triển nông nghiệp công nghệ cao nên vốn đầu tư cho phát triển sản xuất nông nghiệp cũng chỉ chiếm khoảng 27-28% tổng đầu tư phát triển nông nghiệp; đầu tư đào tạo nhân lực

nông nghiệp cũng rất thấp. Phần vốn đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng kỹ thuật nông nghiệp chiếm phần lớn. Với mức vốn và cách thức đầu tư như thời gian vừa qua thì sản xuất nông nghiệp của Phú Thọ khó có sự phát triển mạnh mẽ. Đó là điều chưa hợp lý cần có giải pháp khắc phục.

Biểu 3.22: Đầu tư phát triển nông nghiệp tỉnh Phú Thọ

Đơn vị: Tỷ đồng, giá 2010

Chỉ tiêu	2011-2015	2016-2018
Tổng vốn đầu tư xã hội	51.307	30.785
Tổng vốn đầu tư phát triển nông nghiệp	1.474	923
<i>% so tổng đầu tư xã hội</i>	<i>2,9</i>	<i>3,0</i>
+ Đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng nông nghiệp*	1143	659
<i>% so tổng đầu tư phát triển nông nghiệp</i>	<i>72,6</i>	<i>71,4</i>
* Riêng đầu tư ứng dụng khoa học công nghệ	17,7	16,6
<i>% so tổng đầu tư phát triển nông nghiệp</i>	<i>1,2</i>	<i>1,8</i>
+ Đầu tư phát triển sản xuất nông nghiệp	331	264
<i>% so tổng đầu tư phát triển nông nghiệp</i>	<i>27,4</i>	<i>28,6</i>

Nguồn: Thống kê tỉnh 2015 và 2018 [12]

*Ghi chú: * Đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng nông nghiệp: chuồng trại, trung tâm giống, xây dựng công trình thủy lợi, giao thông đồng ruộng*

Đến năm 2018, tỉnh Phú Thọ mới thu hút được 02 dự án FDI vào lĩnh vực nông nghiệp đó là trồng, chế biến chè. Chưa có nhiều các nhà đầu tư nông nghiệp quy mô lớn, hiện đại của tỉnh ngoài (từ các thành phố lớn, có tiềm năng lớn về vốn) đến đầu tư tại Phú Thọ. Nguyên nhân của tình trạng này thì có nhiều nhưng tác giả muốn nói tới chính quyền tỉnh chưa có giải pháp mạnh mẽ, nhất là chưa có chính sách khuyến khích cụ thể cũng như chưa quảng bá rộng rãi tiềm năng thế mạnh và đặc biệt chưa xây dựng được những dự án kêu gọi đầu tư hấp dẫn, đáng tin cậy.

Đối với đầu tư ngoài ngành nông nghiệp như ở Chương 2 đã đề cập, tuy có ảnh hưởng quan trọng đến hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp ở Phú Thọ, tuy nhiên tác giả chỉ lưu ý thêm cho có hệ thống, trong phạm vi luận án này không đề cập sâu.

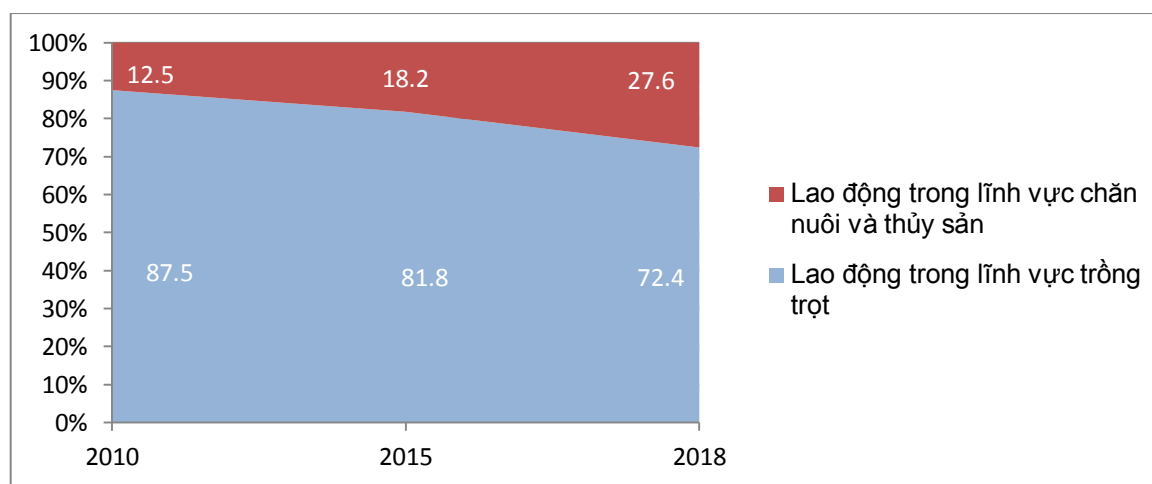
+ *Đối với cơ cấu lao động và tỷ lệ lao động nông nghiệp qua đào tạo:*

Cơ cấu lao động biểu hiện ở tỷ trọng lao động nông nghiệp trong tổng lao động xã hội của tỉnh có xu hướng giảm nhưng không nhiều. Suốt từ năm 2011 - 2018, tỷ trọng lao động nông nghiệp trong tổng lao động xã hội chỉ giảm được khoảng hơn 7%

(từ mức 55% xuống 47,6%, trong khi tỷ trọng lao động nông nghiệp trong tổng lao động xã hội của cả nước khoảng 44%). Lao động nông nghiệp chuyển qua hoạt động trong các ngành nghề phi nông nghiệp chưa được 3 vạn người (tức trung bình khoảng 3,6 nghìn người một năm). Vấn đề đặt ra tại sao có tình trạng như vậy? Theo tác giả, nguyên nhân do lao động nông nghiệp thủ công đang chiếm đại đa số, năng suất lao động thấp nên khu vực nông nghiệp vẫn cần nhiều lao động. Tăng năng suất lao động nông nghiệp để dồi dư lao động cung cấp cho các ngành phi nông nghiệp là vấn đề đã đặt ra cấp bách.

Về cơ bản phân công lao động trong khu vực nông nghiệp chưa hợp lý và chưa có sự thay đổi đáng kể. Mặt khác, chất lượng nhân lực nông nghiệp của tỉnh rất hạn chế.

- Khi xem xét cơ cấu lao động nông nghiệp thì càng cho thấy điều bất ổn của nền nông nghiệp ở Phú Thọ. Năm 2018, trong khi ngành trồng trọt đóng góp khoảng 44-45% GTGTNN nhưng lao động trồng trọt vẫn chiếm tỷ trọng lớn, khoảng 72% tổng lao động nông nghiệp. Lao động làm việc trong lĩnh vực chăn nuôi chiếm khoảng 27% và điểm đặc biệt là lao động dịch vụ nông nghiệp chỉ chiếm khoảng 1%.



Hình 3.4: Cơ cấu lao động nông nghiệp của tỉnh Phú Thọ giai đoạn 2011 - 2018

Lao động trong khu vực nông nghiệp nông thôn dư thừa tương đối nhiều, chiếm tới khoảng 8% lao động nông nghiệp. Trong khi nông nghiệp của tỉnh chủ yếu phát triển theo kiểu truyền thống nên năng suất lao động đã thấp lại vẫn dư thừa lao động nên đời sống của nông dân vẫn thấp.

Biểu 3.23: Cơ cấu lao động và tỷ trọng lao động nông nghiệp qua đào tạo

Chỉ tiêu	2010	2015	2018	Tăng b/q 11-15	Tăng b/q 16-18
1. Lao động làm việc trong các ngành kinh tế quốc dân (1.000 người)	705	739	754	0,95	0,7
a). Lao động nông nghiệp	388	368	359	-1,05	-0,85
% LĐXH	55	49,8	47,6	-	-
* Lao động trồng trọt	339	301	260	-2,35	-4,75
% so tổng lao động NN	87,5	81,8	72,4	-	-
* Lao động chăn nuôi và thủy sản	49	67	99	6,4	13,6
% so tổng lao động NN	12,5	18,2	27,6	-	-
b). Lao động dịch vụ nông nghiệp	183,7	213,5	224	3,05	1,6
% so tổng lao động xã hội	26,0	28,9	29,7	-	-
2. Số lao động nông nghiệp qua đào tạo (1.000 người)	16,3	21,7	28,4	-	-
Tỷ lệ so tổng lao động nông nghiệp (%)	4,2	5,9	7,9	-	-

Nguồn: Thống kê tỉnh; các số liệu phân tích do tác giả tính toán

Tỷ lệ dư thừa lao động nông nghiệp đang ở mức cao (khoảng 16-17% so với tổng số người trong tuổi lao động có khả năng làm việc). Với bức tranh phân công lao động như vậy thì nông nghiệp sẽ chưa thể phát triển mạnh mẽ như mong muốn. Năm 2018, lao động nông nghiệp qua đào tạo (có chứng chỉ và tập huấn nghiệp vụ từ 1 tháng trở lên) chỉ chiếm khoảng 7,9% (tỷ lệ này của năm 2010 vào khoảng 4,2%). Đây cũng là **một trong những nguyên nhân** làm cho sản xuất nông nghiệp chưa chuyển sang công nghiệp hóa và hiện đại hóa ở mức cao hơn một cách rõ rệt.

+ *Đối với tổ chức sản xuất nông nghiệp*

Nhìn chung, tổ chức sản xuất nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Phú Thọ ít đổi mới, cách thức tổ chức sản xuất hộ gia đình vẫn là chính, Hình thức trang trại và gia trại có phát triển nhưng chậm và hạn chế. Thực tế cho biết, tuy tỉnh đã quan tâm tới việc phát triển nông nghiệp công nghệ cao nhưng làm thế nào và bắt đầu từ đâu đang là những vấn đề còn vướng mắc. Ở tỉnh Phú Thọ, các mô hình khu nông nghiệp công nghệ cao,

tổ hợp nông - công nghiệp và chuỗi giá trị sản xuất nông sản đều chưa phát triển. Đây là điểm bất cập phải nghiên cứu để có phương án phát triển những hình thái tổ chức sản xuất hiện đại đem lại hiệu quả cao.

Việc phát triển các hợp tác xã nông nghiệp (HTXNN) chưa đạt được hiệu quả như kỳ vọng. Rất nhiều HTXNN làm ăn kém hiệu quả, nhiều HTXNN rơi vào tình trạng hình thức, lúng túng trước những thay đổi của thị trường và của khoa học công nghệ. Xã viên thì hết sức thụ động, trông chờ HTXNN nhưng HTXNN cũng chưa có “sức” hướng dẫn, hỗ trợ dịch vụ nông nghiệp cho bà con xã viên.

Theo <http://www.phutho.gov.vn/web/guest/nongthonmoi>, trên địa bàn tỉnh Phú Thọ vào năm 2018 có 268 HTXNN; trong đó có 133 HTX hoạt động trong lĩnh vực chuyên dịch vụ nông nghiệp (chiếm 49,6%); 30 HTX sản xuất, kinh doanh dịch vụ tổng hợp (chiếm 11,2 %); 105 HTX chuyên ngành (chiếm 39,2%). Các hoạt động sản xuất kinh doanh của các HTX ngày càng có hiệu quả hơn nhưng số lượng còn nhỏ, tuy vậy các HTX cũng đã góp phần quan trọng trong phát triển sản xuất nông nghiệp và nâng cao đời sống ở nông thôn, giải quyết việc làm, chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp, nông thôn, xóa đói giảm nghèo. Trên địa bàn tỉnh mới chỉ có trên 12% HTX được cấp quyền sử dụng đất, trong đó, khoảng 5 % được cấp giấy chứng nhận sử dụng đất. Tuy thế, trên địa bàn tỉnh cũng chưa hình thành liên đoàn các HTX để liên kết các HTX và hỗ trợ các HTX hoạt động có hiệu quả hơn.

Chính quyền chưa có nhiều biện pháp tuyên truyền và triển khai trên thực tế cũng như người nông dân chưa quan tâm việc sản xuất nông nghiệp theo tiêu chuẩn VietGAP và GlobalGAP.

Biểu 3.24: Chỉ tiêu về phát triển trang trại của Phú Thọ năm 2018

Các địa phương	Số trang trại		
	Trồng trọt	Chăn nuôi	Thủy sản và khác
Cả nước	11.258	15.929	6.977
Phú Thọ	9	266	40
Thái Nguyên	8	548	4
Hòa Bình	42	51	24
Tuyên Quang	60	20	10

Nguồn: Thống kê cả nước 2018 [12]

Năm 2018 cả tỉnh mới có 9 trang trại trồng trọt và 266 trang trại chăn nuôi. Đó cũng là nguyên nhân dẫn tới tình trạng ít nông sản hàng hóa. Đến năm 2018, có thể nói rằng sản xuất kinh doanh nông nghiệp chủ yếu theo hộ gia đình mà đã theo hộ gia đình thì thường tự phát, bị động cả trong định hướng sản xuất, gia tăng chất lượng nông sản theo các tiêu chuẩn sạch và trong tiêu thụ nông sản. Vì thế khó thúc đẩy phát triển sản xuất hàng hóa quy mô lớn, chất lượng cao.

Tiểu kết chương 3:

Chương 3 đã tập trung nghiên cứu rõ thực trạng hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp ở tỉnh Phú Thọ trong giai đoạn 2011-2018; khẳng định rằng, tiềm năng đất nông nghiệp của Phú Thọ là tương đối lớn, truyền thống sản xuất hàng hóa nông sản có những loại nổi tiếng trong nước nhưng hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp ở tỉnh này đang đạt được ở mức thấp. Từ những phân tích thương đối hệ thống, đầy đủ luận án đã chỉ ra nguyên nhân của tình trạng hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp thấp thì có nhiều nhưng trong đó phải kể đến do cơ cấu sử dụng đất nông nghiệp vẫn chủ yếu theo kiểu truyền thống, với tập đoàn cây trồng có năng suất và chất lượng không cao nên không thể tạo ra tiền đề để sử dụng đất nông nghiệp có hiệu quả. Luận án chỉ ra chính quyền địa phương là chủ thể có trách nhiệm cao nhất đối với hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp thấp ở Phú Thọ (đề ra chủ trương ít điểm mới, chưa có tính đột phá, chưa đúng ra hướng dẫn tổ chức sản xuất cho người dân, chưa có chính sách sử dụng đất nông nghiệp một cách có hiệu quả và chưa can thiệp thỏa đáng tới vấn đề tiêu thụ nông sản và thu hút đầu tư FDI để HĐH nông nghiệp của tỉnh). Những kết quả nghiên cứu ở chương 3, nhất là nguyên nhân của tình trạng hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp thấp là căn cứ khoa học để đề xuất giải pháp nâng cao hiệu quả sử dụng đất ở Chương 4.

CHƯƠNG 4

GIẢI PHÁP NÂNG CAO HIỆU QUẢ SỬ DỤNG ĐẤT NÔNG NGHIỆP TỈNH PHÚ THỌ ĐẾN NĂM 2030

Trên cơ sở những nguyên nhân của tình trạng hiệu quả thấp trong việc sử dụng đất nông nghiệp đã được xác định ở Chương 3 và căn cứ vào lý thuyết, các yếu tố ảnh hưởng tới hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp **cũng như các kinh nghiệm thực tiễn** đã nêu ở Chương 2, chương này sẽ tập trung nghiên cứu và kiến giải những vấn đề chính sau đây:

4.1. Căn cứ để xác định giải pháp nâng cao hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp của tỉnh Phú Thọ đến năm 2030

Để tránh trùng lặp, ngoài các căn cứ đã được trình bày ở Chương 2 (các vấn đề lý luận và khảo sát kinh nghiệm thực tiễn nâng cao hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp), đến đây tác giả xin trình bày khái quát thêm một số vấn đề quan trọng và có tính quyết định đến lựa chọn giải pháp để nâng cao hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp.

4.1.1. Bối cảnh ảnh hưởng tới hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp của tỉnh Phú Thọ

a). Thị trường nông sản trong tỉnh

+ Nhu cầu người dân trong tỉnh tăng mạnh. Vào năm 2030 dân số của tỉnh vào khoảng 1,5-1,6 triệu người. Lúc ấy nhu cầu về nông sản thực phẩm là rất lớn, nhu cầu về gạo khoảng 22 vạn tấn, thịt các loại khoảng 85-86 nghìn tấn, rau xanh khoảng 95 nghìn tấn, trái cây khoảng 50 nghìn tấn...

Biểu 4.1: Dự báo dân số tỉnh Phú Thọ

Chỉ tiêu	Đ/v	2025	2030	Tăng b/q 19-25	Tăng b/q 2026-2030
Dân số toàn tỉnh	1000ng	1474	1527	0,72	0,7
Nhân khẩu thành thị	1000ng	368	610	4,75	
% so dân số chung	%	25	40	-	-
Nhân khẩu nông thôn	1000ng	1106	917	-2,65	-3,7
Nhân khẩu nông nghiệp	1000ng	940	734	-0,75	-4,8
% so nhân khẩu nông thôn	%	85	80	-	-

Nguồn: Tác giả

+ Nhu cầu phục vụ khách du lịch và người vãng lai đến Phú Thọ. Ước tính vào năm 2030 đạt khoảng 2-2,5 triệu người và chỉ tính thời gian lưu trú khoảng 2-2,5 ngày

thì tổng giá trị nông sản phẩm phục vụ cho khách đã có giá trị khoảng 10 nghìn tỷ đồng (tương đương gần 500 triệu USD, bằng khoảng 1/2 tổng giá trị xuất khẩu của tỉnh Phú Thọ năm 2018) và cộng với giá trị dịch vụ khách sạn và đi tour khoảng 25 nghìn tỷ đồng (tương đương 1,2 tỷ USD).

Biểu 4.2: Dự báo nhu cầu nông sản cho người dân tại địa phương

Nông sản chính	Đơn vị	2020		2030	
		Nhu cầu năm/người	Nhu cầu, 1000 tấn	Nhu cầu năm/người	Nhu cầu, 1000 tấn
Gạo	kg	180	185	150	225
Rau xanh	kg	130	185	160	240
Quả tươi	kg	100	142	120	180
Thịt các loại	kg	40	118	50	175
Trứng	quả	150	213*	180	270*
Cá	kg	35	50	45	68

Nguồn: Tác giả.

*Ghi chú: *: triệu quả trứng*

Như vậy, có nghĩa là tổng giá trị hàng hóa bán tại chỗ về nông sản thực phẩm và dịch vụ đã được vào khoảng 1,5-1,7 tỷ USD (gấp khoảng 1,1 lần tổng giá trị xuất khẩu của toàn tỉnh năm 2018). Đây là một khoản thu nhập khá lớn mà tỉnh Phú Thọ cần chú ý để khai thác. Nông nghiệp đóng vai trò cực kỳ quan trọng đối với thu nhập này.

Biểu 4.3: Tổng hợp nhu cầu nông sản đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Phú Thọ

Sản phẩm	Đơn vị	2025		2030	
		Tổng số	Khách du lịch	Tổng số	Khách du lịch
1. Lương thực (gạo)	10 ³ Tấn	200-210	15	250-260	25
2. Thịt các loại	10 ³ Tấn	128	10	195	20
+ Riêng thịt bò	10 ³ Tấn	10	4	15	8
3. Trái cây tươi	10 ³ Tấn	204	62	265	85
4. Rau xanh	10 ³ Tấn	202	17	265	25
5. Trứng gia cầm	10 ⁶ quả	493	78	420	150
6. Sữa quy tươi	10 ³ lít	1400	600	2250	960
7. Cá	10 ³ Tấn	55	5	83	15

Nguồn: Tác giả

Ghi chú: Nhu cầu bình quân đầu người/năm: Lương thực 180-200 kg gạo; thịt các loại 45 kg; trứng gia cầm 180 quả; trái cây 50-60 kg; rau xanh 110-120 kg; sữa bò quy tươi 20 lít. Dân số tại tỉnh 1,6 triệu; Khách du lịch và người vắng lại 2-2,5 triệu người.

b). Khả năng tham gia thị trường nông sản ở Hà Nội và nước ngoài

- *Khả năng lớn về tham gia thị trường nông sản Hà Nội.* Tỉnh Phú Thọ gần thị trường nông sản Hà Nội có quy mô lớn và nhu cầu lương thực, thực phẩm cho khách du lịch là khá lớn. Trong hơn chục năm tới Hà Nội có quy mô dân số khoảng 8 triệu, trong đó dân số đô thị khoảng 5 triệu người. Theo học giả Cao Ngọc Lân [47], đến năm 2030 Hà Nội cần 91 vạn tấn lương thực, 45 vạn tấn trái cây, 68 vạn tấn rau củ quả, 91 vạn tấn thịt cá các loại. Nếu tham gia 10% thị phần nông sản của Hà Nội cộng với đáp ứng nhu cầu lương thực, thực phẩm cho khách du lịch từ các nơi trong nước đến Phú Thọ sẽ (vào khoảng 3,3 triệu người) thì cũng có thể tạo ra giá trị lớn cho ngành nông nghiệp, góp phần gia tăng thêm khoảng 14-15% GTGTNN của tỉnh.

- *Tham gia thị trường nông sản các nước:* Khi Việt Nam triển khai thực hiện các hiệp định thương mại với các nước APEC, các quốc gia Liên minh Hải quan Châu Á, EU, Cộng đồng ASEAN cũng như các hiệp ước thương mại tự do song phương với các quốc gia khác thì tuy chưa tính toán được một cách cụ thể nhưng dự báo khả năng thị trường xuất khẩu nông sản thực phẩm là khá lớn (gồm chè, rau xanh chất lượng cao, thịt các loại chất lượng cao, trái cây...). Tuy thế Phú Thọ vẫn phải chú ý áp lực cạnh tranh ngay trên sân nhà đối với tiêu thụ nông sản trong nước để có biện pháp giảm giá thành, tăng chất lượng nông sản của tỉnh.

Nếu Phú Thọ không tận dụng được những cơ hội như thế thì không chỉ gặp bất lợi đối với phát triển nông nghiệp mà còn lãng phí tiềm năng, lợi thế so sánh của tỉnh.

4.1.2. Định hướng phát triển nông nghiệp đến 2030

4.1.2.1. Quan điểm phát triển nông nghiệp

+ Tiếp tục phát triển nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hoá lớn, ứng dụng công nghệ cao, nâng cao chất lượng sản phẩm, giá trị gia tăng, đẩy mạnh xuất khẩu như Báo cáo chính trị Đại hội XII của Đảng cộng sản Việt Nam đã xác định. Lấy hiệu quả và bền vững làm tiêu chí tối thượng đối với phát triển nói chung và phát triển nông nghiệp nói riêng: Trước hết và trên hết là hướng tới gia tăng hiệu quả kinh tế, lợi ích kinh tế phải đem lại cho nhiều người (cả người trực tiếp sản xuất và những người có liên quan) và phải đảm bảo hiệu quả cả trước mắt và hiệu quả lâu dài; hài hòa hiệu quả cho cả người khoa học, người nông dân, người chế biến và người phân phối. Đó chính

là hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp. Tuyệt nhiên không thể chỉ vì hiệu quả kinh tế mà phải chú ý cả hiệu quả xã hội và hiệu quả môi trường. Sản xuất nông nghiệp phải chú ý đến lợi ích của người tiêu dùng và nhu cầu cấp bách của xã hội.

+ Phát triển nông nghiệp vì nông dân và vì sự thịnh vượng chung của tỉnh: Nông nghiệp là bộ phận kinh tế quan trọng của nền kinh tế, nên phát triển nông nghiệp phải chú ý không chỉ yêu cầu làm giàu của người nông dân mà phải coi trọng cả sự thịnh vượng của nền kinh tế tỉnh. Tức là phải hài hòa lợi ích của bản thân ngành nông nghiệp và gia tăng mức đóng góp cho sự phát triển chung của nền kinh tế. Sự phát triển của nông nghiệp phải hướng tới sự ổn định cho khu vực nông thôn để tạo điều kiện cho sự phát triển mạnh mẽ của nền kinh tế tỉnh.

+ Phát triển nông nghiệp có tổ chức và dựa trên cơ sở công nghệ hiện đại: Như mọi hoạt động kinh tế, sự phát triển của nông nghiệp phải được tổ chức một cách khoa học, quy mô lớn và có hiệu quả cao. Hết sức tránh để nông nghiệp phát triển tự phát như những năm trước đây. Phải tạo ra niềm tin thực sự cho người nông dân để họ đem vốn vào đầu tư phát triển sản xuất; đồng thời, tạo niềm tin cho các nhà đầu tư ngoài tỉnh đến Phú Thọ đầu tư sản xuất.

+ Liên kết chặt chẽ giữa nông nghiệp với các ngành lĩnh vực khác: Đây là hướng mới và đảm bảo cho sự phát triển có hiệu quả của tất cả các ngành kinh tế trên địa bàn. Điều đó có nghĩa là phải liên kết sản xuất nông nghiệp với tất cả các ngành có liên quan để tạo ra sự phát triển nhịp nhàng giữa các ngành trong mối quan hệ tương tác hữu cơ chặt chẽ. Muốn vậy không chỉ thông suốt về vận tải, phân phối, tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp mà còn đồng bộ tới mức cần thiết giữa các khâu sản xuất trong các chuỗi giá trị sản xuất và trong các tổ hợp sản xuất nông – công nghiệp.

+ Xác định lợi thế so sánh

Theo kết quả phân tích mô hình SWOT cho biết so với các tỉnh Thái Nguyên, Sơn La, Hòa Bình (tương đồng về nông sản hàng hóa) thì tỉnh Phú Thọ lợi thế hơn hẳn về vận tải, giao thương kinh tế vùng và năng lực quản lý nhà nước của chính quyền. Theo công bố của VCCI và các cơ quan hữu trách khác thì năng lực quản lý của chính quyền Phú Thọ có các chỉ số trội hơn các tỉnh Thái Nguyên, Sơn La và Hòa Bình.

Biểu 4.4: Tổng hợp so sánh điểm mạnh, điểm hạn chế của Phú Thọ đối với một số địa phương trong lĩnh vực sản xuất nông nghiệp, năm 2018

Tiêu chí so sánh	Phú Thọ	Thái Nguyên	Sơn La	Hòa Bình
Vị trí địa lý và quan hệ với Hà Nội	++	++	+	++
Vận chuyển nông sản	++	+	-	+
Kết cấu hạ tầng kỹ thuật	++	+	-	+
Trung tâm giao thương liên vùng	++			
Năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI)*	++	+	+	+
Hiệu quả quản trị và hành chính công (PAPI)*	++	+	+	+

*Nguồn: Tác giả. * Tính theo xếp hạng của năm 2018*

Ghi chú: ++ mức độ tốt nhiều; mức độ tốt ít và – mức độ không tốt

+ Dự báo sức ép cạnh tranh với một số tỉnh khác

Chỉ tính đối với thị trường Hà Nội, nhìn chung hàng hóa nông sản của Phú Thọ phải cạnh tranh mạnh với chè, các loại thịt, rau xanh của tỉnh Thái Nguyên, Sơn La và Hòa Bình. Tuy nhiên, từ Phú Thọ về Hà Nội có thể vận chuyển bằng đường bộ cao tốc và đường sắt thuận lợi hơn so với từ Thái Nguyên về Hà Nội chỉ bằng đường bộ. Vì thế, thời gian nhanh hơn và đảm bảo chất lượng nông sản tốt hơn. Năm 2018, theo thống kê cả nước tỉnh Phú Thọ đứng thứ nhất về năng suất lúa, ngô và chuối; đứng thứ hai về năng suất chè (đứng thứ nhất là Thái Nguyên) và năng suất cam (đứng thứ nhất về cam là Hòa Bình) trong số 4 tỉnh được so sánh. Đối với thịt bò, thịt lợn, thịt gia cầm về cơ bản 4 tỉnh ngang nhau. Theo Viện khoa học kỹ thuật nông lâm nghiệp miền núi phía Bắc [78], thì năng suất cây trồng hiện nay cũng chỉ bằng khoảng 65-70% so với năng suất sinh học có thể được. Trong bối cảnh, nếu địa phương nào gia tăng nhanh hơn năng suất, chất lượng cây trồng và vật nuôi thì sẽ nhận được lợi thế tốt hơn.

Ngoài ra, trong quá trình tính toán cạnh tranh tiêu thụ nông sản của tỉnh Phú Thọ, tác giả cho rằng cũng cần chú ý tới các tỉnh khác. Ví dụ, Phú Thọ phải cạnh tranh sản xuất hồng với Lạng Sơn, Bắc Giang, Bắc Kạn; cạnh tranh sản xuất chuối với Tuyên Quang và Hòa Bình; cạnh tranh sản xuất thịt lợn, cam, rau xanh với Thanh Hóa; cạnh tranh sản xuất sữa bò với Thái Nguyên, Thanh Hóa, Nghệ An, Cao Bằng...

Biểu 4.5: So sánh khả năng cạnh tranh tiêu thụ nông sản giữa Phú Thọ với các tỉnh ở thị trường Hà Nội

Tiêu chí so sánh	Phú Thọ	Thái Nguyên	Sơn La	Hòa Bình
Chè	x	xx	x	
Thịt bò	x	x	x	xx
Thịt lợn siêu nạc	xx	xx	x	x
Sữa bò	x	xx	xx	x
Trứng gia cầm	xx	xx	-	x
Rau xanh chất lượng cao	xx	xx	x	x
Trái cây tươi (cam, quýt, chuối...)	xx	x	x	xx
Bưởi	xx	-	-	x

Nguồn: Tác giả: xx: Cạnh tranh cao; x: cạnh tranh vừa; -: không cạnh tranh được

4.1.2.2. Định hướng phát triển nông nghiệp để đóng góp lớn hơn cho sự phát triển kinh tế của tỉnh Phú Thọ

a). Mục tiêu phát triển nông nghiệp

Tham khảo đề án tái cơ cấu sản xuất nông nghiệp, đề án quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2011-2020 và tầm nhìn đến năm 2025 cũng như nhận được sự giúp đỡ của các chuyên gia kinh tế của Sở Kế hoạch và Đầu tư và của Cục thống kê tỉnh; tác giả dự báo một số mục tiêu chủ yếu của tỉnh Phú Thọ (xem biểu 4.6).

Biểu 4.6: Dự báo một số mục tiêu phát triển nông nghiệp đến 2030 của tỉnh Phú Thọ

Chỉ tiêu	Đơn vị	2018	2025	2030	Tăng, giảm trong 12 năm
1. Tỷ trọng nông nghiệp trong tổng GRDP của tỉnh	%	21,4	18,4**	17,0	-4,4
2. Tốc độ tăng giá trị gia tăng nông nghiệp	%	3,8	4,5**	5,0	+1,2
3. Tăng năng suất cây trồng chính so với năm gốc 2017	lần	1	1,7	2,5	+1,5

Nguồn: Năm 2018 là số liệu thống kê.

*Ghi chú: Các năm 2025 và 2030 là dự báo của tác giả (trên cơ sở dự báo thị trường nông sản, tiềm năng về quỹ đất và tham khảo dự báo của dự án “Quy hoạch phát triển tổng thể kinh tế - xã hội tỉnh Phú Thọ giai đoạn 2011- 2020**).*

Để nâng cao vị thế nông nghiệp trong nền kinh tế của tỉnh và cải thiện rõ rệt đời sống của người nông dân, tỉnh Phú Thọ cần phân đầu nâng giá trị gia tăng trên mỗi ha

đất nông nghiệp gấp khoảng 1,4-1,5 lần trong giai đoạn 2019-2025 và khoảng 2-2,2 lần trong giai đoạn 2026-2030 trên cơ sở đổi mới mạnh mẽ cơ cấu sử dụng đất nông nghiệp mà luận án sẽ trình bày cụ thể ở phần sau.

b). Định hướng đổi mới cơ cấu sản xuất nông nghiệp

- Đánh giá độ thích hợp của các loại đất trên địa bàn tỉnh

Trên cơ sở kết quả nghiên cứu của Viện Khoa học kỹ thuật nông lâm nghiệp miền núi phía Bắc và xem xét kết quả nghiên cứu của đề án tái cơ cấu nông nghiệp đến năm 2020, tác giả luận án tiến hành phân tích, đánh giá chất lượng và sự phù hợp của đất nông nghiệp để phát triển trồng trọt ở Phú Thọ. Tác giả luận án tán đồng với quan điểm của đề án “*Quy hoạch phát triển nông, lâm, thủy sản đến 2020*” của tỉnh Phú Thọ như biểu 4.7.

Đất rất thích hợp để chuyên lúa phân bố chủ yếu ở Lâm Thao (2540 ha), Hạ Hòa (1800 ha), Cẩm Khê (1600 ha), Thanh Ba (1400 ha), Tam Nông (1480 ha).

Biểu 4.7: Phân loại đất theo mức độ thích hợp đối với phát triển cây trồng
Đơn vị: ha

Loại cây trồng	Mức độ thích hợp			
	Tổng diện tích*	Rất thích hợp	Thích hợp vừa	Kém thích hợp
2 vụ lúa	44.888	12.205	14.081	18.602
2 lúa + 1 màu	44.842	12300	5171	27365
Lúa + Thủy sản	19191	3330	5922	9939
Rau	27143	3070	13191	10882
Cây chè và cây sơn	79501	15470	27091	36940
Cây ăn quả (bưởi, hồng, cam)	62016	8042	21991	31984
Trồng thức ăn chăn nuôi	6500	2500	3200	800
Thủy sản	11645	3935	3321	4389
Lâm nghiệp	181715	49847	52942	78925

Nguồn: Quy hoạch phát triển nông, lâm, thủy sản của Phú Thọ đến 2020

*Ghi Chú” * Tổng diện tích có thể cân nhắc*

Đất rất thích hợp để chuyên rau tập trung chủ yếu ở Việt Trì (550 ha), Hạ Hòa (300 ha), Thanh Ba (350 ha), Cẩm Khê (370 ha), Tam Nông (420 ha), Lâm Thao (340 ha), Thanh Thủy (360 ha).

Đất rất thích hợp để chuyên cây công nghiệp phân bố chủ yếu ở Đuan Hùng (2.700 ha), Hạ Hòa (3.100 ha), Thanh Ba (2.000 ha), Yên Lập (1.400 ha), Thanh Sơn (1.320 ha), Tân Sơn (1.400 ha).

Đất rất thích hợp để chuyên cây ăn quả (bưởi) phân bố chủ yếu ở Đuan Hùng (2.600 ha), Thanh Ba (660 ha), Yên Lập (940 ha), Thanh Sơn (1.200 ha), Thanh Thủy (580 ha).

Đất thích hợp để trồng ngô tập trung chủ yếu ở Hạ Hòa (2.000 ha), Thanh Ba (1.230 ha), Cẩm Khê (1.600 ha), Tam Nông (1.800 ha), Lâm Thao (2.000 ha), Thanh Thủy (1.420 ha).

Đó là yếu tố cần xem xét để phân bố cây trồng theo vùng (tiểu vùng/huyện và liên huyện) trên lãnh thổ tỉnh.

Trong tương lai, cần dành khoảng 182 nghìn ha để phát triển lâm nghiệp (hiện nay khoảng 184 nghìn ha). Đất phi nông nghiệp cần bố trí khoảng 75 nghìn ha (hiện nay 69 nghìn ha).

- Thực hiện phát triển nền nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao và từng bước phát triển nông nghiệp hữu cơ

Về lâu dài tỉnh Phú Thọ cần phát triển nền nông nghiệp hữu cơ dựa trên nền tảng cơ sở công nghệ sinh học và gen kết hợp không sử dụng hóa chất (hạn chế hoặc tiến tới không sử dụng phân hóa học, thuốc trừ sâu, thuốc tăng trọng, sử dụng giống biến đổi gen...) để tạo ra những nông sản sạch, có chất lượng cao, an toàn thực phẩm.

+ Trước hết phát triển nông nghiệp hữu cơ đối với rau, củ, quả; cây ăn quả chủ lực (bưởi, cam, quýt, chuối...);

+ Tiếp theo phát triển nông nghiệp hữu cơ đối với chăn nuôi lợn, bò thịt và bò sữa và gia cầm, thủy sản.

- Đổi mới cơ cấu sản xuất nông nghiệp

** Đổi mới quan điểm, tư duy về phát triển cơ cấu sản xuất nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Phú Thọ*

- Lấy hiệu quả làm tiêu chí tối thượng. Hiệu quả ở đây phải là hiệu quả tổng hợp, gồm cả hiệu quả kinh tế, hiệu quả xã hội và hiệu quả môi trường. Chuyển đổi cây trồng và vật nuôi để đạt được hiệu quả cao nhất, làm cho mỗi ha đất nông nghiệp tạo ra nhiều giá trị kinh tế và nhiều giá trị gia tăng nhất.

- Sử dụng đất nông nghiệp theo phương châm “tiết kiệm”. Việc lấy đất nông nghiệp cho mục đích sử dụng phi nông nghiệp phải tính toán đầy đủ tới lợi ích của người nông dân. Tăng cường phát triển theo chiều cao không gian để giảm bớt diện tích mặt bằng. Từng bước sử dụng phương thức canh tác hiện đại để gia tăng chiều cao, tăng tầng canh tác hoặc phát triển cây trồng nhiều tầng...

- Bên cạnh tiết kiệm đất phải tiết kiệm nước. Ở tỉnh Phú Thọ, một số nơi đã có tình trạng thiếu nước sinh hoạt và thiếu nước tưới tiêu về mùa khô nên phải chọn những cây trồng chịu hạn về mùa khô.

- Đồng thời với phát triển nông nghiệp công nghệ cao cần kết hợp với phát triển năng lượng tái tạo, phát triển mạnh mẽ khí bioga từ chất thải chăn nuôi để giảm thiểu sử dụng chất đốt bằng gỗ, củi như lâu nay. Từ đó giảm thiểu tổn thất tài nguyên rừng...

** Đổi mới cơ cấu sản xuất nông nghiệp*

Đây là yếu tố quyết định đối với hiệu quả sản xuất nông nghiệp nói chung và hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp nói riêng ở Phú Thọ nên phải đổi mới một cách căn bản, có căn cứ khoa học và kiên quyết.

Biểu 4.8: Dự báo cơ cấu GTGT nông nghiệp tỉnh Phú Thọ

Đơn vị: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	2018	2025*	2030	Tăng b/q 2019-2025	Tăng b/q 2026-2030
1. GRDP (giá 2010)	34.902	57588	84654	7,5*	8,0
+ Riêng GTGT nông nghiệp	7.477	10.845	15.237	5,0	6,0
<i>% so tổng GRDP</i>	21,4	18,4	16,0	-	-
* Trồng trọt	3186	4242	5790	4,0	5,0
<i>% so tổng GTGT NN</i>	42,6	39	38	-	-
* Chăn nuôi	3529	5420	7695	6,5	7,0
<i>% so tổng GTGT NN</i>	47,2	50,0	50,0	-	-
* Dịch vụ nông nghiệp	321	552	805	7,5	7,0
<i>% so tổng GTGT NN</i>	4,3	5,1	5,6	-	-
* Nuôi thủy sản	441	631	947	5,2	5,8
<i>% so Tổng GTGT NN</i>	5,9	5,9	6,4	-	-
2. GTGT thông qua công nghiệp chế biến nông sản	192	325	1153	-	-
<i>% so GTGT NN</i>	2,7	3,0	8,0	-	-

Nguồn: Năm 2018 theo Thống kê tỉnh.; Giai đoạn 2011-2018 GRDP của Phú Thọ có tốc độ tăng trung bình khoảng 6%/năm và nông nghiệp tăng khoảng 4%/năm. Các năm 2025 và 2030 do tác giả dự báo.

Đổi mới cơ cấu sản xuất nông nghiệp hướng tới: (1). Gia tăng tỷ trọng sản phẩm nông sản hàng hóa; và (2). Gia tăng tỷ trọng các sản phẩm nông sản sử dụng công nghệ cao và gắn với công nghiệp chế biến.

- *Phát triển sản phẩm nông nghiệp chủ lực gắn với hình thành một số chuỗi giá trị sản xuất nông nghiệp*

Trên cơ sở phát huy tiềm năng, lợi thế so sánh để phát triển nông nghiệp và căn cứ vào kết quả dự báo thị trường, năng suất đạt được ở một số cơ sở sản xuất tiên tiến trong tỉnh tác giả kiến nghị danh mục nông sản chủ lực của tỉnh Phú Thọ như sau:

Biểu 4.9: Dự báo sản phẩm nông nghiệp chủ yếu của Phú Thọ

Chỉ tiêu	Đơn vị	2018	2025	2030	Năm 2030 so 2018,%
Sản lượng ngũ cốc	10 ³ Tấn	482,9	485	490	101,5
Lúa gạo	10 ³ Tấn	390	375	380	97,4
Riêng lúa gạo chất lượng cao	10 ³ Tấn	24,5	50	90	367,3
Ngô	10 ³ Tấn	92,9	110	130	140
Riêng ngô rau thực phẩm	Tấn	550	2500	8000	1454,5
Chè búp tươi	10 ³ tấn	169,5	180	220	129,8
Trái cây tươi	10 ³ tấn	107	180	330	308,4
Thịt lợn lọc	Tấn	75849	118.000	145.000	191,2
Thịt gia cầm lọc	Tấn	21.531	34.800	45.000	209,0
Thịt bò lọc	Tấn	2970	10.550	17.500	235,7
Trứng	Tr. quả	169,1	310	500	295,8
Sữa bò	Tr. lít	8,2	15	35	426,8
Mật ong	10 ³ lít	153	160	200	130,7
Rau	Tấn	191.750	240.700	310.900	162,1
Cá các loại*	Tấn	27.800	36.500	40.500	144,2

Nguồn: Tác giả; Năm 2018 theo Thống kê tỉnh

*Ghi chú: * Bao gồm một số loại thủy sản chính như cá: lăng, chiên, trắm, nheo, chép*

Từ định hướng phát triển sản phẩm nông sản chủ lực, luận án tiến hành xác định phương hướng đổi mới tập đoàn cây trồng, con vật nuôi của tỉnh Phú Thọ trong những năm tới.

Biểu 4.10: Dự kiến tiến trình đổi mới giống cây trồng, vật nuôi trên địa bàn tỉnh Phú Thọ

Cây trồng, vật nuôi	2018-2020	2021-2025	Sau 2025
Cây lúa	Cải tạo giống và sử dụng 30% diện tích lúa chất lượng cao (giống lúa Nhật Bản)	Sử dụng giống lúa chất lượng cao khoảng 60% diện tích (giống lúa Nhật Bản)	100% lúa chất lượng cao (giống lúa Nhật Bản)
Chè	Cải tạo 40% diện tích chè với giống mới năng suất, chất lượng cao	Cải tạo 70% diện tích chè với giống mới năng suất, chất lượng cao	Cải tạo 100% diện tích chè với giống mới năng suất, chất lượng cao
Bưởi	Cải tạo 30% diện tích bưởi với giống mới năng suất, chất lượng cao. Gồm hai giống: Bưởi Đoan Hùng và bưởi Diễn	Cải tạo 50% diện tích bưởi với giống mới năng suất, chất lượng cao. Gồm hai giống: Bưởi Đoan Hùng và bưởi Diễn	Cải tạo 100% diện tích bưởi với giống mới năng suất, chất lượng cao. Gồm giống: Bưởi Đoan Hùng và bưởi Diễn
Cam	50% diện tích trồng giống mới: Giống cam Mỹ hoặc Israel	100% diện tích giống mới: Giống cam Mỹ hoặc Israel	100% diện tích giống mới: Giống cam Mỹ hoặc Israel
Nhãn	Triển khai giống nhãn Hương Chi (một trong những loại Nhãn Lồng Hưng Yên)	Triển khai giống nhãn Hương Chi (một trong những loại Nhãn Lồng Hưng Yên)	Triển khai giống nhãn Hương Chi (một trong những loại nhãn Lồng Hưng Yên)
Hồng	Cải tạo giống trên diện tích khoảng 50%	Cải tạo giống trên diện tích khoảng 100%	Cải tạo giống trên diện tích khoảng 100%
Chuối	Sử dụng giống chuối cấy mô của Đài Loan trên 30% diện tích	Sử dụng giống chuối cấy mô của Đài Loan trên 60% diện tích	Sử dụng giống chuối cấy mô của Đài Loan trên 100% diện tích

Cây trồng, vật nuôi	2018-2020	2021-2025	Sau 2025
Rau xanh chất lượng cao	Sử dụng giống rau sạch chất lượng cao khoảng 25% diện tích	Sử dụng giống rau sạch chất lượng cao khoảng 50% diện tích	Sử dụng giống rau sạch chất lượng cao khoảng 100% diện tích
Bò thịt chất lượng cao	Sử dụng giống mới khoảng 20% tổng đàn	Sử dụng giống mới khoảng 50% tổng đàn	Sử dụng giống mới khoảng 100% tổng đàn
Bò sữa	Sử dụng giống mới khoảng 20% tổng đàn	Sử dụng giống mới khoảng 70% tổng đàn	Sử dụng giống mới khoảng 100% tổng đàn
Lợn siêu nạc	Sử dụng giống mới khoảng 60% tổng đàn	Sử dụng giống mới khoảng 80% tổng đàn	Sử dụng giống mới khoảng 100% tổng đàn
Cá	Sử dụng giống cá hồi, cá chim trắng, cá lăng, cá chiên, cá trắm	Sử dụng giống cá hồi, cá chim trắng, cá lăng, cá chiên, cá trắm, cá nheo	Sử dụng giống cá hồi, cá chim trắng, cá lăng, cá trắm, cá chiên, cá trắm, cá nheo
Gà	Sử dụng giống gà quý Tân Hồ	Sử dụng giống gà quý Tân Hồ	Sử dụng giống gà quý Tân Hồ

Nguồn: Tác giả

- Định hướng phát triển các lĩnh vực chủ yếu trong nông nghiệp ở tỉnh Phú Thọ

+ Đối với trồng trọt

Tác giả cho rằng, tỉnh Phú Thọ cần có cuộc cải cách mạnh mẽ đối với khâu trồng trọt trên cơ sở tính toán có căn cứ khoa học hướng tới nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững. Trồng trọt phải phát triển có mũi nhọn hàng hóa dựa trên cơ sở phát huy tiềm năng, lợi thế của địa phương. Phát triển tập trung, chuyên môn hóa, hiện đại hóa phải là hướng ưu tiên.

Chuyển bớt diện tích cây lúa 1 vụ, lúa nương năng suất thấp (khoảng 15-16 nghìn ha) và đất trồng cây công nghiệp ngắn ngày không hiệu quả (khoảng 2-3 nghìn

ha) sang trồng rau chất lượng cao và để trồng cây ăn quả có chất lượng (như bưởi, cam, chuối, hồng không hạt...).

Biểu 4.11: Dự báo năng suất sinh học một số cây trồng chính trên địa bàn Phú Thọ

Cây trồng chính	Năng suất sinh học, tấn/ha	Năng suất đã đạt, tấn/ha
Lúa nước	10,0	5,8
Ngô	14,0	5
Sắn	20,0	13,0
Đậu tương	6,0	1,8
Lạc	8,0	1,9
Mía	90,0	56
Chè	12,0	8,8
Bưởi	17,0	7,8
Hồng	10,0	6,5
Rau	20	14

Nguồn: Báo cáo quy hoạch phát triển tổng thể kinh tế - xã hội tỉnh Phú Thọ đến 2020

Dành khoảng 7-8 nghìn ha trồng lúa chất lượng cao (giống gạo thơm Nhật Bản) để cung cấp chủ yếu cho nhu cầu của du khách, người dân đô thị và để làm hàng hóa tiêu thụ ở Tp. Hà Nội cũng như để xuất khẩu.

Dành diện tích đất đồi không thích hợp với cây ăn quả, rau xanh để trồng cỏ giống ngoại và thức ăn chăn nuôi bò sữa và bò thịt.

Không nên mở rộng diện tích trồng các loại cây: mía, sắn, nhãn, vải, đậu đỗ... vì không có khả năng cạnh tranh với các địa phương khác và càng không có thể xuất khẩu.

Tích tụ ruộng đất là một trong những nhiệm vụ quan trọng trong việc đổi mới trồng trọt ở Phú Thọ. Tùy theo điều kiện cụ thể từng nơi mà có kế hoạch tích tụ ruộng đất với quy mô khoảng 50 ha trở lên đối với cây rau, trên 100 ha đối với cây lúa chất lượng cao, trên 150 ha đối với cây ăn quả.

+ Đối với chăn nuôi

Đối với Phú Thọ, cần nhanh chóng chuyển từ chăn nuôi truyền thống sang chăn nuôi theo hướng công nghiệp, hiện đại, được tổ chức và có hàng hóa lớn. Áp dụng hình thức tổ chức sản xuất hiện đại có hiệu quả cao như hình thức tổ hợp sản xuất lãnh thổ.

Biểu 4.12: Dự báo chăn nuôi của Phú Thọ⁴

Chỉ tiêu	Đơn vị	2018	2025	2030	Năm 2030 so 2018, %
+ Đàn lợn	1000 con	876	890	950	108,4
+ Đàn gia cầm	“	12.740	13800	14500	113,8
+ Đàn bò	“	121	130	155	128,0
+ Đàn Trâu	“	73	75	80	109,6
+ Đàn dê	“	10,8	14	16	148,1

Nguồn: Tác giả, Năm 2018 theo thống kê tỉnh

Tập trung phát triển chăn nuôi tập trung, hàng hóa lớn, chất lượng cao. Kết hợp trang trại, gia trại và hộ gia đình để hình thành những vùng chăn nuôi tập trung chất lượng cao. Hình thức chăn nuôi hộ gia đình đối với những con vật nuôi chủ yếu phục vụ nhu cầu tại chỗ cũng phải được tổ chức chứ không phát triển kiểu tự phát như lâu nay.

Biểu 4.13: Dự báo con vật nuôi hàng hóa chủ yếu ở tỉnh Phú Thọ⁵

Con vật nuôi	2018	2025	2030
Bò thịt chất lượng cao, 1000 con	5	10	25
Bò Sữa, 1000 con	1,5	2,5	3,5
Lợn siêu nạc, 1000 con	30	45	70
Lợn sữa, 1000 con	2	10	30
Đàn gia cầm chất lượng cao, Triệu con	1,5	2	4

Nguồn: Tác giả, Năm 2018 theo số liệu thống kê

+ Đối với dịch vụ nông nghiệp

Đây là khâu quan trọng và cần được phát triển mạnh mẽ hơn hiện nay. Dịch vụ nông nghiệp cũng cần được tổ chức thành các hợp tác xã dịch vụ hoặc những công ty dịch vụ với các hướng chính:

- Dịch vụ vật tư nông nghiệp
- Dịch vụ giống cây trồng, con vật nuôi
- Tiêu thụ nông sản: Hình thành các chợ nông sản, trung tâm thương mại để tiêu thụ nông sản cho người nông dân. Chính quyền địa phương đứng ra tổ chức ký hợp đồng dài hạn giữa người sản xuất và các trung tâm thương mại lớn trong và ngoài nước.

- Đóng góp của ngành nông nghiệp vào tăng trưởng kinh tế của tỉnh

⁴Theo phương pháp ngoại suy từ các mô hình làm ăn tiên tiến của các huyện Đoan Hùng, Lâm Thao, Thanh Sơn

⁵Trên cơ sở lấy sản lượng dự báo trừ đi nhu cầu tại chỗ để tính sản lượng nông sản hàng hóa của tỉnh

Nếu theo định hướng phát triển như trên thì vai trò của ngành nông nghiệp thể hiện rõ rệt. Trong 8 năm từ 2018 đến 2025 sản xuất nông nghiệp bước vào giai đoạn cải cách nên vai trò của nông nghiệp chưa được nâng cao nhưng sang đến giai đoạn 2026-2030 thì vai trò của nông nghiệp đã được khẳng định (xem biểu dưới). Tác giả cho rằng, sản xuất nông nghiệp sẽ còn phát huy tác dụng tới khoảng 2035-2040 vì trong thời gian này ngoài công nghiệp chế biến nông, lâm sản thì công nghiệp khác chưa có điều kiện để thu hút các nhà đầu tư và do đó chưa thể phát triển mạnh.

Biểu 4.14: Đóng góp của ngành nông nghiệp vào tăng trưởng kinh tế của tỉnh Phú Thọ

Chỉ tiêu	Đơn vị	2011-2018	2019-2025	2026-2030
1. Phần tăng của tổng GRDP của tỉnh	Tỷ đồng	6980	22686	29492
Riêng: + Nông nghiệp	Tỷ đồng	1075,1	3368	3918
% so tổng GRDP	%	15,4	15,5	16,0
+Phi nông nghiệp	Tỷ đồng	5904,9	19318	25574
% so tổng GRDP	Tỷ đồng	84,6	84,5	84,0

Nguồn: Tác giả, 2011-2018 theo thống kê tỉnh

4.1.3. Định hướng lựa chọn đối tác chiến lược để hợp tác phát triển nông nghiệp hàng hóa tỉnh Phú Thọ

Từ nay đến 2030, nền kinh tế của Phú Thọ vẫn còn bé, khả năng tích lũy từ nội bộ nhỏ nên sẽ vẫn thiếu vốn đầu tư để phát triển kinh tế. Đội ngũ doanh nghiệp hiện có trên địa bàn đang còn yếu, chưa có khả năng đem vốn đầu tư phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao.

Đối với trong nước, tỉnh Phú Thọ phải có biện pháp để thu hút được nhiều tập đoàn kinh tế lớn có quan tâm và có khả năng đầu tư phát triển nông sản hàng hóa mà Phú Thọ có lợi thế, như Tập đoàn TH Vinamilk, Tập đoàn Visan, Tập đoàn Hoàng Anh Gia Lai, Công Ty thương mại Hapro của Hà Nội.

Đối với các nhà đầu tư nước ngoài Phú Thọ cần có định hướng thu hút hợp lý. Tham khảo phương hướng thu hút các nhà đầu tư của các địa phương như đã trình bày ở phần tổng quan và phân tích lợi thế so sánh của tỉnh Phú Thọ tác giả kiến nghị định hướng thu hút các nhà đầu tư chiến lược cho tỉnh Phú Thọ để phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao như biểu dưới đây:

Biểu 4.15: Dự kiến đối tác đầu tư để phát triển nông nghiệp ở tỉnh Phú Thọ

Lĩnh vực nông nghiệp	Thu hút đối tác đầu tư chiến lược đến từ các nước
Lúa chất lượng cao	Nhật Bản, Israel
Chè	Anh, Ấn Độ, Nhật Bản
Cam quýt	Israel, Mỹ
Bưởi diễm, Bưởi Đoan Hùng	Hà Nội, Israel
Bò sữa	Cu Ba, Niuzelan, Hà Lan, Úc,
Bò thịt chất lượng cao	Úc, Nhật Bản, Mỹ, Niuzelan
Lợn siêu nạc	New Zealand, Mỹ, Nhật Bản
Rau xanh chất lượng cao	Nhật Bản, Mỹ, Israel, Hàn Quốc

Nguồn: Tác giả

4.2. Một số giải pháp nâng cao hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp tỉnh Phú Thọ

Tác giả cho rằng, ngoài những căn cứ nêu ở mục 4.1 và căn cứ vào các yếu tố ảnh hưởng đến hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp đã nêu ở Chương 2 cùng với yêu cầu đặt ra từ phát triển của KT - XH tỉnh Phú Thọ đến 2030 cho việc phát triển nông nghiệp và sử dụng đất nông nghiệp trong những năm tới, để nâng cao hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp ở tỉnh Phú Thọ cần thực thi đồng bộ các giải pháp chính dưới đây:

4.2.1. Giải pháp số 1: Nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước đối với đất nông nghiệp và phát triển nông nghiệp

Từ những vấn đề lý thuyết (các yếu tố ảnh hưởng tới HQSD đất nông nghiệp đã trình bày Chương 2 và từ những hạn chế, nguyên nhân của việc quản lý nhà nước đối với việc sử dụng đất nông nghiệp đã được chỉ rõ ở Chương 3 tác giả đề xuất giải pháp này.

4.2.1.1. Hoàn thiện việc quản lý nhà nước và nâng cao chất lượng nhân lực quản lý

+ Hình thành mới trung tâm xác định giá đất nông nghiệp khi được đền bù và trung tâm thẩm định chất lượng nông sản (trung tâm này chịu trách nhiệm thẩm định chất lượng nông sản trên địa bàn tỉnh theo định hướng phát triển đã được xác định). Trung tâm có thể đặt tại Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn hoặc có thể đặt ở Sở Khoa học công nghệ.

+ Đổi mới chức năng và cách thức hoạt động của trung tâm khuyến nông. Trung tâm này nên đặt trọng tâm hoạt động vào việc tư vấn hoặc cung cấp giống và

hướng dẫn quy trình canh tác. Đồng thời, Trung tâm khuyến nông cần đảm nhận chức năng hỗ trợ tiêu thụ sản phẩm và thực hiện bảo hiểm sản xuất nông nghiệp.

+ Mỗi xã có Ban địa chính kiêm luôn chức năng kiểm tra giám sát sử dụng đất nông nghiệp trong địa bàn theo quy hoạch và kế hoạch sử dụng đất nông nghiệp của tỉnh. Chính quyền tỉnh mở những lớp bồi dưỡng nghiệp vụ về quản lý đất nông nghiệp, quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất nông nghiệp.

+ Xây dựng lực lượng cán bộ quản lý đất đai, trong đó có đất nông nghiệp vừa có chuyên môn vừa có tâm và có tinh thần trách nhiệm cao. Mỗi cấp tỉnh, huyện, xã phải có đủ cán bộ thực hiện chức năng quản lý đất nông nghiệp.

+ Nâng cao hiệu quả quy hoạch sử dụng đất trên địa bàn tỉnh Phú Thọ. Đề án quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 đã được Chính phủ và chính quyền địa phương phê duyệt lâu rồi, đến nay tác giả luận án thấy có nhiều điểm không phù hợp, không thể hiện được tinh thần bứt phá trong bối cảnh toàn cầu hóa và nước ta phải thực hiện nhiều Hiệp định tự do thương mại với các nước. Quy hoạch sử dụng đất trước đây mang nặng tính truyền thống, ngoại suy từ quá khứ nên ít điểm mới và không theo đuổi hình thành những nông sản chủ lực.

+ Xây dựng chế tài cụ thể, thiết thực đối với việc sử dụng đất nông nghiệp. Mỗi khi chuyển mục đích sử dụng đất nông nghiệp nhất thiết phải lấy ý kiến của người dân và có kế hoạch công khai về đền bù, thời gian lấy đất nông nghiệp. Đồng thời, có quy định rõ ràng của người ra quyết định chuyển đất nông nghiệp cho mục đích sử dụng khác. Nếu họ quyết định sai thì họ phải bồi thường.

+ Chính quyền tỉnh nên thành lập “Trung tâm thông tin nông nghiệp” của tỉnh. Trung tâm này nên đặt tại Sở nông nghiệp và phát triển nông thôn. Trung tâm thông tin nông nghiệp có trách nhiệm thu thập và cung cấp kịp thời các thông tin cần thiết đối với sản xuất nông nghiệp cho cả giới lãnh đạo các cấp và cho người sản xuất. Đồng thời, công khai đại chúng những thông tin đó trên các phương tiện thông tin đại chúng. **Cập nhật thông tin về đất đai trên cơ sở đó công khai minh bạch các thông tin về sử dụng đất đai trên địa bàn. Tạo mọi điều kiện thuận lợi để doanh nghiệp và người dân dễ dàng tiếp cận thông tin đất đai trên địa bàn tỉnh. Sử dụng công nghệ thông tin trong việc quản lý đất đai, đặc biệt là sử dụng phần mềm Mapinfor.**

+ Chính quyền địa phương cần cung cấp đầy đủ, kịp thời, chính xác thông tin cho người sản xuất về tiêu chuẩn của các quốc gia nhập khẩu nông sản từ Việt Nam để người dân hiểu rõ hơn cơ hội, thách thức do các Hiệp định Thương mại tự do đó đặt ra; rồi từ đó nhanh chóng chuẩn bị các điều kiện để tham gia hợp tác quốc tế có hiệu quả hơn.

4.2.1.2. *Đổi mới chính sách quản lý sản xuất nông nghiệp và sử dụng đất nông nghiệp*

a). Đối với Chính quyền trung ương

- Đề nghị Nhà nước hoàn thiện chính sách đất đai nông nghiệp mà cụ thể là hoàn thiện Luật Đất đai, cụ thể hơn đối với việc tích tụ đất nông nghiệp để sản xuất hàng hóa quy mô lớn.

- Nhà nước nên phê duyệt quy hoạch sử dụng đất thời kỳ dài hạn cho các tỉnh, rồi trên cơ sở đó chính quyền các địa phương lập kế hoạch sử dụng đất đai cho 5 năm và hàng năm. Đối với quy hoạch sử dụng đất đai chỉ nên quy định quy mô đối với mỗi loại đất đai; nên quy định rõ quy mô diện tích đất nông nghiệp phải chuyển cho mục đích sử dụng phi nông nghiệp cũng như diện tích đất hoang hóa cần chuyển vào sử dụng để phát triển nông nghiệp. Quy định chi tiết, cụ thể về trách nhiệm của nhà đầu tư phi nông nghiệp và chế tài phạt rõ ràng đối với những người sử dụng lãng phí đất nông nghiệp.

b). Đối với chính quyền cấp địa phương

+ Hướng dẫn người dân phát triển sản xuất nông nghiệp theo các chuỗi giá trị sản xuất và theo các tổ hợp nông - công nghiệp.

+ Chính quyền tỉnh Phú Thọ cần thành lập quỹ phát triển nông nghiệp cỡ khoảng 20 tỷ đồng để hỗ trợ phát triển thí điểm phát triển nông nghiệp công nghệ cao hay nông nghiệp hữu cơ. Đồng thời, có chính sách khuyến khích tập trung ruộng đất để có điều kiện chuyên môn hóa quy mô lớn và tương đối lớn.

Khuyến khích doanh nghiệp liên kết với nông dân để mở rộng sản xuất theo phương thức VietGAP và GlobalGAP. Doanh nghiệp chịu trách nhiệm khâu chế biến và tiêu thụ sản phẩm; cung cấp cho nông dân giống, phân bón, thuốc trừ sâu phù hợp và ít độc hại, các vật tư nông nghiệp.

+ Hoàn thiện chính sách về việc cho phép nông dân góp vốn cổ phần cùng các doanh nghiệp bằng quyền sử dụng đất. Ví dụ, cho phép nông dân góp cổ phần với doanh nghiệp bằng quyền sử dụng đất với các doanh nghiệp trồng và chế biến chè, sơn ta, rau xanh chất lượng cao, nuôi bò sữa và nuôi bò thịt... Doanh nghiệp có trách nhiệm thu hút lao động của các hộ nông dân có góp đất vào làm việc trong doanh nghiệp.

+ Chính sách hỗ trợ ứng dụng khoa học công nghệ tiên tiến. Chính quyền địa phương nên có chính sách hỗ trợ khoảng 15-20% kinh phí đối với những doanh nghiệp, hộ gia đình nông dân ứng dụng công nghệ cao hoặc phát triển nông nghiệp hữu cơ.

+ Chính sách phát triển các hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp quy mô lớn. Chính quyền địa phương cần có chính sách ưu tiên tín dụng cụ thể để các hợp tác xã nông nghiệp và hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp vay vốn tín dụng phát triển sản xuất kinh doanh.

+ Có chính sách cụ thể để phát triển mạnh mẽ các mô hình tiên tiến trên cơ sở tham khảo, học tập kinh nghiệm làm ăn thành công ở các địa phương khác như: kinh nghiệm trồng rau sạch ở Sơn La, Hà Nam; trồng cam ở Hòa Bình, Hà Giang; kinh nghiệm trồng chè của Thái Nguyên, Hà Giang; kinh nghiệm trồng rau sạch của Sơn La...; hay học tập kinh nghiệm chăn nuôi bò sữa ở Ba Vì Hà Nội và chăn nuôi lợn sạch ở Sóc Sơn Hà Nội; kinh nghiệm chăn nuôi bò thịt ở vùng miền núi tỉnh Thanh Hóa, kinh nghiệm chăn nuôi gà đồi ở Bắc Giang... Đó có thể là chính sách hỗ trợ vốn ứng dụng khoa học công nghệ, hỗ trợ lãi suất vay vốn tín dụng để phát triển hàng hóa xuất khẩu và hàng hóa đem đi tiêu thụ tại các thành phố lớn trong nước...

+ Chính quyền tỉnh, huyện có biện pháp cụ thể hướng dẫn người nông dân thực hiện sản xuất nông nghiệp theo tiêu chuẩn VietGAP và GlobalGAP. Chính quyền các cấp có chương trình phát triển hệ thống giao thông vận tải, hệ thống chuyển tải điện và hệ thống thủy lợi, nhất là hệ thống trữ nước. Để tiết kiệm nước cần gắn việc hiện đại hóa sản xuất nông nghiệp với việc khuyến khích sử dụng tiết kiệm nước.

+ Chính sách tích tụ ruộng đất hợp lý để người nông dân yên tâm tập trung đất cho những cá nhân, doanh nghiệp có điều kiện phát triển nông nghiệp quy mô lớn, tập

trung chuyên môn hóa cao. Đồng thời, tỉnh nên có chính sách khuyến khích hóa tắng và hạn chế địa tắng để giảm bớt nhu cầu đất cho xây dựng nghĩa trang.

4.2.1.3. Đẩy mạnh phát triển doanh nghiệp và hợp tác xã nông nghiệp

+ Phát triển doanh nghiệp sản xuất và dịch vụ nông nghiệp

Những nơi có điều kiện hình thành vùng tập trung quy mô lớn thì phát triển các công ty chuyên lĩnh vực (nhất là công ty nông nghiệp nông nghệ cao) hoặc các hợp tác xã nông nghiệp quy mô lớn. Hình thành một số công ty mạnh trong lĩnh vực trồng chè, trồng cây ăn quả, chăn nuôi bò thịt, bò sữa; chăn nuôi lợn, chăn nuôi gia cầm... Hình thành các hợp tác xã nông nghiệp trong lĩnh vực trồng rau thực phẩm, trồng cây ăn quả đặc sản như hồng, chuối, cam, chăn nuôi lợn...

+ Phát triển hợp tác xã nông nghiệp hoặc phục vụ nông nghiệp

Tại những nơi không có điều kiện để phát triển các công ty lớn nên hình thành những hợp tác xã nông nghiệp quy mô vừa và nhỏ để tập trung ruộng đất, tổ chức sản xuất hàng hóa cho bà con nông dân (để họ không làm ăn manh mún, tự phát). Trên địa bàn tỉnh, tùy điều kiện từng nơi mà hình thành những hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp.

Bên cạnh việc phát triển hợp tác xã dịch vụ cần phát triển các hợp tác xã tiêu thụ nông sản ở những vùng khó khăn để hỗ trợ nông dân tiêu thụ nông sản một cách vững chắc. Các hợp tác xã tiêu thụ cần ký hợp đồng tiêu thụ nông sản dài hạn với người nông dân sản xuất. Trên địa bàn tỉnh Phú Thọ nên hình thành liên đoàn các hợp tác xã (học tập kinh nghiệm của Nhật Bản) để kết nối và hỗ trợ các hợp tác xã nông nghiệp và các hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp một cách có hiệu quả.

4.2.1.4. Đẩy mạnh hợp tác trong nước và quốc tế trong lĩnh vực sản xuất nông nghiệp

a). Hợp tác liên tỉnh

b). Thu hút đầu tư FDI

c). Tham gia toàn cầu hóa một cách có hiệu quả

d). Chính quyền địa phương tuyên truyền luật pháp và cung cấp các thông tin về các Hiệp định thương mại tự do giữa Việt Nam với các nước cho người nông dân

4.2.1.5. Xây dựng hình ảnh, xúc tiến đầu tư và thương mại

Tiến hành quảng bá hình ảnh và triển khai việc xúc tiến đầu tư và thương mại đối với nông sản của tỉnh Phú Thọ. Trước hết là phát triển hệ thống PANO quảng cáo trên địa bàn tỉnh; xây dựng trang thông tin điện tử riêng về nông sản của tỉnh; phát hành tờ rơi trên các đường bay của hãng hàng không Việt Nam. Tổ chức các Hội chợ nông sản của tỉnh tại các thành phố lớn trong và ngoài nước. Phải chuẩn bị kỹ về nội dung hội chợ và tuyên truyền rộng rãi để thu hút sự quan tâm của các nhà phân phối và các nhà đầu tư ngoài tỉnh. Phối hợp với các ngành Trung ương tổ chức Hội nghị xúc tiến đầu tư về lĩnh vực phát triển nông nghiệp (nên gắn với việc xúc tiến tổng thể về đầu tư và thương mại). Cần hình thành danh mục các dự án kêu gọi đầu tư với những nội dung hấp dẫn.

4.2.1.6. Đẩy mạnh phát triển nông nghiệp sản xuất nông sản sạch, hữu cơ

Chuyển mạnh sản xuất nông nghiệp ở tỉnh Phú Thọ sang sản xuất nông sản sạch, hữu cơ và thân thiện với môi trường. Cụ thể là:

- Gia tăng diện tích trồng trọt sản xuất nông nghiệp sạch, hữu cơ.
- Giảm thiểu tối đa sử dụng hóa chất có hại cho môi trường (nhất là môi trường đất, nước) và có hại cho an toàn thực phẩm.

4.2.2. Giải pháp số 2: Đổi mới cơ cấu sử dụng đất nông nghiệp

Căn cứ vào yếu tố ảnh hưởng đến HQSD đất nông nghiệp đã trình bày Chương 2 mà cụ thể là cơ cấu sử dụng đất nông nghiệp ảnh hưởng lớn tới HQSD đất nông nghiệp và căn cứ vào tình trạng sử dụng đất nông nghiệp chưa hợp lý, chưa mang lại hiệu quả như mong muốn cho giai đoạn 2011 – 2018 đã được phân tích ở Chương 3, cũng như căn cứ định hướng phát triển nông nghiệp của tỉnh Phú Thọ đến 2030, tác giả đề xuất giải pháp này.

Việc đổi mới cơ cấu sử dụng đất nông nghiệp ở Phú Thọ phải tuân theo các nguyên tắc cơ bản dưới đây:

- Để hình thành những sản phẩm nông sản chủ lực của tỉnh.
- Để đạt được hiệu quả cả trước mắt và cả lâu dài không chỉ bản thân sản xuất nông nghiệp mà cho cả nền kinh tế của tỉnh.

- Phát triển theo chiều sâu với phương châm dựa vào nền tảng công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Tức là tạo ra tiền đề để thực hiện cơ giới hóa, sản xuất hàng hóa quy mô lớn và chất lượng cao để đủ điều kiện đảm bảo nguyên liệu cho công nghiệp chế biến.

- Phù hợp với các giai đoạn phát triển. Đổi mới đến đâu là chắc đến đó và có căn cứ khoa học vững chắc.

Biểu 4.16: Dự báo cơ cấu sử dụng đất nông nghiệp của tỉnh Phú Thọ

Đơn vị: ha

Chỉ tiêu	2018	2025	2030		Năm 2030 so 2018 theo PA 1, %
			PA1	PA2	
Diện tích đất nông nghiệp	118187	115350	114450	110450	96,8
<i>% so diện tích tự nhiên</i>	<i>33,4</i>	<i>32,6</i>	<i>32,4</i>	<i>31,2</i>	-
1). Các loại đất theo mục đích sử dụng:					
+ Đất trồng cây hàng năm	62971	47.675	40.580	39.135	64,4
<i>% so diện tích tự nhiên</i>	<i>57,1</i>	<i>50,0</i>	<i>42,5</i>	<i>41,0</i>	-
+ Đất trồng cây lâu năm	55216	61,930	65025	67.245	117,7
<i>% so diện tích tự nhiên</i>	<i>37,1</i>	<i>44,0</i>	<i>48,2</i>	49,5	-
+ Đất trồng cỏ	28	350	695	955	2500,0
<i>% so diện tích tự nhiên</i>	<i>0,03</i>	<i>0,4</i>	<i>0,73</i>	1,0	-
+ Đất chăn nuôi tập trung	37	55	65	152	202,7
<i>% so diện tích tự nhiên</i>	<i>0,04</i>	<i>0,05</i>	<i>0,07</i>	0,16	-
+ Đất nuôi trồng thủy sản	5.255	5.290	5316	5.320	99,9
<i>% so diện tích tự nhiên</i>	<i>5,7</i>	<i>5,5</i>	<i>5,5</i>	5,5	-
2). Tổng diện tích đất trồng trọt ứng dụng công nghệ cao*	516	6200	8120	9785	1574
<i>% so tổng số đất trồng trọt cây hàng năm và cây lâu năm</i>	<i>0,6</i>	<i>13</i>	<i>20</i>	<i>25</i>	-

Nguồn: Tác giả ; Năm 2018 theo Thống kê tỉnh

Ghi chú: * Dự báo của tác giả về diện tích đất trồng cây hàng năm và trồng cây lâu năm được ứng dụng công nghệ cao (căn cứ vào dự báo phát triển các vùng cây trồng tập trung sản xuất nông sản hàng hóa trên địa bàn tỉnh như đã trình bày ở biểu 4.16)

Cố gắng không để giảm diện tích sử dụng cho sản xuất nông nghiệp. Từ năm 2025 đến 2030 sẽ ổn định diện tích đất nông nghiệp khoảng 110.000 ha. Khai thác thêm những diện tích chưa sử dụng cho sản xuất nông nghiệp. Hạn chế sử dụng đất nông nghiệp cho mục đích phi nông nghiệp (ngoài số ít chuyển sang cho xây dựng đường sá, công trình thủy lợi và nhà ở cho cư dân sống ở nông thôn...). Thay đổi cơ cấu sử dụng đất nông nghiệp là đòi hỏi cấp bách. Theo kết quả đánh giá đất phục vụ phát triển sản xuất nông nghiệp của các chuyên gia địa phương, tác giả tính toán thay đổi cơ cấu sử dụng đất nông nghiệp theo hướng: giảm khoảng 15% đất trồng cây hàng năm (tương ứng khoảng 12 nghìn ha); tăng khoảng 33% diện tích cây lâu năm (tương ứng khoảng 11,5 nghìn ha) và đất nông nghiệp khác (thường là diện tích trồng tạp, manh mún) giảm khoảng 29%. Đồng thời, gia tăng mạnh mẽ diện tích trồng cây hàng năm và cây lâu năm ứng dụng công nghệ cao (đạt khoảng 20% diện tích trồng hai loại cây này).

Xét các điều kiện có thể có được (giống cây trồng, vốn, khả năng ứng dụng công nghệ cao và khả năng hưởng ứng của nông dân) để đổi mới cơ cấu sử dụng đất, tác giả cho rằng, có thể và nên chọn phương án 1 để xác định phương hướng sử dụng đất nông nghiệp của tỉnh Phú Thọ trong thời gian tới. Theo đó sẽ chuyển khoảng 12 nghìn ha đất trồng cây hàng năm kém hiệu quả sang trồng cây lâu năm có hiệu quả hơn. Tỷ trọng trồng cây hàng năm và cây lâu năm cũng có sự thay đổi mạnh mẽ trên cơ sở tính toán hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp cả trong ngắn hạn và trong dài hạn.

a). Đối với đất trồng cây hàng năm

Có thể nói đây là cuộc đổi mới có tính cách mạng ở Phú Thọ. Điểm nổi bật đối với việc sử dụng đất cây hàng năm là phải lấy hiệu quả và thị trường làm trọng.

Diện tích đất cây hàng năm sẽ giảm, những phần diện tích trồng lúa, ngô, sản năng suất thấp chuyển sang trồng cây ăn quả và cây công nghiệp dài ngày. Những diện tích còn lại để trồng cây hàng năm cũng phải sử dụng có hiệu quả hơn trên cơ sở thâm canh, chuyên môn hóa với những cây trồng, vật nuôi có thị trường, với năng suất, chất lượng cao. Đất lúa giảm khoảng 43% (nhưng số diện tích còn lại phải trồng lúa chất lượng cao và có năng suất cao trên cơ sở nhập giống mới và hợp tác quốc tế để tạo ra

gao chất lượng cao); đất cây trồng khác theo kiểu trồng tạp giảm khoảng 40%; đất trồng rau sạch tăng, gấp 1,4 lần...

Biểu 4.17: Dự báo đất cây hàng năm của tỉnh Phú Thọ

Đơn vị: ha, %

Chỉ tiêu	2018	2025	2030	Năm 2030 so 2018,%
Đất trồng cây hàng năm	62.971	47.675	40.580	64,4
* Đất trồng lúa	46.690	30.075	20.930	44,8
% so tổng số	71,9	64,5	54,2	-
* Đất trồng rau	14.200	16.500	18.500	137,3
% so tổng số	24,8	32,0	43,4	-
* Đậu các loại	1.098	1.100	1.150	95,6
% so tổng số	1,9	2,1	2,3	-
* Đất cây khác	983	650	500	61,7
% so tổng số	1,6	1,3	1,1	

Nguồn: Tác giả ; Năm 2018 theo Thống kê tỉnh

b) Đối với đất trồng cây lâu năm

Đất trồng cây lâu năm tuy có tăng nhưng không nhiều, tăng chủ yếu đối với cây ăn quả. Cây công nghiệp dài ngày (trừ cây chè) vì có ít lợi thế và lợi nhuận cũng thấp nên diện tích nên ổn định và nếu có tăng thì cũng tăng ít.

+ *Đối với đất trồng cây công nghiệp dài ngày*: tăng không nhiều. Năm 2030 so với 2018 gấp 1,4 lần và chủ yếu tập trung phát triển cây chè và cây sơn, cây chè từ khoảng 14,5 nghìn tăng lên khoảng 19,4 nghìn ha.

Biểu 4.18: Dự báo đất cây lâu năm của tỉnh Phú Thọ

Đơn vị: ha, %

Chỉ tiêu	2018	2025	2030	Năm 2030 so 2018,%
Đất trồng cây lâu năm	55.216	69.710	75.650	137,0
+ Đất cây ăn quả	33.905	45.650	50.275	148,2
% so tổng số	41,0	42	43	-
+ Đất cây công nghiệp lâu năm	19.994	22.156	25.898	129,5
% so tổng số	59,0	58,0	57	-
- Riêng đất trồng chè	14.550	16.500	19.400	133,4
% so tổng diện tích cây công nghiệp lâu năm	72,8	74,5	75,0	-
- Riêng cây sơn	2.056	2.250	2.500	121,6
% so tổng số	10,3		9,6	-

Nguồn: Tác giả; Năm 2018 theo Thống kê tỉnh

Vấn đề quan trọng đối với sử dụng diện tích cây công nghiệp dài ngày là phải cải tạo và du nhập giống mới có năng suất, chất lượng cao và sản xuất phải được tổ chức một cách khoa học theo hướng sinh thái, nông nghiệp hữu cơ và công nghệ cao.

+ *Đối với đất trồng cây ăn quả*

Diện tích đất trồng cây ăn quả sẽ tăng nhanh, từ khoảng 14 nghìn ha hiện nay lên khoảng 19,5 nghìn ha (tăng khoảng 5,6 nghìn ha) với những cây trồng có năng suất, chất lượng cao, nhiều giá trị gia tăng và đáp ứng nhu cầu thị trường. Nếu so năm 2030 với năm 2018 thì đáng kể nhất phải kể tới diện tích trồng bưởi chất lượng cao nhiều gấp 1,9 lần; diện tích trồng quýt gấp khoảng 1,4 lần; diện tích trồng hồng, nhãn, vải gấp 2 lần... Bên cạnh việc đổi mới cơ cấu sử dụng đất nông nghiệp tỉnh Phú Thọ cần dành ra một số diện tích để phát triển các khu, cụm, điểm công nghiệp tập trung gắn với các vùng trồng nguyên liệu nông sản để hình thành những khu vực công nghiệp chế biến nông sản và tạo việc làm cho người nông dân khi lao động dôi ra do cơ giới hóa và hiện đại hóa công nghệ (dệt may, da giày, sản xuất hàng thủ công mỹ nghệ...).

Biểu 4.19: Dự báo đất cây ăn quả của tỉnh Phú Thọ

Đơn vị: ha, %

Chỉ tiêu	2018	2025	2030	Năm 2030 so 2018, %
Đất trồng cây ăn quả	33.905	45.650	50.275	148,2
Trong đó cây chính:				
- Bưởi	5.492	12.097	14.380	261,8
<i>% so tổng số</i>	<i>16,2</i>	<i>26,5</i>	<i>28,6</i>	-
- Cam quýt	1.491	2.055	2.262	151,7
<i>% so tổng số</i>	<i>4,4</i>	<i>4,5</i>	<i>4,5</i>	-
- Hồng, nhãn, vải	5.119	7.760	10.809	211,0
<i>% so tổng số</i>	<i>15,1</i>	<i>17</i>	<i>21,5</i>	-
- Chuối	8.103	9.585	9.747	108,0
<i>% so tổng số</i>	<i>23,9</i>	<i>21</i>	<i>17,4</i>	-
- Dứa	779	913	915	116,2
<i>% so tổng số</i>	<i>2,3</i>	<i>2,0</i>	<i>1,8</i>	

Nguồn: Tác giả; Năm 2018 theo Thống kê tỉnh

Thực hiện theo phương hướng đổi mới cơ cấu sử dụng đất và phương hướng phát triển nông nghiệp như đã trình bày, kết quả phát triển nông nghiệp của tỉnh Phú Thọ đã có sự chuyển biến đáng kể. Trong khi nhân khẩu nông nghiệp giảm khoảng

2,25%/năm và GTGTNN tăng khoảng 5,6%/năm nên đời sống của người nông dân đã có thay đổi đáng kể (GTGTNN/nhân khẩu nông nghiệp tăng bình quân khoảng 8,05%/năm; gấp khoảng 1,85 lần mức tăng của giai đoạn 2011-2018).

Biểu 4.20: Dự báo một số chỉ tiêu bình quân nhân khẩu nông nghiệp

Chỉ tiêu	Đơn vị	2018	2025	2030	Tăng b/q năm, %
GTGTNN	Tr. đ	7,6	11,5	20,8	8,05
GTHHNS	Tr.đ	0,86	2,3	5,0	14,5
GTXK nông sản	USD/ng	28,6	74,5	204	16,3
Lúa gạo	Kg	394	399	490	1,7
Thịt lợn, gia cầm lọc	Kg	98,3	162	259	7,8
Trứng	Quả	171	329	681	11,2

Nguồn: Tác giả; Năm 2018 theo Thống kê tỉnh

Ghi chú: GTGTNN: Giá trị gia tăng nông nghiệp; GTHHNS: Giá trị hàng hóa nông sản; GTXK: Giá trị xuất khẩu

+ Đối với diện tích mặt nước nuôi thủy sản

Tuy tiềm năng diện tích mặt nước để nuôi thủy sản không thật lớn như nhiều tỉnh ở vùng đồng bằng châu thổ nhưng cũng rất đáng kể. Phát huy khoảng 6 nghìn ha mặt nước (kể cả mặt nước ở một số đoạn thuộc các con sông Hồng, Đà, Lô) để nuôi cá lồng và tăng cường nuôi cá ở 600 hồ nước theo tiêu chuẩn VietGAP mà một số nơi đã thành công ở Phú Thọ.

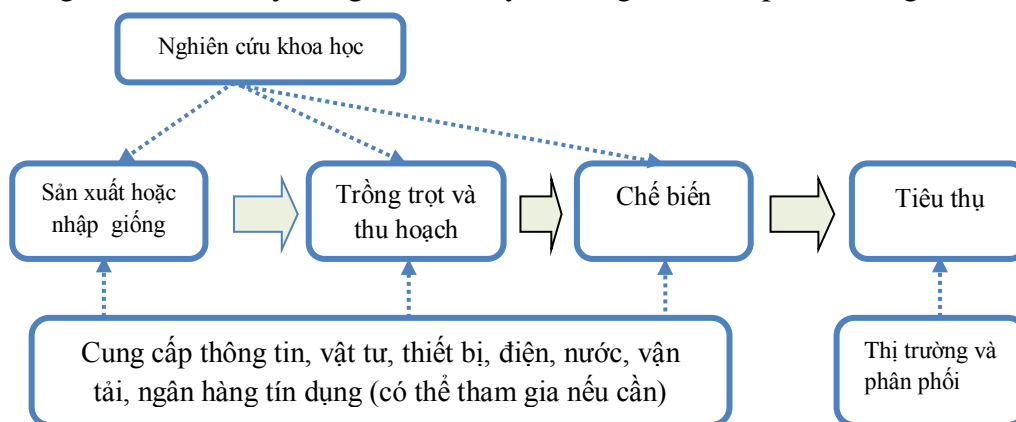
4.2.3. Giải pháp số 3: Phát triển các hình thức tổ chức sản xuất nông nghiệp tiên tiến

Căn cứ vào phân lý thuyết ở Chương 2 đã chỉ ra tổ chức sản xuất nông nghiệp là một trong những yếu tố quan trọng ảnh hưởng đến HQSD đất nông nghiệp; căn cứ vào kết quả phân tích thực trạng sử dụng đất nông nghiệp ở Chương 3 đã chỉ ra những yếu kém của việc tổ chức sản xuất nông nghiệp chưa được phát triển và hầu như còn trong tình trạng tự phát, tác giả đã đề xuất phải thực thi giải pháp tổ chức sản xuất nông nghiệp theo hướng hiện đại.

a). Phát triển các chuỗi giá trị sản xuất nông sản

Muốn phát triển nông nghiệp có hiệu quả cần tiến hành liên kết giữa các chủ thể sản xuất chính trên cơ sở tự nguyện cùng có lợi. Mỗi chuỗi giá trị sản xuất nông

ng nghiệp sẽ được hình thành ở Phú Thọ đều tuân thủ theo những nguyên lý chung hình thành chuỗi giá trị. Dưới đây tác giả trình bày chuỗi giá trị sản phẩm trồng trọt.



Hình 4.1: Chuỗi giá trị sản xuất nông nghiệp ứng dụng ở tỉnh Phú Thọ

Vấn đề quan trọng cần xác định rõ ai tham gia khâu nào trong chuỗi giá trị sản xuất nông nghiệp. Theo lý thuyết và phân tích thực tiễn phát triển sản xuất nông nghiệp ở Phú Thọ tác giả kiến nghị theo hướng dưới đây:

Biểu 4.21: Các chủ thể tham gia chuỗi giá trị sản xuất nông nghiệp

Khâu sản xuất trong chuỗi	Người tham gia/thực hiện
Tạo giống	Công ty hoặc Hợp tác xã
Trồng trọt/chăn nuôi	Hộ gia đình, trang trại hoặc gia trại
Thu hoạch	Hộ gia đình và Công ty hay Hợp tác xã vận tải
Chế biến nông sản	Doanh nghiệp công nghiệp hay Công ty chế biến nông sản
Phân phối/tiêu thụ sản phẩm	Công ty thương mại hay Hợp tác xã tiêu thụ nông sản

Nguồn: Tác giả

Đối với Phú Thọ, trên cơ sở phát huy tiềm năng, lợi thế của địa phương và học tập kinh nghiệm của các địa phương khác cần tập trung phát triển một số chuỗi chủ yếu:

+ Chuỗi giá trị sản xuất chè: ngoài trực chính bắt đầu từ nghiên cứu tạo giống/cải tạo giống - trồng và chăm sóc, thu hoạch - chế biến - tiêu thụ còn có các khâu cung cấp vật tư nông nghiệp (vật tư để chế biến; cung ứng phân bón, công cụ sản xuất, chất đốt cho sấy chè, vận chuyển...).

+ Theo nguyên tắc như đã trình bày sẽ ưu tiên hình thành và phát triển các chuỗi giá trị chủ yếu dưới đây: (1). Chuỗi giá trị sản xuất bưởi; (2). Chuỗi giá trị sản

xuất hồng, cam, quýt; (3). Chuối giá trị sản xuất rau xanh chất lượng cao; (4). Chuối giá trị sản xuất gạo chất lượng cao; (5). Chuối giá trị sản xuất thịt bò; và (6). Chuối giá trị sản xuất sữa bò

b). Phát triển các Tổ hợp sản xuất nông - công nghiệp

Biểu 4.22: Dự báo một số vùng sản xuất tập trung gắn với công nghiệp chế biến

Đơn vị: ha

Cây trồng	Vùng tập trung (theo huyện)	Diện tích có thể bố trí
Cây chè	Hạ Hòa, Đoan Hùng, Thanh Ba, Thanh Sơn, Tân Sơn, Yên Lập	19.000
Bưởi (Đoan Hùng, Diên)	Đoan Hùng, Thanh Sơn, Yên Lập, Thanh Ba, Thanh Thủy, Phù Ninh, Thanh Sơn, Tam Nông	4.000
Chuối	Thanh Sơn, Thanh Thủy, Đoan Hùng, Thanh Ba	3.500
Hồng không hạt	Thanh Sơn, Thanh Thủy, Đoan Hùng, Thanh Ba	2.800
Lúa chất lượng cao	Lâm Thao, Hạ Hòa, Cẩm Khê, Tam Nông, Thanh Ba	18.000
Ngô chất lượng cao	Hạ Hòa, Thanh Ba, Tam Nông	12.000
Rau xanh chất lượng cao	Tam Nông, Cẩm Khê, Thanh Thủy, Lâm Thao, Thanh Ba, Phù Ninh, Hạ Hòa	10.000
Cây Sơn	Tam Nông, Thanh Thủy, Lâm Thao, Phù Ninh	2.500
Hồng	Thanh Sơn, Thanh Ba, Thanh Thủy, Phù Ninh	3.000
Trồng cỏ và cây làm thức ăn năng suất cao	Tân Sơn, Thanh Sơn, Hạ Hòa, Tam Nông, Phù Ninh, Lâm Thao	4.000

Nguồn: Dự án quy hoạch phát triển nông, lâm thủy sản của tỉnh giai đoạn 2016-2020 của tỉnh Phú Thọ

Ghi chú: Giảm diện tích nhân, vãi thuộc các vườn tạp để trồng hồng giống quý tập trung cho hàng hóa lớn. Diện tích chuối cũng giảm để trồng bưởi diên và hồng

Mỗi tổ hợp sản xuất nông - công nghiệp gồm có cơ sở công nghiệp chế biến, vùng nguyên liệu (người trồng/trọt/chăn nuôi), các cơ sở cung cấp điện, nước, tiêu thụ sản phẩm, cơ sở nghiên cứu khoa học có liên quan trực tiếp... Đối với Phú Thọ nên ưu tiên phát triển các tổ hợp: (1). Tổ hợp sản xuất nông - công nghiệp chè; (2). Tổ hợp sản

xuất nông - công nghiệp chăn nuôi bò thịt; (3). Tổ hợp sản xuất nông - công nghiệp chăn nuôi bò sữa; (4). Tổ hợp sản xuất nông - công nghiệp chăn nuôi lợn siêu nạc.

c). Phát triển mô hình nông nghiệp thông minh thích ứng với biến đổi khí hậu

+ Nhà lưới, nhà kính, nông nghiệp hữu cơ, sản xuất theo tiêu chuẩn VietGAP và GlobalGAP

* Phát triển một số khu vực quy mô từ vài chục đến vài trăm ha rau xanh kiểu nhà lưới, nhà kính.

* Phát triển các khu vực tập trung theo các hộ gia đình sản xuất theo tiêu chuẩn VietGAP và GlobalGAP để phát triển bưởi, chuối, cam quýt, hồng...

* Phát triển một số khu nhà lưới và tưới phun mưa để phát triển cây hoa cao cấp đáp ứng nhu cầu của thành phố Hà Nội và nhu cầu hoa cây cảnh tại tỉnh (trên cơ sở học tập kinh nghiệm của những nơi đã thành công như Công ty hoa nhiệt đới Mộc Châu- Sơn La đã rất thành công trong lĩnh vực trồng hoa).

+ Khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao

* Lúc đầu thí điểm một khu nông nghiệp công nghệ cao ở xã Phú Hộ (Tx Phú Thọ) với diện tích 300 ha và hình thành một vài hợp tác xã trồng rau xanh chất lượng cao. Sau đó hình thành khoảng 5-10 khu nông nghiệp công nghệ cao để phát triển những nông sản hàng hóa chủ lực (như đối với chè, bưởi, rau an toàn, nuôi lợn siêu nạc...).

* Hình thành các khu nông nghiệp công nghệ cao trên cơ sở vùng trồng nông sản gắn với công nghiệp chế biến có công nghệ cao như đối với chăn nuôi bò thịt, bò sữa.

+ Phát triển mô hình canh tác trên đất dốc (swon doi)⁶. Như kinh nghiệm của nông dân xã Bắc Phong, huyện Cao Phong tỉnh Hòa Bình trong việc trồng cam, sachi (lãi thuần khoảng 150-250 triệu đồng/ha). Ở tỉnh Phú Thọ, diện tích đất dốc từ 8⁰ đến 25⁰ vào khoảng 51% diện tích tự nhiên (tức là diện tích đất dốc chỉ ở mức có độ dốc vừa đến mạnh; với tổng diện tích tương đương khoảng 180.000 ha), trong đó diện tích có thể sử dụng cho nông nghiệp chiếm khoảng 15% (chủ yếu để trồng rừng mà tiêu biểu như trồng keo, lát, trâu; trồng chè; trồng cây ăn quả tiêu biểu như cam, quýt, hồng và trồng đậu, cỏ, dược liệu). Muốn phát triển mô hình sản xuất nông nghiệp trên đất

⁶Nguyễn Viết Khoa, Võ Đại Hải, Nguyễn Đức Thanh (2008), *Kỹ thuật canh tác trên đất dốc; mức 8⁰: dốc vừa; 16-25⁰: dốc mạnh và trên 35⁰: dốc rất mạnh*

dốc rất cần xây dựng công trình trữ nước và tưới nước khoa học (khoảng 10 triệu đồng/ha) và kết hợp trồng rừng để giữ nước.

d). Phát triển các hình thức trang trại, gia trại, hộ gia đình nông dân theo tiêu chí VietGAP và GlobalGAP

+ Các hình thức nêu trên phải được phát triển mạnh mẽ đối với các lĩnh vực: i). Chăn nuôi bò ở Cẩm Khê, Tam Nông, Thanh Sơn, Thanh Ba, Phù Ninh, Yên Lập; ii). Chăn nuôi lợn siêu nạc: Phù Ninh, Đoan Hùng, Thanh Sơn, Yên Lập, Cẩm Khê, Thanh Ba, Thanh Thủy; iii). Trồng rau sạch chất lượng cao.

+ Doanh nghiệp lớn (đó là tập đoàn kinh doanh nông nghiệp và cũng có thể là tập đoàn có chức năng ngoài kinh doanh nông nghiệp như tập đoàn công nghiệp hoặc tập đoàn khách sạn...) làm nòng cốt liên kết cùng các hộ nông dân (hoặc là công ty nông nghiệp, các trang trại, gia trại và các hợp tác xã nông nghiệp) phát triển các khu nông nghiệp công nghệ cao, các vùng nông sản nguyên liệu hay các vùng nông sản thực phẩm chất lượng cao (như rau sạch, trái cây) gắn với chế biến và phát triển chăn nuôi lấy thịt, cá...

đ). Phát triển hệ thống các hợp tác xã nông nghiệp

Tác giả tách riêng vấn đề hợp tác xã để nhấn mạnh loại hình này. Trong thực tế, hợp tác xã là khâu quan trọng trong các chuỗi giá trị sản xuất nông sản. Công ty hay doanh nghiệp giữ vị trí nòng cốt. Họ liên kết với các hợp tác xã. Các hợp tác xã làm nhiệm vụ nối kết với các hộ gia đình để tạo vùng nguyên liệu cho doanh nghiệp công nghiệp chế biến hoặc cho Công ty tiêu thụ nông sản. Việc phát triển hợp tác xã nông nghiệp ở Phú Thọ được chú trọng đối với các lĩnh vực sản xuất nông nghiệp chính như sau: (1). Phát triển các hợp tác xã trồng rau sạch; (2). Phát triển các hợp tác xã trồng lúa chất lượng cao; (3). Phát triển các hợp tác xã chăn nuôi bò thịt; (4). Phát triển các hợp tác xã chăn nuôi lợn siêu nạc; (5). Phát triển các hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp; (6). Phát triển các hợp tác xã tiêu thụ nông sản; (7). Phát triển các hợp tác xã vừa làm dịch vụ vừa tiêu thụ nông sản

4.2.4. Giải pháp số 4: Gia tăng quy mô và đổi mới cơ cấu đầu tư phát triển nông nghiệp

Căn cứ vào lý thuyết chỉ rõ vai trò của đầu tư đối với phát triển nông nghiệp và hiệu quả phát triển nông nghiệp cũng như kết quả phân tích thực trạng đầu tư Chương 3 vừa chưa đủ mức, vừa chưa hợp lý về cơ cấu.

Tăng quy mô đầu tư cho nông nghiệp qua các giai đoạn. Đầu tư phát triển nông nghiệp phải đổi mới theo hướng tập trung cho đầu tư phát triển sản xuất và ứng dụng khoa học công nghệ để hình thành được những sản phẩm nông sản chủ lực của tỉnh.

Biểu 4.23: Dự báo vốn đầu tư phát triển nông nghiệp của tỉnh Phú Thọ giai đoạn 2018-2030

Chỉ tiêu	2011-2018	2018-2025	2026-2030
Tổng vốn đầu tư xã hội toàn tỉnh	82.092	92.354	79.160
Tổng vốn đầu tư phát triển nông nghiệp	2397	3.694	4.750
% so tổng đầu tư xã hội	2,92	4,0	6,0
+ Đầu tư phát triển sản xuất	1802	2807	3.800
% so tổng đầu tư phát triển nông nghiệp	75,1	76	80
* Đầu tư ứng dụng khoa học công nghệ	34,3	74	475
% so tổng đầu tư phát triển nông nghiệp	1,43	2,0	10
+ Đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng nông nghiệp	595	887	950
% so tổng đầu tư phát triển nông nghiệp	24,9	24,0	20

Nguồn: Tác giả; 2011-2018 theo Thống kê tỉnh

Ghi chú: Tính theo chỉ số ICOR. ICOR nông nghiệp ở Giai đoạn 2011-2017= 3,4; giai đoạn 2018-2025= 3,45 (cao hơn hiện nay vì vẫn phải đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng nông nghiệp nhiều hơn thời gian vừa qua); giai đoạn 2026-2030= 3,2

Đưa tỷ lệ vốn đầu tư nông nghiệp trong tổng vốn đầu tư xã hội từ mức khoảng 2,9% hiện nay lên khoảng 5,5-6% trong giai đoạn 2019- 2030. Trong giai đoạn 2019-2030 mỗi năm cần đầu tư phát triển nông nghiệp khoảng 15-16 nghìn tỷ đồng (trong đó 10% dành cho ứng dụng công nghệ; khoảng 80% dành cho phát triển sản xuất).

Để có được nguồn vốn như trình bày ở trên, tỉnh Phú Thọ cần đổi mới tư duy và cách thức huy động vốn đầu tư phát triển nông nghiệp. Cụ thể là: giảm nguồn vốn ngân sách từ mức khoảng 57% hiện nay xuống khoảng 20% vào năm 2030; và tăng

huy động vốn ngoài tỉnh và vốn FDI từ khoảng 4,5% lên khoảng 30% vào năm 2030. Việc huy động vốn ngoài tỉnh nên tập trung hướng vào các nhà đầu tư từ các thành phố lớn, các tập đoàn kinh tế lớn và các nhà đầu tư đến từ những quốc gia có nền nông nghiệp tiên tiến.

Biểu 4.24: Dự báo cơ cấu huy động vốn đầu tư để phát triển nông nghiệp của tỉnh Phú Thọ giai đoạn 2019-2030

Chỉ tiêu	2011-2018	2019-2025	2026-2030
Tổng vốn đầu tư phát triển nông nghiệp	2397	3.694	4.750
Trong đó:			
+ Vốn ngân sách nhà nước*	1371	1293	950
% so tổng nhu cầu	57,2	35	20
+ Vốn của dân trong tỉnh	918	1644	2375
% so tổng nhu cầu	38,3	44,5	50
+ Vốn ngoài tỉnh và vốn FDI	108	757	1425
% so tổng nhu cầu	4,5	20,5	30

Nguồn: Tác giả; 2011-2017 theo Thống kê tỉnh

* Ghi chú: Tham khảo chỉ số ICOR đã dự báo trong Báo cáo Quy hoạch phát triển tổng thể kinh tế - xã hội giai đoạn 2011-2020 của Phú Thọ.

Với phương châm: kết hợp đa yếu tố: đất + vốn đầu tư + tổ chức sản xuất (liên kết và phát triển các tổ hợp nông – công nghiệp) chính quyền tỉnh Phú Thọ cần có biện pháp phối hợp với các tổ chức ngân hàng, tín dụng để cung cấp vốn cho người sản xuất (nông dân, nhà công nghiệp chế biến nông sản, nhà tạo giống, nhà cung cấp vật tư nông nghiệp, nhà phân phối nông sản...) nhằm tạo điều kiện cho họ đẩy mạnh sản xuất hàng hóa, gia tăng giá trị làm ra trên mỗi ha đất nông nghiệp.

4.2.5. Giải pháp số 5: Nâng cao chất lượng nhân lực trong lĩnh vực sản xuất nông nghiệp

Căn cứ vào lý luận ở Chương 2 về vai trò của nhân lực nông nghiệp và kết quả nghiên cứu nguyên nhân về nhân lực làm cho HQSD đất nông nghiệp thấp ở Chương 3, tác giả đề xuất Giải pháp này.

Nhân lực nông nghiệp là vấn đề quan trọng đối với việc đổi mới cơ cấu sản xuất nông nghiệp cũng như đổi mới cơ cấu sử dụng đất nông nghiệp. Căn cứ vào định

hướng phát triển nông nghiệp và phương hướng sử dụng đất nông nghiệp như đã trình bày, việc phát triển nhân lực nông nghiệp nên tập trung theo hướng chính như sau: i). Nhân lực phục vụ phát triển công nghiệp chế biến nông sản; ii). Nhân lực trồng chè, bưởi, hồng, cam, chuối, chăn nuôi bò sữa, bò thịt, chăn nuôi lợn siêu nạc và phát triển nông nghiệp hữu cơ; iii). Nhân lực tiêu thụ nông sản và dịch vụ sản xuất nông nghiệp; iiiii). Nhân lực quản lý phát triển nông nghiệp.

Vào năm 2030, phân đầu lao động qua đào tạo chung của toàn tỉnh đạt khoảng 55% và lao động nông nghiệp qua đào tạo đạt khoảng 35%; đặc biệt đào tạo khoảng 5850 doanh nhân cho lĩnh vực sản xuất nông nghiệp.

Biểu 4.25: Dự báo lao động nông nghiệp qua đào tạo của tỉnh Phú Thọ

Chỉ tiêu	Đơn vị	2018	2025	2030
Lao động nông nghiệp qua đào tạo	1000 ng	28,4	51	117
% so tổng lao động nông nghiệp	%	7,9	15	35
- Riêng trình độ đại học	Người	142	285	500
- Riêng doanh nhân	Người	578	2710	5850

*Nguồn: Tác giả; riêng năm 2018 theo thống kê tỉnh và *Theo quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội tỉnh giai đoạn 2011-2020*

4.3. Đánh giá khả năng hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp của tỉnh Phú Thọ đến năm 2030

Nếu thực hiện theo định hướng phát triển nông nghiệp và sử dụng đất nông nghiệp cũng như thực hiện thành công các giải pháp như luận án đã đề xuất thì dù tính toán sơ bộ cũng cho thấy hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp tăng lên đáng kể. Nếu so năm 2030 với năm 2018 thì GTGTNN/ha gấp 1,89 lần; năng suất lao động nông nghiệp gấp 2,11 lần; GTHHNS/ha đất nông nghiệp gấp 3,32 lần; GTGTNN/nhân khẩu nông nghiệp gấp 2,64 lần... Điểm nổi bật là GTGTNN/nhân khẩu nông nghiệp đã bằng khoảng 70% GRDP/người trung bình của toàn tỉnh. Nếu cộng thêm GTGT công nghiệp chế biến nông sản và dịch vụ thì GRDP/nhân khẩu nông thôn sẽ bằng khoảng 85-87% mức trung bình GRDP/người của toàn tỉnh.

Biểu 4.26: Dự báo một số chỉ tiêu hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp tỉnh Phú Thọ ở giai đoạn 2019-2030 (giá 2010)

Chỉ tiêu	Đơn vị	2018	2025	2030	Mức tăng của các giai đoạn, lần	
					2011-2017	2018-2030
GTGTNN/ha đất NN	Tr. đ	56,6	78,1	126,8	1,39	2,25-2,3
GTGTNN/lao động NN	Tr. đ	20,8	31,7	44,0	1,57	2,11
GTHHNS/ha đất NN	Tr.đ	9,3	18,0	30,9	1,58	3,32
Tỷ lệ GTHHNS	%	12,1	16	22	1,12	1,82
GTGTNN/NKNN	Tr. đ	7,6	11,5	20,1	1,41	2,64
% so mức trung bình GRDP/người của tỉnh	%	46,8	57,2	70,0	-	-
GTHHNS/NKNN	Tr.đ	0,86	1,8	4,1	1,21	4,76
GTXK/NKNN	USD/ng	28,6	40,5	68,0	1,24	2,38

Nguồn: Tác giả; Năm 2018 theo thống kê tỉnh; Căn cứ vào kết quả dự báo GTGT nông nghiệp, đất nông nghiệp, nhân khẩu nông nghiệp, lao động nông nghiệp đã dự báo ở các phần trước.

*Ghi chú: GTGTNN: Giá trị gia tăng nông nghiệp; GTHHNS: Giá trị hàng hóa nông sản; GTXK: Giá trị xuất khẩu; NN: nông nghiệp. * Giá hiện hành*

GRDP/người trung bình của tỉnh lấy theo số liệu trong Báo cáo Quy hoạch phát triển tổng thể kinh tế - xã hội tỉnh Phú Thọ giai đoạn 2011-2020 và tham khảo luận án tiến sĩ của học giả Trịnh Thế Truyền: 16,2 triệu năm 2010; 20 triệu đồng năm 2025 và 29 triệu đồng năm 2030 là số do tác giả dự báo thêm

Biểu 4.26 cho thấy, các chỉ tiêu hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp của tỉnh Phú Thọ ở giai đoạn 2019-2030 đều tăng đáng kể, trung bình gấp khoảng 1,6-2 lần so với giai đoạn 2011-2018. Theo các con số dự báo, hiệu quả sử dụng đất trồng trọt vào năm 2030 đạt mức cao hơn hẳn (dự báo tỷ lệ lợi nhuận trên GTGTNN đạt khoảng 14-15%). Trong đó hiệu quả sử dụng đất cây ăn quả và đất cây công nghiệp lâu năm đã tăng khá (trên cơ sở sản xuất cây ăn quả và cây công nghiệp dài ngày được ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ và được tổ chức sản xuất tốt hơn so với cây hàng năm như lúa gạo, ngô, rau củ quả). Do đó góp phần làm cho hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp tăng lên đáng kể.

Biểu 4.27: Hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp xét theo loại đất trồng trọt⁷

Đơn vị: Triệu đồng, giá 2010

Loại đất	2018		2025		2030	
	Tr. đ	Lần	Tr. đ	Lần	Tr. đ	Lần
Đất trồng trọt	27,1	1	49,3	1,81*	67,3	2,47*
Trong đó:						
Đất cây hàng năm	21,2	1	41,4	1	57,2	1
Đất cây lâu năm	33,8	1,58	77,1	1,86	107,5	1,88
*Đất cây ăn quả	35,1	1,64	78,3	1,89	111,0	1,95
*Đất cây công nghiệp dài ngày	37,1	1,72	76,3	1,86	108,7	1,9

Nguồn: Tác giả; Ghi chú: Hệ số so sánh với năm 2018

Tiểu kết chương 4:

Chương 4 đã tập trung nghiên cứu và đề xuất 5 nhóm giải pháp lớn để nâng cao hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp ở tỉnh Phú Thọ trong tới năm 2030, đó là: a). Nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước đối với đất nông nghiệp và phát triển nông nghiệp. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước mà quan trọng hơn cả là phải có chính sách khuyến khích tập trung ruộng đất để có diện tích đủ lớn, có điều kiện cơ giới hóa cao; b) Đổi mới cơ cấu sử dụng đất nông nghiệp theo hướng gia tăng diện tích cho phát triển những cây trồng, vật nuôi có năng suất, chất lượng cao, có nhiều giá trị gia tăng và có giá trị hàng hóa lớn; c) Phát triển các hình thức tổ chức sản xuất nông nghiệp tiên tiến như chuỗi giá trị sản xuất, tổ hợp sản xuất nông – công nghiệp để hiện đại hóa sản xuất nông nghiệp ở tỉnh Phú Thọ trong những năm tới; d) Gia tăng quy mô và đổi mới cơ cấu đầu tư phát triển nông nghiệp, thu hút vốn FDI và thu hút các tập đoàn kinh tế trong nước để hiện đại hóa sản xuất nông nghiệp ở tỉnh Phú Thọ trong những năm tới; đ) Nâng cao chất lượng nhân lực trong lĩnh vực sản xuất nông nghiệp, phát triển sản xuất nông nghiệp theo hướng xanh, có giá trị kinh tế lớn, có giá trị gia tăng cao và trên cơ sở đó nâng cao đời sống của người dân nói chung và người dân sống ở nông thôn nói riêng...

⁷Căn cứ vào kết quả dự báo sử dụng đất nông nghiệp, GTGT nông nghiệp đã dự báo ở các phần trước và thực tế số liệu thu thập được ở một số huyện Đoan Hùng, Tam Thanh, Lâm Thao của tác giả

KẾT LUẬN

i). Việc nghiên cứu hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp là vấn đề quan trọng, cần thiết và có cơ sở lý luận và thực tiễn vững chắc.

ii). Luận án đã khẳng định rằng, tiềm năng đất nông nghiệp của Phú Thọ là tương đối lớn, truyền thống sản xuất hàng hóa nông sản có những loại nổi tiếng trong nước từ lâu nhưng hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp ở tỉnh này đang đạt được ở mức thấp. Để sử dụng đất nông nghiệp có hiệu quả cao cần thực thi đồng bộ 5 nhóm giải pháp. Đó là:

a). Nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước đối với đất nông nghiệp và phát triển nông nghiệp. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước mà quan trọng hơn cả là phải có chính sách khuyến khích tập trung ruộng đất để có diện tích đủ lớn, có điều kiện cơ giới hóa cao;

b) Đổi mới cơ cấu sử dụng đất nông nghiệp theo hướng gia tăng diện tích cho phát triển những cây trồng, vật nuôi có năng suất, chất lượng cao, có nhiều giá trị gia tăng và có giá trị hàng hóa lớn;

c) Phát triển các hình thức tổ chức sản xuất nông nghiệp tiên tiến như chuỗi giá trị sản xuất, tổ hợp sản xuất nông – công nghiệp để hiện đại hóa sản xuất nông nghiệp ở tỉnh Phú Thọ trong những năm tới;

d) Gia tăng quy mô và đổi mới cơ cấu đầu tư phát triển nông nghiệp, thu hút vốn FDI và thu hút các tập đoàn kinh tế từ các nơi trong nước để hiện đại hóa sản xuất nông nghiệp ở tỉnh Phú Thọ trong những năm tới;

đ) Nâng cao chất lượng nhân lực trong lĩnh vực sản xuất nông nghiệp, phát triển sản xuất nông nghiệp theo hướng xanh, có giá trị kinh tế lớn, có giá trị gia tăng cao và trên cơ sở đó nâng cao đời sống của người dân nói chung và người dân sống ở nông thôn nói riêng...

Hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp trên địa bàn cấp tỉnh (trường hợp nghiên cứu của Luận án này là tỉnh Phú Thọ) là vấn đề rộng lớn, phức tạp nên mặc dù tác giả đã cố gắng nhưng không tránh khỏi còn hạn chế, thiếu sót. Đến nay chưa có số liệu hay

công trình nào nghiên cứu về hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp theo cây trồng và theo các loại đất dành cho phát triển các cây trồng đối với cả nước, cũng như đối với tỉnh Phú Thọ nên tác giả không có số liệu để phân tích, so sánh. Tương tự như vậy, đánh giá hiệu quả sử dụng đất theo chất lượng đất sau khi khai thác là một vấn đề cần thiết sau khi khai thác nhưng rất khó thực hiện và thực tế cũng chưa có số liệu hay công trình nào nghiên cứu, làm được như vậy. Vì vậy, tác giả mong nhận được ý kiến đóng góp của các tập thể, cá nhân các nhà khoa học để hoàn thiện luận án hoặc có những gợi ý để tác giả tiếp tục nghiên cứu ở các công trình tiếp theo.

DANH MỤC CÔNG TRÌNH KHOA HỌC ĐÃ CÔNG BỐ

1. Trần Quyết Chiến (2018), *Nâng cao hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp góp phần làm giàu cho tỉnh Phú Thọ*, Kỷ yếu Hội thảo khoa học quốc gia: Phát triển kinh tế địa phương, cơ hội, thách thức và định hướng phát triển trong bối cảnh toàn cầu hóa và cách mạng công nghiệp 4.0, Đại học Kinh tế quốc dân và Đại học Hùng Vương tổ chức, Tập 2 trang 249, năm 2018.
2. Trần Quyết Chiến (2017), *Nâng cao hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Phú Thọ*, Tạp chí Kinh tế và Dự báo, số 17 tháng 6 năm 2017 (657), trang 74.
3. Trần Quyết Chiến (2017), *Đổi mới cơ cấu sử dụng đất nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Phú Thọ*, Tạp chí Kinh tế và Dự báo, số 12 tháng 4 năm 2017 (652), trang 115.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

TÀI LIỆU TRONG NƯỚC

1. Bùi Nữ Hoàng Anh (2013), *Giải pháp nâng cao hiệu quả kinh tế trong việc sử dụng đất nông nghiệp ở Yên Bái*”, Luận án tiến sĩ
2. Ban Chấp hành Trung ương Đảng (2016), *Báo cáo chính trị Đại hội XII của Đảng cộng sản Việt Nam*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
3. Trần Thanh Bình (2012), *Nâng cao hiệu quả sản xuất đậu tương tại Cao Bằng*, Luận án tiến sĩ
4. Bộ Kế hoạch và Đầu tư (2011), *Kỷ yếu hội thảo khoa học toàn quốc lần thứ ba “về phát triển bền vững*, Hà Nội.
5. Nguyễn Đình Bồng (2005), “Sử dụng hợp lý và tái tạo tài nguyên thiên nhiên”, *Tạp chí Tài nguyên và Môi trường*, số 2 năm 2005.
6. Nguyễn Minh Châu (2002), *Giáo trình kinh tế nông nghiệp đại cương*, Đại học An Giang, An Giang.
7. Chính phủ (2013), *Nghị Quyết số 40/NQ-CP ngày 28/3/2013 về quy hoạch sử dụng đất của tỉnh Phú Thọ đến 2020 và kế hoạch sử dụng đất 2011-2015*
8. Cục Thống kê tỉnh Phú Thọ (2019), *Niên giám thống kê tỉnh Phú Thọ năm 2018*.
9. Hồ Huy Cường (2012), *Tăng hiệu quả sản xuất lạc tại Bình Định*, Luận án tiến sĩ
10. Đỗ Kim Chung, Phạm Vân Đình, Trần Văn Đức, Quyền Đình Hà (1997), *Kinh tế nông nghiệp*, Nxb Nông nghiệp, Hà Nội.
11. Trần Văn Chử (2000), *Kinh tế học phát triển*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
12. Cục thống kê tỉnh Phú Thọ, *Niên giám thống kê các năm từ 2010 đến 2017*
13. Phạm Sỹ Cường (2000), *Đánh giá hiệu quả kinh tế cây cam ở huyện Nghĩa Đàn, tỉnh Nghệ An*, Đại học Nông nghiệp I, Hà Nội
14. Phạm Thị Mỹ Dung (1996), *Phân tích kinh tế nông nghiệp*, Nxb Nông nghiệp, Hà Nội.
15. Bùi Thị Thùy Dung (2009), *Bài giảng kinh tế sử dụng đất*, Nxb Nông nghiệp, Hà Nội.

16. Phạm Văn Dư (2009), “*Một số giải pháp nâng cao hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp vùng Đồng bằng sông Hồng*”, Tạp chí Cộng sản, số tháng 5 năm 2009.
17. Trần Đình Đăng, Quyền Đình Hà, Vũ Thị Bình (1990), “*Kết quả bước đầu đánh giá đất canh tác ở huyện Tiên Hải, tỉnh Thái Bình*”, Tạp chí Nông nghiệp và Công nghiệp thực phẩm, số 4 năm 1990, trang 203-207.
18. Phạm Văn Đình, Quyền Đình Hà (1994), “*Kết quả bước đầu về việc đánh giá kinh tế đất ở một số địa phương*”, Tạp chí Hoạt động khoa học, tháng 5 năm 1994.
19. Đinh Duy Khánh, Đoàn Công Quý (2006), “*Đánh giá hiệu quả kinh tế sử dụng đất canh tác huyện Gia Viễn tỉnh Ninh Bình*”, Tạp chí Khoa học phát triển, Đại học Nông nghiệp Hà Nội, số 5-6 năm 2006.
20. Lê Văn Khoa (2009), *Giáo trình tài nguyên đất môi trường*, Nxb Nông nghiệp, Hà Nội.
21. Quyền Đình Hà, Vũ Thị Bình (1991), “*Cơ sở khoa học đánh giá kinh tế đất*”, Tạp chí Quản lý ruộng đất, số tháng 1/1991.
22. Nguyễn Thanh Hải (2014), *Phát triển nông nghiệp các tỉnh trung du miền núi phía Bắc Việt Nam theo hướng bền vững*, Luận án tiến sĩ.
23. Nguyễn Huy Lương (2018), *Thực trạng và giải pháp nâng cao trình độ công nghiệp hóa, hiện đại hóa trên địa bàn tỉnh Phú Thọ đến năm 2030*, Luận án tiến sĩ.
24. Nguyễn Việt Khoa, Võ Đại Hải, Nguyễn Đức Thanh (2008), *Kỹ thuật canh tác trên đất dốc*, Nxb Nông nghiệp, Hà Nội.
25. Nguyễn Thị Minh Hiền, Ngô Thị Thuận (1996), *Đánh giá hệ thống sử dụng đất canh tác ở Hợp tác xã Phú Diễn, Từ Liêm Hà Nội*, Đại học nông nghiệp, Hà Nội, Kỹ yếu công trình khoa học.
26. Phạm Văn Hùng, Trần Đình Thao (1998), *Kinh tế lượng*, Nxb Nông nghiệp, Hà Nội.
27. Phạm Văn Hùng (2005), *Manh mún đất đai và hiệu quả theo quy mô các nông hộ tại Việt nam*, Luận án tiến sĩ.

28. Nguyễn Văn Nam, & Trần Thọ Đạt (2006), *Tốc độ và chất lượng tăng trưởng kinh tế ở Việt Nam*, Nxb Đại học Kinh tế quốc dân, Hà Nội.
29. Lưu Văn Năng (2015), *Nghiên cứu ảnh hưởng của sử dụng đất sản xuất nông nghiệp đến phát triển Đắk Nông*, Luận án tiến sĩ.
30. Ngân hàng thế giới (2012), *Tăng trưởng xanh cho mọi người, con đường hướng tới phát triển bền vững*, Nxb Hồng Đức.
31. Tần Viết Nguyên (2015), *Nâng cao hiệu quả đầu tư phát triển nông nghiệp tỉnh Thừa Thiên Huế*, Luận án tiến sĩ.
32. Đàm Văn Ninh (2011), *Đánh giá hiệu quả của một số hệ thống nông lâm kết hợp tại huyện Võ Nhai tỉnh Thái Nguyên*, Luận án tiến sĩ.
33. Hồ Khắc Minh (2014), *Nghiên cứu biện pháp kỹ thuật nhằm tăng năng suất và hiệu quả sản xuất lạc trên đất cát biển tỉnh Quảng Ninh*, Luận án tiến sĩ.
34. Quốc Hội (2005), *Luật bảo vệ môi trường*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
35. Quốc Hội (2013), *Luật đất đai, số 45/2013/QH13*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
36. Quốc Hội (2005), *Luật bảo vệ môi trường*,
37. Chu Hữu Quý, Cao Liêm, Quyền Đình Hà (1991), *Những kết quả bước đầu đánh giá kinh tế đất ở huyện Nam Ninh tỉnh Hà Nam Ninh*, Tuyển tập công trình nghiên cứu khoa học kỹ thuật nông nghiệp 1986-1991, Nxb Nông nghiệp, Hà Nội.
38. Đoàn Công Quý (2006), *Đánh giá hiệu quả sử dụng đất ở các xã vùng đồng bằng huyện Thạch Thất tỉnh Hà Tây*, số 25 (Vie)-ISSN 0868 -3743, trang 79-82 và 93.
39. Phạm Chí Thành (1996), *Hệ thống nông nghiệp*, NXB Nông nghiệp, Hà Nội
40. Bùi Tất Thắng (2010), *Phát triển nhanh và bền vững nền kinh tế Việt Nam (Thời kỳ 2011 - 2020)*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
41. Vũ Đình Thắng (2013), *Giáo trình kinh tế nông nghiệp*, Nxb Đại học Kinh tế quốc dân, Hà Nội.
42. Đỗ Văn Toàn, Nguyễn Ngọc Châu (2008), “Tình hình sử dụng đất nông nghiệp huyện A Lưới, tỉnh Thừa Thiên Huế giai đoạn 2005-2007”, *Tạp chí Khoa học Đại học Huế*, số 47 năm 2008.

43. Tổng cục thống kê (2018), *Niên giám thống kê các năm từ 2010 đến 2018*.
44. Trương Văn Tuấn (2007), “*Đánh giá hiệu quả kinh tế sử dụng đất tại huyện Ea Kar tỉnh Đắk Lắk*”, Tạp chí khoa học Đại học Đà Nẵng, số 19 năm 2007.
45. Đoàn Tranh (2012), *Phát triển nông nghiệp tỉnh Quảng Nam*, Luận án tiến sĩ.
46. Trung tâm thông tin tư liệu Khoa học và Công nghệ quốc gia (2002), *Sử dụng tài nguyên đất trên quan điểm môi trường, sinh thái và phát triển bền vững*, chuyên đề 106, Nxb Trung tâm thông tin tư liệu khoa học và công nghệ quốc gia.
47. Trường Đại học Hùng Vương- Trường đại học KTQD(2018), *Kỷ yếu khoa học “Phát triển kinh tế địa phương: cơ hội, thách thức và định hướng phát triển - TS Cao Ngọc Lân: Cơ hội, thách thức và gợi ý định hướng phát triển cho Phú Thọ*, trang 24-35
48. Đỗ Văn Viện (1998), “*Đánh giá hiệu quả kinh tế sử dụng đất canh tác ở vùng sinh thái phù sa ở ngoại thành Hà Nội*”, Tạp chí khoa học công nghệ và quản lý kinh tế, số tháng 12/1998.
49. Viện Chiến lược phát triển (2011), *Báo cáo về phát triển xanh và hàm ý chính sách đối với Việt Nam*, Hà Nội.
50. Viện Việt Nam học – Đại học quốc gia Hà Nội (2008), *Khoa học phát triển: Lý luận và thực tiễn ở Việt Nam*, Nxb Thế Giới, Hà Nội.
51. Viện Nghiên cứu phát triển kinh tế - xã hội Hà Nội (2014), *Báo cáo “Chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp ngoại thành theo hướng giá trị cao, bền vững và phát triển xanh”*, đề tài khoa học.
52. Đỗ Văn Viện (2005), “*Đánh giá hiệu quả kinh tế sử dụng đất canh tác của hộ nông dân ở huyện Từ Liêm Hà Nội theo các tiểu vùng sinh thái*”, Tạp chí Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, kỳ 2, tháng 1 năm 2005.
53. Đỗ Văn Viện, Vũ Thị Phương Thủy (2000), “*Nâng cao hiệu quả kinh tế sử dụng đất canh tác trong điều kiện đô thị hóa ở ngoại thành Hà Nội*”, Kỷ yếu hội thảo khoa học Thái Nguyên, Nxb Nông nghiệp, Hà Nội.
54. Đàm Văn Vinh (2011), *Đánh giá quả của một sơ hệ thống sản xuất nông lâm kết hợp tại huyện Võ Nhai tỉnh Thái Nguyên*, Luận án tiến sĩ.

55. Ngô Doãn Vịnh (2005), *Bàn về phát triển kinh tế (nghiên cứu con đường dẫn tới giàu sang)*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
56. Ngô Doãn Vịnh (2011), *Đầu tư phát triển*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
57. Ngô Doãn Vịnh (2013), *Giải thích thuật ngữ trong nghiên cứu phát triển*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
58. Ngô Doãn Vịnh (2009), *Nguồn lực và động cho việc phát triển kinh tế nhanh, bền vững ở Việt Nam đến 2020*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
59. Serey Mardy (2014), *Nghiên cứu phát triển nông nghiệp bền vững ở tỉnh Svay Riêng, Campuchia*, luận án tiến sĩ.
60. UBND tỉnh Hòa Bình (2012), *Quyết định số 1263/QĐ-UBND (ngày 13/9/2012) phê duyệt quy hoạch vùng và khu sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao đến năm 2020*.
61. UBND tỉnh Phú Thọ (2011), *Báo cáo quy hoạch phát triển tổng thể kinh tế – xã hội 2011-2020*.
62. UBND tỉnh Phú Thọ (2013), *Báo cáo tái cơ cấu sản xuất nông nghiệp tỉnh Phú Thọ đến 2020*.
63. UBND tỉnh Phú Thọ (2013), *Báo cáo tái cơ cấu kinh tế gắn với chuyển đổi mô hình tăng trưởng theo hướng nâng cao hiệu quả và bền vững*.
64. UBND tỉnh Phú Thọ (2011), *Báo cáo quy hoạch sử dụng đất tỉnh Phú Thọ đến 2020*.
65. UBND tỉnh Phú Thọ (2015), *Quyết định số 1941/QĐ-UBND ngày 19/8/2015 về việc phê duyệt dự án điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến 2020 và kế hoạch sử dụng đất 2016-2020*.
66. UBND tỉnh Phú Thọ (2015), *Báo cáo quy hoạch phát triển nông, lâm, thủy sản tỉnh Phú Thọ đến năm 2020, định hướng đến 2030*.
67. nongthonmoi.gov.vn/vn/tintuc
68. <http://www.phutho.gov.vn/web/guest/nongthonmoi>
69. <http://www.favri.org.vn/vi/tin-tuc/tin-tuc-cap-nhat/300-buoi-dien-tren-dat-doan-hung.htm>

70. <http://www.favri.org.vn/vi/tin-tuc/tin-tuc-cap-nhat> (phát triển nông nghiệp thông minh của FAO) và <https://vi.wikipedia.org/wiki> (về phân loại đất nông nghiệp)
71. <http://www.vaas.org.vn/phu-tho-nguoi-nong-dan-thoat-ngheo-nho-trong-chanh-buoi> và <http://vaas.org.vn/cong-nghe-tuoi-moi-cho-vung-cam-cao-phong>
72. <https://www.youtube.com/watch> (Trồng chuối trái vụ hiệu quả cao)
73. <http://tamnong.phutho.gov.vn> (*nuôi bò thịt chất lượng cao ở Tam Nông Phú Thọ*)
74. <http://vnreview.vn/trang-chan-nuoi-bo-sua-o-viet-nam> (mô hình chăn nuôi bò sữa ở Phú Thọ là một trong 7 tỉnh ở phía Bắc Việt Nam)
75. <http://www.thanhnien.com.vn/the-gioi/dau-co-dat-nong-nghiep-chau-phi>
76. <http://vn.sputniknews.com/vietnamese.ruvr.ru>
77. <http://www.omard.gov.vn/site/Don-Duong-phat-trien-nong-nghiep-cong-nghe-cao>
78. <http://qlkh.tnu.edu.vn/danh-gia-hieu-qua-kinh-te-cua-cac-ho-nong-dan-san-xuat-che>
79. <http://int.search.tb.ask.com/nong-nghiep-thai-lan>
80. Vietbao.vn/Malaysia-chu-trong-phat-trien-nong-nghiep
81. <http://int.search.tb.ask.com/search/Nông+nghiệp+nhật+bản>
82. <http://ashui.com/mag/tuongtac/nhin-ra-the-gioi/10349-phep-mau-ky-thuat-nong-nghiep-tai-israel>
83. www.gso.gov.vn/default.aspx?tabid=728
84. <http://vanban.chinhphu.vn/portal/page/chienluocphattrienbenvung>
85. http://vasep.com.vn/Thu-Vien-Van-Ban/71_33547/Quyết-dinh-so-899QD-TTg-Phe-duyet-De-an-tai-co-cau-nganh-Nong-nghiep
86. <http://thuvienphapluat.vn/van-ban/Linh-vuc-khac/Quyết-dinh-575-QD-TTg-2015>

TÀI LIỆU NƯỚC NGOÀI

87. Boris E. Bravo Ureta and Antnio E. Pinheiro (1993), *Efficiency Analysis of Developing Country Agricultural Land: A Review of Frontier Function Literature*. Volume 22, Number 1, April 1993, Pages 88-101.
88. Benin, Samuel Place, Frank Nkonya, Ephraim M.Pender, John L (2006), *Land Markets and Agricultural Land Use Efficiency and Sustainability: Evidence from*

East Africa.

89. Dent, David and Anthony Young (1981), *Soil survey and land evaluation*, George Allen & Unwin publishers Lt. London. U.K.
90. Lin Kuo Ching and Chiu Hao Ling (1998), *The Evaluation of Effectiveness of Implementation of Agricultural Land Conversion Scheme and an Analysis*.
91. Mellor J.W., (1995), *Agriculture on the Road to Industrialization*, John Hopkins University Press, Baltimore.
92. Wang X. and Glauben T. (2010); *The land rental market and its Effect on Agricultural Production in Rural China*. Aachen Publisher.
93. Qiangyi Yu, Huajun Tang, Youqi Chen, Wenbin Wu Peng Ang (2011), *Efficiency Analysis of Agricultural Land Use based on DEA Method: A Case Study among APEC Economies Related Policies*, National Science Council.
94. Tamous Russian Authors (2000), *Economic Efficiency of Agricultural Land Use*, Journal of Economic, Copyright by Economisc Journal, Inc. ISSN 1077-5315.
95. Roger D., Norton (2004), *Agricultural Development Policy: Concept and Experience*; John Wwily & Sons. Ltd.
96. Asian Development Bank (2004), *Agricultural commercialization Value Chains and Poverty Reduction*. www.markets4poor.org.
97. Dalal S.R, Karale G.D, Kalkame C.H (2009), *Effect of growth, yield and quality of Chrysanthemum under net house conditions*, Asian Journal of Horticulture, 4, PP.161-163.

PHỤ LỤC

Phụ lục 1: Một số chỉ tiêu kinh tế- xã hội cơ bản của Phú Thọ **2011-2018**

Chỉ tiêu	Đơn vị	2010	2015	2018
1. Dân số chung	1000 ng	1.322	1.369	1.404
Nhân khẩu đô thị	1000 ng	240	254	266
+ Dân số nông thôn	1000 ng	1.082	1.115	1.138
Nhân khẩu nông nghiệp	1000 ng	941	970	990
% so dân số chung	%	71,2	70,8	70,5
Tỷ suất nhập cư	%	2,4	6,7	7,1
Tỷ suất xuất cư	%	14,2	7,0	8,9
2. Nhân khẩu trong độ tuổi lao động có khả năng làm việc	1000 ng	822	845	860
Riêng khu vực nông nghiệp	1000 ng	584	592	606
% so dân số	%	62,2	61,7	61,3
2.1. Lao động làm việc trong các ngành kinh tế quốc dân	1000 ng	705	739	754
+ Lao động nông nghiệp	1000 ng	388	368	359
% so LDXH	%	55,0	49,8	47,6
* Lao động trồng trọt	1000 ng	339	301	260
% so tổng lao động NN	%	87,5	81,8	72,4
* Lao động chăn nuôi và thủy sản	1000 ng	49	67	99
% so tổng lao động NN	%	12,5	19,2	27,6
+ Lao động công nghiệp	1000 ng	134	157,5	171
% so tổng lao động xã hội	%	19,0	21,3	22,7
+ Lao động dịch vụ	1000 ng	183,7	213,5	224
% so tổng lao động xã hội	%	26,0	28,9	29,7
2.2. Số lao động nông nghiệp dư thừa	1000ng	196	224	247
Tỷ lệ so khả năng lao động nông nghiệp	%	18,9	16,9	16,8
2.3. Số lao động nông nghiệp thất nghiệp	1000 ng	37	38	42
% so tổng lao động có khả năng làm việc	%	6,3	6,4	6,9
3. GRDP (giá 2010)	Tỷ đ	20.910	31.958	40.890
Tốc độ tăng	%	5,42	5,35	8,3
+ GTGT nông nghiệp	Tỷ đ	5.060	6.639	7.701
% so tổng GRDP	%	22,9	21,6	21,4
* Trồng trọt	Tỷ đ	2577	2923	3186
% so tổng GTGT NN	%	50,9	45,7	42,6
* Chăn nuôi	Tỷ đ	2114	2846	3529
% so tổng GTGT NN	%	41,7	42,8	47,2
* Dịch vụ nông nghiệp	Tỷ đ	108	270	321
% so tổng GTGT NN	%	2,1	4,2	4,3

* Nuôi thủy sản	Tỷ đ	261,5	362,9	441
% so Tổng GTGT NN	%	5,3	5,5	5,9
4. GTSL nông sản hàng hóa	Tỷ đ	518	694	851
% so GTGT NN	%	10,8	11,5	12,1
+ Tỷ lệ nông sản hàng hóa*	%			
- Chè	%	96,1	94,8	92,1
- Ngũ cốc	%	7,3	8,2	10,2
- Trái cây tươi	%	14,9	18,2	21,5
- Thịt lợn lọc	%	8,1	9,8	11,2
- Trứng gia cầm	%	4,6	5,9	7,1
5. GTGT thông qua công nghiệp chế biến nông sản	Tỷ đ	115	157	192
% so GTGT NN	%	2,4	2,6	2,7
6. Năng suất sản phẩm trồng trọt				
NS/ha lúa	Tạ/ha	51,2	54,0	56,4
NS/ha ngô	Tạ/ha	43,7	46,0	48,6
NS/ha chè	Tạ/ha	8,1	10,3	11,8
7. Đất nông nghiệp	ha	88024	118398	118187
% so đất tự nhiên	%	24,9	33,5	33,4
+ Đất trồng trọt	ha	84.132	118013	86.255
- Đất cây hàng năm	ha	59.239	62977	62971
* Đất trồng lúa	ha	46.750	44.480	46690
* Đất trồng rau	ha	10.444	12.528	14.210
* Đậu các loại	ha	1335	1139	1.298
- Đất cây lâu năm	ha	24.893	55420	55216
* Riêng đất cây ăn quả	ha	8194	36.926	33.905
* Riêng cây công nghiệp lâu năm	ha	16.699	18.494	19.994
Riêng chè	ha	15.625	16.309	16.500
Riêng cây sơn	ha	694	1992	2.056
Sản lượng sơn	Tấn	266	592	611
+ Đất trồng cỏ	ha	11	22	28
+ Đất chăn nuôi tập trung	ha	6	10	37
+ Đất nuôi trồng thủy sản	ha	3.875	7.987	7.982
Đất một số cây ăn quả chính	ha			
- Bưởi	Ha	1.822	2.187	2.258
- Cam quýt	ha	716	614	616
- Nhãn, vải, hồng	ha	2.430	2.098	2.102
- Chuối	ha	2.546	3.195	3.322
- Dứa	ha	455	327	319
- Táo	ha	225	269	288
8. Tổng số xã	xã	277	277	277
Số xã đặc biệt khó khăn	Xã	71	66	63
9. Tỷ lệ người nghèo	%	33,1	29,9	7,8
10. Sản phẩm nông nghiệp				
Sản lượng ngũ cốc	Tấn	442.734	461.763	482.990

Lúa	Tấn	352.354	375.978	390.100
Ngô	Tấn	90.380	85.785	92.890
Chè búp tươi	1000Tấn	111,6	158,6	169,5
Thịt lợn lọc	Tấn	50.047	68.954	75849
Thịt gia cầm lọc	Tấn	13.436	19.054	21.531
Thịt bò lọc	Tấn	3604	2736	2970
+ Trứng	Tr. quả	113,8	158,2	169,1
+ Sữa bò	1000 lít	-	6,8	8,2
+ Mật ong	1000 lít	262	159	153
Rau	Tấn	140.165	178.680	191.750
Cá các loại	Tấn	17.341	25.349	27.800
11. Chăn nuôi	1000 con			
+ Đàn lợn	“	655	778	876
+ Đàn gia cầm	“	9.897	11.518	12.740
+ Đàn bò	“	122	98	121
+ Đàn Trâu	“	88	71	73
+ Đàn dê	“	7,7	9,1	10,8
10. Xuất khẩu toàn tỉnh	Tr. USD	340,7	712,7	1.009,5
Sản phẩm xuất khẩu chính:				
+ Chè búp khô	Tấn	14.760	13.380	15.420
<i>Giá trị xuất khẩu chè búp khô</i>	<i>Tr. USD</i>	<i>14,9</i>	<i>24,9</i>	<i>28,3</i>
<i>% so toàn tỉnh</i>	<i>%</i>	<i>4,4</i>	<i>3,5</i>	<i>2,8</i>
11. Tỷ lệ lao động qua đào tạo	%	15,2	23,0	29,6
Riêng lao động nông nghiệp	1000 ng	16,3	21,7	28,4
<i>% so tổng lao động nông nghiệp</i>		<i>4,2</i>	<i>5,9</i>	<i>7,9</i>
12. Bình quân đầu người/năm				
Lương thực/ng (ngũ cốc)	kg	334,8	337,3	344,1
Lương thực/NKNN	kg	470,5	476,0	487,8
Trứng gia cầm	quả	86	116	120
GTGT NN/NKNN (giá 2010)	Tr. đ	5,4	6,6	7,6
GTHHNS/NKNN (giá 2010)	Tr.đ	0,55	0,72	0,86
GTXK/NKNN	USD/ng	15,8	25,6	28,6
13. GTGT bình quân 1 ha trồng trọt	Tr. đ	26,1	25,7	26,3
+ Cây hàng năm	Tr. đ	23,1	24,3	21,5
+ Cây lâu năm	Tr. đ	32,4	33,8	34,0
* Cây ăn quả	Tr. đ	34,1	34,9	35,3
* Cây công nghiệp dài ngày	Tr. đ	34,2	35,5	37,1

Nguồn: Thông kê tỉnh

Ghi chú: * Tỷ lệ nông sản hàng hóa = sản lượng nông sản hàng hóa : tổng sản lượng sản phẩm nông sản

Phụ lục 2: Đầu tư phát triển nông nghiệp tỉnh Phú Thọ

Đơn vị: Tỷ đồng, giá 2010

Chỉ tiêu	2011-2015	2016-2018
Tổng vốn đầu tư xã hội	51.307	30.785
Tổng vốn đầu tư phát triển nông nghiệp	1.474	923
+ Đầu tư phát triển sản xuất	1143	659
* Riêng đầu tư ứng dụng khoa học công nghệ	17,7	16,6
+ Đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng nông nghiệp	331	264

Nguồn: Thống kê tỉnh

Phụ lục 3: Hiệu quả một số cây trồng, vật nuôi chính của Phú Thọ

Cây trồng	Tổng chi, Tr đ	Tổng thu, Tr đ	Lãi thuần. Tr đ	Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu, đ
Sắn	19,37	33,5	14,1	0,86
Lúa - lúa	53,1	57,8	4,68	0,09
Lúa - Ngô	44,87	56,54	11,67	0,26
Ngô	36,59	55,25	18,66	0,51
Ngô – Đậu tương	37,32	69,62	32,3	0,87
Rau bắp cải	131,0	200,0	69,0	0,53
Cà chua	192,5	254,0	61,5	0,32
Cải ngọt	28,9	38,0	9,1	0,31
Chè	34,59	53,12	18,53	0,54
Sơn	45,5	80,0	34,5	0,76
Bưởi Đoan Hùng	90,0	333,0	243,9	2,71
Cam quýt	29,0	60,0	31,0	1,07
Chuối	3,3	23,0	19,7	5,97
Lợn	43,8	47,7	3,9	1,09
Gà thịt	31,6	45,0	13,3	1,42
Bò thịt	105,2	133,65	28,47	1,27
Trâu thịt	96,7	142,5	45,7	1,47

Nguồn: Theo Đề án tái cơ cấu nông nghiệp đến năm 2020

Phụ lục 4: Khảo sát về hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao

Phụ lục 4.1. Công ty H2

1. Tên cơ sở: Công ty H2
2. Họ và tên chủ cơ sở: Đặng Vinh Quang , Số điện thoại: 0944134894
3. Địa chỉ: xã Đông Thành Huyện Thanh Ba
4. Năm bắt đầu thành lập 2016
5. Sản phẩm hàng hóa chính: Bưởi giống mới nhập khẩu Đài Loan
6. Thị trường tiêu thụ chính: Trong nước, xuất khẩu
7. Một số kiến nghị chính sách
 - Chính sách thuế vẫn cao đối với doanh nghiệp sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao.
 - Cần hỗ trợ của tỉnh về kinh phí theo Nghị định 57 của Chính phủ hỗ trợ các doanh nghiệp ứng dụng công nghệ cao.

8. Một số chỉ tiêu chủ yếu năm 2018

Doanh nghiệp đầu tư 50 tỷ cho diện tích 50ha đất đồi thuê trong 50 năm để trồng cây có múi (bưởi, cam giống nhập ngoại từ Đài Loan). Sản xuất ứng dụng công nghệ 4.0 bao gồm: trạm khí tượng tại vị trí trung tâm để đo nhiệt độ, độ ẩm, gió cùng với hệ thống cảm biến đất để tưới nước và dinh dưỡng thông qua hệ thống ống dẫn ngầm tới từng vị trí cây bưởi.

Diện tích đất này trước kia trồng cây keo, bạch đàn với doanh thu khoảng 10 triệu/ha/năm, cây keo sau khi trồng 7 năm mới có thể thu hoạch.

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Giá trị TB	Ghi chú
1	Quy mô	Ha	50	
2	Tổng doanh thu	Triệu đồng	500/ha	
3	Tổng chi phí	Triệu đồng	150/ha	
4	Tổng lợi nhuận	Triệu đồng	200/ha	
5	Tổng số lao động	Người	30	
6	Tổng vốn đầu tư/năm	Triệu đồng	15.000	
7	Thuế đất nông nghiệp/năm	Triệu đồng	100/năm	

Nguồn: Tác giả

Phụ lục 4.2. HTX rau củ quả Mạnh Liên

- Địa chỉ: Xã Hưng Nội, Tam Nông, Phú Thọ
- Chủ nhiệm HTX ông Mạnh, trước đây đi bộ đội, đã xuất ngũ;
- Nông sản hàng hóa: Dưa lưới; măng tây; ổi
- Quy mô diện tích: 3 ha
- Tổng số lao động: 8 người
- Tổng đầu tư ban đầu: 4 tỷ đồng
- ĐT 700.000đ/m² nhà lưới tự động
- ĐT 300.000đ/m² nhà bán tự động
- Doanh Thu: 40 triệu đồng/1 sào= 1.080trđ/ha
- Chi phí: 20 triệu đồng /1 sào= 540trđ/ha
- Khấu hao 10 triệu đồng /sào=270trđ/ha
- Lợi nhuận 10 triệu đồng /sào=270trđ/ha/năm.
- Măng tây: 4 tháng cho sản phẩm.
- 80kg/ngày, giá bán măng cao cấp 70.000đ/kg, thấp 50.000đ/kg;
- Nếu không ứng dụng công nghệ cao thì doanh thu chỉ được 15 trđ/sào=405 triệu/ha
- Quy trình ản xuất: sau 2 năm mày mò, tự tìm ra; nếu sau 2 năm không lỗ, thì tồn tại được
- Nhập giống, phân bón

Phụ lục 5: Khảo sát về hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp theo độ dốc*Phụ lục 5.1. Khảo sát HTX chăn nuôi gà An Phú*

Địa chỉ: Xã Địch Quả - Thanh Sơn – Phú Thọ

Giám đốc HTX: Phạm Quốc Tuấn (0985 715 669)

Email: pqt30071980@gmail.com

Thông tin chung về HTX: 24 hộ thành viên, trong đó có một số người tham gia công tác tại địa phương; Số người có trình độ, cần được đào tạo tối thiểu 4 (15% tổng số) người, còn lại là lao động phổ thông.

Quy mô hiện tại: 150.000 con gà (tổng số 49 chuồng nuôi), quy mô lao động 5.000 con/1 lao động;

HTX đạt chứng nhận tiêu chuẩn VietGAP, có xe ô tô và một gian hàng tại chợ đầu mối Gia Cẩm

Đầu tư:

Vốn lưu động, 5,7 tỷ đồng; chia ra:

- Cám: 3 tỷ đồng
- Giống: 1,5 tỷ đồng
- Vacxin: 1,2 tỷ đồng

TSCĐ: 49 chuồng * 40 triệu đồng/chuồng

Thu nhập: Giá gà hiện tại 72.000đ/kg, và tổng các loại chi phí bình quân (bao gồm khấu hao) là 60.000đ/kg, mỗi con gà trọng lượng 1,7kg (cả lông) thì mức lãi suất/con gà đạt 10 – 12.000đ/kg.

Khó khăn: Thiếu vốn, chưa có sự liên kết với các kênh siêu thị do cơ chế nhập hàng của các đơn vị này (sau khoảng 1 tháng mới thanh toán) nên nếu đưa 1,7 tấn gà (cả lông) vào 1 kênh siêu thị thì vốn ứ đọng 100 triệu đồng; 10 kênh sẽ cần khoảng 1 tỷ đồng ban đầu.

Vốn đầu tư ban đầu khi mới thành lập của HTX: 2-3 tỷ đồng.

Năng lực tham gia chuỗi thấp

Đề xuất: Hỗ trợ các HTX kết nối với siêu thị, có cơ chế hỗ trợ vốn ban đầu trong quá trình liên kết. Nguồn quỹ từ quỹ hỗ trợ phát triển nông nghiệp CNC.

Phụ lục 5.2. Khảo sát hộ trồng chè

Tên cơ sở: Nguyễn Mạnh Tuấn

9. Họ và tên chủ cơ sở: Nguyễn Mạnh Tuấn , Số điện thoại: 0944020236

10. Địa chỉ: xã Địch Quả, Huyện Thanh Sơn

11. Năm bắt đầu thành lập 1989

12. Sản phẩm hàng hóa chính: Chè xanh nguyên liệu

13. Thị trường tiêu thụ chính: Trong huyện, xuất khẩu.

14. Một số kiến nghị chính sách:

- Cần hỗ trợ tập huấn kỹ thuật trong trồng, chăm sóc, chế biến chè
- Cung cấp giống cây chè mới có giá trị sản lượng, chất lượng cao
- Hỗ trợ giới thiệu thị trường đầu ra cho sản phẩm.

15. Một số chỉ tiêu chủ yếu năm 2018

Trồng giống chè xanh đã 30 năm tuổi theo phương thức truyền thống, trồng trên đất đồi dốc, chưa được áp dụng công nghệ tiên tiến.

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Giá trị TB	Ghi chú
1	Quy mô	Ha	2,0	Giống cũ
2	Tổng doanh thu	Triệu đồng	240	
3	Tổng chi phí	Triệu đồng	120	
4	Tổng lợi nhuận	Triệu đồng	120	60 triệu/ha
5	Tổng số lao động	Người	8	Theo thời vụ
6	Tổng vốn đầu tư/năm	Triệu đồng	40	Phân bón, thuốc BVTV
7	Thuế đất nông nghiệp/năm	Triệu đồng		

Nguồn: Tác giả

Phụ lục 6: Dự báo một số chỉ tiêu về phát triển nông nghiệp tỉnh Phú Thọ đến năm 2030

Chỉ tiêu	Đơn vị	2018	2025	2030
1. Dân số chung	1000 ng	1.404	1.474	1.527
Nhân khẩu đô thị	1000 ng	266	368	610
+ Dân số nông thôn	1000 ng	1.138	1.106	917
Nhân khẩu nông nghiệp	1000 ng	990	940	734
2. Lao động xã hội	1000 ng	754	785	882
+ lao động nông nghiệp	1000 ng	359	342	330
<i>% so LDXH</i>	%	47,6	43,5	37,5
* Lao động trồng trọt	1000 ng	260	210	165
* Lao động chăn nuôi	1000 ng	94	126	158
+ Lao động công nghiệp	1000 ng	171	219	265
<i>% so tổng lao động xã hội</i>	%	22,7	28	30
+ Lao động dịch vụ	1000 ng	224	244	309
<i>% so tổng lao động xã hội</i>	%	29,7	31	32
Số lao động nông nghiệp dư thừa	1000ng	247	85	42
3. GRDP toàn tỉnh (giá 2010)	Tỷ đ	34.902	57.588	84.654
+ GTGT nông nghiệp	Tỷ đ	7.477	10845	15237
<i>% so tổng GRDP</i>	%	21,4	18,4	16,0
* Trồng trọt	Tỷ đ	3.186	4.242	5.790
* Chăn nuôi	Tỷ đ	3.529	5.420	7.695
* Dịch vụ nông nghiệp	Tỷ đ	321	552	805
* Nuôi thủy sản	Tỷ đ	441	631	947
4. GTHH nông sản	Tỷ đ	851	2.170	3690
<i>% so GTGT NN</i>	%	12,1	20	25
+ Tỷ lệ nông sản hàng hóa*	%			
- Chè	%	92,1	93	95
- Ngũ cốc	%	10,2	14	16
- Trái cây tươi	%	21,5	25	30
- Thịt lợn lọc	%	11,2	15	18
- Trứng gia cầm	%	7,1	10	15
5 GTGT thông qua công nghiệp chế biến nông sản	Tỷ đ	192	325	1153
6. Năng suất sản phẩm trồng trọt chính				
<i>NS/ha lúa</i>	<i>Tạ/ha</i>	56,4	70	100
<i>NS/ha ngô</i>	<i>Tạ/ha</i>	48,6	65	95
<i>NS/ha chè</i>	<i>Tạ/ha</i>	11,8	14	18

7. Đất nông nghiệp	ha	118.187	115.350	114.450
<i>% so đất tự nhiên</i>	<i>%</i>	<i>33,4</i>	<i>32,6</i>	<i>32.4</i>
<i>- Đất cây hàng năm</i>	<i>ha</i>	<i>62.971</i>	<i>47.675</i>	<i>40.580</i>
* Đất trồng lúa	ha	46.690	30.075	20.930
* Đất trồng rau	ha	14.210	16.500	18.500
* Đậu các loại	ha	1.298	1.100	1.150
<i>- Đất cây lâu năm</i>	<i>ha</i>	<i>55.216</i>	<i>69.710</i>	<i>75.650</i>
* Riêng đất cây ăn quả	ha	33.905	45.650	50.275
* Riêng cây công nghiệp lâu năm	ha	19.994	22156	25898
Riêng chè	ha	16.500	16.500	19.400
Riêng cây sơn	ha	2056	2.100	2500
Sản lượng sơn	Tấn	611	625	750
+ <i>Đất trồng cỏ</i>	<i>ha</i>	<i>28</i>	<i>350</i>	<i>700</i>
+ <i>Đất chăn nuôi tập trung</i>	<i>ha</i>	<i>37</i>	<i>50</i>	<i>65</i>
+ <i>Đất nuôi trồng thủy sản</i>	<i>ha</i>	<i>5.255</i>	<i>5250</i>	<i>5250</i>
Đất cây ăn quả	ha	33.905	45.650	50.275
- Bưởi	Ha	5.492	12.091	14.380
- Cam quýt	ha	1.491	2.055	2.262
- Nhãn, vải, hồng	ha	1.401	2.055	2.262
- Chuối	ha	8.103	9.585	9.747
- Dứa	ha	779	913	915
8. Tổng số xã (không kể phường)	xã	218	218	218
Riêng xã đặc biệt khó khăn	Xã	63	30	0
9. Tỷ lệ người nghèo	%	7,9	9,5	1,5-2,0
10. Sản phẩm nông nghiệp				
Sản lượng ngũ cốc	Tấn	446.344	485.000	490.500
Thóc	Tấn	365818	375.000	380.000
Ngô	Tấn	80526	110.000	130.000
Chè búp tươi	1000Tấn	169,5	180	220
Thịt lợn lọc	Tấn	75849	118.000	145.000
Thịt gia cầm lọc	Tấn	21.531	34.800	45.000
Thịt bò lọc	Tấn	2970	3.550	7.000
+ Trứng	Tr. quả	169,1	310	500
+ Sữa bò	1000 lít	8,2	15	35
+ Mật ong	1000 lít	153	160	200
Rau	Tấn	191.750	240.700	310.900
Cá các loại	Tấn	27800	36.500	40.100
11. Chăn nuôi	1000 con			
+ Đàn lợn	“	876	890	950

+ Đàn gia cầm	“	12.740	13800	14500
+ Đàn bò	“	121	130	155
+ Đàn Trâu	“	73	75	80
+ Đàn dê	“	10,8	14	16
10. Xuất khẩu toàn tỉnh	Tr. USD	999,5	2085	3.250
Sản phẩm xuất khẩu chính:				
+ Chè búp khô	Tấn	15.420	16.425	20.100
Giá trị nông sản xuất khẩu	Tr. USD	28,3	70	150
% so toàn tỉnh	%	2,8	3,5	4,5
11. Lao động qua đào tạo	1000 ng	214	275	485
Tỷ lệ lao động qua đào tạo	%	29,6	35,0	55,0
Riêng lao động nông nghiệp	1000 ng	28,4	51	117
12. Bình quân đầu người/năm				
Lương thực/NKNN	kg	487,8	516,0	668
Trứng gia cầm/NKNN	quả	120	330	680
GTGT NN/NKNN (giá 2010)	Tr. đ	7,6	11,5	20,0
GTHH/NKNN (giá 2010)	Tr.đ	0,86	2,3	5,0
GTXK nông sản/NKNN	USD/ng	28,6	74,5	204
13. GTGT bình quân 1 ha trồng trọt	Tr. đ	27,2	49,3	67,3
+ Cây hàng năm	Tr. đ	21,5	41,1	57,2
+ Cây lâu năm	Tr. đ	34,0	77,1	107,5
* Cây ăn quả	Tr. đ	35,3	78,3	111,0
* Cây công nghiệp dài ngày	Tr. đ	37,1	76,3	103,6

Nguồn: Tác giả xử lý theo số liệu 2018 tính theo Thống kê tỉnh

Phụ lục 7: Diện tích đất đồi núi các vùng ở Việt Nam phân theo độ dốc, 2017

	Dưới 3%	Từ 3-15%	15-25%	Trên 25%
TDMNBB	5,4	7,0	18,9	68,7
ĐBSH	40,0	24,1	9,9	26,0
Bắc trung bộ	2,7	13,2	19,1	64,9
Duyên hải miền Trung	4,4	14,6	11,9	69,1
Tây Nguyên	5,8	35,3	16,2	42,7
Đông Nam bộ	40,3	32,9	16,5	10,3
ĐBSCL	68,2	-	-	31,8

Nguồn: Viện quy hoạch và thiết kế nông nghiệp, Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn

Phụ lục 8: Một số vùng sản xuất tập trung của tỉnh Phú Thọ

Huyện, thị	Lúa chất lượng cao	Rau chất lượng cao	Chè	Bưởi Đoan Hùng và Diễn
Tp Việt Trì	1000 ha	130 ha; ở các xã Tân Đức, Kim Đức, Minh Nông, Bạch Hạc, Sông Lô		
Tx Phú Thọ	800 ha, ở các xã Hà Thạch, Văn Lung, Hà lộc, Thanh Minh, Phú Hộ	155 ha, ở Trường Thịnh, Văn Lung		
Đoan Hùng	3000 ha	300 ha, ở TT Đoan Hùng, Chi Đán, Sóc Đăng	3000 ha, ở Minh Tiến, Tây Cốc, Ca Đình, Bằng Doãn, phúc Lai, Minh Lượm, Yên Kiện, Quế Lâm	2400 ha, ở Vụ Quang, Minh Phú, Chân Mộng, Hùng Long, Vân Đôn, Đạ Nghĩa, Minh Tiến, Yên Kiện, Tiêu Sơn, Phú Thứ
Hạ Hòa	3500 ha, ở Hiền Lương, Động Lâm, Lâm lợi, Xuân Áng, Chuế Lưu, Bằng Giã, Văn Lng, Vụ Cản, Vĩnh Chân, Mai Tùng, Minh Hạc	700 ha, ở Vân Lang, Minh Hạc, Liên Phương, Vĩnh Chân, Vụ Cầu, Mai Tùng, Hiền Lương	1800 ha ở Phụ Khánh, Gia Điền, Phương Viên, Cáo Điền, Yên Kỳ, Âm Hạ, Hương xạ	
Thanh Ba	3200 ha ở Lương Lỗ, Chí Tiến, Đồng Thành, Đỗ Sơn, Đỗ Xuyên, Thanh Hà, Sơn Cương, Khai Xuân, Thanh Van, Võ Lao, Hoàng Cương, Mạn Nạn, Yên Khê	750 ha ở Đỗ Xuyên, Hoàng Cương, Lương Lỗ, Đỗ Sơn, Chí Kiên, Thanh Hà, Mạn Nạn, Võ Lao, Hải Xuân	2000 ha, ở Đông Lĩnh, Vân Lĩnh, Thái Ninh, Đại An, Đồng Xuân, Thanh Vân, Khai Xuân	550 ha, ở Vân Lĩnh, Đồng Xuân, Thanh Vân, , Năng Yên Tiến, Đông Lĩnh, Đại An, Quảng Nạp, Thái Ninh, Đông Thành
Phù Ninh	3200 ha	355 ha, ở Phù Ninh, An Đạo,, Bình Bộ, Vĩnh Phú, Tiên Du	1000 ha ở Tiên Phú, Trung Giáp	300 ha ở Phú Lộc, Bảo Thanh, Tiên Du, Phú Nham, Phù Ninh, An

Huyện, thị	Lúa chất lượng cao	Rau chất lượng cao	Chè	Bưởi Đoan Hùng và Diễn
				Đạo, Từ Đà, Bình Bộ, TT Phong Châu
Yên Lập	2500 ha ở Lương Mỹ, Lương Sơn, Xuân Thủy, Xuân Viên, Phúc Khánh, Ngọc Lập. Mỹ Lung, Thượng Long, Đồng Thịnh	450 ha ở TT Yên Lập, Đồng Thịnh, Xuân Thủy	1900 ha ở Hưng Long, Lương Sơn, Xuân Thủy, Ngọc Lập, Ngọc Đồng, Minh Hòa, Đồng Thịnh, Phúc Khánh	330 ha ở Xuân Thủy, Đồng Thịnh, Phúc Khánh, Hưng Long, Thượng Long
Cẩm Khê	3100 ha ở Phương Xá, Phùng Xá, Tĩnh Cương, Hiền Đa, Cát trù, Văn Khúc, Đồng Cam, Phượng Vĩ, Đồng Lương	620 ha ở Tuy Lộc, Sai Nga, Cát Trù, Yên Tập, Tạ Xá, Hương Lung	800 ha ở Đồng Lương	
Tam Nông	1200 ha ở Thượng Nông, Hương Nộn, Tứ Mỹ, Đậu Dương, Quang Húc, Hiền Quang, Hồng Đà	220 ha ở Hương Nộn, Đậu Dương, Hiền Quan, Vực Trường, Thượng Nông		200 ha ở Đậu Dương, Phượng Nông, Hương Nộn, Cổ Tiết, Quang Húc, Tứ Mỹ, Thọ Văn
Lâm Thao	30000 ha ở Cao Xá, Tứ Xã, Bản Nguyên, Vĩnh Lại, Kinh Kệ, Sơn Dương, Hợp Hải	640 ha ở TT Lâm Thao, TT Hùng Sơn, Tứ Xã, Cao Xá, Bản Nguyên, Sơn Dương, Xuân Huy, Xuân Lũng, Kinh Kệ, Sơn Vi		
Thanh Sơn	2700 ha ở Võ Miếu, Thục Luyện, Cự Thắng, Lương Nha	365 ha ở TT Thanh Sơn, Địch Quả	2300 ha ở Yên Sơn, Địch Quả, Văn Miếu, Võ Miếu, Cự Thắng, TT Thanh Sơn, Sơn Hùng	520 ha ở Hương Cản, Tân Lập, Tân Minh, Cự Thắng, Tất Thắng, Võ Miếu, Yên Lãng, Thắng Sơn
Thanh Thủy	1100 ha ở Tu Vũ,	285 ha ở Trung		350 ha ở Sơn

Huyện, thị	Lúa chất lượng cao	Rau chất lượng cao	Chè	Bưởi Đoan Hùng và Diễn
	Yên Mao, Xuân Lộc, Đào Xá, Bảo Yên, Đoan Hạ, Hoàng Xá, Trung Nghĩa, Đồng Luận, TT Thanh thủy	Nghĩa, Đồng Luận, Xuân Lộc, Tu Vũ, Bảo Yên, Đoan Hạ		Thủy, Hoàng Xá, Trung Thịnh, Trung Nghĩa, Phượng Mao, TT Thanh Thủy, Tu Vũ, Yên Mao, Tân Phương, Thạch Đồng, Đào Xá
Tân Sơn	1400 ha	240 ha ở Văn Luông, Tân Phú, Thu Ngạc, Minh Đài	3100 ha ở Xuân Sơn, Xuân Đài, Minh Đài, Kim Thượng, Mỹ Thuận, Thu Cúc, Long Cốc, Văn Luông	
Tổng số	28500 ha	5210 ha	16500 ha	5000 ha

Nguồn: Đề án tái cơ cấu nông nghiệp tỉnh Phú Thọ đến năm 2020

Phụ lục 9: Danh mục mô hình đầu tư sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao tại tỉnh Phú Thọ

STT	Tên dự án	Lĩnh vực, công nghệ ứng dụng, sản phẩm	Kinh phí đầu tư (Tỷ đồng)
1	Xây dựng cơ sở sản xuất chế biến nấm chất lượng cao Việt Hàn	Sản xuất, chế biến nấm xuất khẩu; dây chuyền tự động từ sản xuất, chế biến, đóng gói.	5
2	Xây dựng khu nông nghiệp công nghệ cao H2	Sản xuất cây ăn quả, (bưởi, cam quýt); ứng dụng hệ thống tưới bán tự động	160
3	Nuôi cá lồng trên sông Lô	Thủy sản, được cấp giấy chứng nhận VietGAP	20
4	Nuôi cá lồng trên sông Đà	Thủy sản, được cấp giấy chứng nhận VietGAP	4.88

STT	Tên dự án	Lĩnh vực, công nghệ ứng dụng, sản phẩm	Kinh phí đầu tư (Tỷ đồng)
5	Dự án Trang trại chăn nuôi tập trung công nghiệp và nuôi cá nước ngọt xã Cao Xá, huyện Lâm Thao	Chăn nuôi lợn kết hợp với nuôi trồng thủy sản. Sử dụng công nghệ bán tự động trong chăn nuôi.	38.58
6	Dự án Đầu tư khu chăn nuôi gia súc, gia cầm kết hợp với trồng rừng	Chăn nuôi lợn thịt thương phẩm, dê, gà. Sử dụng công nghệ bán tự động trong chăn nuôi.	9.8
7	Nhà máy sản xuất trứng gà sạch tại xã Tề Lễ, huyện Tam Nông.	Chăn nuôi gà đẻ trứng; Sử dụng công nghệ tự động.	784.5
8	Dự án chăn nuôi gà giống và đẻ trứng thương phẩm sản xuất trứng gà sạch.	Chăn nuôi gà đẻ trứng. Sử dụng công nghệ tự động.	461
9	Dự án trồng cây dược liệu kết hợp chăn nuôi	Chăn nuôi dê thịt, lợn giống thương phẩm tổng hợp. Sử dụng công nghệ bán tự động trong chăn nuôi.	14
10	Đầu tư xây dựng trang trại chăn nuôi kết hợp với trồng cây ăn quả.	Chăn nuôi lợn. Sử dụng công nghệ bán tự động	9
11	Dự án Trang trại trồng trọt, chăn nuôi tổng hợp .	Chăn nuôi lợn.. Sử dụng công nghệ bán tự động.	100
12	Dự án chăn nuôi công nghệ cao kết hợp trồng cây ăn quả	Chăn nuôi thỏ, nhím, lợn; trồng CAQ (cam, bưởi). Sử dụng công nghệ bán tự động trong chăn nuôi	57
13	Dự án đầu tư nhà máy chè Ngọc Lập I & II	Chế biến chè, dây truyền tự động	33.8
14	HTX rau củ quả Mạnh Liên	Sản xuất dưa lưới; măng tây; ổi	4,0

Nguồn: Tổng hợp các số liệu báo cáo của tỉnh Phú Thọ năm 2018.

Phụ lục 10: Một số chỉ tiêu về sản xuất nông nghiệp của cả nước

Chỉ tiêu	Đơn vị	2010	2015	2018
Dân số	1000 ng	86.947	91.636	94.666
Dân số nông nghiệp	1000 ng	48.344	49.117	49.553
% so tổng số	%	55,6	53,6	51,4
Dân số thành thị	1000 ng	26.516	31.236	33.830
% so tổng số	%	30,5	34,1	35,
Lực lượng lao động xã hội	1000 ng	50.392	54.374	58.692
Lao động xã hội	1000 ng	49.049	53.378	55.249
Lao động nông nghiệp (không kể lâm nghiệp)	1000 ng	24.279	24.725	20.465
% so tổng số	%	49,5	46,3	37,7
Đất nông nghiệp (2017)	1000 ha	10.151	10.232	11.397
GDP, giá 2010	Tỷ đ	2.157.828	2.871.095	3.493.339
GDP nông nghiệp (không kể lâm nghiệp)	Tỷ đ	356.910	412.753	500.567
% so tổng GDP	%	16,5	14,4	14,3
Năng suất lao động nông nghiệp	Tr.đ	14,7	16,7	24,5
Năng suất 1 ha đất nông nghiệp	Tr.đ	35,2	48,3	46,9
GDPNN/NKNN	Tr.đ	7,4	8,4	10,1

Nguồn: Niên giám thống kê cả nước các năm 2010, 2015 và 2017

Phụ lục 11: Căn cứ pháp lý liên quan cho việc nghiên cứu đề tài

Trong trong Báo cáo “Chiến lược phát triển bền vững” của Chính phủ Việt Nam tại Quyết định số 432/QĐ-TTg, ngày 12/4/2012[84] đã chỉ ra rằng, đối với nước ta phải phát triển nông nghiệp có hiệu quả, bền vững trong mọi tình huống, trong cả khi khí hậu biến đổi khôn lường. Trong định hướng phát triển nông nghiệp hiệu quả, bền vững phải dựa trên công nghệ cao, sạch. Ngay từ năm 2013, Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam triển khai chủ trương “Tái cơ cấu nông nghiệp” theo hướng nâng cao chất lượng, hiệu quả và năng lực cạnh tranh của sản phẩm hàng hóa nông sản góp phần nâng cao hiệu quả nền kinh tế đến năm 2020(tại Quyết định số 899/QĐ-TTg ngày 10/6/2013) [85]. Trong đó, nhấn mạnh tái cơ cấu sử dụng đất nông nghiệp và đổi mới cơ cấu cây trồng là phương hướng quan trọng đối với phát triển nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản ở nước ta. Tháng 5 năm 2015 Thủ tướng Chính phủ Việt Nam chỉ đạo “Tái cơ cấu ngành nông nghiệp” với tinh thần cơ bản là phát triển cây trồng chủ lực; theo đó các địa phương chuyển đổi trên 260 ngàn ha gieo trồng lúa không có lợi

thế, hiệu quả thấp sang trồng những cây khác; tập trung chuyển đổi cơ cấu giống cây trồng chất lượng cao đối với lúa, ngô, rau xanh. Thủ tướng Chính phủ [86] đã ban hành Quyết định số 575/QĐ-TTg (ngày 04/5/2015) phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển khu nông nghiệp và vùng chuyên canh nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao đến năm 2020, định hướng đến năm 2030. Theo Quyết định này Việt Nam sẽ đẩy mạnh phát triển nền nông nghiệp theo hướng hiện đại, sản xuất hàng hóa lớn, có năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh cao. Như vậy có thể nói rằng, Chính phủ rất coi trọng hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp đi kèm hình thành các nông sản chủ lực. Tuy nhiên, trong các văn bản kể trên cũng chưa nói tới thế nào là hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp và chỉ tiêu nào phản ánh hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp trong điều kiện ở nước ta.

Theo phân ngành kinh tế quốc dân đã được Chính phủ phê duyệt (tại Quyết định số 27/2018/QĐ-TTg ngày 06/7/2018 do Thủ tướng Chính phủ ký ban hành) [83], thì nông nghiệp là ngành mang mã số 01 và gồm có: Trồng trọt (trồng các loại cây nông nghiệp); Chăn nuôi (nuôi các con vật, nuôi trồng thủy sản nước ngọt, nước lợ) và Dịch vụ nông nghiệp (các loại dịch vụ phục vụ sản xuất nông nghiệp). Còn ngành mang mã số 02 là lâm nghiệp và ngành mang mã số 03 là ngành khai thác, nuôi trồng thủy sản. Tác giả luận án thấy cách hiểu như thế là phù hợp.

Theo Luật đất đai số 45/2013/QH13 của Quốc Hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam [35] thì đất đai của Việt Nam được phân loại như sau:

1. Nhóm đất nông nghiệp bao gồm các loại đất:

- a) Đất trồng cây hàng năm gồm đất trồng lúa, đất đồng cỏ dùng vào chăn nuôi, đất trồng cây hàng năm khác;
- b) Đất trồng cây lâu năm;
- c) Đất rừng sản xuất (tác giả luận án cho rằng cần tách ra riêng ra cho ngành lâm nghiệp);
- d) Đất rừng phòng hộ (tác giả luận án cho rằng cần tách ra riêng ra cho ngành lâm nghiệp);
- đ) Đất rừng đặc dụng (tác giả luận án cho rằng cần tách ra riêng ra cho ngành lâm nghiệp);
- e) Đất nuôi trồng thủy sản;
- g) Đất làm muối;

h) Đất nông nghiệp khác theo quy định của Chính phủ.

2. Nhóm đất phi nông nghiệp, bao gồm các loại đất:

a) Đất ở (gồm đất ở tại nông thôn, đất ở tại đô thị);

b) Đất xây dựng trụ sở cơ quan, xây dựng công trình sự nghiệp;

c) Đất sử dụng vào mục đích quốc phòng, an ninh;

d) Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp (gồm đất xây dựng khu công nghiệp; đất làm mặt bằng xây dựng cơ sở sản xuất, kinh doanh; đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản; đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm);

đ) Đất sử dụng vào mục đích công cộng gồm đất giao thông, thủy lợi; đất xây dựng các công trình văn hoá, y tế, giáo dục và đào tạo, thể dục thể thao phục vụ lợi ích công cộng; đất có di tích lịch sử - văn hoá, danh lam thắng cảnh; đất xây dựng các công trình công cộng khác theo quy định của Chính phủ;

e) Đất do các cơ sở tôn giáo sử dụng;

g) Đất có công trình là đình, đền, miếu, am, từ đường, nhà thờ họ;

h) Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa;

i) Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối và mặt nước chuyên dùng;

k) Đất phi nông nghiệp khác theo quy định của Chính phủ.

3. Nhóm đất chưa sử dụng bao gồm các loại đất chưa xác định mục đích sử dụng.

Trong Luật Đất đai chưa chỉ rõ nhóm này gồm những loại đất nào nhưng theo Niên giám thống kê quốc gia về đất đai thì nhóm đất chưa sử dụng có:

a). Đất bằng chưa sử dụng;

b). Đất đồi núi chưa sử dụng

c). Núi đá không có rừng cây

Theo Niên giám thống kê quốc gia Việt Nam thì sản xuất nông nghiệp gồm ba lĩnh vực: Trồng trọt, chăn nuôi (cả nuôi trồng thủy sản) và dịch vụ nông nghiệp chứ không bao gồm lâm nghiệp. Lâm nghiệp có biểu bảng thống kê riêng. Ngành thống kê Việt Nam quan niệm đất nông nghiệp là diện tích đất sử dụng để phát triển sản xuất nông nghiệp. Điều này phản ánh rõ trong việc thống kê về hiện trạng sử dụng đất ở nước ta. Cụ thể là:

* Biểu số 4 trong Niên giám thống kê cả nước của Tổng cục thống kê về hiện trạng sử dụng đất có ghi:

Tổng diện tích tự nhiên

Trong đó chia ra:

- + Đất sản xuất nông nghiệp
- + Đất lâm nghiệp
- + Đất chuyên dùng
- + Đất ở

* Còn ở Biểu số 2 trong Niên giám thống kê cả nước của Tổng cục thống kê về hiện trạng sử dụng đất cũng có ghi rõ:

I. Đất sản xuất nông nghiệp

Trong đó chia ra:

- Đất trồng cây hàng năm
- Đất trồng cây năm
- Đất nông nghiệp khác

II. Đất lâm nghiệp

Trong đó chia ra:

- Đất rừng sản xuất
- Đất rừng đặc dụng
- Đất rừng phòng hộ

* Biểu số 9 trong Niên giám thống kê của Cục thống kê tỉnh Phú Thọ [8] về hiện trạng sử dụng đất cũng ghi rõ:

I. Đất nông nghiệp

Trong đó chia ra:

- Đất trồng cây hàng năm
- Đất trồng cây năm
- Đất nuôi trồng thủy sản
- Đất nông nghiệp khác

II. Đất lâm nghiệp

Trong đó chia ra:

- Đất rừng sản xuất
- Đất rừng đặc dụng
- Đất rừng phòng hộ